BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NGUYỄN THANH QUÝ

QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH - KINH TẾ CỦA CHÍNH PHỦ MỸ (2008-2014)

Chuyên ngành **: Lịch sử Thế giới**
Mã số **: 9.22.90.11**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học

1. PGS.TS Nguyễn Thị Hạnh **2. PGS.TS Nguyễn Mạnh Hà**

HÀ NỘI - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận văn này là kết quả nghiên cứu của cá nhân tôi. Các số liệu và tài liệu được trích dẫn trong luận văn là trung thực. Kết quả nghiên cứu này không trùng bất cứ công trình nào đã được công bố trước đó./.

Hà Nội, tháng 1 năm 2019

Tác giả

Nguyễn Thanh Quý

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin được gửi lời cảm ơn tới Ban Giám hiệu, Khoa Lịch sử, các thầy, cô giáo và cán bộ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận án.

Với sự trân trọng và lòng biết ơn sâu sắc, tôi xin cảm ơn **PGS.TS Nguyễn Thị Hạnh, PGS.TS Nguyễn Mạnh Hà**, là những người thầy đầy tâm huyết và tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thiện công trình luận án này.

Do điều kiện đầu tư và những hạn chế của bản thân, chắc chắn rằng luận án không tránh khỏi sơ xuất, thiếu sót. Rất mong sự đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo, bạn bè, đồng nghiệp.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng 1 năm 2019

Tác giả

Nguyễn Thanh Quý

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 3
3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu 5
4. Các nguồn tài liệu 5
5. Phương pháp nghiên cứu 6
6. Đóng góp của luận án 6
7. Bố cục của luận án 7
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU 8
1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài 8
1.1.1. Nhóm thứ nhất: Các công trình nghiên cứu về khủng hoảng tài chính - kinh tế 8
1.1.2. Nhóm thứ hai: các công trình nghiên cứu trực tiếp về giải pháp ứng phó với khủng hoảng tài chính - kinh tế 13
1.2. Nhận xét 20
1.3. Những vấn đề Luận án tập trung giải quyết 22
Chương 2: CƠ SỞ QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH - KINH TẾ CỦA CHÍNH PHỦ MỸ 23
2.1. Cơ sở lý thuyết 23
2.1.1. Lý thuyết về "khủng hoảng kinh tế" 23
2.1.2. Lý thuyết về " giải quyết khủng hoảng kinh tế" 24
2.2. Cơ sở thực tiễn 27
2.2.1. Vai trò của Chính phủ Mỹ đối với việc vận hành nền kinh tế 27
2.2.2. Những kinh nghiệm của Chính phủ Mỹ trong việc giải quyết Đại suy thoái (1929-1933) 30
2.2.3. Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) 36
Tiểu kết 49
Chương 3. TIẾN TRÌNH GIẢI QUYẾT KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH - KINH TẾ CỦA CHÍNH PHỦ MỸ (2008 - 2014) 52
3.1. Kiểm soát khủng hoảng tài chính - kinh tế của Chính phủ Mỹ (2008-2009) 52
3.1.1. Các biện pháp ứng phó ban đầu của Chính phủ Mỹ 52
3.1.2. Bước phân tích nguyên nhân khủng hoảng của Chính phủ Mỹ 55

3.1.3. Các chính sách và biện pháp của Chính phủ Mỹ 62
3.1.4. Kết quả của việc kiểm soát khủng hoảng.....83
3.2. Giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế của Chính phủ Mỹ (2009-2014).....88
3.2.1. Các chính sách và biện pháp của Chính phủ Mỹ.....88
3.2.2. Kết quả của việc giải quyết khủng hoảng và phục hồi kinh tế 105
Tiểu kết 114
Chương 4: NHẬN XÉT VỀ QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH - KINH TẾ CỦA CHÍNH PHỦ MỸ 120
4.1. Nội dung chính sách và các biện pháp triển khai các chính sách 120
4.1.1. Sự linh hoạt trong việc đề ra các mục tiêu khác nhau 120
4.1.2. Những đặc trưng cơ bản trong quá trình triển khai các chính sách và biện pháp 121
4.1.3. Sự vận dụng cơ sở lý thuyết về vai trò nhà nước trong quá trình giải quyết khủng hoảng 129
4.2. Hiệu quả của các chính sách và biện pháp.....130
4.2.1. Mức độ hiệu quả so với kế hoạch.....130
4.2.2. So sánh về mức độ hiệu quả giữa hai giai đoạn giải quyết khủng hoảng.....133
4.3. So sánh quá trình giải quyết cuộc Đại Suy thoái (1929-1933) và Khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009).....134
4.3.1. Những điểm tương đồng.....135
4.3.2. Những điểm khác biệt.....139
4.4. Tác động của quá trình giải quyết khủng hoảng 141
4.4.1. Tác động tới vai trò của chính phủ trong nền kinh tế.....141
4.4.2. Tác động tới nền kinh tế và xã hội Mỹ.....142
Tiểu kết 146
KẾT LUẬN.....146
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN 150
TÀI LIỆU THAM KHẢO 151
PHỤ LỤC

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Tên tiếng Anh	Tên tiếng Việt
AAA	Agricultural Adjustment Act	Luật điều chỉnh nông nghiệp
ACA	The Patient Protection and Affordable Act	Đạo luật Chăm sóc Sức khoẻ giá cả Phải chăng
AIG	American International Group	Tập đoàn bảo hiểm AIG
ARRA	The American Recovery and Reinvestment Act	Luật tái đầu tư và phục hồi nước Mỹ
CBO	Congressional Budget Office	Văn phòng ngân sách Quốc hội
CCC	The Civilian Convervation Corps	Đoàn bảo tồn dân sự
CEA	Council of Economic Advisers	Hội đồng cố vấn kinh tế
FCIC	The Financial Crisis Inquiry Commission	Uỷ ban điều tra về khủng hoảng tài chính
FDIC	Federal Deposit Insurance Corporation	Tập đoàn bảo hiểm tiền gửi Liên bang
FED	The Federal Reserve System	Cục Dự trữ Liên bang
FOMC	The Federal Open Market Committee	Uỷ ban Thị trường mở Liên bang
HAMP	Home Affordable Modification Program	Chương trình Nhà ở giá cả phải chăng
HUD	the Department of Housing and Urban Development	Bộ Phát triển nhà và đô thị
NIRA	National Industrial Recovery Act	Luật Phục hưng công nghiệp quốc gia
NLRA	National Labor Relations Act	Luật Quan hệ lao động quốc gia
NRA	National Recovery Administration	Cơ quan Phục hồi quốc gia
SEC	U.S. Securities and Exchange Commission	Uỷ ban Chứng khoán và hối phiếu
SFSF	the State Fiscal Stabilization Fund	Quỹ ổn định ngân sách Liên bang
TARP	the Troubled Asset Relief Program	Chương trình giải cứu tài sản xấu
QE	Quantitative Easing	Gói nới lỏng định lượng

DANH MỤC BẢNG – BIỂU ĐỒ

Bảng 3.1. Quá trình điều chỉnh lãi suất của FED năm 2008 72
Bảng 3.2. Quá trình triển khai các chương trình ARRA 93
Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ tăng trưởng GDP Mỹ (2006-2015) 105
Biểu đồ 3.2. Chỉ số S&P500 (2010-2014).....107
Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ nợ công so với GDP (2006-2015).....112

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nước Mỹ bước vào thế kỷ XXI vẫn với vị trí nền kinh tế số một thế giới. Tuy nhiên, để giữ được vị trí đó, nước Mỹ phải đối mặt với muôn vàn khó khăn và thách thức, như sự vươn lên mạnh mẽ của Trung Quốc, vấn đề an ninh năng lượng, sự trỗi dậy của chủ nghĩa khủng bố và nhất là các cuộc khủng hoảng kinh tế.

Nước Mỹ là cường quốc kinh tế đứng đầu thế giới, nhưng cũng là nơi khởi nguồn của hai cuộc khủng hoảng có quy mô lớn nhất trong lịch sử thế giới từ trước cho tới nay: Cuộc Đại suy thoái (1929-1933) và cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009). Cả hai cuộc khủng hoảng đều bắt nguồn từ lĩnh vực tài chính - ngân hàng, sau đó tác động đến tất cả các lĩnh vực khác của nền kinh tế, gây cho nước Mỹ những tổn thất nặng nề trên mọi phương diện. Đứng trước hai cuộc khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã đưa ra những chính sách và biện pháp ứng phó nhằm giải quyết khủng hoảng. Thực tế lịch sử nước Mỹ cho thấy, khủng hoảng và giải quyết khủng hoảng vừa là thách thức song lại vừa là cơ hội để Chính phủ Mỹ điều chỉnh các chính sách điều hành nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội và thích ứng với những biến đổi mới.

Mỹ luôn được coi là nước tư bản điển hình cả ở hệ thống chính trị lẫn cơ cấu và mô hình kinh tế, cũng như ảnh hưởng qua lại của hai yếu tố này với nhau. Nền kinh tế Mỹ từ đầu thế kỷ XX đến nay luôn vận hành trong sự xen kẽ giữa hai nguyên tắc *"bàn tay vô hình"* và *"có sự điều tiết nhà nước"*. Trong đó, "*chủ nghĩa tự do*" không chỉ là nền tảng tư tưởng trong xã hội mà còn là nguyên tắc trong vận hành nền kinh tế. Trong giai đoạn đầu của nước Mỹ, Chính phủ luôn hạn chế can thiệp và điều tiết nền kinh tế. Tuy nhiên, những tác động của cuộc Đại suy thoái đã buộc nước Mỹ phải tạm thời từ bỏ nguyên tắc này. Thông qua các chính sách giải quyết khủng hoảng nằm trong khuôn khổ Chính sách mới (New Deal) của Tổng thống F.D. Roosevelt đã thể hiện sự tăng cường vai trò của Chính phủ trong điều hành kinh tế. Sự thành công trong việc thoát khỏi khủng hoảng và phục hồi kinh tế đã khiến nước Mỹ tin rằng *"bàn tay chính phủ"* là giải pháp tốt nhất trong việc duy trì sự ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Quan điểm này tiếp tục được duy trì và đề cao trong suốt những năm 50, 60 của thế kỷ XX.

Đến những năm 70 - 80 của thế kỷ XX, nước Mỹ rơi vào cuộc suy thoái kinh tế do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng, đã khiến người Mỹ nghi ngờ về khả năng giải quyết các vấn đề về kinh tế và xã hội của Chính phủ. Trong hai nhiệm kỳ

cầm quyền (1981-1989), Tổng thống R.Reagan đã tiến hành hàng loạt các chính sách cải cách nhằm tăng cường vai trò của thị trường. Quan điểm này tiếp tục được duy trì trong nhiệm kỳ cầm quyền của: George H.W. Bush (1989-1993), Bill Clinton (1993-2001) và George W. Bush (2001-2009). Như vậy, mỗi khi nước Mỹ lâm vào khủng hoảng kinh tế, mặc dù chính sách và biện pháp ứng phó cụ thể có thể khác nhau, song Chính phủ luôn là lực lượng chủ đạo trong việc dẫn dắt nước Mỹ giải quyết khủng hoảng, phục hồi và phát triển kinh tế.

Năm 2008, nước Mỹ chính thức lâm vào cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế được coi là có quy mô lớn và gây hậu quả nghiêm trọng nhất từ sau Chiến tranh thế giới II. Ứng phó với cuộc khủng hoảng, đòi hỏi phải tiến hành trong quá trình lâu dài, Chính phủ Mỹ dưới thời Tổng thống George .W. Bush và Barack Obama đã đưa ra các chính sách, biện pháp về kinh tế, xã hội nhằm khắc phục những hậu quả khủng hoảng, phục hồi và tăng trưởng kinh tế. Quá trình giải quyết khủng hoảng kinh tế cũng dẫn đến sự điều chỉnh đáng kể về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế.

Quá trình giải quyết khủng hoảng tài - chính kinh tế (2008-2009) của Chính phủ Mỹ luôn là vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều học giả quốc tế và Việt Nam. Mặc dù trên thực tế, quá trình giải quyết khủng hoảng kéo dài từ năm 2008 đến 2014, đồng thời Chính phủ Mỹ đã sử dụng đa dạng các chính sách kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, phần lớn vấn đề chỉ được tiếp cận với góc độ kinh tế hoặc chỉ tập trung nghiên cứu trong giai đoạn 2008-2009.

Việc tiếp cận quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế của Chính phủ Mỹ từ năm 2008 đến 2014 dưới góc độ sử học nhằm hướng đến mục tiêu trình bày, phân tích, lý giải, đánh giá toàn diện và có hệ thống về quá trình triển khai, tác động của các giải pháp ứng phó khủng hoảng của Chính phủ Mỹ đối với kinh tế - xã hội Mỹ nói riêng và nước Mỹ nói chung trong một nghiên cứu mang tính toàn diện ở Việt Nam.

Khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) là một cuộc khủng hoảng mang tính toàn cầu, mỗi quốc gia tuỳ thuộc vào điều kiện đặc thù về kinh tế - xã hội sẽ đưa ra các chính sách và biện pháp ứng phó khác nhau. Tuy nhiên, Mỹ là một quốc gia có nền kinh tế lớn nhất thế giới, do đó, mọi biện pháp và chính sách mà Mỹ triển khai đều ít nhiều tác động đến các nước khác, trong đó có Việt Nam. Kể từ sau khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ, Việt Nam đã tăng cường hợp tác trên nhiều lĩnh vực với Mỹ. Trong đó, Mỹ được coi là đối tác toàn diện trong chính sách đối ngoại đa phương hoá, đa dạng

hoá quan hệ đối ngoại, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế. Do vậy, việc đẩy mạnh nghiên cứu về Mỹ nhằm tăng cường sự hiểu biết, rút ra bài học kinh nghiệm có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần hoạch định chính sách và tăng cường hợp tác giữa Việt Nam và Mỹ.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, chúng tôi đã lựa chọn đề tài: ***"Quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế của Chính phủ Mỹ (2008-2014)"*** cho luận án tiến sỹ của mình.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là quá trình Chính phủ Mỹ triển khai, điều chỉnh, thực hiện các chính sách và biện pháp để giải quyết cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế từ năm 2008 đến năm 2014.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) là một cuộc khủng hoảng lớn, gây nhiều hậu quả nghiêm trọng với nền kinh tế và xã hội Mỹ, trong đó, nguyên nhân sâu xa còn bắt nguồn từ thể chế kinh tế thị trường Mỹ. Do vậy, để ứng phó với khủng hoảng, cần phải triển khai đồng bộ những giải pháp tầm vĩ mô và vi mô, trên cả chính sách đối nội và đối ngoại. Tuy nhiên, trong khuôn khổ nghiên cứu, luận án chỉ tập trung vào nghiên cứu những chính sách đối nội của Chính phủ Mỹ, các chính sách kinh tế đối ngoại nhằm ứng phó với khủng hoảng không nằm trong phạm vi luận án này. Trong chính sách đối nội, luận án tiếp cận đến các chính sách biện pháp cơ bản trên lĩnh vực kinh tế và xã hội. Đối với lĩnh vực kinh tế, luận án đề cập chủ yếu đến cách chính sách và biện pháp tài khoá, tiền tệ và thu nhập bởi đây là các công cụ chủ đạo mà Chính phủ Mỹ đã sử dụng để giải quyết khủng hoảng. Bên cạnh đó, trong một nghiên cứu toàn diện, luận án tiếp cận tới ba vấn đề chủ yếu trong lĩnh vực xã hội là: việc làm, y tế và giáo dục bởi đây là ba lĩnh vực được Chính phủ Mỹ đề cập trực tiếp trong các chương trình giải quyết khủng hoảng.

Về không gian: luận án tập trung làm rõ những chính sách và biện pháp giải quyết khủng hoảng tài chính của Chính quyền Liên bang. Các chính sách, biện pháp mà Chính phủ Mỹ triển khai cụ thể theo đặc thù của từng bang cũng như chính sách ứng phó của chính quyền các tiểu bang không nằm trong phạm vi nghiên cứu của luận án này.

Về thời gian: cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế mặc dù xảy ra chủ yếu trong

giai đoạn 2008-2009, tuy nhiên, để đánh giá toàn diện, sâu sắc về quá trình giải quyết khủng hoảng luận án đã lấy mốc bắt đầu nghiên cứu là năm 2008 và mốc kết thúc là năm 2014.

Mặc dù những dấu hiệu của cuộc khủng hoảng đã xuất hiện từ trước đó, song luận án lấy mốc năm 2008 là năm chính thức bắt đầu quá trình giải quyết khủng hoảng bởi hai lý do cơ bản: *một là,* theo "*Báo cáo về khủng hoảng kinh tế"* của *Uỷ ban Điều tra khủng hoảng* đã lấy sự kiện ngày 15 tháng 9 năm 2008 khi Tập đoàn Lehman Brother tuyên bố phá sản, là mốc chính thức bắt đầu cuộc khủng hoảng; *hai là,* những chính sách và biện pháp ứng phó với khủng hoảng được Chính phủ Mỹ chính thức ban hành và thực hiện từ năm 2008.

Giải quyết một cuộc khủng hoảng kinh tế lớn đòi hỏi một quá trình phức tạp và lâu dài. Tuy nhiên, chúng tôi chọn mốc kết thúc nghiên cứu của luận án là năm 2014 dựa trên các căn cứ sau: *Một là,* tuyên bố của người đứng đầu Chính phủ Mỹ trong *Thông điệp Liên bang* (tháng 1 năm 2015)*: "Bóng ma của khủng hoảng đã ở lại phía sau và nước Mỹ vẫn vững mạnh"* - tuyên bố nước Mỹ đã chính thức thoát khỏi khủng hoảng kinh tế; *hai là,* năm 2014 là năm Chính phủ Mỹ công bố báo cáo tổng kết về Đạo luật Phục hồi (ARRA); *ba là,* năm 2014 cũng là năm Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) kết thúc các chính sách nới lỏng tiền tệ. Đặc biệt, khi nghiên cứu các chỉ số đánh giá về kinh tế và việc làm, chúng tôi nhận thấy năm 2014 tỷ lệ thất nghiệp đã hạ xuống mức thấp, tốc độ tăng trưởng kinh tế đã đạt mức ổn định, các kế hoạch cứu trợ của Chính phủ đã hoàn thành, các chương trình đầu tư cho các doanh nghiệp của Chính phủ đã cơ bản hoàn lại vốn và lãi.

Tuy nhiên, hai mốc này không phải là sự phân định cứng nhắc. Để làm rõ về đề tài, luận án đã mở rộng nghiên cứu giai đoạn trước và sau để có cái nhìn liên tục và logic.

Trên cơ sở nghiên cứu tổng thể về quá trình giải quyết khủng hoảng kinh tế của Chính phủ Mỹ, chúng tôi chọn mốc cuối năm 2009 làm mốc phân chia hai giai đoạn, bởi vì: năm 2008, khủng hoảng chính thức diễn ra đã khiến nền kinh tế Mỹ trong năm 2008 "tiêu điều" và "chạm đáy" vào năm 2009. Hầu như các chính sách của Chính phủ Mỹ ban hành trong giai đoạn này đều tập trung vào việc "giải cứu" nền kinh tế Mỹ. Từ năm 2010, trên cơ sở các chính sách đã được triển khai, Chính phủ Mỹ tiếp tục bổ sung, điều chỉnh các chính sách nhằm giải quyết các hậu quả và "phục hồi" kinh tế. Như vậy, mặc dù bản chất các chính sách và biện pháp của Chính phủ Mỹ đều nhằm giải quyết khủng hoảng nhưng quan điểm cũng như các chính sách và biện pháp giữa hai giai đoạn đã có sự khác biệt.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Từ góc độ lịch sử, luận án tập trung làm rõ quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế của Chính phủ Mỹ mang tính tổng thể về chính sách, biện pháp, quá trình triển khai. Từ đó, luận án đưa ra những nhận xét, đánh giá về những kết quả và tác động của quá trình giải quyết khủng hoảng đối với Chính phủ Mỹ nói riêng và nước Mỹ nói chung.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án tập trung làm rõ một số nội dung sau

Một là, những cơ sở lý thuyết và thực tiễn của quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế của Chính phủ Mỹ, trong đó, nhấn mạnh thực trạng nước Mỹ khi xảy ra khủng hoảng.

Hai là, quá trình triển khai, điều chỉnh các chính sách và biện pháp nhằm giải quyết khủng hoảng của Chính phủ Mỹ qua hai giai đoạn: kiểm soát khủng hoảng (2008-2009); giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế (2009-2014).

Ba là, rút ra nhận xét, đánh giá về quá trình triển khai các chính sách và biện pháp giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế của Chính phủ Mỹ. Đồng thời, đưa ra những so sánh về những điểm tương đồng, khác biệt giữa quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế và Đại suy thoái để chỉ ra sự kế thừa những bài học kinh nghiệm. Những tác động của quá trình giải quyết khủng hoảng đối với bản thân Chính phủ và với nước Mỹ

4. Các nguồn tài liệu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu, luận án cần thiết phải sử dụng đa dạng các nguồn tài liệu. Trong đó, các nguồn tài liệu được sử dụng trong luận án này bao gồm:

**Tư liệu gốc:*

Các bài phát biểu Tổng thống B. Obama: Phát biểu nhậm chức năm 2008 và 2012, phát biểu hàng tuần, thông điệp liên bang hàng năm.

Báo cáo kinh tế thưởng niên của Chính phủ được soạn thảo bởi Hội đồng Cố vấn kinh tế, báo cáo sẽ được Tổng thống trình bày trước Quốc hội Mỹ.

Báo cáo về khủng hoảng tài chính kinh tế được soạn thảo bởi Uỷ ban Điều tra khủng hoảng.

Các bộ luật như: đạo luật Dodd Frank, luật *Phục hồi nhà đất và kinh tế,…*

Các báo cáo thường niên về Chương trình Giải cứu tài sản xuất (TARP) của Kho

bạc Mỹ, báo cáo về chương trình phục hồi thông qua đạo luật ARRA của Chính phủ Mỹ.

Báo cáo thường niên của Kho bạc Mỹ, Cục Dự trữ Liên bang, Quốc hội Mỹ, Bộ Giao thông Mỹ, Bộ Gia cư và phát triển đô thị Mỹ.

Biên bản các cuộc họp của chính phủ, kho bạc, FED, Quốc hội, bộ Lao động, bộ Y tế và Nhân sinh, bộ Giáo dục.

Hồi ký của Tổng thống George W.Bush và hồi ký của giám đốc cục dự trữ Liên bang Mỹ Alan Greenspan.

**Tài liệu tham khảo:*

Các công trình chuyên khảo về cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế thế giới và giải pháp ứng phó với khủng hoảng tài chính - kinh tế. Bên cạnh đó, còn có các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành; các đề tài, công trình nghiên cứu cấp bộ, học viện đã được thẩm định; các luận án và các trang web có nội dung đề cập tới những vấn đề nghiên cứu của đề tài.

5. Phương pháp nghiên cứu

Cơ sở phương pháp luận: luận án đã tiếp cận và đánh giá dựa trên quan điểm duy vật biện chứng của chủ nghĩa mác xít với góc nhìn đa dạng, toàn diện và sự vận động phát triển.

Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình thực hiện đề tài là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Bên cạnh đó, chúng tôi còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu liên ngành khác như phương pháp phân tích chính sách, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê nhằm giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu mà luận án đặt ra.

6. Đóng góp của luận án

Giải quyết được các nhiệm vụ đặt ra, luận án có những đóng góp sau:

Một là, luận án là công trình nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam từ góc độ lịch sử về quá trình giải quyết cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế từ năm 2008 đến 2014 của Chính phủ Mỹ một cách hệ thống.

Hai là, thông qua việc tìm hiểu những chính sách và biện pháp giải quyết khủng hoảng của Chính phủ Mỹ, luận án đưa ra những nhận xét đánh giá về kết quả, tác động đối với Chính phủ Mỹ nói riêng và nước Mỹ nói chung.

Ba là, luận án góp phần bổ sung, cập nhật những tư liệu mới, nghiên cứu mới về lịch sử nước Mỹ, lịch sử chủ nghĩa tư bản hiện đại; đóng góp những tư liệu mới cho

giảng dạy và nghiên cứu về lịch sử và lịch sử kinh tế.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phần phụ lục, nội dung luận án được trình bài trong 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Cơ sở quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế của Chính phủ Mỹ.

Chương 3. Tiến trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế của Chính phủ Mỹ (2008 - 2014)

Chương 4. Nhận xét về quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế của Chính phủ Mỹ.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) bắt nguồn từ Mỹ sau đó lan ra toàn thế giới, ảnh hưởng đến nền kinh tế của nhiều quốc gia. Vì thế, đây là vấn đề được rất nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Từ năm 2008 đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến các nội dung liên quan đến đề tài, song tựu trung lại, có thể chia làm hai nhóm: các công trình tiếp cận vấn đề từ góc độ cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế và các công trình đề cập trực tiếp đến giải quyết khủng hoảng.

1.1.1. Nhóm thứ nhất: các công trình nghiên cứu về khủng hoảng tài chính - kinh tế

Đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu đã đề cập đến cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế của các học giả trong nước và quốc tế. Trong đó, phần lớn là các công trình của các học giả nước ngoài.

∗ *Các công trình nghiên cứu của học giả Việt Nam:*

Công trình nghiên cứu của Phạm Quốc Trung và Phạm Thị Túy về *"Khủng hoảng kinh tế thế giới những vấn đề lý luận và kinh nghiệm"* (2010), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, đã đề cập tới 2 vấn đề chính: *một là*, tập trung làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản về khủng hoảng kinh tế với những hình thức biểu hiện, đặc trưng, nguyên nhân cơ bản và tác động; *hai là*, nghiên cứu khái quát một số cuộc khủng hoảng kinh tế điển hình trong đó có cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế tại Mỹ.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành của Vũ Ngọc Duy thuộc Viện Chiến lược ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về "*Khủng hoảng tài chính - một số vấn đề lý luận và thực tiễn đối với sự phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam" (2011*) đã tổng kết toàn diện những vấn đề về lý luận và thực tiễn của khủng hoảng kinh tế 2008 để tìm ra những nguyên nhân mang tính bản chất và đưa ra những khuyến nghị chính sách thiết thực cho hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Từ việc nghiên cứu các lý thuyết về chu kỳ kinh tế, khủng hoảng kinh tế và cơ chế lan truyền của các cuộc khủng hoảng, các tác giả Đoàn Thanh Hà và Nguyễn Ngọc Thạch với công trình nghiên cứu *"Chu kỳ kinh tế và khủng hoảng kinh tế"* (2011), Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, đã giải thích những hiện tượng, nguyên nhân cũng như tổng kết các chính sách và biện pháp mà các nước đã sử dụng để ứng phó

với khủng hoảng kinh tế. Các tác giả cũng đề xuất những quy trình dự báo lan truyền khủng hoảng qua kênh ngoại thương từ Mỹ và các đối tác thương mại khác tới Việt Nam.

Công trình nghiên cứu của Nguyễn Khắc Đức về "*Kinh tế thế giới thời khủng hoảng - một góc nhìn"* (2012), Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, đã khái quát toàn cảnh nền kinh tế thế giới trong giai đoạn 2007 – 2012. Nghiên cứu này còn phân tích những tác động của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế tới các nền kinh tế lớn và dự báo triển vọng phát triển kinh tế thế giới trong giai đoạn tiếp theo.

Công trình nghiên cứu của tác giả Hoài Thu về *"Ảo ảnh tiền kiểu Mỹ"* (2009), Nxb Thanh Hóa đã lý giải nguyên nhân sự cường thịnh của nước Mỹ nói chung và nền kinh tế Mỹ nói riêng. Bên cạnh đó, tác giả cũng phân tích về 5 cuộc khủng hoảng kinh tế lớn của nước Mỹ, trong đó có cuộc khủng hoảng 2008-2009. Phân tích các ưu điểm và hạn chế của nền kinh tế Mỹ trên từng lĩnh vực cụ thể: chính sách tiền tệ, hiện trạng kinh tế, quan niệm tiêu dùng, hệ thống tín dụng, chế độ pháp luật, đầu tư trang thiết bị quân sự từ đó lý giải những nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009).

Nhìn chung, các học giả trong nước đã đánh giá cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008 - 2009) là trầm trọng nhất đối với nước Mỹ kể từ sau cuộc Đại suy thoái 1929-1933. Từ việc nghiên cứu lý luận chung về khủng hoảng kinh tế, các công trình nghiên cứu đã làm rõ các nguyên nhân, đặc điểm và tác động đối với kinh tế xã hội Mỹ. Tuy nhiên, phần lớn các công trình đều tiếp cận từ góc độ kinh tế mà chưa đề cập đến những tác động của cuộc khủng hoảng đối với xã hội.

∗ *Các công trình nghiên cứu của học giả nước ngoài*

Ngay khi cuộc khủng hoảng chính thức bùng nổ, nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài đã đưa ra những công trình nghiên cứu với những góc nhìn khác nhau về cuộc khủng hoảng.

George Cooper với "*The origin of financial crisis: Central banks, Credit bubbles, and the efficient market fallacy",* Vintage Book, New York, 2008 ("*Nguồn gốc khủng hoảng tài chính",* Nxb Lao động Xã hội, 2008, do Thủy Nguyệt dịch) đã tóm tắt quá trình phát triển của hệ thống tiền tệ, từ đó đưa ra những đánh giá về nguyên nhân của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính - kinh tế (2008-2009) ở Mỹ. Tác giả cho rằng hệ thống tài chính Mỹ được vận hành theo quy luật thị trường tự do, việc nâng cao sức mạnh của thị trường đã làm cho hệ thống ngân hàng trung ương quên đi nhiệm vụ chính của mình. Kết quả là không có sự điều tiết của hệ thống ngân hàng

trung ương, thị trường dễ rơi vào tình trạng mất cân bằng, thậm chí là đổ vỡ. Từ đó, tác giả đưa ra những phương thức để đổi mới chính sách kinh tế vĩ mô.

Nhà đầu tư tài chính George Soros với cuốn sách mang tên "*The crash of 2008 and what it means: The new paradigm for Financial Markets"*[1], Public Affairs, New York, 2008 ("*Mô thức mới cho thị trường tài chính - cuộc khủng hoảng tín dụng năm 2008 và ý nghĩa của nó",* Nxb Tri thức, 2008, do Hoàng Hà dịch) đã dùng kinh nghiệm và quan điểm lý luận của mình về *"thuyết phản hồi"* để phân tích về cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) tại Mỹ. Theo tác giả, cuộc khủng hoảng không giống như các cuộc khủng hoảng mang tính chu kỳ trước đó mặc dù nó cũng bắt nguồn từ những "bong bóng". Từ việc phân tích những nguồn gốc sâu xa của cuộc khủng hoảng tác giả dự đoán về sự biến đổi lớn trong nền kinh tế Mỹ, mà theo đó, xu thế và sự ngộ nhận về *"thị trường tự do"* không thể trụ vững được nữa.

Paul Krugman - nhà kinh tế học được trao giải Nobel Kinh tế năm 2008 với công trình nghiên cứu "*The Return of Depression Economics and the Crisis of 2008"*, W.W. Norton&Company, New York, 2008 (*"Sự trở lại của kinh tế học suy thoái và cuộc khủng hoảng năm 2008",* Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2009, do Nguyễn Dương Hiếu, Nguyễn Trường Phú, Đặng Nguyễn Hiếu Trung và Nguyễn Ngọc Toàn dịch), đã khảo sát các cuộc khủng hoảng tiêu biểu trong những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI như: khủng hoảng ở châu Á, khủng hoảng ở Mêxicô, khủng hoảng ở Argentina và cuối cùng là cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) để tìm ra bản chất và nguồn gốc của các cuộc khủng hoảng kinh tế. Ông nhận thấy dường như mọi cuộc khủng hoảng đều có một điểm chung: niềm tin tiêu cực tự nó biến thành sự thật. Cho dù niềm tin tiêu cực thể hiện ở thị trường tiền tệ, thị trường tài chính, thị trường bất động sản hay thị trường hàng hóa tiêu dùng thì chúng cũng tạo ra những hệ luỵ nguy hiểm cho nền kinh tế, suy thoái chìm sâu vào suy thoái, khủng hoảng lại tạo ra khủng hoảng.

Những bài viết của các tác giả *R.Atman, M.Bulard, N.Ferguson,.v.v..* được tổng hợp và xuất bản với tên gọi *"Đại khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 dưới con mắt của các nhà báo và các chuyên gia kinh tế quốc tế",* Nxb Tri thức, Hà Nội, 2009, Nguyễn Văn Nhã dịch và tổng hợp, đã đưa ra những phân tích của các nhà nghiên cứu của các nhà báo và chuyên gia kinh tế quốc tế về các vấn đề như nguyên nhân, diễn biến, nhận định tình

---

[1] Một số cuốn sách được trích dẫn trong nội dung luận án đã được dịch và xuất bản ra tiếng Việt. Chính vì vậy, khi sử dụng giới thiệu và trích dẫn trong luận án này, chúng tôi giữ nguyên tên tiếng Việt của các cuốn sách đã được dịch và xuất bản. Mặc dù, thực tế có nhiều tên sách dịch không tuân thủ hoàn toàn theo nguyên bản tiếng Anh.

hình, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng và những chính sách của nước Mỹ để khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng.

Niall Ferguson với cuốn sách về lịch sử tài chính thế giới mang tên *"The Ascent of Money: A Financial History of the World",* Penguin Books, New York, 2008 (*"Đồng tiền lên ngôi - Lịch sử tài chính thế giới",* Nxb Thế giới, Hà Nội, 2015, Lê Quốc Phương và Vũ Hoàng Linh dịch), đã hệ thống hóa quá trình phát triển của tiền tệ thế giới với các vấn đề cơ bản: trái phiếu, các hiện tượng bong bóng trên thị trường tài chính, rủi ro và bảo hiểm, bất động sản, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới. Từ đó, cuốn sách cung cấp những hiểu biết cơ bản về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính. Với lập luận sâu sắc về những hạn chế trên thị trường tài chính Mỹ, tác giả cũng lý giải nguyên nhân của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế, đồng thời đưa ra những phân tích ban đầu về chính sách tiền tệ mà FED đang triển khai nhằm kiểm soát thị trường tài chính.

Paul Davidson với "*The Keynes Solution: The Path to Global Economic Proserity"*, St. Martin's Press, New York, 2009 ("*Giải pháp Keynes - con đường dẫn đến sự thịnh vượng kinh tế toàn cầu"*, Nxb Trẻ, Nguyễn Hằng dịch) đã dùng quan điểm của trường phái Keynes để giải thích những nguyên nhân của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính tại Mỹ. Từ việc phân tích các chính sách ứng phó khủng hoảng của Tổng thống Obama, tác giả đã khẳng định đó là sự vận dụng quan điểm học thuyết Keynes và là con đường đúng đắn với nước Mỹ. Tuy nhiên, tác giả cũng nhấn mạnh việc mở rộng vai trò can thiệp của nhà nước cần phải phối hợp với sự chủ động của khu vực kinh tế tư nhân để nhanh chóng thoát khỏi khủng hoảng.

Lý giải những sai lầm trong chính sách tiền tệ của FED là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến khủng hoảng kinh tế, tác giả William A.Fkeckenstein trong cuốn sách *"Greenspan's Bubbles: The Age of Ignorange at the Federal Reserve"*, McGraw - Hill Education, 2008 ("*Những bong bóng tài chính của Greenspan – một thời kỳ xuẩn ngốc ở Cục Dự trữ Liên bang FED)"* do Dương Ngọc Dũng dịch, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2009), đã tập trung phân tích những chính sách sai lầm của Alan Greenspan trong suốt 19 năm làm Chủ tịch của FED. Theo tác giả, Alan Greenspan đã làm cho nước Mỹ trải qua một nền kinh tế bong bóng trên thị trường cổ phiếu và bất động sản, hai bong bóng khổng lồ này xuất hiện cách nhau 10 năm, cùng với những phát ngôn của người đứng đầu FED đã thúc đẩy quá trình đầu cơ trên thị trường tài chính. Bên cạnh đó, tác giả cũng phê phán sự chậm trễ của FED trong việc đưa ra những cảnh báo khi những dấu hiệu của khủng hoảng đã xuất hiện.

Garry B. Goaton với *"Misunderstanding Financial Crises: Why We Don't See Them Coming" (Hiểu lầm về khủng hoảng tài chính: Tại sao chúng ta không nhìn thấy khủng hoảng đang tới), Oxford University Press,* 2012*,* đã cung cấp một cái nhìn tổng quan về cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế. Tác giả đã xem cuộc khủng hoảng tài chính giống như một "cơn bão" tàn phá nặng nề nền kinh tế, nó được tạo ra bởi những yếu tố từ ngay trong nội tại nền kinh tế Mỹ. Theo tác giả, các nhà kinh tế học khi nghiên cứu về cuộc khủng hoảng đã bỏ qua một số quan điểm quan trọng: sự phát triển của thị trường vốn và hệ thống ngân hàng, sự tồn tại của các công cụ tài chính mới, và quy mô của thị trường tài chính. Nếu so sánh với mức độ của cuộc khủng hoảng vào những năm 1930 của thế kỷ XX, thì đã có sự khác nhau bởi các vấn đề như nợ ngân hàng, tính thanh khoản, và rủi ro về mặt đạo đức là nguyên nhân của sự khủng hoảng về mặt tài chính. Vì thế, những quy tắc dùng để khắc phục cuộc khủng hoảng trong những năm 1930 không còn phù hợp, do vậy đã gây ra những hiểu lầm của các nhà kinh tế học. Tác giả cũng mong muốn cung cấp một hướng nghiên cứu khác cho các nhà kinh tế về thị trường và mô tả các quy định cần thiết để giải quyết các mối đe dọa tương lai của thảm họa tài chính.

Barry Aichengreen với cuốn *"Hall of Mirrors: The Great Depression, The Great Recession, and the Uses-and Misuses-of History"(Sự phản chiếu: Đại suy thoái, Đại khủng hoảng và những bài học hữu ích từ lịch sử),* Oxford University Press, New York, 2015, là một tác phẩm lớn về lịch sử kinh tế. Tác giả đã so sánh hai cuộc khủng hoảng lớn là cuộc Đại suy thoái (1929-1933) và cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009). Hai cuộc khủng hoảng đều xảy ra trong bối cảnh của sự bùng nổ tín dụng mạnh, hoạt động ngân hàng đáng ngờ, và một hệ thống tài chính toàn cầu mong manh và không ổn định. Vì thế, khi thị trường đi vào khủng hoảng từ năm 2008, các nhà hoạch định chính sách đã viện dẫn những bài học kinh nghiệm từ việc ứng phó với cuộc Đại suy thoái để khắc phục hậu quả khủng hoảng và phát triển kinh tế.

Martin Wolf trong cuốn *"The Shifts and the Shocks: What We've Learned-and Have Still to Learn-from the Financial Crisis" (Sự biến động và những cú sốc: Chúng ta đã và đang học được gì từ khủng hoảng tài chính),* Penguin Press, New York, 2014, đã nghiên cứu về nguồn gốc cuộc khủng hoảng từ góc độ toàn cầu hóa, sự mất cân bằng trong hệ thống tài chính toàn cầu cùng những sai lầm trong hệ thống kinh tế và chính sách về tiền tệ của các chính phủ. Bên cạnh đó, tác giả cũng xem xét những chính sách mà các chính phủ đã thực hiện để cải cách hệ thống kinh tế và tiền tệ kể từ khi cuộc khủng hoảng diễn ra.

Hai tác giả Atif Mian and Ami Sufir với cuốn *"House of Debt: How They (and You) Caused the Great Recession, and How We Can Prevent It from Happening*

Again" (Nợ bất động sản: nguyên nhân của đại suy thoái và chúng ta có thể ngăn chặn nguy cơ tiếp diễn như thế nào), Chicago University Press, 2014, đã phân tích sự tương đồng trong nguyên nhân giữa cuộc Đại suy thoái và cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) đó là vấn đề nợ của các hộ gia đình (tác giả đã dẫn ra số liệu: số nợ của các hộ gia đình từ năm 2000 đến 2007 đã tăng gấp đôi). Mian và Sufi đã sử dụng các số liệu thực tế để chứng minh rằng các chính sách tiền tệ hiện tại đã tạo ra quá nhiều lợi ích đối với các ngân hàng và các chủ nợ. Sự gia tăng dòng chảy tín dụng trong khi cơ chế kiểm soát tài chính còn lỏng lẻo, dẫn đến tình trạng nợ hộ gia đình quá mức mà không có khả năng thanh khoản, từ đó đã làm thị trường xuất hiện bong bóng bất động sản. Bong bóng bị vỡ dẫn đến hạn chế sức tiêu dùng và gia tăng khuynh hướng tiết kiệm. Chi tiêu ít hơn có nghĩa là giảm nhu cầu đối với tiêu dùng hàng hóa, kéo theo sự sụt giảm lớn trong sản xuất và việc làm.

Jonathan Kirshner với cuốn *"American Power after the Financial Crisis" (Sức mạnh của Mỹ sau Khủng hoảng tài chính),* Cornell University Press, New York, 2014, đã xem cuộc khủng hoảng 2008-2009 là một thảm họa kinh tế và là một sự kiện bước ngoặt trong lịch sử kinh tế chính trị thế giới. Trong công trình nghiên cứu của mình, Jonathan Kirshner đã chứng minh cuộc khủng hoảng đã thay đổi cán cân quyền lực quốc tế. Đồng thời, tác giả lý giải những tác động của khủng hoảng đến sự điều chỉnh về thể chế kinh tế của các nước từ sau khủng hoảng. Với việc nhận diện một "trật tự Mỹ thời hậu chiến thứ hai", tác giả đi đến kết luận: cuộc khủng hoảng cũng làm tăng tốc hai xu hướng: sự xói mòn tương đối của sức mạnh và ảnh hưởng chính trị của Hoa Kỳ trong khi đó ảnh hưởng chính trị lại tăng lên từ các quốc gia khác, đáng chú ý nhất là vai trò của Trung Quốc.

Như vậy, với góc nhìn đa diện, các học giả nước ngoài đã xem xét cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế với những nguyên nhân từ những hạn chế trong chính nội tại nền kinh tế Mỹ và sự mất cân bằng trong các mối quan hệ kinh tế quốc tế, từ đó bước đầu đánh giá về những giải pháp mà chính phủ Mỹ triển khai. Mặc dù phạm vi ảnh hưởng có thể khác nhau nhưng các học giả đều có chung nhận định, cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế sẽ dẫn đến sự biến đổi lớn của nước Mỹ. Cùng với những điểm tương đồng với Đại suy thoái, nhiều nhà nghiên cứu đã viện dẫn đến những bài học từ quá khứ để ứng phó với cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế. Tuy nhiên, phần lớn các công trình nghiên cứu mới chỉ tập trung đề cập đến giai đoạn 2008-2009 và những tác động trên lĩnh vực kinh tế mà chưa có những nghiên cứu đánh giá về giai đoạn tiếp sau đó.

1.1.2.* Nhóm thứ hai: *các công trình nghiên cứu trực tiếp về giải pháp ứng phó với khủng hoảng tài chính - kinh tế

Đồng thời với việc nghiên cứu về nguyên nhân, diễn biến, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế, cũng có rất nhiều nhà nghiên cứu đề cập trực tiếp đến vấn đề giải quyết cuộc khủng hoảng của các Chính phủ. Với vai trò nền kinh tế hàng đầu thế giới và cũng là nơi xuất phát điểm của cuộc khủng hoảng, vì vậy, những giải pháp ứng phó của Chính phủ Mỹ đã được đề cập tới trong rất nhiều công trình nghiên cứu.

∗ *Các công trình nghiên cứu của học giả Việt Nam*

Việc phân tích đánh giá các giải pháp ứng phó của Chính phủ Mỹ của các học giả trong nước đã được đề cập đến trong rất nhiều các đề tài khoa học, các công trình chuyên khảo và các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành của Nguyễn Thị Kim Thanh tại Viện Chiến lược Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: *"Các giải pháp về tiền tệ nhằm ứng phó với khủng hoảng tài chính toàn cầu"* (2009) đã đề cập tới ba vấn đề: *một là,* đánh giá tổng quan về cuộc khủng hoảng, tác động của cuộc khủng hoảng đến nền kinh tế Việt Nam; *hai là*, những tác động và hiệu quả của các giải pháp ứng phó với khủng hoảng mà một số nước đã áp dụng; *ba là*, kiến nghị các chính sách, giải pháp, đặc biệt là giải pháp về tiền tệ nhằm ứng phó với khủng hoảng tài chính - kinh tế. Đề tài đã đánh giá về tác động của những giải pháp bước đầu mà Chính phủ Mỹ đã thực hiện nhằm ứng phó với khủng hoảng. Theo đó, tác giả cho rằng theo chu kỳ hàng tồn kho nền kinh tế Mỹ đã chạm đáy vào năm 2009, với các giải pháp tiền tệ và tài khoá sẽ mang lại hiệu quả dẫn đến sự phục hồi trong năm 2010. Tuy nhiên tốc độ phục hồi sẽ do sự kết thúc các giải pháp kích thích, việc củng cố bảng cân đối tài sản của khu vực ngân hàng và những tác động bất lợi vẫn còn đè nặng lên nhu cầu trong nước.

Đề tài khoa học của Vũ Đăng Hinh về *"Khủng hoảng nhà đất, tín dụng ở Mỹ và ảnh hưởng của nó"* tại Viện Nghiên cứu Châu Mỹ (2008), đã đề cập đến ba vấn đề cơ bản: *một là*, lý giải nguyên nhân của cuộc khủng hoảng là do sự buông lỏng quản lý của hệ thống ngân hàng, nguy cơ từ xã hội tiêu thụ, chính sách đồng đô la yếu có tác dụng ngược và những gian lận của thị trường tài chính; *hai là,* trình bày diễn biến của cuộc khủng hoảng năm 2008, phân tích các tác động đối với nền kinh tế Mỹ và kinh tế thế giới; *ba là*, làm rõ các biện pháp ứng phó của Chính phủ Mỹ về các gói cứu trợ nền kinh tế, giải cứu thị trường nhà ở và biện pháp quản lý tiền tệ của FED.

Công trình của Nguyễn Thị Thu Hoài về *"Khủng hoảng tài chính toàn cầu - ứng phó của thế giới và của Việt Nam"*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, đã đề cập tới hai

vấn đề: *một là*, đánh giá toàn diện về khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009; *hai là*, bước đầu đánh giá những giải pháp của Việt Nam đối với cuộc khủng hoảng này. Trong đó, tác giả đã phân tích một số biện pháp nhằm ứng phó với khủng hoảng tài chính của một số quốc gia tiêu biểu: Mỹ, Trung Quốc và các nước ASEAN. Với nước Mỹ, tác giả tập trung làm rõ những biện pháp của Cục Dự trữ Liên bang và những nhóm giải pháp của Chính phủ Mỹ. Do vấn đề mà đề tài tiếp cận tương đối rộng trên phạm vi toàn cầu, nên tác giả chưa có điều kiện đánh giá chuyên sâu về cuộc khủng hoảng kinh tế tại nước Mỹ.

Công trình nghiên cứu của Lê Kim Sa về "*Kinh tế thế giới sau khủng hoảng, hệ lụy và triển vọng"*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2013, đã tập trung nghiên cứu về tác động và dự đoán tương lai của thế giới sau khủng hoảng. Công trình nghiên cứu đã đề cập tới ba nội dung cụ thể: *một là,* nhận định chung về thế giới sau khủng hoảng; *hai là*, tác động của khủng hoảng đối với ba nền kinh tế lớn: Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc, trong đó, tác giả đánh giá cao khả năng phục hồi của nền kinh tế Mỹ; *ba là*, liên hệ với tình hình Việt Nam trong cuộc khủng hoảng.

Công trình nghiên cứu chuyên khảo của hai tác giả Nguyễn Ngọc Thạch, Lý Hoàng Ánh với "*Phối hợp chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa trong khủng hoảng kinh tế",* Nxb Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*,* 2014, từ nghiên cứu kinh nghiệm của các nước lớn như Mỹ trong việc phối hợp chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa trong khủng hoảng, đã đề xuất các chính sách và biện pháp đối với Việt Nam. Nhóm tác giả đã phân tích những biện pháp mà nhà nước buộc phải thực hiện nhằm bình ổn sản lượng, trong đó chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa đóng vai trò trọng tâm. Việc phối hợp hai chính sách này có tác động tổng hợp và đa diện đến nền kinh tế, đặc biệt là đối với các nền kinh tế mở sẽ đạt được những chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng như tăng trưởng kinh tế, việc làm, lạm phát, cân bằng cán cân thanh toán quốc tế.

Các bài viết được in trong kỷ yếu khoa học *"Kinh tế Mỹ: khủng hoảng và phục hồi"* (2013) của Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, đã phân tích, đánh giá về các vấn đề của nền kinh tế Mỹ trong giai đoạn khủng hoảng và phục hồi. Một số bài viết tiêu biểu: *"Mất cân đối vĩ mô và tăng trưởng kinh tế"* của Nguyễn Cao Đức; bài *"Ngân sách Liên bang và nợ công ở nước Mỹ"* của Vũ Đình Ánh; bài *"Tác động của các gói nới lỏng định lượng (Quantitative Easing) đến nền kinh tế Mỹ*" của Phạm Thị Hoàng Anh và Lê Hà Thu; bài *"Chính sách tiền tệ chưa có tiền lệ của FED: từ đối phó với khủng hoảng đến tham vọng vực dậy nền kinh tế*" của Nguyễn Xuân Trung và Nguyễn Đức Hùng, đã đánh giá nền kinh tế Mỹ trong giai đoạn từ năm 2008 đến 2013 mặc dù đã

thoát đáy suy thoát kinh tế nhưng tăng trưởng còn chậm, vẫn tồn tại rất nhiều nguy cơ đe dọa nền kinh tế: mất cân đối kinh tế, thâm hụt ngân sách và nợ công.

Ngoài ra, cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 tại Mỹ còn được đề cập đến trong rất nhiều bài được đăng trên các tạp chí khoa học:

Bài viết của Cù Chí Lợi, "*Những vấn đề của kinh tế Mỹ hiện nay"* (2009), Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 09, nhận định cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) là cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất của kinh tế Mỹ tính từ sau cuộc Đại suy thoái 1929-1933. Theo tác giả, mặc dù Chính phủ Mỹ đã đưa ra hàng loạt các biện pháp cứu trợ và có những cải cách về mặt kinh tế, nhưng đến năm 2011 nền kinh tế Mỹ vẫn chưa thoát khỏi tình trạng đình trệ. Về mặt tổng quát, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ còn thấp và thiếu ổn định, thất nghiệp vẫn cao, thâm hụt ngân sách gia tăng và khó kiểm soát, thâm hụt thương mại vẫn ở mức lớn, để khắc phục tình trạng này, Chính phủ Mỹ cần đưa ra những giải pháp thỏa đáng.

Bài viết của Nguyễn Ngọc Mạnh và Nguyễn Lệ Hương, "*Kinh tế Mỹ sau 5 năm khủng hoảng"* (2014), Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 12 (201), đã khái quát lại tình hình kinh tế Mỹ sau 5 năm khủng hoảng. Thông qua việc khảo sát các chỉ số: tốc độ tăng trưởng, thất nghiệp, thị trường chứng khoán, sản xuất, tiêu dùng đã kết luận đến năm 2014 nền kinh tế Mỹ đã được phục hồi. Trong đó, chi tiêu tiêu dùng và đầu tư kinh doanh là hai yếu tố cơ bản hỗ trợ tăng trưởng kinh tế Mỹ. Tác giả nhấn mạnh, thị trường việc làm được cải thiện, giá nhiên liệu giảm thấp đã thúc đẩy người dân Mỹ tiêu dùng nhiều hơn. Từ năm 2014, trên đà phục hồi của nền kinh tế Mỹ đã bước vào giai đoạn bền vững đã mở ra triển vọng tiếp tục tăng trưởng mạnh trong những năm tiếp theo.

Như vậy, với việc phân tích các chính sách ứng phó với khủng hoảng các học giả trong nước đã đánh giá hai chính sách chủ đạo được Chính phủ Mỹ sử dụng là chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá. Tuy nhiên, phần lớn các công trình mới chỉ dừng lại ở thời điểm năm 2010 và cho rằng nước Mỹ đã thoát khỏi khủng hoảng.

** Các công trình nghiên cứu của học giả nước ngoài*

Công trình nghiên cứu của nhà kinh tế học người Mỹ Joseph E.Stiglitz, *"Freefall: America, Free Markets, and the Sinking of the World Economy",* W.W. Norton&Company, New York, 2010 ("*Rơi tự do - Nước Mỹ, các thị trường tự do và sự suy sụp của nền kinh tế thế giới",* Nxb Thời đại,TP Hồ Chí Minh, 2010, do Nguyễn Phúc Hoàng dịch) là một công trình nghiên cứu tương đối đầy đủ về khủng hoảng tài chính - kinh tế tại Mỹ. Joseph Eugene Stiglitz là giáo sư Đại học Columbia, nhà kinh tế

học hàng đầu thế giới thuộc trường phái Keynes. Công trình nghiên cứu đã đề cập tới ba nội dung: *một là,* giải thích về nguyên nhân cuộc khủng hoảng; *hai là,* đánh giá ban đầu về các chính sách giải cứu nền kinh tế của Chính phủ Mỹ; *ba là,* bàn về trật tự thế giới sau khủng hoảng. Điểm nổi bật trong công trình nghiên cứu chính là việc tác giả nhìn nhận chính sách Chính phủ Mỹ là sự vận dụng học thuyết Keynes. Tuy nhiên, những chính sách ban đầu vẫn còn rất nhiều hạn chế do việc chưa nhận thức được đầy đủ các nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân sâu xa dẫn đến khủng hoảng. Từ việc mang theo một niềm hy vọng ông Barack Obama sẽ chỉnh sửa những chính sách còn thiếu sót của chính quyền Bush, tác giả đã đề xuất những hành động cải cách cần thiết để phục hồi và tránh sự lặp lại khủng hoảng, trong đó nhấn mạnh sự cần thiết của việc gia tăng đầu tư của Chính phủ, cải cách hệ thống tài chính và giải quyết các vấn đề xã hội.

Peter D.Schiff và Andrew J.Schiff với câu chuyện ngụ ngôn về lịch sử kinh tế Mỹ *"How an Economy Grows and Why It Crashes",* NXB Wiley, 2010 *("Nền kinh tế tăng trưởng và sụp đổ như thế nào",* Nxb Thời đại, TP Hồ Chí Minh, 2010, Nguyễn Dương Hiếu dịch), đã lần lượt đề cập đến nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế, tầm quan trọng của thương mại, tiết kiệm, rủi ro, căn nguyên của lạm phát, tác động của lãi suất và kích thích kinh tế để đi đến giải thích nguyên nhân của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế. Không đồng tình với cách giải quyết khủng hoảng theo quan điểm của trường phái Keynes về ý tưởng dùng can thiệp kích thích của chính phủ như một "liều thuốc" hữu hiệu trước những thất bại thị trường tự do, hai tác giả cho rằng cách làm của Chính phủ Mỹ không mang lại nhiều hiệu quả, thậm chí còn làm cơ sở cho những cuộc khủng hoảng tiếp theo. Các tác giả cũng đưa ra những cảnh báo về hạn chế lớn nhất trong các chính sách của Chính phủ Mỹ là vấn đề thâm hụt ngân sách và nợ công tăng cao.

James Richard với cuốn sách *"Currency Wars: The making of the Next Global",* NXB Portfolio, New York, 2012 (*"Các cuộc chiến tranh tiền tệ: Nguyên nhân tạo ra khủng hoảng toàn cầu tiếp theo,* Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2014, Nguyễn Dương Hiếu và Nguyễn Phúc Hoàng dịch) đã nghiên cứu về các cuộc chiến tiền tệ giữa các đồng tiền mạnh từ góc độ: chính sách kinh tế, an ninh quốc gia và giải thích tại sao cuộc chiến giữa các loại tiền tệ lại là cuộc đấu tranh phức tạp nhất trên thế giới hiện nay. Tác giả cho rằng các mô hình kinh tế đã thất bại và cách thức hướng đến những chính sách kinh tế hiệu quả hơn. Từ góc độ chính sách tiền tệ, tác giả đánh giá việc tăng cường vai trò của Chính phủ để khắc phục khủng hoảng thực chất là việc vận dụng lý luận của John Maynard Keynes và Milton Freidman. Từ đó, tác giả đã chứng

minh vai trò của chính sách tiền tệ trong việc giải quyết khủng hoảng kinh tế.

Cuốn sách của Donald J. Trump - Tổng thống thứ 45 của nước Mỹ, *"Crippled America: How to Make Amerrica Great Again",* Nxb Threshold Edutions, New York, 2015 ("*Nước Mỹ nhìn từ bên trong - Làm thế nào để nước Mỹ hùng mạnh trở lại",* Nxb Thế giới, Hà Nội, 2016, Đỗ Trí Vương dịch), đã chỉ ra những suy yếu trong cơ sở hạ tầng, sự lỏng lẻo trong quản lý nhập cư, sự xuống cấp của hệ thống giáo dục và nhiều khuyết thiếu khác trong các chính sách kinh tế, xã hội, chính trị, đặc biệt là sự suy yếu trong vị thế của nước Mỹ, qua đó làm rõ những hạn chế trong chính sách của Obama trong hai nhiệm kỳ cầm quyền. Với chính sách khắc phục khủng hoảng tài chính kinh tế, ông nhấn mạnh đến vấn đề nợ công của nước Mỹ.

Alan S. Blinder - giáo sư Trường Đại học Princeton, bình luận viên của tờ *Wall Street Journal*, và cựu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Cục Dự trữ liên bang (FED) dưới thời Alan Greenspan, với cuốn sách "*After the Music Stopped: The Financial Crisis, the Response, and the Work Ahead" (Sau khi nhạc dừng: cuộc khủng hoảng tài chính, trách nhiệm và công việc phía trước),* Penguin Books, New York , 2013, là công trình nghiên cứu từ góc độ lịch sử kinh tế về một trong những cuộc khủng hoảng kinh tế tồi tệ nhất trong lịch sử nước Mỹ và những biện pháp mà Chính phủ đã làm để chống lại nó. Từ việc miêu tả chi tiết, Blinder hệ thống lại những sự kiện giống như những "cơn bão kinh tế" bắt đầu từ năm 2007: sự bùng nổ của bong bóng nhà đất, bong bóng trái phiếu, tác giả tập trung phân tích những giải pháp trên lĩnh vực kinh tế mà Chính phủ Mỹ đã triển khai, cũng như đánh giá những tác động đối với sự phát triển nước Mỹ.

Các tác giả George Akerlof, Olivier Blanchard, David Romer, Joseph Stiglitz trong cuốn *"What Have We Learned? Macroeconomic Policy after the Crisis" (Chúng ta đã học được điều gì? Chính sách kinh tế vĩ mô sau khủng hoảng)***,** The MIT Press, 2014, đã xem xét những hậu quả và bài học kinh nghiệm của cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế từ năm 2008. Từ đó, tác giả đã đề xuất các nguyên tắc làm căn cứ để thay đổi việc quản lý vĩ mô nền kinh tế Mỹ. Trong đó, tác giả nhấn mạnh đến vai trò của việc ổn định các công cụ tài chính nhằm đưa nền kinh tế Mỹ đi vào quỹ đạo ổn định.

Scott Myers-Lipton với cuốn *"Rebuild America: Solving the Economic Crisis Through Civic Works" (Phục hồi nước Mỹ: Giải cứu nền kinh tế suy thoái thông qua vấn đề lao động),* Paradigm Press, New York, 2009, đã tiếp cận các giải pháp khắc phục cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính từ góc độ các chính sách về an sinh xã hội. Tác giả đã cho rằng những chính sách của Tổng thống Obama có kế thừa một số điểm từ Chính sách mới

trong cuộc Đại suy thoái 1929 - 1933.

Jack Rasmus với cuốn *"Obama's Economy: Recovery for the Few" (Chính sách kinh tế của Obama: Sự phục hồi chậm chạp),* Pluto Press, New York, 2012, đã dựng lại bức tranh nền kinh tế Mỹ từ cuộc bầu cử tổng thống năm 2008 đến khi Quốc hội thông qua bản dự thảo ngân sách năm 2012, để làm rõ hiện trạng nền kinh tế Mỹ và lý giải nguy cơ một cuộc suy thoái kinh tế kép đang có xu hướng gia tăng. Theo tác giả, chính quyền Obama còn nhiều hạn chế trong việc phục hồi kinh tế, tạo công bằng xã hội. Bởi vì, trong khi lợi nhuận doanh nghiệp tăng lên thì hàng triệu người dân Mỹ vẫn còn đang gặp khó khăn về kinh tế. Rasmus đánh giá chính sách của Obama đã tạo ra sự phục hồi kinh tế yếu nhất kể từ năm 1947. Từ đó, ông đưa ra một số kiến nghị để khắc phục những hạn chế này.

Michael I. Day với cuốn sách "*Obama's Legacy: What he accomplished as President"(Di sản Obama: Những việc tổng thống đã hoàn thành),* Centers Street, New York, đã tổng kết lại những thành tựu mà Obama đã đạt được trong hai nhiệm kỳ của mình trên các lĩnh vực: kinh tế, nông nghiệp, lao động việc làm, giáo dục, y tế, người nhập cư, công nghệ, năng lượng. Đúng như khẩu hiệu của Obama khi tranh cử: "*Vâng, chúng tôi có thể" (Yes, We can)* tác giả đánh giá Obama đã tạo ra được một dấu ấn đặc biệt trong lịch sử nước Mỹ, ông đã thành công trong việc đưa nền kinh tế Mỹ thoát khỏi khủng hoảng, thúc đẩy sự tăng trưởng việc làm liên tục, giảm 2/3 thâm hụt ngân sách Liên bang, phục hồi thị trường chứng khoán.

Công trình nghiên cứu của Matt Margolis và Mark Noonan mang tên "*The worst president in history: The legency of Barack Obama"(Tổng thống tệ nhất trong lịch sử: Di sản của Barack Obama),* Victory Books, New York, 2016, đã liệt kê 200 dẫn chứng để làm rõ luận điểm của tác giả về những thất bại của Obama trong suốt nhiệm kỳ của ông: thất bại trong việc phục hồi kinh tế, "*thảm họa*" trong chương trình chăm sóc sức khỏe *"Obamacare"*, những sai lầm trong những chính sách sửa đổi về thuế, sự lạm dụng quyền hành pháp, sự suy giảm của vị trí nước Mỹ trong các mối quan hệ quốc tế.

Công trình nghiên cứu về lịch sử kinh tế của Roger E.A. Farmer *"How economy works – confidence, Crashes and Self – Fulfilling Prophecies",* Oxford University Press, England, 2010 ("*Cách nền kinh tế vận hành - niềm tin, sự sụp đổ và những lời tiên tri tự đúng"*, Nxb Tri Thức, 2017, do Trần Mai Sơn và Dương Thu Thuỷ dịch) đã đề cập đến ba vấn đề: *Một là,* so sánh hai cuộc khủng hoảng Đại suy thoái 1929-1933 và khủng hoảng tài chính kinh tế; *hai là,* hệ thống lại các lý thuyết kinh tế*; ba là,* đánh giá về những chính sách giải quyết khủng hoảng kinh tế của Chính phủ Mỹ. Mặc dù những chính sách của Tổng

thống Obama đã thể hiện sự tăng cường vai trò Chính phủ nhưng tác giả vẫn ủng hộ *"thị trường tự do"*, vì thế, Chính phủ chỉ nên can thiệp ở một mức độ nhất định.

Bài viết của Gregory Mankiw đăng trên http://scholar.harvard.edu với tiêu đề: "*Crisis Economics" (Khủng hoảng kinh tế)* đã đánh giá những chính sách khắc phục khủng hoảng của Chính phủ Mỹ chính là việc quay trở lại với những quan điểm của Keynes về vai trò của nhà nước.

Bài viết của các tác giả Randall D. Guynn, Davis Polk & Wardwell LLP, thuộc Khoa Luật Đại học Havard về: "*The Financial panic of 2008 and Financial Regulatory Reform" (Thảm họa tài chính 2008 và cải cách tài chính)* đăng trên Webside https://corpgov.law.harvard.edu đã khái quát những hậu quả của khủng hoảng kinh tế, từ đó hệ thống lại các chính sách ứng phó của Chính phủ Mỹ. Trong đó, lấy đạo luật Dodd Frank để làm căn cứ để so sánh, tác giả nhấn mạnh đến những cải cách tổng thể về hệ thống tài chính. Bài viết của tác giả đã dựa trên những phân tích đánh giá của hiệp hội Luật sư quốc tế về khủng hoảng tài chính - kinh tế. Do vậy, đây là một công trình nghiên cứu về giải pháp khắc phục khủng hoảng dưới góc độ cải cách tư pháp.

Như vậy, mặc dù xem xét các chính sách mà Chính phủ Mỹ triển khai nhằm ứng phó với khủng hoảng tài chính - kinh tế từ những góc độ khác nhau nhưng các công trình nghiên cứu đã đồng nhất về việc gia tăng vai trò của Chính phủ, đây cũng là sự vận dụng lý luận của Keynes. Mặc dù nền khủng hoảng kinh tế đã cơ bản được kiểm soát nhưng vẫn còn rất nhiều thách thức và cần thiết phải bổ sung và điều chỉnh các chính sách của Chính phủ. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài phần lớn chỉ tập trung đề cập đến lĩnh vực kinh tế mà vẫn chưa có nhiều những công trình đề cập đến lĩnh vực xã hội; đồng thời cũng chưa đề cập đến sự liên kết giữa giải quyết vấn đề kinh tế và vấn đề xã hội.

1.2. Nhận xét

Trên cơ sở những nguồn tài liệu mà tác giả luận án đã tiếp cận được, có thể đưa ra nhận xét về các vấn đề mà các công trình nghiên cứu trước đã đề cập tới ở nhiều mức độ, như sau:

Một là, các công trình nghiên cứu đã tập trung vào phân tích nguyên nhân của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế như: những yếu kém trong chính sách quản lý kinh tế, đặc biệt là trách nhiệm của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ trong việc thực hiện một chính sách tiền tệ dễ dãi, vì mục tiêu lợi nhuận đã thúc đẩy hình thành một bong

bóng nhà đất trên thị trường.

Hai là, phân tích những biểu hiện của khủng hoảng thông qua các trường hợp cụ thể như: sự phá sản của ngân hàng Bear Strearns, việc Chính phủ Mỹ buộc phải tiếp quản tập đoàn Fannie Mae và Freddie Mac, đặc biệt là sự kiện tập đoàn Lehman Brother phá sản, tiếp đó là việc mua bán sáp nhập của các tập đoàn tài chính và ngân hàng lớn của nước Mỹ như Merill Lynch, Washington Mutual, Wachopia.

Ba là, thông qua việc phân tích các giải pháp ứng phó với khủng hoảng tài chính kinh tế của Chính phủ Mỹ, các công trình nghiên cứu đã bước đầu đánh giá những thành công và hạn chế như: đã cơ bản kiểm soát được cuộc khủng hoảng, tuy nhiên, tình trạng thâm hụt ngân sách nước Mỹ đang ngày càng gia tăng và tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao.

Bốn là, bước đầu đánh giá về sự điều chỉnh của nước Mỹ từ cuộc khủng hoảng, đặc biệt là sự gia tăng vai trò của Chính phủ trong điều hành nền kinh tế.

Năm là, đã có sự so sánh giữa hai cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế và Đại suy thoái 1929-1933 về những điểm tương đồng trong nguyên nhân và những giải pháp khắc phục giữa hai cuộc khủng hoảng. Tuy nhiên, mức độ và biểu hiện đã có sự khác nhau.

Bên cạnh những vấn đề đã được nghiên cứu, một số nội dung có liên quan tới quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính kinh tế của Chính phủ Mỹ vẫn chưa được tập trung nghiên cứu như sau:

Một là, cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế mới chỉ được tập trung nghiên cứu trong giai đoạn bùng nổ là 2008-2009 mà chưa được đề cập đầy đủ trong các giai đoạn tiếp theo. Trên thực tế, cuối năm 2009, do tác động của những chính sách và biện pháp mà Chính phủ Mỹ triển khai, đã chấm dứt được tình trạng đổ vỡ của các tập đoàn tài chính nhưng nền kinh tế Mỹ vẫn còn rất nhiều thách thức đặc biệt là tình trạng suy thoái với hai biểu hiện cơ bản: tốc độ tăng trưởng chậm, tỷ lệ thất nghiệp còn cao. Do vậy, nếu nghiên cứu chỉ dừng lại ở thời điểm 2009 sẽ chưa thể đánh giá đầy đủ, toàn diện về cuộc khủng hoảng.

Hai là, những chính sách và biện pháp của Chính phủ Mỹ trong quá trình triển khai đã có sự điều chỉnh, bổ sung nhằm hài hoà giữa mục đích trước mắt và những lợi ích lâu dài. Trong khi đó, các công trình nghiên cứu mới chỉ bước đầu đề cập đến những chính sách ở mức độ khái quát trong giai đoạn 2008-2009. Vì thế, cần thiết phải xem xét mang tính tổng thể đặc biệt là những nghiên cứu so sánh để thấy được tính linh hoạt của chính sách.

Ba là, những nghiên cứu trước đó khi tìm hiểu về chính sách và biện pháp của

Chính phủ Mỹ thường chỉ tập trung nghiên cứu lĩnh vực kinh tế, chưa có những nghiên cứu đánh giá đầy đủ về chính sách và biện pháp giải quyết các vấn đề xã hội và tác động của nó.

Bốn là, những đánh giá của các công trình nghiên cứu phần lớn là từ góc độ kinh tế, vẫn chưa có công trình nào đánh giá đầy đủ và toàn diện từ góc độ lịch sử.

1.3. Những vấn đề Luận án tập trung giải quyết

Trên nguyên tắc kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đó, từ góc độ lịch sử luận án tập trung đi sâu hơn nữa vào những nội dung mà các nghiên cứu trước chưa làm rõ. Cụ thể là:

Một là, phân tích những cơ sở lý thuyết và cơ sở thực tiễn dẫn đến quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế của Chính phủ Mỹ.

Hai là, làm rõ quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính kinh tế của chính phủ Mỹ từ năm 2008 đến 2014, sự bổ sung và điều chỉnh qua hai giai đoạn: kiểm soát khủng hoảng (2008-2009); giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế (2009-2014). Các chính sách và biện pháp không chỉ tập trung trên lĩnh vực kinh tế mà còn có sự phối hợp, triển khai đồng bộ với các chính sách và biện pháp trên lĩnh vực xã hội.

Ba là, nhận xét và đánh giá về quá trình giải quyết khủng hoảng, đặc biệt là hiệu quả của các chính sách và biện pháp so với dự kiến đề ra; đặc trưng của quá trình giải quyết khủng hoảng. Đồng thời, so sánh với quá trình giải quyết Đại suy thoái để chỉ ra sự vận dụng linh hoạt của Chính phủ Mỹ từ những bài học kinh nghiệm trong quá khứ. Đánh giá tác động của quá trình giải quyết khủng hoảng không chỉ với Chính phủ mà còn với nền kinh tế và xã hội Mỹ.

Chương 2
CƠ SỞ QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH - KINH TẾ CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Lý thuyết về "khủng hoảng kinh tế"

"Khủng hoảng kinh tế (*Economic crisis*) là một giai đoạn mà nền kinh tế quốc gia phải đối mặt với tình trạng sụt giảm nghiêm trọng. Một nền kinh tế đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng kinh tế sẽ có biểu hiện như GDP sụt giảm, suy giảm tính thanh khoản, giá cả sẽ tăng hoặc giảm do tình trạng lạm phát hoặc giảm phát. Một cuộc khủng hoảng kinh tế có thể xảy ra dưới hình thức suy thoái kinh tế" [131].

Kể từ khi cuộc khủng hoảng bong bóng đầu cơ tài sản đầu tiên - khủng hoảng bong bóng hoa Tulip Hà Lan[2] năm 1637 đến nay, khủng hoảng kinh tế đã có lịch sử gần 400 năm. Khủng hoảng kinh tế trở thành một hiện tượng gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Xuất phát từ quan điểm lập trường chính trị giai cấp, phương pháp tiếp cận vấn đề nghiên cứu, mỗi trường phái đều đưa ra những lý giải cũng như những giải pháp khác nhau về khủng hoảng.

∗ *Quan điểm của Mác về "khủng hoảng kinh tế":*

Một trong các học thuyết đề cập sâu sắc đến nguyên nhân, đặc điểm, bản chất của khủng hoảng kinh tế đó là học thuyết Mác. Theo Mác, khủng hoảng kinh tế là một hiện tượng gắn liền với bản chất của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Khủng hoảng có thể xảy ra ở một hay toàn bộ các khâu của quá trình tái sản xuất. Đó là sự rối loạn trong sản xuất, lưu thông hay phân phối. Khủng hoảng kinh tế chủ yếu là do mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản: mâu thuẫn giữa tính chất và trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất với chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội [10, tr.53].

∗ *Quan điểm của các nhà kinh tế học tư sản về "khủng hoảng kinh tế":*

"Khủng hoảng kinh tế" là một vấn đề hiện hữu trong nền kinh tế thị trường. Do đó, vấn đề này cũng được đề cập đến trong các học thuyết của các nhà kinh tế học tư sản. Do quan điểm tiếp cận về vai trò thị trường khác nhau, mỗi trường phái đều đưa ra những giải thích khác nhau về khủng hoảng kinh tế. Một trong những người đầu tiên quan tâm nghiên cứu đến khủng hoảng kinh tế là nhà kinh tế học người Thuỵ Sỹ

---

[2] Khủng hoảng bong bóng hoa Tuylip Hà Lan (Tiếng Hà Lan là: *tulpenmanie, tulpomanie, tulpenwoede, tulpengekte* và *bollengekte*): vào đầu những năm 1630 giá hoa Tuylip ở Hà Lan liên tục tăng, nhiều người đã liên tục bỏ vốn ra đầu tư mua củ hoa Tuylip, họ cho rằng đó là thước đo của sự giàu có. Tuy nhiên, ngay sau đó giá hoa Tuylip đột ngột giảm chỉ còn 1% so với lúc đỉnh điểm, lợi nhuận ảo trên giấy tờ bị xoá sạch.

Sismondi (1773-1842). Ông cho rằng khủng hoảng kinh tế không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, cục bộ. Về nguyên nhân khủng hoảng, ông đã dùng lý luận "tiêu dùng lạc hậu hơn sản xuất" [64, tr.30] để giải thích. Do các mâu thuẫn trong sản xuất, sự bất bình đẳng quá lớn về mặt tài sản, quan hệ phân phối không hợp lý, vì thế, khi sản xuất tăng lên nhưng tiêu dùng lại không theo kịp dẫn đến khủng hoảng kinh tế

Đầu thế kỷ XX, nhà kinh tế học người Anh J.M.Keynes đã phê phán một trong những hạn chế của nền kinh tế thị trường tự do là khủng hoảng kinh tế. Ông cho rằng, tiêu dùng giới hạn do tâm lý gia tăng tiết kiệm khiến cho nhu cầu tiêu dùng bị suy giảm, hàng hoá tồn đọng, khi lợi nhuận giảm các doanh nghiệp không đầu tư sản xuất thêm, thậm chí đóng cửa, công nhân thất nghiệp và khủng hoảng kinh tế sẽ diễn ra. Như vậy, nguyên nhân cơ bản của khủng hoảng kinh tế chính là *"tổng cầu"* nhỏ hơn *"tổng cung"* [64, tr.190].

Dựa trên nền tảng kinh tế học cổ điển và có sự kế tục một số quan điểm của Keynes, các nhà kinh tế học theo trường phái *"tự do mới"* với các đại diện: Milton Friedman, Henry Simons đã bảo vệ tự do kinh tế theo nguyên tắc thị trường "tối đa" và nhà nước "tối thiểu". Các nhà kinh tế học thuộc trường phái này lý giải nguyên nhân khủng hoảng kinh tế là do sự sai lầm trong chính sách can thiệp của nhà nước hoặc những cú sốc ngoài dự tính [10, tr.66].

Như vậy, khủng hoảng kinh tế được xem là một hiện tượng tất yếu trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa nói riêng và kinh tế thị trường nói chung. Khủng hoảng xuất phát từ những hạn chế trong nền kinh tế thị trường hoặc những sai lầm trong chính sách vĩ mô của nhà nước. Xuất phát từ nguyên nhân, các cuộc khủng hoảng cũng có những biểu hiện khác nhau, vì vậy, có nhiều loại hình khủng hoảng. Trong đó, khủng hoảng tài chính là một trong những loại hình khủng hoảng điển hình trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Căn cứ vào cách lý giải và góc nhìn, mỗi trường phái sẽ đưa ra những quan điểm khác nhau để giải quyết khủng hoảng kinh tế.

2.1.2. Lý thuyết về " giải quyết khủng hoảng kinh tế"

Khủng hoảng kinh tế là một trong những yếu tố tác động lớn đến sự phát triển của nền kinh tế. Do vậy, vấn đề giải quyết khủng hoảng kinh tế đã được nhiều nhà kinh tế học đề cập đến trong các công trình nghiên cứu của mình. Tựu trung lại, có hai xu hướng quan điểm cơ bản trong việc giải quyết khủng hoảng kinh tế:

∗ *Quan điểm đề cao vai trò thị trường:*

Các nhà kinh tế theo trường phái *"Cổ điển"* (cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX với các đại diện là Adam Smith, David Ricardo) và "*cổ điển mới"* (cuối thế kỷ

XIX - thập kỷ 30 của thế kỷ XX, với các đại diện: Carl Menger, J.B. Clark, Leon Walrras) đều tin tưởng vào khả năng tự điều tiết của thị trường. Trong đó, các yếu tố cơ bản của thị trường là giá cả và tiền lương hoàn toàn linh hoạt. Do đó, mỗi khi xảy ra khủng hoảng kinh tế thì thị trường sẽ tự điều tiết cân bằng đưa nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng [10, tr.20]. Tuy nhiên, từ cuộc Đại suy thoái 1929-1933, lý thuyết kinh tế đề cao vai trò thị trường của trường phái *"cổ điển"* tạm thời bị thay thế bởi quan điểm đề cao vai trò nhà nước của Keynes.

Đến những năm 70 của thế kỷ XX, nền kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa lại lâm vào cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế, những chính sách tăng cường can thiệp của nhà nước dường như không mang lại hiệu quả. Từ đó, dẫn đến sự phục hồi của tư tưởng tự do kinh tế hay còn gọi là *"chủ nghĩa tự do mới"* (với một số nhà kinh tế học tiêu biểu: Milton Friedman, W. Euskens, W.Ropke, Ar Mack,…). Trường phái này đã kết hợp tư tưởng kinh tế của trường phái tự do cũ với một số quan điểm của học thuyết Keynes về vai trò can thiệp của nhà nước. Tư tưởng kinh tế cơ bản của trường phái này là cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước ở một mức độ nhất định theo nguyên tắc "thị trường tối đa, nhà nước tối thiểu" [10, tr.68].

∗ *Quan điểm đề cao vai trò của nhà nước:*

Trong cuộc Đại suy thoái (1929-1933), những thất bại của những chính sách dựa trên nguyên tắc *"bàn tay vô hình"* đã dẫn đến sự phá sản tư tưởng kinh tế cơ bản của trường phái "cổ điển". Năm 1936, John Maynard Keynes xuất bản tác phẩm: *"Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ"*, đây là tác phẩm tiêu biểu nhất của ông. Lý thuyết của ông đề cập đến hai vấn đề chính là lý thuyết chung về việc làm và vai trò của nhà nước trong việc điều tiết nền kinh tế, đặc biệt là khi khủng hoảng kinh tế xảy ra.

Lý thuyết việc làm là trung tâm trong hệ thống quan điểm của Keynes. Theo ông, trong nền kinh tế thị trường khi việc làm tăng thì thu nhập sẽ tăng theo. Nhưng do tác động bởi khuynh hướng tâm lý, tiêu dùng tăng chậm hơn thu nhập và tiết kiệm tăng nhanh hơn so với thu nhập. Khi cầu tiêu dùng giảm sẽ khiến cho niềm tin của nhà đầu tư và việc làm sẽ giảm. Khi đó, nền kinh tế sẽ rơi vào khủng hoảng. Tuy nhiên, số lượng việc làm được quyết định bởi quy mô đầu tư, mà tham gia đầu tư gồm hai đối tượng: doanh nhân và nhà nước. Trong khi mục đích đầu tư của doanh nhân là lợi nhuận. Vì thế, khi nền kinh tế xảy ra khủng hoảng, hiệu quả giới hạn của tư bản đầu tư giảm, doanh nhân không tích cực đầu tư. Khi đầu tư thu hẹp, nhu cầu việc làm sẽ giảm theo, do vậy, vai trò đầu tư của nhà nước lúc này là rất quan trọng.

Nội dung cơ bản thứ hai trong lý thuyết của Keynes là vai trò của nhà nước. Từ việc phê phán những hạn chế của thị trường, Keynes khẳng định muốn thoát khỏi khủng hoảng, thất nghiệp và suy thoái, nhà nước phải trực tiếp can thiệp vào nền kinh tế. Theo ông, không có một cơ chế vận hành nào có thể giúp nền kinh tế các nước tư bản có thể sử dụng hết nguồn lao động và đầu tư tăng đều đặn. Do vậy, để ổn định nền kinh tế và thích ứng với những biến động của khủng hoảng kinh tế thì giải pháp tất yếu là cần có sự can thiệp của nhà nước, thông qua các chính sách:

Một là, chính sách đầu tư: nhà nước phải có một chương trình đầu tư lớn tạo điều kiện tăng thu nhập, tăng tiêu dùng, tạo việc làm và khuyến khích sự tham gia đầu tư của tư nhân. Trong đó, nhà nước tham gia trực tiếp vào quá trình đầu tư bằng nguồn vốn của ngân sách. Khi nhà nước đầu tư một mặt sẽ có thêm các đơn đặt hàng cho các tập đoàn tư bản, thu nhập tương lai tăng lên, thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư, việc làm mở rộng. Mặt khác, sự đầu tư của nhà nước sẽ trực tiếp tạo thêm việc làm.

Hai là, chính sách tín dụng, tiền tệ, thuế khóa: Đây là công cụ hữu hiệu trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Để đạt được mục tiêu sử dụng hệ thống tài chính tiền tệ nhằm kích thích đầu tư thì phải tăng thêm tiền mặt vào lưu thông. Để làm tăng lượng cung tiền tệ, nhà nước có thể tăng nguồn vốn cho vay, giảm lãi suất, qua đó kích thích sự gia tăng đầu tư. Trong hai vấn đề lạm phát và thất nghiệp thì thất nghiệp nguy hiểm hơn nhiều lần so với lạm phát, và khi nền kinh tế đạt trạng thái cân bằng khi số lượng việc làm tăng lên thì lạm phát sẽ tự động ngừng lại.

Ba là, chính sách kích thích tiêu dùng: muốn kích thích cầu tiêu dùng phải điều chỉnh chính sách thuế theo hướng giảm thuế thu nhập vì khi thuế giảm thu nhập tăng lên thì tiêu dùng và tiết kiệm cũng tăng. Nếu đầu tư cùng tăng với tiết kiệm, kết quả tổng hợp lại là gia tăng mức tổng cầu làm thu nhập quốc dân tăng [64, tr.192].

Với mục tiêu tăng tổng cầu, tạo việc làm, Keynes chủ trương mở rộng mọi hình thức đầu tư, đưa nền kinh tế khắc phục khủng hoảng, thất nghiệp, ổn định kinh tế.

Sự thành công của việc gia tăng vai trò của chính phủ trong "Chính sách mới" (New Deal) dưới thời Tổng thống Franklin D.Roosevelt ở nước Mỹ khiến cho các nhà nước tư bản đã cho rằng học thuyết Keynes chính là "liều thuốc hữu hiệu" để "đặc trị căn bệnh khủng hoảng". Tuy nhiên, với cuộc khủng hoảng kinh tế vào những năm 70 của thế kỷ XX, và với những chính sách của Tổng thống R. Reagan của nước Mỹ và M. Thatcher của nước Anh đã đánh dấu sự phát triển của một trào lưu tư tưởng *"chủ nghĩa tự do mới"*.

Như vậy, việc tìm hiểu về các trường phái lý thuyết khác nhau đề cập đến khủng

hoảng kinh tế và việc giải quyết khủng hoảng kinh tế cho thấy, vai trò nhà nước trong việc giải quyết khủng hoảng được đề cập tới ở tất cả các trường phái lý thuyết, dù là ở nhiều mức độ khác nhau, thậm chí là trái ngược nhau về quan điểm. Điều này cho thấy, trong nền kinh tế thị trường hiện đại, giải quyết khủng hoảng kinh tế luôn gắn với vai trò của nhà nước. Tuy nhiên, việc điều tiết nền kinh tế luôn phải dựa theo những quy luật khách quan của kinh tế thị trường.

Nền kinh tế với vai trò là cơ sở hạ tầng sẽ quyết định sự ổn định của kiến trúc thượng tầng. Nhà nước với vai trò kiến trúc thượng tầng cũng tác động trở lại đến nền kinh tế. Nếu sự điều tiết đó là đúng đắn và phù hợp với quy luật khách quan thì sẽ đưa nền kinh tế phát triển ổn định, ngược lại nếu sự điều tiết của nhà nước không phù hợp với quy luật khách quan có thể đẩy nền kinh tế vào suy thoái hay khủng hoảng.

Vai trò điều tiết của nhà nước trong khủng hoảng kinh tế sẽ khác nhau tùy thuộc vào các giai đoạn cụ thể. Nếu nguyên nhân khủng hoảng kinh tế xuất phát từ những hạn chế yếu kém của thị trường thì nhà nước phải là bước đệm thể hiện trong các chính sách và biện pháp phù hợp, giúp thị trường phục hồi và lấy lại đà tăng trưởng. Nếu nguyên nhân khủng hoảng kinh tế là do sai lầm trong chính sách điều tiết của nhà nước, thì nhà nước phải điều chỉnh chính sách kinh tế theo hướng tương hợp với thị trường.

Trên thực tế, khi đối mặt với các cuộc khủng hoảng, Chính phủ Mỹ không bao giờ trực tiếp đề cập đến việc sẽ vận dụng một cơ sở lý thuyết nào. Tuy nhiên, thông qua quá trình giải quyết các cuộc khủng hoảng, có thể nhận thấy các chính sách và biện pháp mà Chính phủ triển khai luôn có sự kế thừa những nguyên tắc cơ bản của các lý thuyết kinh tế. Bên cạnh đó, trong nền kinh tế thị trường luôn biến đổi và với một quốc gia đề cao tư tưởng tự do, trong những giải pháp ứng phó với khủng hoảng có thể có sự đan xen nhiều lý thuyết khác nhau, nhưng trong đó luôn có một trường phái lý thuyết giữ vị trí trung tâm.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Vai trò của Chính phủ Mỹ đối với việc vận hành nền kinh tế

Hệ thống chính trị nước Mỹ luôn được vận hành theo nguyên tắc *"tam quyền phân lập"*. Trong đó, quyền lập pháp thuộc về lưỡng viện Quốc hội Mỹ, quyền hành pháp thuộc về Chính phủ và quyền tư pháp thuộc về hệ thống toà án. Các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp này vừa độc lập nhưng lại vừa phụ thuộc và kiểm soát lẫn nhau. Chính phủ mặc dù có quyền đề xuất các dự luật nhưng lại phải được sự nhất trí của Quốc hội, đồng thời tất cả các chính sách mà Chính phủ Mỹ thực hiện phải dựa trên hiến pháp và luật pháp mà Quốc hội ban hành. Trong sự đa dạng và phức tạp của

hệ thống chính trị nước Mỹ, vấn đề trực tiếp điều hành, quản lý và giải quyết mọi vấn đề của nền kinh tế thuộc về vai trò của Chính phủ.

Là một nước tư bản điển hình, xét về tổng thể, nền kinh tế Mỹ luôn được vận hành theo nguyên tắc đề cao vai trò *"thị trường"*. Đây là một nguyên tắc được giải thích bằng một thuật ngữ tiếng Pháp: *"Laissez-faire"* - *"hãy để mặc nó"*. Điều này không chỉ phù hợp với nền tảng tư tưởng trong xã hội mà còn là động lực cơ bản thúc đẩy sự vươn lên mạnh mẽ của nền kinh tế Mỹ.

Tuy nhiên, nhìn lại lịch sử phát triển của nước Mỹ trong thế kỷ XX, nguyên tắc *"thị trường tự do"* không phải luôn duy trì một cách cứng nhắc. Chính phủ Mỹ đã rất linh hoạt trong việc điều hành và điều chỉnh nguyên tắc vận hành kinh tế cũng như vai trò điều tiết kinh tế của Chính phủ tuỳ vào đòi hỏi của tình hình thực tế.

Trong những năm đầu của thế kỷ XX, vai trò của Chính phủ chỉ dừng lại ở việc tạo dựng khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho các nguyên tắc thị trường được tự do vận hành. Các đạo luật chống độc quyền được Chính phủ thông qua với mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và làm tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh đó, Chính phủ đã bước đầu chú ý bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng bằng những quy định về việc các doanh nghiệp phải có thông tin hàng hoá đối với các sản phẩm trên thị trường. Năm 1913, Chính phủ thành lập một hệ thống Dự trữ Liên bang có vai trò như ngân hàng trung ương cũng với mục đích cơ bản là nhằm hỗ trợ thị trường.

Những thay đổi lớn nhất trong vai trò của Chính phủ xuất hiện từ thời Chính sách mới. Cuộc Đại suy thoái (1929-1933) đã khiến người Mỹ nghi ngờ về khả năng *"thị trường tự do"* tự giải quyết nhiều vấn đề của nền kinh tế. Trong Chính sách mới, Tổng thống Roosevelt đã đưa ra hàng loạt cải cách dẫn đến sự gia tăng đáng kể vai trò của Chính phủ trong điều tiết kinh tế. Chính phủ đứng ra điều tiết thị trường chứng khoán, kiểm soát hệ thống ngân hàng, bảo hiểm tiền gửi ngân hàng, trợ giá cho nông nghiệp, điều tiết mối quan hệ giữa giới chủ và công nhân, thành lập một tập đoàn uỷ quyền phát triển thung lũng Tennessee,v.v.. Sự thành công trong việc thoát khỏi khủng hoảng và phục hồi kinh tế đã khiến nước Mỹ tin rằng *"bàn tay chính phủ"* là giải pháp tốt nhất đối với nền kinh tế Mỹ nói riêng và nước Mỹ nói chung. Quan điểm này tiếp tục được duy trì trong suốt những năm 50, 60 của thế kỷ XX.

Tuy nhiên, đến những năm 70 của thế kỷ XX, nước Mỹ rơi vào cuộc lạm phát kinh tế kéo dài, trong khi đó, các chính sách điều tiết đã làm giảm sự cạnh tranh về giá. Do đó, Chính phủ Mỹ đã từng bước nới lỏng các chính sách điều tiết thị trường. Dưới thời Tổng thống Jimmy Carter (1977-1981), Quốc hội đã thông qua đạo luật quy định

bãi bỏ điều tiết bảo hộ ngành hàng không, vận tải và đường sắt. Chính sách phi điều tiết được tăng cường trong hai nhiệm kỷ cầm quyền của Tổng thống R.Reagan (1981-1989). Ông cho rằng *"Chính phủ Liên bang đã trở nên quá cồng kềnh và lạm dụng"* [5, tr.25]. Vì thế, đồng thời với việc cắt giảm thuế, Tổng thống Reagan cũng giảm mạnh các chương trình xã hội, xoá bỏ các hoạt động điều tiết của Chính phủ tác động tới người tiêu dùng, việc làm và môi trường.

Quá trình phi điều tiết ngành viễn thông là một trường hợp điển hình. Đến những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, công ty *Điện thoại và điện báo Mỹ* (AT&T) vẫn kiểm soát độc quyền lĩnh vực kinh doanh điện thoại, uỷ ban *Thông tin liên lạc liên bang* điều tiết giá những cuộc gọi đường dài giữa các bang và các nhà điều tiết bang sẽ định giá cuộc gọi nội bang. Trước sự phát triển của công nghệ và nhu cầu của thị trường, Chính quyền Reagan đã từng bước phi điều tiết ngành viễn thông. Năm 1984, Toà án Liên bang đã quyết định chấm dứt hoạt động độc quyền của AT&T, cho phép các công ty viễn thông khác được khai thác lĩnh vực viễn thông đường dài. Việc xoá bỏ độc quyền cùng với sự cho phép các doanh nghiệp khác được tham gia khai khác thị trường viễn thông đã dẫn đến cuộc cạnh tranh về giá từ đó chấm dứt vai trò kiểm soát giá của uỷ ban Thông tin liên lạc liên bang. Trong sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học kỹ thuật và sự gia tăng nhu cầu của người tiêu dùng, việc gỡ bỏ chính sách kiểm soát là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngành viễn thông.

Lĩnh vực ngân hàng đóng vai trò trung tâm trong nền kinh tế. Với việc đạo luật *Glass-Steagall* được thông qua trong thời kỳ Chính sách mới đã tăng cường các quy định nhằm ngăn cản các ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm và chứng khoán. Tuy nhiên, sự phát triển của thị trường đã dẫn đến sự xuất hiện của nhiều loại hình dịch vụ tài chính mới, trong khi những quy định của Chính phủ đã khiến một số lượng lớn khách hàng của các ngân hàng đã chuyển sang cho các công ty tài chính. Do đó, các ngân hàng đã gây sức ép lên Chính phủ buộc Chính phủ phải từng bước nới lỏng các quy định. Năm 1999, Quốc hội thông qua đạo luật *Hiện đại hóa dịch vụ tài chính* thay thế cho đạo luật Glass-Steagall. Luật mới đã mở rộng quyền tự do cho các ngân hàng, cho phép đa dạng hoá các dịch vụ tài chính từ cho vay đến bao tiêu phát hành chứng khoán.

Tuy nhiên, nhằm hạn chế những mặt tiêu cực của thị trường, Chính phủ tiếp tục duy trì kiểm soát các công ty tư nhân để bảo vệ sức khoẻ, an toàn cộng đồng, chống lại các hoạt động xâm hại quyền lợi người tiêu dùng hoặc bảo vệ môi trường. Ví dụ: Cơ quan *Quản lý lương thực và dược phẩm* cấm lưu hành các loại thuốc độc hại; Cục *Sức*

khoẻ và an toàn nghề nghiệp bảo vệ công nhân tránh những mối nguy hiểm mà họ có thể gặp phải trong khi làm việc; và Cơ quan *Bảo vệ môi trường* tìm cách kiểm soát ô nhiễm nước và không khí [5, tr.25]. Bên cạnh đó, Chính phủ trực tiếp tham gia vào các vấn đề nằm ngoài khả năng của thị trường như: cung cấp phúc lợi và trợ cấp thất nghiệp cho những người không có khả năng tự trang trải, hoặc do họ gặp rủi ro trong cuộc sống hoặc bị mất việc làm do biến động kinh tế đột ngột, thanh toán hầu hết các chi phí chăm sóc sức khoẻ cho người già và những người sống trong cảnh nghèo nàn. Đồng thời, Chính phủ cũng cung cấp các dịch vụ trực tiếp, ví dụ: nghiên cứu để phát triển các sản phẩm mới, tiến hành hoạt động thám hiểm không gian vũ trụ, duy tu và sửa chữa hệ thống giao thông vận tải,.v.v.. [5, tr.25]

Như vậy, trước sự phát triển của khoa học công nghệ và những đòi hỏi của sự phát triển kinh tế đã buộc Chính phủ Mỹ phải từng bước gỡ bỏ những quy định điều tiết. Song không phải là sự lặp lại của *"thị trường tự do"* như trước năm 1929, mà là việc thực hiện một chính mới với tên gọi *"chủ nghĩa tự do mới"*. Mặc dù sức mạnh của thị trường đã được tăng cường đáng kể nhưng Chính phủ luôn giữ vai trò quan trọng trong điều tiết kinh tế vĩ mô, đồng thời là lực lượng chủ đạo trong việc giải quyết những hạn chế của thị trường. Bên cạnh đó, nhằm điều tiết các mối quan hệ xã hội và hướng đến mục đích phát triển kinh tế, Chính phủ cũng chú ý nhiều hơn đến vấn đề an sinh xã hội.

2.2.2. Những kinh nghiệm của Chính phủ Mỹ trong việc giải quyết Đại suy thoái (1929-1933)

Cuộc Đại suy thoái (1929-1933) và việc thực thi Chính sách mới đã dẫn đến sự điều chỉnh đáng kể về vai trò của Chính phủ đối với việc vận hành nền kinh tế. Sự thành công trong việc giải quyết cuộc khủng hoảng có quy mô lớn nhất trong lịch sử, đưa nền kinh tế Mỹ ổn định và phát triển đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc. Với nhiều điểm tương đồng giữa cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế và cuộc Đại suy thoái, do đó, những bài học kinh nghiệm từ việc ứng phó với Đại suy thoái có thể là là cơ sở thực tiễn quan trọng để Chính phủ Mỹ vận dụng trong quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009).

Cuộc Đại suy thoái được đánh dấu bùng nổ bằng sự kiện *"ngày thứ năm đen tối"*, ngày 24 tháng 10 năm 1929, khi các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán bị sụt giảm nghiêm trọng. Từ thị trường chứng khoán, khủng hoảng đã ảnh hưởng đến hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế Mỹ, gây cho nền kinh tế những thiệt hại nặng nề.

Cuộc khủng hoảng kinh tế đã nhanh chóng ảnh hưởng sâu sắc, trầm trọng đến

thu nhập và việc làm của người lao động. Bởi khi các doanh nghiệp thiếu vốn, buộc phải đóng cửa hoặc thu hẹp sản xuất. Đồng thời, để duy trì hoạt động, nhiều chủ doanh nghiệp đã tìm cách cắt giảm tiền lương của công nhân. Năm 1933 đã tăng lên con số kỷ lục: gần 13 triệu, tương đương với ¼ lực lượng lao động Mỹ [72, tr.191].

Trong khi thất nghiệp gia tăng, thu nhập giảm sút, các khoản tiền gửi trong ngân hàng không sử dụng được. Người lao động không thanh toán được các khoản nợ dẫn đến nhà đất bị tịch biên, biến họ trở thành những người vô gia cư. Những khu ổ chuột với những "ngôi nhà" làm bằng thùng các tông, thùng gỗ thông mọc lên như nấm tại những thành phố ở nước Mỹ, được gọi là *"Làng Hoover" (Hooverville)*. Ở các thành phố, nhiều người lại không có đủ thực phẩm, họ xếp hàng dài trước những cơ quan từ thiện để chờ bố thí thực phẩm. Những con đường này được gọi là *"Đường bánh mỳ" (Bread lines)* [136].

Cuộc Đại suy thoái ngày càng trở nên trầm trọng hơn khi những biện pháp ứng phó của Tổng thống H.Hoover không mang lại hiệu quả. Sau này, trong cuốn hồi ký của mình, Hoover đã thẳng thắn: *"cuộc phồn vinh toàn diện đã giúp tôi thắng lợi trong cuộc bầu cử năm 1928"* tiếp đó ông lại viết *"cuộc tiêu điều toàn diện đã trở thành kẻ thủ lớn trong cuộc bầu cử năm 1932"* [30. Tr.419].

Cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 1932 đã đưa đến thắng lợi của ứng cử viên của Đảng Dân chủ Franklin D. Roosevelt - Thống đốc của bang New York, với câu nói nổi tiếng: *"tôi cam kết với bạn, tôi cam kết với chính bản thân tôi, một quyết sách mới cho người dân Mỹ" (I pledge you, I pledge myself, to a new deal for the American people)* [148] không đơn thuần là câu khẩu hiệu trong cuộc vận động tranh cử của ông mà còn là phương châm hành động cho Chính sách mới (New deal) của Chính phủ để ứng phó với Đại suy thoái.

Việc thực hiện Chính sách mới không chỉ dừng lại ở việc "cứu" nền kinh tế Mỹ khỏi nguy cơ sụp đổ, mà sau khi đã kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ tiếp tục ban hành các chính sách và biện pháp nhằm giải quyết suy thoái, phục hồi kinh tế. Quá trình thực hiện Chính sách mới tạo tiền đề cho một quá trình phát triển kinh tế lâu dài và mạnh mẽ cho nước Mỹ trong những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Được coi là cuộc khủng hoảng kinh tế lớn nhất trong lịch sử, vì vậy, đã có nhiều công trình nghiên cứu về cuộc Đại suy thoái trong suốt các thập kỷ qua. Nhiều bài học kinh nghiệm về việc ứng phó và giải quyết khủng hoảng đã được rút ra. Có thể nêu ra hai bài học cơ bản:

2.2.2.1. Sự nhận thức đúng đắn và can thiệp kịp thời của Chính phủ đóng vai trò then chốt trong việc kiềm chế và giải quyết khủng hoảng.

Cuộc Đại suy thoái chính thức bùng nổ vào tháng 10 năm 1929 - năm đầu tiên trong nhiệm kỳ của Tổng thống Herbert C. Hoover, song ông đã đánh giá không đầy đủ tính nghiêm trọng của cuộc Đại suy thoái. Tháng 12 năm 1929, ông vẫn tuyên bố: *"tình hình nước Mỹ cơ bản là tốt, tất cả các biểu hiện đều cho thấy rằng những hậu quả xấu nhất của sự sụp đổ thị trường chứng khoán đối với tình trạng thất nghiệp sẽ mất đi trong khoảng 60 ngày nữa*" [15, tr. 840]. Hoover cho rằng, tất cả mọi vấn đề của nền kinh tế Mỹ là xuất phát từ tâm lý hoảng sợ trên thị trường chứng khoán, chỉ cần khôi phục lại lòng tin là có thể khôi phục lại sự phồn vinh. Vì thế, Hoover đã nhiều lần mời lãnh đạo các doanh nghiệp tới họp, thúc giục họ duy trì tỷ lệ việc làm vốn có và tiêu chuẩn tiền lương.

Tuy nhiên, không như những dự tính ban đầu của Hoover, cuộc Đại suy thoái đã đẩy nước Mỹ ngày càng chìm sâu trong khó khăn, số người thất nghiệp ngày càng nhiều, trong khi đó phản ứng của chính phủ Hoover lại tỏ ra thiếu kiên quyết và không đủ để "cứu" kinh tế Mỹ. Ví dụ: tháng 1 năm 1932, Chính phủ thành lập công ty *Tái thiết tài chính - RFC (Reconstruction Finance Corporation)* có trụ sở ở 30 thành phố để cho các công ty đường sắt, tổ chức tài chính, doanh nghiệp kinh doanh vay tiền để mở rộng sản xuất [15, tr. 840]. Tuy nhiên, do bản chất Đại suy thoái là một cuộc khủng hoảng "thừa" nên RFC đã không mang lại nhiều hiệu quả.

Một nguyên nhân khác, vốn là người theo quan điểm *"thị trường tự do",* Hoover cho rằng chủ nghĩa tự do chính là giá trị cốt lõi của nước Mỹ, là căn nguyên của sự phồn vinh nên không thể bị thay thế. Do vậy, ông phản đối việc chính phủ có những hành động can thiệp có quy mô vào nền kinh tế và thị trường sẽ điều tiết đưa nền kinh tế sớm trở lại trạng thái cân bằng. Đồng thời, sự hỗ trợ của Chính phủ cũng không mang lại nhiều hiệu quả xã hội: "*ông cho rằng sự hỗ trợ đó cuối cùng cũng chỉ đến với nhân dân một cách nhỏ giọt"* [15, tr. 840]. Vì thế, khi cuộc khủng hoảng trở nên sâu sắc hơn, chính Hoover đã trở thành một biểu tượng của cuộc Đại suy thoái.

Trái ngược lại với những phản ứng của Hoover, Tổng thống Roosevelt đã có cái nhìn thẳng thắn về những hậu quả của Đại suy thoái, trong diễn văn nhậm chức ông đã nói: *"Đây là lúc phải nói lên sự thật, toàn bộ sự thật một cách dạn dĩ và trung thực…Quốc gia vĩ đại này sẽ có thể chịu đựng những khó khăn như nó đã từng chịu đựng, nhưng rồi nó sẽ phục sinh và trở nên cường thịnh"* [148]. Do vậy, ngay khi lên nắm quyền, Roosevelt đã đưa ra hàng loạt những chính sách thể hiện vai trò mạnh mẽ của nhà nước trong việc giải quyết Đại suy thoái:

Trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng*:* ngay khi lên cầm quyền, ngày 9 tháng 3

năm 1933, Chính phủ Roosevelt đã thông qua *Đạo luật ngân hàng khẩn cấp* (Emergency Banking act*)*. Theo đó, Chính phủ đã đóng cửa để khảo sát tình tình tài chính của tất cả các ngân hàng. Ngày 12 tháng 3 năm 1933, trong cuộc nói chuyện trên truyền hình Tổng thống đã tuyên bố*: "Đem gửi tiền của các bạn vào các ngân hàng sau khi kết thúc kỳ nghỉ ngân hàng là an toàn"* [30, tr. 429]. Để tăng cường tính đảm bảo của hoạt động ngân hàng, Chính phủ đã thành lập *Tập đoàn bảo hiểm tiền gửi Liên bang* FDIC (Federal Deposit Insurance Corporation*)*. FDIC có nhiệm vụ bảo đảm cho các khoản tiền gửi trong ngân hàng, khi ngân hàng gặp khó khăn, FDIC sẽ dùng tiền từ quỹ đóng bảo hiểm từ các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản tiền gửi của khách hàng. Bên cạnh đó, sau khi *Luật Chứng khoán* (Securities act*)* được thông qua, Chính phủ đã thành lập *Ủy ban chứng khoán và hối phiếu* - SEC (U.S. Securities and Exchange Commission) để quản lý mọi hoạt động giao dịch về chứng khoán, ngăn chặn mọi hành vi lừa đảo trong giao dịch chứng khoán.

Trong lĩnh vực nông nghiệp: mục tiêu của chính sách nông nghiệp của Chính phủ Mỹ là bình ổn giá nông sản, tăng thu nhập cho người nông dân. Tháng 6 năm 1933, Quốc hội đã thông qua *Luật điều chỉnh nông nghiệp - AAA* (Agricultural Adjustment Act). Theo AAA, Chính phủ Mỹ đã áp dụng biện pháp giảm canh, trợ cấp cho người nông dân để đổi lại việc hạn chế một số loại cây trồng nhất định như bông, lúa mỳ, gạo, ngô, thuốc lá; đồng thời, tăng thuế đối với các doanh nghiệp chế biến hàng nông sản để bù đắp cho chi phí trợ cấp cho nông dân. Tuy nhiên, tháng 1 năm 1936, AAA đã bị Tòa án Tối cao Mỹ bác bỏ, một bản sửa đổi AAA mới được Quốc hội thông qua vào năm 1938. Theo đạo luật sửa đổi mới đã bổ sung điều luật bảo hiểm nông nghiệp thay cho việc đánh thuế đối với các doanh nghiệp chế biến hàng nông sản [5, tr. 145].

Trong lĩnh vực công nghiệp*:* trên cơ sở *Đạo luật phục hưng công nghiệp quốc gia* – NIRA (National Industrial Recovery Act - NIRA) được Quốc hội thông qua vào tháng 6 năm 1933, với nội dung chủ yếu là điều tiết các mối quan hệ giữa các doanh nghiệp sản xuất, thúc đẩy việc cạnh tranh công bằng, đã đặt ra quy định thống nhất giữa các doanh nghiệp cùng sản xuất một mặt hàng về tiêu chuẩn hàng hóa thậm chí là giá của sản phẩm, quy định về thuê nhân công với số lương tối thiểu, số giờ lao động tối đa và cấm thuê lao động trẻ em. Trên cơ sở NIRA, Chính phủ Mỹ đã thành lập cơ quan *Phục hồi quốc gia - NRA* (National Recovery Administration), để tăng cường giám sát hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất trong vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa giới chủ và người công nhân, quy mô sản xuất, giá cả, phạm vi tiêu thụ của doanh

nghiệp, nếu doanh nghiệp nào tiếp nhận sự điều tiết của NRA sẽ được nhận huy hiệu *"Đại bàng xanh"* (Blue Eagle*)* bên dưới có dòng chữ *"Chúng ta làm việc của chúng ta"* (We do our part). Mặc dù ban đầu NRA được giới chủ doanh nghiệp hoan nghênh, nhưng về sau đã vấp phải sự phản đối vì can thiệp quá mức vào các doanh nghiệp, khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc mở rộng sản xuất và tăng giá hàng hóa. Tháng 5 năm 1935, tòa án Tối cao Liên bang đã tuyên bố NRA chấm dứt hoạt động, tuy nhiên Chính phủ Roosevelt đã nỗ lực để được thông qua luật *Quan hệ lao động quốc gia - NLRA* (National Labor Relations Act) để thay thế cho NRA [30, tr. 429].

Xét về nội dung chủ yếu của Chính sách mới, các nhà nghiên cứu đã dùng "3R" để khái quát: "Relief" - Cứu tế, "Recover" - Phục hồi và "Reform" - Cải cách. "Cứu tế" là cần thiết cho hàng triệu người thất nghiệp, vô gia cư; "Phục hồi" là đem nền kinh tế trở lại cân bằng; "Cải cách" là nhằm chỉnh sửa những điều bất cập trong nền kinh tế.

2.2.2.2. Chính sách khôi phục kinh tế phải song hành cùng với các biện pháp ổn định xã hội

Thực tế quá trình giải quyết Đại suy thoái 1929-1933 của Chính phủ Mỹ cho thấy, mặc dù vấn đề thất nghiệp đang trở nên ngày càng nghiêm trọng, nhưng chính quyền Hoover đã không đưa ra được những chương trình can thiệp quy mô lớn từ chính quyền Liên bang để giải quyết vấn đề thất nghiệp và thu nhập cho người lao động. Hạn chế đó xuất phát từ hai nguyên nhân:

Thứ nhất, vốn là người theo quan điểm *"thị trường tự do"* và bản thân ông cũng đã chứng kiến rất nhiều cuộc khủng hoảng mang tính chu kỳ và nền kinh tế đã tự trở lại cân bằng.

Thứ hai, ông cho rằng việc tăng cường sự can thiệp của chính phủ cũng giống cách làm của chính quyền xã hội chủ nghĩa Liên Xô.

Vì thế, Chính phủ Hoover đã không có bất kỳ một hành động trực tiếp nhằm tạo thêm việc làm, cải thiện mức lương cho người lao động.

Đứng trước tình trạng *"Làng Hoover"* và *"Đường bánh mỳ"* ngày càng nhiều, đã có rất nhiều đề xuất về trách nhiệm Chính phủ nhưng ông đều bác bỏ. Ông đã giải thích: *"Những thành quả của sự thịnh vượng không thể dựa trên cơ sở cướp bóc kho bạc nhà nước"* [145], khi không thể dùng ngân sách nhà nước nhưng ông cũng kêu gọi các tổ chức tư nhân và chính quyền địa phương đứng ra cứu trợ.

Đến năm 1932, nước Mỹ đứng trước tình trạng khủng hoảng về cứu tế, các tổ chức từ thiện tư nhân và địa phương đã không đủ sức để giải quyết vấn đề. Vì thế, ngày 21 tháng 7, Tổng thống Hoover buộc phải ký thông qua luật *Cứu trợ khẩn cấp (The*

Emergency and Relief Construction Act) dành 2 tỷ USD cho việc xây dựng các công trình công cộng và 300 triệu USD cho các bang vay phục vụ cho quỹ phúc lợi xã hội [149].

Tuy nhiên, số lượng người thất nghiệp ngày càng gia tăng, đến thời điểm chuyển giao quyền lực giữa Hoover và Roosevelt đã có gần 13 triệu người Mỹ tương đương ¼ lực lượng lao động đang cố gắng tìm kiếm việc làm trong các nhà máy, thậm chí nếu tính cả những người quá thất vọng và không còn muốn đi tìm việc thì số người thất nghiệp thực tế có thể đã cao hơn rất nhiều. Do thu nhập và việc làm giảm sút, những bất ổn trong xã hội đã bắt đầu xuất hiện: *"Những người gửi tiền hoảng hốt bao vây ngân hàng, định tốn công một cách vô ích nhằm rút số tiền tiết kiệm cả đời trước khi ngân hàng đóng cửa hoặc phá sản. Trên những cao nguyên xa xôi, những đoàn người sắc mặt lo lắng, cầm súng bảo vệ nông trang, vườn trại của mình, để tránh bị tịch thu"* [30, tr.423]. Như vậy, từ cuộc khủng hoảng kinh tế đã dẫn đến khủng hoảng xã hội, đòi hỏi bức thiết đối với Chính phủ lúc này là phải đảm bảo an sinh xã hội cho người Mỹ.

Không giống với quan điểm của Hoover, ngay khi lên cầm quyền, Tổng thống Roosevelt đã đặt vấn đề tạo thêm việc làm và cải thiện mức sống cho người lao động là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu. Điều này được thể hiện trong hàng loạt các chính sách:

Chính phủ đã thành lập *Đoàn bảo tồn dân sự* - CCC (The Civilian Convervation Corps), tập hợp những thanh niên từ 18 đến 25 tuổi đi trồng cây, xây đập nước, dập tắt những đám cháy rừng ở những khu rừng phòng hộ, tất cả những người tham gia đều trên tinh thần tự nguyện, thời gian làm việc là 6 tháng đến 2 năm, được trợ cấp lương thực, quần áo, chỗ ở, y tế, đi lại và giáo dục. *Cơ quan Xúc tiến việc làm - WPA* (Works Progress Administration) được thành lập năm 1935 là một trong những cơ quan hỗ trợ thiết yếu cho Chính sách mới trong việc cung cấp việc làm thông qua việc triển khai những dự án xây dựng nhà cửa, đường sá, sân bay và trường học trên khắp đất nước [5, tr.170].

Bên cạnh đó, để cải thiện mức sống cho người lao động, Chính phủ đã thông qua đạo luật *Phục hưng công nghiệp quốc gia*. Đạo luật quy định về mức lương tối thiểu, số giờ lao động, cấm mọi hình thức sử dụng lao động trẻ em, đặc biệt là việc công nhận quyền thỏa thuận tập thể thông qua đại diện mà người lao động chọn. Sau khi *Đạo luật* bị Tòa án tối cao bác bỏ, Chính phủ đã thông qua *Đạo luật Wagner* nhằm trao quyền cho người công nhân thông qua các tổ chức công đoàn. Công đoàn sẽ được quyền thương lượng với giới chủ, đồng thời quy định mức lương hưu cho người công nhân dựa

trên sự tham gia đóng bao hiểm của họ khi còn lao động. Do đó, việc thực hiện Chính sách mới đã mang lại việc làm cho hàng triệu người thất nghiệp, tránh cho nước Mỹ khỏi những cuộc xáo trộn dữ dội về mặt xã hội trong những năm khủng hoảng.

Với quan điểm khác nhau về vai trò Chính phủ cũng như sự nhận thức về mức độ thiệt hại đã dẫn đến những chính sách và biện pháp ứng phó khác nhau giữa Hoover và Roosevelt. Sự thành công trong việc kiểm soát, khắc phục hậu quả khủng hoảng và ổn định kinh tế xã hội đã chứng tỏ sự thành công của Chính sách mới. Cuộc Đại suy thoái không giống với bất kỳ cuộc khủng hoảng nào trước đó, vì thế, việc trông chờ vào *"thị trường tự do"* sẽ tự cân bằng đã không còn phù hợp. Chính phủ với vai trò kiến trúc thượng tầng không chỉ trực tiếp hỗ trợ các chủ thể kinh tế mà còn tác động, điều chỉnh các thể chế kinh tế thị trường nhằm tạo sự ổn định và phát triển.

Bên cạnh đó, vai trò của Chính phủ không chỉ dừng lại ở việc tạo nền tảng cho hệ thống an sinh xã hội mà còn góp phần điều hoà mối quan hệ giữa giai cấp công nhân và giới chủ. Sự nhấn mạnh các chính sách xã hội một mặt là vì mục đích kích cầu tăng trưởng kinh tế nói riêng, mặt khác cũng hướng đến sự ổn định của nước Mỹ nói chung. Từ sự thành công của Chính sách mới, những bài học kinh nghiệm trong việc ứng phó với Đại suy thoái có thể là cơ sở thực tiễn từ lịch sử để Chính phủ Mỹ đưa ra các chính sách và biện pháp giải quyết cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009).

2.2.3. Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009)

2.2.3.1. Bối cảnh nước Mỹ khi xảy ra khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009)

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế xảy ra vào thời điểm cuối nhiệm kỳ của Tổng thống thứ 43 George H. Bush, thuộc Đảng Cộng hòa. Thời điểm mà nước Mỹ đang có nhiều biến động lớn về chính trị, kinh tế và xã hội.

* *Về chính trị*:

Vụ khủng bố vào trung tâm thương mại tại Thành phố New York và trụ sở của Bộ Quốc phòng Mỹ vào ngày 11 tháng 9 năm 2001 là một sự kiện gây chấn động nước Mỹ. Sự kiện này được coi là cuộc tấn công khốc liệt nhất từ bên ngoài vào lãnh thổ nước Mỹ từ sau Chiến tranh thế giới II, đã biến *"Bush trở thành một "tổng thống thời chiến" với rất nhiều thách"* [140]. Từ đó dẫn đến sự điều chỉnh đáng kể về chính sách đối nội và đối ngoại của nước Mỹ. Với mục tiêu đảm bảo an toàn cho nước Mỹ, tháng 10 năm 2001, Mỹ đã phát động cuộc chiến chống khủng bố đưa quân vào Afghanistan; tiếp đó, tháng 3 năm 2003, Mỹ phát động cuộc chiến tranh Iraq. Với lý do duy trì hoà bình và sự ổn định quân đội Mỹ tiếp tục duy trì đóng quân tại hai quốc gia này. Trong khi thời điểm cuộc bầu cử tổng thống 2008 đang cận kề, sự chia rẽ và bất đồng về vấn đề đóng quân tại hai quốc gia là một thách thức lớn đối với Đảng Cộng hoà.

** Về kinh tế:*

Tiếp nhận chính quyền Mỹ trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều thuận lợi với ngân sách thặng dư, tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp nhất trong vòng 30 năm [5, tr.58], Tổng thống Bush với quan điểm *thị trường tự do*, đã thực hiện những chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tự do phát triển. Tuy nhiên, nền kinh tế Mỹ trong giai đoạn cầm quyền của Bush liên tục phải đối mặt với nhiều thách thức, mở đầu bằng vụ *Bong bóng công nghệ Dotcom*[3] năm 2000, tiếp sau đó là suy thoái kinh tế do tác động của vụ khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001, vụ bê bối kiểm toán và phá sản của *Tập đoàn Enron*[4], cơn bão lịch sử Katrina[5] năm 2005 và bong bóng bất động sản năm 2007.

Để đương đầu với cách thách thức, hỗ trợ cho doanh nghiệp và thúc đẩy thị trường tự do, Chính phủ Mỹ đã đưa những đạo luật nhằm cắt giảm thuế như luật *Phát triển kinh tế và giảm trừ thuế (*the Economic Growth and Tax Relief Reconciliation Act) năm 2001, luật *Điều hòa thuế và tăng trưởng việc làm* (Jobs and Growth Tax Relief Reconciliation Act) năm 2003. Trong khi đó, hai cuộc chiến tranh tốn kém vào Afghanistan và Iraq đã làm tăng chi phí quốc phòng. Từ đó đã khiến ngân sách liên bang Mỹ liên tục thâm hụt.

Như vậy, trong suốt nhiệm kỳ cầm quyền của mình, Tổng thống Bush đã hướng chính sách kinh tế theo như những cam kết mà ông đã đưa ra khi tranh cử là cắt giảm thuế và gia tăng sức mạnh kinh tế. Tuy nhiên với quá nhiều thách thức, dù ông đã có nhiều nỗ lực nhằm đưa thị trường trở lại cân bằng, song nền kinh tế Mỹ đến thời điểm cuối nhiệm kỳ Tổng thống Bush là sự suy giảm về tăng trưởng và gánh nặng thâm hụt ngân sách đang ngày càng gia tăng.

---

[3] Bong bóng Dot-com: Là hiện tượng xảy ra từ năm 1995 đến 2001, khi cổ phiếu các công ty trong lĩnh vực internet, công nghệ thông tin và các ngành liên quan tăng trưởng phi mã trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên khi dòng tiền đổ về đây cạn kiệt thì bong bóng bắt đầu "xì hơi" và thị trường nhận ra rất nhiều trong số các công ty này không có lợi nhuận. Tháng 3 năm 2000, "bong bóng" phát nổ, các chỉ số chứng khoán liên tục giảm giá tạo ra suy thoái kinh tế.

[4] Tập đoàn Enron sở hữu và kiểm soát các đường dẫn khí, các nhà máy điện, các nhà máy bột giấy và giấy, các nhà máy nước cùng nhiều loại hình dịch vụ toàn cầu. Giá cổ phiếu của Enron từ năm 1993 đến 2000 liên tục tăng (khoảng hơn 300%), liên tục trong 6 năm được Tạp chí Fortune xếp hạng "Công ty sáng tạo bậc nhất Mỹ". Tuy nhiên, Enron đã gây áp lực cho các công ty kiểm toán che dấu sự thật về hoạt động thua lỗ, những hợp đồng thất bại và nợ nần để làm đẹp sổ sách để các nhà đầu tư tiếp tục mua cổ phiếu và gia tăng giá trị trên thị trường chứng khoán. Vụ việc vỡ lở vào tháng 10 năm 2001 khi SEC điều tra, giá trị cổ phiếu Enron giảm giá nhanh chóng, tháng 12 năm 2001, công ty nộp đơn bảo lãnh phá sản, đây là phụ phá sản lớn nhất nước Mỹ đến thời điểm đó.

[5] Cơn bão Katrina được coi là 1 trong 5 cơn bão gây thiệt hại lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ. Cơn bão đổ bộ vào nước Mỹ ngày 29 tháng 8 năm 2005, với sức gió giật 205km/h, gây hậu quả nghiêm trong tại 5 bang ven Vịnh Mexico, trong đó hứng chịu tàn phá nặng nề nhất là bang Louisiana, thành phố New Orleans thủ phủ của bang này hầu như bị mưa bão và nước biển nhấn chìm với 4/5 diện tích ngập nước..

** Về xã hội:*

Để thực hiện khẩu hiệu *"chủ nghĩa bảo thủ từ bi"* (Compassionate conservative) và *"Thịnh vượng có chủ đích"* (Prosperity is intended) được đề xuất trong chiến dịch tranh cử năm 2000, Chính quyền Bush coi vấn đề an sinh xã hội là trọng tâm trong chính sách của mình, ông đã ban hành một số chính sách xã hội để phá bỏ *"bức tường ngăn cách trên đất nước chúng ta"* [15, tr.1372] như: *Luật không trẻ em nào bị bỏ* rơi (No Child Left Behind Act) năm 2002 nhằm thu hẹp khoảng cách chất lượng giữa học sinh giàu và nghèo; mở rộng đối tượng và quyền lợi chăm sóc y tế thông qua luật *Chăm sóc y tế* (Medicare Act) năm 2003. Trong nhiệm kỳ thứ hai của mình, Bush đã dành nhiều thời gian để vận động sự ủng hộ từ công chúng thông qua *"cuộc vận động về an sinh xã hội"* (Conversations on Social Security). Tuy nhiên, khi cơn bão Katrina ập đến năm 2005, và phe Dân chủ nắm đa số trong Quốc hội thì những dự định của ông đã không đạt được.

Có thể thấy, Chính quyền của Tổng thống Bush đã thực hiện nhiều chính sách để thúc đẩy sự phát triển xã hội Mỹ, trong cuốn hồi ký của mình ông đã viết*: "như những gì tôi còn nhớ, an sinh xã hội từ lâu đã là "đường ray điện cao thế" trong nền chính trị Mỹ. Đụng đến nó bạn chắc chắn sẽ thất bại. Năm 2005, tôi không chỉ chạm vào "đường ray điện cao thế" này, tôi ôm ghì nó. Tôi làm như vậy vì một lý do: thật không công bằng khi bắt thế hệ những người trẻ tuổi nộp tiền cho một hệ thống sắp phá sản"* [7, tr.425]. Nhưng trên thực tế, kết quả của cuộc vận động về an sinh xã hội mang lại không thực sự khả quan khi khi tỷ lệ thất nghiệp có chiều hướng tăng lên gần gấp đôi từ năm 2001 đến 2008 (từ mức 4,2% lên mức 7,1%). Mức thu nhập trung bình của người dân cũng giảm 1.175 USD trong những năm 2000-2007. Khoảng cách giàu nghèo, sự bất bình đẳng xã hội tiếp tục khoét sâu hơn nữa. Vào lúc kết thúc nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Bush, nước Mỹ có 39,8 triệu người sống dưới mức nghèo khổ. Số người không có bảo hiểm y tế là 46,3 triệu người, chiếm 15,4% dân số [72, tr.256].

Nhìn chung, trong suốt hai nhiệm kỳ, Tổng thống Bush đã có nhiều nỗ lực để mang lại sự ổn định và phát triển cho nước Mỹ. Tuy nhiên, hệ thống chính trị Mỹ ngày càng chia rẽ, đặc biệt là trong vấn đề đóng quân tại Iraq và Afghanistan. Trong xã hội, khoảng cách chênh lệch giàu nghèo đã thúc đẩy những mâu thuẫn trong xã hội đang ngày càng gia tăng.

Mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế suy giảm về tăng trưởng, thâm hụt ngân sách ngày càng gia tăng, nhưng Tổng thống Bush luôn giữ quan điểm: *"chủ nghĩa tư bản dân chủ, dù không hoàn hảo và cần giám sát hợp lý, cho đến nay vẫn là mô hình thành*

công nhất được thiết kế" [7, tr.671]. Là người theo quan điểm *"thị trường tự do"* nhưng đứng trước các vấn đề của nền kinh tế, ông lại tăng cường sử dụng *"bàn tay nhà nước"*. Chính mâu thuẫn giữa quan điểm và cách làm đã khiến nền kinh tế Mỹ hình thành và nuôi dưỡng những "bong bóng" tài sản, đầu tiên là bong bóng dot-com sau này là bong bóng bất động sản. Khi bong bong bất động sản bị vỡ đã châm ngòi cho cuộc khủng hoảng có quy mô lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng trên lĩnh vực kinh tế và xã hội nước Mỹ.

2.2.3.2. Diễn biến khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009)

Trong sự phát triển của nền kinh tế thị trường hiện đại, tài chính ngân hàng vẫn luôn được xem là lĩnh vực trung tâm của nền kinh tế. Với vai trò huyết mạch, ngành tài chính ngân hàng có vai trò cung cấp vốn cho các ngành kinh tế khác và đây cũng là lĩnh vực đầu tư mang lại lợi nhuận cao. Nhưng trên thực tế, lợi nhuận luôn đi kèm với rủi ro. Vì thế, đây thường là lĩnh vực dễ xảy ra khủng hoảng.

Khi lĩnh vực tài chính diễn ra khủng hoảng, cổ phiếu mất giá, tài sản doanh nghiệp giảm sút, thị trường tín dụng ngưng trệ. Từ đó dẫn đến các doanh nghiệp buộc phải thu hẹp hoạt động, lao động thất nghiệp. Như vậy, từ khủng hoảng tài chính đã trở thành khủng hoảng kinh tế.

Giống như Đại suy thoái (1929-1933), khủng hoảng tài chính - kinh tế bắt đầu với lĩnh vực tài chính ngân hàng, sau đó tác động đến tất cả các lĩnh vực trong nền kinh tế. Khi "bong bóng" bất động sản bị vỡ, giá nhà bị sụt giảm nghiêm trọng, cuộc khủng hoảng bùng phát kéo theo sự sụp đổ của hàng loạt các định chế tài chính hàng đầu và trở thành một cuộc tổng khủng hoảng.

Sự kiện Tập đoàn Lehman Brother - ngân hàng đầu tư lớn thứ 4 nước Mỹ đệ đơn xin phá sản vào ngày 15 tháng 9 năm 2008 được xem là mốc đánh dấu chính thức bắt đầu cho cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế[6]. Tuy nhiên, những dấu hiệu của khủng hoảng tài chính kinh tế đã xuất hiện từ sớm.

** Trên lĩnh vực tài chính - ngân hàng:*

Trên thực tế, do chính sách khuyến khích đầu tư vào bất động sản của các ngân

---

[6] *Báo cáo về khủng hoảng kinh tế* của Chính phủ Mỹ đã coi sự sụp đổ của Lehman Brother là sự kiện đánh dấu cho khủng hoảng tài chính kinh tế. Nguyên văn: "The crisis reached seismic proportions in September 2008 with the failure of Lehman Brothers and the impending collapse of the insurance giant American International Group (AIG). Panic fanned by a lack of transparency of the balance sheets of major financial institutions, coupled with a tangle of interconnections among institutions perceived to be "too big to fail," caused the credit markets to seize up. Trading ground to a halt. The stock market plummeted. The economy plunged into a deep recession" [103, tr.16].

hàng ở Mỹ nên trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2005, giá nhà ở Mỹ liên tục tăng. Tuy nhiên, đến cuối năm 2005, khi nhu cầu của thị trường đã chuyển sang giai đoạn bão hoà, giá bất động sản bắt đầu chững lại và có dấu hiệu giảm. Trong quý I năm 2006, giá một ngôi nhà trung bình ở Mỹ đã giảm 3,3% so với cuối năm 2005. Khi đó, nhiều người mua nhà đã nhận ra là họ đã vay nhiều hơn số tài sản thực của họ và nhiều khoản vay là *"dưới chuẩn"* (under water) [169]. Việc giá nhà đất sụt giảm đã tác động nghiêm trọng đến các tập đoàn tài chính bởi một trong các hoạt động chủ đạo của các tập đoàn này là cho vay và bảo lãnh các khoản vay mua nhà.

Khi giá bất động sản giảm, những nhà đầu tư nhận ra những tài sản mà họ sở hữu phần lớn là "ảo", dẫn đến sự "tháo chạy", rút vốn ồ ạt đã khiến quỹ đầu tư mất khả năng thanh khoản và sụp đổ. Tháng 3 năm 2007, những biểu hiện đầu tiên của khủng hoảng đã xuất hiện tại Ngân hàng Bear Stearns - ngân hàng lớn thứ 5 tại Mỹ chuyên môi giới chứng khoán khi các nhà đầu tư bắt đầu rút vốn. Sự hao hụt về tài chính khiến hai quỹ đầu tư lớn nhất của Bear Stearns phá sản vào tháng 6 năm 2007. Khi niềm tin của các nhà đầu tư sụt giảm, giá trị cổ phiếu liên tục "lao dốc". Cuối tháng 2 năm 2008, giá trị một cổ phiếu của Bear Stearns là 93 USD, hai tuần sau, giá đã giảm xuống giảm 3 lần - chỉ còn 30 USD/cổ phiếu [189]. Ngày 14 tháng 3, Ngân hàng Dự trữ Liên bang chi nhánh New York (the Federal Reserve Bank of New York - FRBNY) cung cấp một khoản tài trợ cho Bear Stearns nhưng cũng không thể cứu vãn được tình thế, Bear Strearns nộp đơn xin bảo hộ phá sản.

Trong sự suy giảm của thị trường bất động sản không thể không kể đến Fannie Mae và Freddie Mac, đây là hai định chế tài chính được thành lập bởi Quốc hội Mỹ với hoạt động ban đầu là chuyên hỗ trợ cho người vay mua nhà. Tuy nhiên, về sau hai công ty này chuyển sang hoạt động mua lại các khoản vay trả góp bất động sản từ các ngân hàng và các tổ chức tài chính rồi bán lại cho nhà đầu tư.

Với lợi thế là những doanh nghiệp được Chính phủ bảo trợ, do đó các khoản đầu tư của Fannie Mae và Freddie Mac dễ dàng thu hút được các nhà đầu tư mua lại. Đến năm 2008, hai tổ chức này bảo lãnh gần một nửa số nợ trả góp bất động sản ở Mỹ. Do vậy, khi giá nhà ở Mỹ "lao dốc" đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính của hai tổ chức. Do lo ngại sự sụp đổ của Fannie Mae và Freddie Mac sẽ tác động dây chuyền đến các ngân hàng và hệ thống tài chính Mỹ, Ngày 7 tháng 9 năm 2008, cơ quan *Tài chính nhà đất Liên bang* (the Federal Housing Finance Authority - FHFA) đã đặt hai tập đoàn Fannie Mae và Freddie Mac dưới sự quản lý của cơ quan này [7, tr.665].

Một trong những sự kiện được coi là vụ phá sản lớn nhất trong lịch sử tài chính Mỹ là sự kiện Lehman Brother phá sản. Là ngân hàng có lịch sử lâu đời ở nước Mỹ, Lehman Brother được thành lập năm 1850 trải qua rất nhiều thử thách của các cuộc khủng hoảng kinh tế, hai cuộc chiến tranh thế giới, Lehman Brother đã có rất nhiều lần tái cơ cấu và thay đổi mô hình hoạt động. Giai đoạn 2003-2004 là thời kỳ bùng nổ của thị trường bất động sản Mỹ, Lehman Brother mua lại năm công ty cho vay thế chấp, trong đó có hai công ty cho vay dưới chuẩn BNC Mortgage và Aurora Loan Services (chuyên các khoản vay Alt-A[7]). Ban đầu, doanh thu từ hoạt động bất động sản đã làm cho cơ cấu vốn của Lehman được mở rộng 56% trong giai đoạn 2004-2006, tốc độ tăng trưởng cao hơn hẳn so với các ngân hàng khác [181]. Quý I năm 2007, những dấu hiệu rạn nứt của bong bóng bất động sản đã xuất hiện, nhưng Giám đốc Tài chính (CFO) của Lehman vẫn tuyên bố lợi nhuận tập đoàn vẫn tiếp tục tăng trưởng.

Tuy nhiên, khi hai quỹ phòng hộ của Bear Stearms sụp đổ, tâm lý lo ngại của các nhà đầu tư đã khiến cổ phiếu của Lehman cũng giảm mạnh. Để giảm bớt áp lực, công ty đã buộc phải cho 2.500 nhân viên môi giới nghỉ việc và đóng cửa hai công ty cho vay dưới chuẩn. Sự sụp đổ của Bear Stearns đã khiến các nhà đầu tư lo ngại về việc có thể Lehman sẽ là công ty thứ hai phá sản, cổ phiếu của Lehman tiếp tục giảm 48% giá trị. Để ứng phó, Lehman đã phát hành cổ phiếu ưu đãi[8] và huy động được 4 tỷ USD. Tuy nhiên, hiệu quả doanh nghiệp vẫn không được cải thiện, Lehman tuyên bố lỗ 2,6 tỷ USD vào tháng 6 năm 2008 [150].

Những khó khăn của Lehman tiếp tục tăng thêm khi trong suốt thời gian tiếp theo các nhà lãnh đạo của Lehman đã đưa ra những phương án kinh doanh không hiệu quả với các đối tác tiềm năng. Trong tuần đầu tiên của tháng 9 năm 2008, cổ phiếu của Lehman đã giảm 77% giá trị. Ngày 13 tháng 9, nỗ lực đàm phán về việc tiếp quản lại với Barclays PLC và Bank of America Corp thất bại, cổ phiếu của Lehman tiếp tục mất 93% giá trị. Ngày 15 tháng 3, Lehman Brother - tập đoàn tài chính có 158 năm tồn tại đã đệ đơn xin phá sản [178]. Với tổng số tài sản là 639 tỷ USD nhưng Lehman Brothers đã nợ tới 619 tỷ USD, hồ sơ xin phá sản của Lehman Brother được coi là lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ, đã đẩy 25.000 nhân viên của ngân hàng này trên khắp thế giới đứng trước nguy cơ mất việc [150].

---

[7] Các khoản vay Alt – A: cho vay mà không cần hồ sơ đầy đủ.

[8] Cổ phiếu ưu đãi: là một loại chứng khoán, người sở hữu được xem là cổ đông của công ty nhưng chỉ được trả 1 phần cổ tức theo một mệnh giá nhất định[68, tr.50].

Cũng trong ngày 15 tháng 9, một sự kiện khác gây chấn động giới tài chính Mỹ. Đó là việc Ngân hàng Mỹ - Bank of America (BOA) tuyên bố mua lại Merrill Lynch với giá 50 tỷ USD. Được thành lập từ năm 1914, đến năm 2008 công ty có 60.000 nhân viên hoạt động khắp thế giới. Merrill Lynch là một trong những công ty tài chính lớn nhất nước Mỹ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi giới chứng khoán. Trước sự phát triển của thị trường bất động sản, công ty chuyển sang hoạt động cho vay và môi giới bất động sản. Do chịu tác động của bong bóng bất động sản, những khoản vay thế chấp mà phần lớn là nợ xấu gần như đã "bốc hơi", giá trị cổ phiếu của Merrill sụt giảm nghiêm trọng, tháng 2 năm 2007, giá trị một cổ phiếu là 90 USD đến tháng 5 đã giảm xuống còn 50 USD, từ đầu năm cho đến thời điểm bị sáp nhập, giá trị cổ phiếu của Merrill đã giảm 68% [151]. BOA tuyên bố sẽ trả cho mỗi cổ phiếu của Merrill là 29 USD, cao hơn 70% so với giá khi đóng cửa giao dịch 1 tuần trước đó (17,05 USD/cổ phiếu), tương đương với mỗi cổ phiếu của Merrill, mỗi cổ đông sẽ nhận được 0,8595 cổ phiếu phổ thông[9] của BOA [194].

Không chỉ những ngân hàng và công ty tài chính hoạt động trong thị trường bất động sản gặp khó khăn do giá nhà giảm mạnh mà những công ty hoạt động trong các lĩnh vực tài chính khác cũng chịu ảnh hưởng nghiêm trọng. American International Group (AIG) là một trong những tập đoàn bảo hiểm lớn nhất thế giới, AIG có 1,1 nghìn tỷ USD tài sản và 74 triệu khách hàng ở 130 quốc gia. Tuy nhiên, do tác động của bong bóng bất động sản, giá cổ phiếu cùng giá trị tài sản của khách hàng giảm mạnh đã khiến hoạt động kinh doanh của AIG gặp nhiều khó khăn. Chỉ tính trong 9 tháng đầu năm 2008, AIG đã lỗ 18 tỷ USD, giá trị cổ phiếu giảm 91% [157]. Ngày 16 tháng 9 năm 2008, với lý do: *"Trong tình hình hiện tại, sự thất bại của AIG có thể làm tăng mức độ suy thoái của thị trường tài chính và dẫn đến chi phí đi vay cao, giảm tài sản của hộ gia đình và hoạt động kinh tế yếu kém",* FED đã buộc phải đưa ra khoản hỗ trợ trị giá 85 tỷ USD trong thời hạn là 2 năm, để đổi lấy Chính phủ Mỹ sẽ sở hữu 79,9% cổ phần của AIG [198].

Sau vụ phá sản chấn động của Lehman Brother, thị trường tài chính Mỹ tiếp tục đối mặt với nguy cơ đổ vỡ của hàng loạt các tập đoàn tài chính lớn khác. Một trong những vụ phá sản lớn nhất của giới ngân hàng Mỹ đó là sự sụp đổ của Washington Mutual (WaMu). Được thành lập từ năm 1889, WaMu vốn là một ngân hàng tiết kiệm và cho vay, tuy nhiên trước sự phát triển của thị trường bất động sản, từ năm 2000,

---

[9] Cổ phiếu phổ thông: là cổ phiếu thường là loại chứng khoán đại diện cho phần sở hữu của cổ đông trong một công ty hay tập đoàn, cho phép cổ đông có quyền bỏ phiếu và được chia lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh.

ngân hàng này bắt đầu chuyển sang đầu tư vào thị trường cho vay thế chấp dưới chuẩn. Do đó, khi thị trường bất động sản giảm giá, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của công ty, giá cổ phiếu liên tục giảm, hoạt động thua lỗ, giá cổ phiếu đã giảm 90% tính từ đầu năm 2008 (tức là 16 cent/ cổ phiếu) [137]. Sau phiên đấu giá giữa bốn ngân hàng lớn nhất nước Mỹ là Wells Fargo (WFC), Citigroup, JPMorgan Chase (JPM) và HSBC (HBC), ngày 26 tháng 9, WaMu đã được bán lại cho tập đoàn JPMorgan Chase. Theo thỏa thuận, JPM sẽ mua lại tất cả tài sản của WaMu bao gồm 307 tỷ USD tài sản và 188 tỷ USD tiền gửi, tất cả các khoản tiền gửi của khách hàng sẽ được bảo đảm. Tập đoàn Bảo hiểm tiền gửi Liên bang (Federal Deposit Insurance Corporation - FDIC) tạm thời sẽ tiếp quản WaMu trước khi trao cho JPM quản lý, đổi lại FDIC sẽ nhận được khoản tiền là 1,9 tỷ USD. Sau khi mua lại WaMu, dự kiến JPM sẽ mở rộng thêm 5.400 chi nhánh tại 23 bang [165].

Cũng trong ngày 26 tháng 9, Wachopia (WB) tuyên bố nguy cơ phá sản. Là một trong những ngân hàng lớn của nước Mỹ, WB được thành lập từ năm 1879, hoạt động trên nhiều lĩnh vực: môi giới, bán lẻ, cho vay thế chấp, đầu tư,.v.v.. Do tác động của khủng hoảng bất động sản, giá trị cổ phiếu của WB liên tục sụt giảm. Tính từ đầu năm đến cuối tháng 9 năm 2008, giá trị cổ phiếu của Wachopia đã mất 93% giá trị [185].

Từ ngày 3 tháng 10, xuất hiện cuộc cạnh tranh giữa hai ngân hàng lớn của nước Mỹ là Citigroup và Wells Fargo về cơ hội tiếp quản Wachopia. Citigroup đưa ra mức giá là 2,2 tỷ USD cùng với sự bảo trợ của FDIC, còn Wells Fargo đưa ra mức giá là 15,1 tỷ USD [184]. Nguyên nhân của cuộc cạnh tranh giữa Citigroup và Wells Fargo chính là thị phần mà Wachopia đang nắm giữ, tính đến thời điểm trước khi phá sản, ngân hàng này hoạt động với 3.300 chi nhánh ở 21 bang, nắm giữ 450 tỷ USD tiền gửi của khách hàng ở trên nước Mỹ và 40 chi nhánh trên toàn thế giới. Sau nhiều cuộc tranh luận, đàm phán giữa các bên, ngày 1 tháng 1 năm 2009, Wells Fargo tuyên bố đã hoàn thành việc mua lại Wachopia với giá 12,7 tỷ USD, đưa Wells Fargo trở thành ngân hàng lớn thứ 4 nước Mỹ về giá trị tài sản [185].

Hệ thống tài chính Mỹ tiếp tục bị đẩy lên mức nguy hiểm khi Citigroup (Citi) - một trong những ngân hàng lớn nhất của nước Mỹ được thành lập năm 1912, với mạng lưới hoạt động trên tất cả các bang ở Mỹ và hơn 100 chi nhánh trên toàn thế giới, đứng trước nguy cơ phá sản vào tháng 11 năm 2008. Do những yếu kém trong việc đánh giá kiểm soát rủi ro, khi giá bất động sản giảm, rất nhiều khoản vay của Citi đã trở thành "nợ xấu", cùng với tâm lý lo lắng của các nhà đầu tư đã khiến cổ phiếu của Citi liên tục mất giá. Ngày 24 tháng 8, giá một cổ phiếu của Citygroup giảm xuống còn 4

USD/cổ phiếu, tính từ đầu năm 2008 giá trị cổ phiếu của Citygroup đã giảm 87% [120]. Sự sụp đổ của Citygroup sẽ tác động nghiêm trọng đến kinh tế nước Mỹ.

Như vậy, lợi nhuận trên thị trường bất động sản đã hướng các ngân hàng và tổ chức tài chính tập trung đầu tư vào thị trường này. Do đó, khi giá bất động sản giảm, lợi nhuận thu hẹp, cộng với tâm lý lo ngại của các nhà đầu cơ đã đẩy thị trường tài chính Mỹ đến bờ vực phá sản. Khủng hoảng đã khiến nhiều ngân hàng và tập đoàn tài chính sụp đổ, đồng thời cũng thúc đẩy quá trình mua bán sáp nhập. Quá trình này thực chất là quá trình tích tụ, tập trung tư bản trên thị trường tài chính với bốn ngân hàng lớn nhất: Bank of America, JP Morgan Chase, Citigroup, Wells Fargo.

Khủng hoảng trên lĩnh vực tài chính đã tác động đến các lĩnh vực khác của nền kinh tế. Trong đó, ngành sản xuất ô tô là ngành công nghiệp quan trọng hàng đầu của nước Mỹ, nhưng cũng là ngành chịu tác động trực tiếp và nặng nề nhất trong cuộc khủng hoảng.

∗ *Trong ngành công nghiệp ô tô*

Lĩnh vực thứ hai trong nền kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng nặng nề chính là ngành công nghiệp ô tô. Trên thực tế, ba hãng xe lớn nhất nước Mỹ (Big Three) là Ford, Chrysler và General Motors trong nhiều năm trước đó đã phải đối mặt với nhiều vấn đề. Trong khi giá xăng dầu liên tục tăng, cùng với những quyết định quản lý sai lầm đã đè nặng lên các hãng chế tạo ô tô. Do đó, họ đã chậm trễ trong việc nhận ra những thay đổi trên thị trường [7, tr. 665]. Kết quả là, các hãng xe đến từ Nhật Bản và Châu Âu dần xâm chiếm thị trường trên thế giới, thậm chí ngay tại nước Mỹ.

Khi nền kinh tế xảy ra khủng hoảng, thu nhập cùng với nhu cầu mua xe giảm sút, đã khiến doanh số bán xe giảm. Thêm vào đó, tình trạng đóng băng trên thị trường tín dụng đã làm ngưng đọng gần như tất cả các khoản vay mua xe hơi. Cổ phiếu các hãng chế tạo ô tô giảm nghiêm trọng. Do vậy, tháng 11 năm 2008, ba hãng sản xuất ô tô lớn nhất nước Mỹ là General Motors (GM), Ford và Chrysler nộp đơn lên Quốc hội Mỹ đề nghị được hỗ trợ.

Như vậy, từ việc "bong bóng" trên thị trường bất động sản bị vỡ đã dẫn tới hiệu ứng "đôminô" trên hệ thống tài chính Mỹ. Nhiều các tập đoàn, công ty tài chính bị phá sản hoặc buộc phải sáp nhập, trở thành cuộc khủng hoảng trên thị trường tài chính. Từ khủng hoảng trên thị trường tài chính, ngành công nghiệp ô tô cũng đứng bên bờ vực phá sản. Khi thị trường tín dụng gần như "đóng băng" và nhu cầu tiêu dùng trên thị trường giảm sút, các ngành sản xuất hoạt hoạt động cầm chừng, thị trường hàng hoá chịu tác động nghiêm trọng. Từ khủng hoảng bất động sản đã dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính và trở thành cuộc khủng hoảng trên toàn bộ nền kinh tế.

2.2.3.2. Những hậu quả ban đầu của cuộc khủng hoảng

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) đã khiến nền kinh tế Mỹ "rơi tự do". Đây là lần đầu tiên kể từ cuộc Đại suy thoái, "*thị trường chứng khoán sụp đổ, tín dụng bất ổn, thị trường nhà ở đình trệ và sự điều chỉnh hàng tồn kho"* [56, tr.60]. Khủng hoảng tài chính kinh tế cũng tác động nghiêm trọng đến xã hội Mỹ.

** Kinh tế:*

Được xem là cuộc khủng hoảng lớn nhất đối với nước Mỹ để từ sau Chiến tranh thế giới thứ II, khủng hoảng tài chính - kinh tế cũng là cuộc khủng hoảng kéo dài với quy mô và mức độ thiệt hại nghiêm trọng. Từ quý IV năm 2007 đến quý II năm 2009, GDP nước Mỹ đã giảm 4,3%, đây được xem là mức giảm mạnh nhất trong thời kỳ hậu chiến [173]. Trong đó, với sự sụp đổ của tập đoàn tài chính hàng đầu Lehman Brother đã khiến tốc độ giảm mạnh nhất của nền kinh tế Mỹ rơi vào quý III năm 2008.

Một trong các chỉ số được xem là thước đo của sự ổn định và phát triển của nền kinh tế, song lại thường xuyên chịu tác động bởi tâm lý thị trường, đó là chỉ số chứng khoán. Trước sự đổ vỡ của hàng loạt các tập đoàn tài chính lớn như Bear Stearns, Lehman Brother, Wachopia và các ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất đã kéo theo các chỉ số chứng khoán của Mỹ cũng liên tục giảm. Trong đó, chỉ số Dow Jones[10] đã giảm 50% trong vòng 18 tháng[11], chỉ số S&P 500[12] đã giảm 57% trong vòng 17 tháng[13] [197]. Sự sụt giảm mạnh mẽ của các chỉ số chứng khoán đã phản ánh hoạt động yếu kém của các doanh nghiệp và tâm lý lo ngại của các nhà đầu tư. Đồng thời, với vai trò kênh dẫn vốn cho các doanh nghiệp, sự "tháo chạy" và rút vốn ồ ạt sẽ khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn trong huy động vốn, từ đó chìm sâu hơn trong khủng hoảng.

Khi khả năng huy động vốn trên thị trường gặp khó khăn, các doanh nghiệp buộc phải tìm đến "kênh" truyền thống là ngân hàng. Tuy nhiên, đây lại là khu vực trung tâm của cuộc khủng hoảng. Từ tháng 1 năm 2009 đến tháng 12 năm 2010, đã có 297 ngân hàng đóng cửa, hầu hết đó là các ngân hàng vừa và nhỏ [102, tr.430]. Đồng thời, các quy định về cho vay có xu hướng chặt chẽ hơn, từ đó dẫn đến hiện tượng thị trường tín dụng bị "đóng băng". Với việc thị trường tín dụng bị thu hẹp, việc tiếp cận

---

[10] Chỉ số Dow Jone: là một chỉ số chứng khoán quan trọng hàng đầu. Chỉ số này dựa trên chỉ số 30 loại chứng khoán đại diện, thuộc nhóm hàng đầu (blue chip). Chỉ số này được tạo ra bởi Charles H. Dow - chủ báo The Wall Street Journal.

[11] Ngày 9 tháng 10 năm 2007 chỉ số Dow Jones lúc đóng cửa là 14,164.43, đến ngày 5 tháng 3 năm 2009, chỉ số này giảm xuống còn 6,594.44.50.

[12] Chỉ số S&P 500 (viết đầy đủ Tiếng Anh là *Standard & Poor's 500 Stock Index*) là chỉ số chứng khoán dựa trên cổ phiếu phổ thông của 500 công ty có mức vốn hoá lớn nhất thị trường chứng khoán Mỹ.

[13] Từ mức 1576 điểm (tháng 10/2007) xuống còn 676 điểm (tháng 3/2009).

vốn vay đối với các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, thu nhập giảm sút việc tiêu dùng buộc phải hạn chế, doanh nghiệp sẽ buộc phải hoạt động cầm chừng, đẩy nền kinh tế ngày càng chìm sâu hơn trong khủng hoảng.

Trên thị trường ô tô, do nhu cầu của thị trường thu hẹp, doanh số bán xe cũng sụt giảm nghiêm trọng. Chỉ tính riêng trong tháng 12 năm 2008 doanh số bán xe ở Mỹ đã giảm 37% so với cùng kỳ năm 2007 [119]. Cũng giống như các doanh nghiệp sản xuất, khi doanh thu giảm, tín dụng khó khăn, các hãng xe buộc phải thu hẹp hoạt động. Trong giai đoạn 2008-2010, các hãng xe đã phải đóng cửa 16 nhà máy và dừng hợp đồng cung cấp với 2.500 đại lý [141]. Do đó, các công ty buộc phải cắt giảm lực lượng lao động. Ngược lại, khi thu nhập và sức mua thị trường giảm sút lại tiếp tục đẩy cuộc khủng hoảng trở nên trầm trọng hơn.

Khủng hoảng cũng khiến tình trạng thâm hụt ngân sách không chỉ ở Liên bang mà còn diễn ra trầm trọng ở từng bang, do doanh thu từ thuế ngày càng giảm, trong khi đó, nhu cầu chi cho quỹ phúc lợi xã hội lại tăng lên cho các chương trình: tem phiếu lương thực, hỗ trợ thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Đến cuối năm 2009, trên toàn nước Mỹ có 46 bang báo cáo trong tình trạng thâm hụt ngân sách.

Như vậy, các tác động của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế đã vượt qua mọi dự đoán của Chính phủ. Các chỉ số kinh tế của Mỹ đều sụt giảm nghiêm trọng. Trong đó, mức giảm mạnh nhất diễn ra trên thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán và thị trường ô tô. Những hậu quả nặng nề của khủng hoảng kinh tế đã tác động trực tiếp đến xã hội Mỹ.

** Xã hội:*

Những biểu hiện đầu tiên và rõ rệt nhất hậu quả của khủng hoảng tài chính - kinh tế đã tác động đến xã hội là: tỷ lệ thất nghiệp lên cao, thu nhập giảm sút, các lĩnh vực y tế và giáo dục gặp khó khăn.

Khi ngân hàng thắt chặt chính sách tín dụng, doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất và kinh doanh. Vì thế, các doanh nghiệp buộc phải thu hẹp hoạt động, sa thải công nhân, đẩy người lao động đến tình trạng thất nghiệp. Tình trạng cắt giảm lao động đã bắt đầu ngay khi cuộc khủng hoảng bắt đầu xuất hiện. Theo báo cáo kinh tế của Chính phủ Mỹ, trong nửa đầu năm 2008, trung bình mỗi tháng nước Mỹ mất khoảng 100.000 đến 200.000 việc làm. Song từ tháng 8, khi cuộc khủng hoảng ở giai đoạn cao điểm, số việc bị cắt giảm hàng tháng đã tăng lên gấp đôi [81, tr.322].

Khi các doanh nghiệp cắt giảm việc làm, người lao động bị thất nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp liên tục tăng. Trong đó, do nhu cầu bất động sản giảm mạnh, khu vực có tỷ

lệ mất việc làm cao nhất là xây dựng, với mức 20,6% trong suốt 11 tháng đầu năm 2010 [102, tr.390]. Tiếp sau đó là lao động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và sản xuất ô tô. Điều này đã phản ánh đúng xu hướng trong nền kinh tế Mỹ lúc này là ba lĩnh vực chịu tác động nặng nề nhất trong khủng hoảng: bất động sản, tài chính và công nghiệp ô tô.

Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp có sự khác biệt theo trình độ học vấn. Những người chưa hoàn thành bậc trung học có tỷ lệ thất nghiệp tăng cao nhất (2,9%) và thấp nhất là lao động có trình độ đại học (1,8%) [86, tr.123]. Nguyên nhân của tình trạng này là: trong sự suy giảm của thị trường bất động sản và thị trường hàng hoá dịch vụ, do đó các lao động phổ thông như công nhân xây dựng, bán lẻ, công nhân trong các nhà máy sản xuất là đối tượng dễ sa thải. Bên cạnh đó, thu nhập người tiêu dùng thu hẹp dẫn đến khuynh hướng tiết kiệm chi tiêu với việc tiết giảm những dịch vụ không quá thiết yếu trong cuộc sống. Mặt khác, những người có trình độ học vấn cao hơn có thể di chuyển từ nhiều doanh nghiệp và khu vực khác nhau, thậm chí, họ sẵn sàng chấp nhận làm việc ở những doanh nghiệp có thu nhập thấp hơn, miễn là đảm bảo có việc làm và đảm bảo thu nhập.

Tình trạng thiếu việc làm đã tác động nghiêm trọng đến thu nhập của người dân Mỹ. Theo khảo sát của FED, thu nhập của hộ gia đình Mỹ từ năm 2007 đến 2010 đã giảm 7,7%, từ mức 49.600 USD xuống còn 45.800 USD [103, tr.423]. Trong đó, tầng lớp trung lưu là nhóm người chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ khủng hoảng. Sự sụt giảm thu nhập của tầng lớp trung lưu đến từ ba nguyên nhân cơ bản sau: *Một là,* khi doanh nghiệp thu hẹp gặp khó khăn trong kinh doanh, quy mô hoạt động buộc phải thu hẹp, người lao động sẽ có nguy cơ bị cắt giảm tiền lương và trợ cấp; *hai là,* rất nhiều người Mỹ đã dùng số tiền tiết kiệm của mình đầu tư vào thị trường chứng khoán hoặc các quỹ hưu trí và quỹ đầu tư tư nhân, khi thị trường tài chính "lao dốc" đã khiến giá trị của các khoản đầu tư "bốc hơi" theo; *ba là,* nhà đất không chỉ là nơi cư trú mà còn là một tài sản có giá trị của người Mỹ, khi "bong bóng" bất động sản bị vỡ, giá của các căn nhà giảm sút dẫn đến giá trị tài sản của nhiều người giảm. Thậm chí có nhiều người đi vay mua nhà không có khả năng trả nợ, nhà sẽ bị tịch biên. Từ năm 2007 đến năm 2009 số lượng nhà đất bị tịch thu đã tăng lên gấp đôi. Khi mất nhà cửa, đồng nghĩa với việc mất tiền tiết kiệm cả đời nhiều người, mất luôn cả những giấc mơ về một tương lai tốt đẹp hơn, một nền giáo dục cho con cái họ, hay thời gian hưu trí sống thoải mái.

Thu nhập giảm dẫn tới sức mua giảm mạnh. Từ cuối năm 2008 đến đầu năm 2009, chi tiêu của người Mỹ giảm 3,5% [103, tr.423]. Với một quốc gia mà chi tiêu

dùng đóng góp tới 70% cho tăng trưởng kinh tế, việc cầu tiêu dùng giảm là một thách thức lớn đối với nền kinh tế Mỹ. Khi hàng hoá tồn đọng, tâm lý tiết kiệm gia tăng, điều này tiếp tục đẩy cuộc khủng hoảng trở nên trầm trọng hơn.

Khủng hoảng kinh tế đưa tới bất ổn xã hội mà biểu hiện rõ nhất ở Mỹ trong thời gian đó là sự gia tăng các cuộc biểu tình. Trong đó, tiêu biểu là phong trào Occupy với khẩu hiệu *"Chúng tôi là 99%"* (We are the 99%). Phong trào này xuất phát từ thực tế khủng hoảng kinh tế tác động đến phần lớn người lao động, trong khi đó Chính phủ Mỹ lại hướng các chính sách giải quyết khủng hoảng và dành phần lớn tiền để giải cứu các tập đoàn tài chính, dẫn đến sự bất bình trong xã hội Mỹ. Một trong những cuộc biểu tình lớn nhất mang tên *"Occupy Wall street"* hay còn được gọi là *"Phong trào chiếm phố Wall",* từ ngày 17 tháng 9 đến ngày 9 tháng 10 năm 2011 có sự tham gia của hàng trăm người, với mục đích yêu cầu chính quyền phải giảm bớt những ảnh hưởng của các tập đoàn lớn trong các chính sách của Chính phủ, chấm dứt tình trạng trốn thuế của các công ty giàu có, kêu gọi việc phân phối thu nhập bình đẳng hơn và tạo thêm việc làm.

Có thể thấy, các vấn đề xã hội là thước đo các vấn đề chính trị và kinh tế của mỗi quốc gia. Những tác động của khủng hoảng tài chính kinh tế đã khiến cho hàng triệu người lao động bị mất việc, thu nhập giảm sút. Từ đó, dẫn đến khả năng tiếp cận nền giáo dục cao hơn. Đồng thời, việc tiếp cận đến các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ của nhiều người Mỹ gặp trở ngại. Khoảng cách giàu nghèo gia tăng. Sự gia tăng các vấn đề bất ổn xã hội không phản ánh sự không hài lòng của người dân đối với các vấn đề kinh tế, chính trị nước Mỹ mà còn là một thách thức lớn đối với sự phát triển. Việc lập lại sự ổn định xã hội là yêu cầu cần thiết giúp cho sự tăng trưởng kinh tế nói riêng và ổn định nước Mỹ nói chung. Do vậy, Chính phủ Mỹ đã ngay lập tức đưa ra các chính sách và biện pháp nhằm ứng phó với cuộc khủng hoảng.

Tiểu kết

Khủng hoảng kinh tế là một sự hiện hữu tất yếu trong nền kinh tế tư bản nói riêng và nền kinh tế thị trường nói chung. Khủng hoảng chính là "nút thắt" trong nền kinh tế, bắt nguồn từ những mâu thuẫn và hạn chế trên thị trường, hoặc cũng có thể do những sai lầm trong chính sách điều tiết và quản lý nền kinh tế của chính phủ. Khi khủng hoảng kinh tế xuất hiện, chính phủ các nước sẽ đưa ra các giải pháp nhằm giải quyết khủng hoảng, những giải pháp này có thể đề cao vai trò của Chính phủ hoặc cũng có thể tăng cường vai trò của thị trường.

Nước Mỹ là điểm xuất phát của hai cuộc khủng hoảng lớn nhất trong lịch sử thế giới từ trước cho tới nay, đó là Đại suy thoái 1929-1933 và Khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009). Đứng trước cuộc Đại suy thoái, Tổng thống Franklin D. Roosevelt đã đưa ra Chính sách mới (New Deal), tăng cường sử dụng *"bàn tay nhà nước"* đưa nước Mỹ từng bước thoát khỏi khủng hoảng, giữ vững ổn định kinh tế, chính trị, xã hội. Quá trình ứng phó với Đại suy thoái đã đem đến hai bài học quan trọng là Chính phủ cần nhận thức đầy đủ và đưa ra những chính sách can thiệp kịp thời, linh hoạt; đồng thời, các chính sách và biện pháp kinh tế phải song hành với các chính sách xã hội.

Quan điểm đề cao vai trò của Chính phủ trong việc điều tiết nền kinh tế liên tục được đề cao từ sau Chiến tranh thế giới II. Tuy nhiên, đến những năm 70 của thế kỷ XX, do tác động của suy thoái kinh tế dẫn đến sự điều chỉnh về vai trò Chính phủ. Mặc dù sức mạnh thị trường tự do đã được đề cao hơn, song không phải là sự trở lại với "chủ nghĩa tự do" giống như những năm đầu thế kỷ XX mà là "chủ nghĩa tự do" mới. Trong đó, Chính phủ vẫn giữ vai trò quan trọng nhằm điều tiết kinh tế vĩ mô. Đồng thời, Chính phủ là lực lượng chủ đạo giải quyết những hạn chế của thị trường, đặc biệt là khủng hoảng kinh tế.

Nước Mỹ trước ngưỡng cửa của khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) là giai đoạn cuối của nhiệm kỳ Tổng thống Bush. Trong hai nhiệm kỳ cầm quyền, Chính quyền Bush luôn phải đối mặt với những thách thức trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế. Mặc dù, Chính phủ Mỹ đã có nhiều nỗ lực nhằm đưa thị trưởng trở lại cân bằng, ổn định nước Mỹ, tuy nhiên, khoảng cách giàu nghèo và thất nghiệp ngày càng tăng, ngân sách Chính phủ liên tục thâm hụt, nợ nước ngoài ngày càng gia tăng.

Chính trong bối cảnh đầy thách thức và biến động trên, cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế đã xuất hiện. Sự kiện những tập đoàn tài chính và ngân hàng lớn nhất nước Mỹ liên tục thua lỗ, đứng trước nguy cơ phá sản và sụp đổ là những biểu hiện rõ

rệt nhất của cuộc khủng hoảng. Từ khủng hoảng trên thị trường tài chính đã tác động đến các lĩnh vực khác và trở thành cuộc khủng hoảng trên toàn nền kinh tế.

Cuộc khủng hoảng đã gây những thiệt hại nghiêm trọng đối với nền kinh tế và xã hội nước Mỹ. Không chỉ dừng lại ở việc nhiều tập đoàn tài chính buộc phải sáp nhập hoặc sụp đổ, khủng hoảng đã khiến thị trường tín dụng bị ngưng trệ, các doanh nghiệp khó khăn trong việc duy trì và mở rộng sản xuất, doanh thu sụt giảm. Vì vậy, các doanh nghiệp buộc phải cắt giảm lao động.

Cuộc khủng hoảng đã khiến tỷ lệ thất nghiệp liên tục tăng lên, thu nhập của người dân giảm sút. Đồng thời, các vấn đề y tế và giáo dục gặp nhiều khó khăn thách thức. Khoảng cách giàu nghèo cùng với những mâu thuẫn bất bình trong xã hội ngày càng gia tăng đã dẫn đến các cuộc biểu tình của người dân Mỹ.

Đứng trước những thách thức mà cuộc khủng hoảng buộc Chính phủ Mỹ phải đưa ra các biện pháp ứng phó. Căn cứ vào thực lực nước Mỹ, vai trò Chính phủ và những bài học kinh nghiệm trong việc ứng phó với các cuộc khủng hoảng trước đó, Chính phủ Mỹ đã đưa ra các chính sách và biện pháp nhằm giải quyết cuộc khủng hoảng. Đồng thời, việc đề ra các chính sách luôn phải dựa trên cơ sở lý thuyết về giải quyết khủng hoảng kinh tế.

Chương 3
TIẾN TRÌNH GIẢI QUYẾT KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH - KINH TẾ CỦA CHÍNH PHỦ MỸ (2008 - 2014)

3.1. Kiểm soát khủng hoảng tài chính - kinh tế của Chính phủ Mỹ (2008-2009)

3.1.1. Các biện pháp ứng phó ban đầu của Chính phủ Mỹ

Khi bong bóng bất động sản bị vỡ đã châm ngòi cho cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế có quy mô lớn ở nước Mỹ, gây nhiều thiệt hại nghiêm trọng đối với nền kinh tế và lĩnh vực xã hội. Ngay khi cuộc khủng hoảng xuất hiện, Chính phủ đã đưa ra các biện pháp ứng phó tức thời. Trong đó, ba đối tượng mà Chính phủ Mỹ hướng đến là: các tập đoàn tài chính, người dân và thị trường nhà đất.

**Đối với các tập đoàn tài chính:*

Trên thực tế, nếu theo quan điểm "thị trường tự do", các công ty thất bại nên rời khỏi thị trường, *"nếu Chính phủ can thiệp, chúng tôi sẽ gây ra một vấn đề được gọi là rủi ro đạo đức"* [7, tr.644]. Vì thế, ban đầu Chính phủ Mỹ không có ý định "giải cứu" các tập đoàn tài chính. Tuy nhiên, với quy mô và ảnh hưởng quá lớn trên thị trường, việc sụp đổ sẽ gây ra "hiệu ứng đômino" cho toàn bộ nền kinh tế vốn đã hết sức căng thẳng sau cuộc khủng hoảng bất động sản. Việc cân nhắc *giữa "rủi ro đạo đức"* và sự *"sụp đổ tài chính"* đã buộc Chính phủ Mỹ phải hành động để giải cứu các tập đoàn tài chính, đây được xem như những giải pháp tức thời ban đầu của Chính phủ Mỹ. Trong đó, hai biện pháp chủ yếu mà Chính phủ Mỹ sử dụng đó là dàn xếp cho việc mua bán sáp nhập và trực tiếp hỗ trợ về tài chính cho các tập đoàn.

Một trong những tập đoàn đầu tiên nhận được sự hỗ trợ từ Chính phủ Mỹ là Bear Stearns. Dưới sự dàn xếp của Chính phủ, Tập đoàn J.P. Morgan đã mua lại mua lại Bear Stearns với giá 2 USD một cổ phiếu[14], FED cũng sẽ hỗ trợ thêm bằng một khoản vay trị giá 30 tỷ USD cho các cổ phần thế chấp của Bear [189]. Tổng thống Bush đã giải thích về hành động này không phải là để dung dưỡng cho những quyết định sai lầm của Bear mà là: *"nhằm bảo vệ những người dân Mỹ khỏi một đòn kinh tế nghiêm trọng"* [7, tr.645].

Với lo ngại việc đổ vỡ của Fannie Mae và Freddie Mac sẽ gây ra "*hiệu ứng đômino toàn cầu và tín nhiệm của đất nước sẽ lung lay*" [7, tr.647], Chính phủ Mỹ đã đặt hai tập đoàn này dưới sự quản lý trực tiếp của Chính phủ. Đây được xem là một

[14] Thực tế, mức giá này được đám phán lên 10 USD một cổ phiếu.

biện pháp "mạnh tay" mà Chính phủ Mỹ buộc phải thực hiện, bởi tiếp quản một tập đoàn cũng đồng nghĩa với việc "quốc hữu hoá" một doanh nghiệp, điều này là hoàn toàn trái ngược với quan điểm *"thị trường tự do"* mà Chính phủ Mỹ đang theo đuổi.

Sự sụp đổ của Lehman Brother được giống như một "cơn địa chấn" đối với hệ thống tài chính Mỹ. Mặc dù, Chính phủ Mỹ đã cố gắng dàn xếp để các tập đoàn khác mua lại Lehman giống như giải pháp với Bear. Tuy nhiên, trên thực tế, mọi nỗ lực đều không đạt được, Chính phủ Mỹ buộc phải để cho Lehman phá sản.

Do không thể tìm được tập đoàn nào có thể huy động được một số tiền lớn trong thời gian ngắn, Chính phủ Mỹ buộc phải tiếp tục "quốc hữu hoá" công ty bảo hiểm lớn nhất nước Mỹ là AIG. Trên thực tế, chưa đầy 48 giờ sau khi Lehman phá sản, việc giải cứu AIG giống như một mâu thuẫn hiển nhiên. Tuy nhiên, AIG không giống với Lehman, AIG nắm đang nắm giữ tài sản thế chấp từ các mảng kinh doanh bảo hiểm ổn định, vì thế đủ điều kiện để nhận một khoản vay khẩn cấp từ FED. Dưới sự dàn xếp của Chính phủ, ngân hàng Dự trữ Liên bang chi nhánh New York sẽ cho AIG vay 85 tỷ USD, đổi lại Chính phủ Mỹ sẽ sở hữu 80% cổ phần của AIG [198].

Như vậy, mặc dù theo quan điểm "thị trường tự do" nhưng đứng trước mức độ ảnh hưởng của các tập đoàn tài chính và ngân hàng lớn đối với nền kinh tế Mỹ, Chính phủ buộc phải can thiệp, hỗ trợ thông qua hai biện pháp là dàn xếp và hỗ trợ trực tiếp về mặt tài chính. Đồng thời, nhằm bảo vệ thị trường tiêu dùng, Chính phủ cũng đưa ra các biện pháp hỗ trợ đối với người dân Mỹ.

**Đối với người dân Mỹ:*

Mỹ là quốc gia tiêu thụ hàng đầu thế giới, trong đó, chi tiêu dùng đóng góp tới 70% cho tăng trưởng kinh tế [39, tr.88]. Tuy nhiên, khi bong bóng bất động sản bị vỡ, giá nhà sụt giảm, nợ của các gia đình và các doanh nghiệp gia tăng, nhu cầu trên thị trường giảm mạnh. Điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, khi doanh nghiệp buộc phải thu hẹp hoạt động, cắt giảm lao động, đẩy nền kinh tế chìm sâu trong khủng hoảng.

Do đó, chính sách và biện pháp tức thời mà Chính phủ Mỹ thực hiện nhằm kiểm soát khủng hoảng chính là hoàn thuế, hỗ trợ trực tiếp nhằm gia tăng thu nhập qua đó thúc đẩy tiêu dùng cho người Mỹ.

Ngày 13 tháng 2 năm 2008, Chính phủ Mỹ thông qua đạo luật "*Thúc đẩy kinh tế*" (hay còn được gọi là Đạo luật số 110-185). Tổng thống Bush đã tuyên bố khi ký thông qua đạo luật: *"Dự luật mà tôi ký ngày hôm nay đủ lớn để tác động đến nền kinh tế vì Chính phủ Mỹ dành 152 tỷ USD trong năm nay, nó tương đương với 1% GDP*" [126].

Nội dung cơ bản của chương trình *Thúc đẩy kinh tế* là hoàn thuế cho các cá nhân và hộ gia đình. Trong đó, các cá nhân có thu nhập dưới 75.000 USD được hoàn lại 300 đến 600 USD; các gia đình có thu nhập dưới 150.000 USD sẽ được hoàn trả lại 600 đến 1.200 USD; ngoài ra, các gia đình có con dưới 17 tuổi sẽ được hỗ trợ thêm 300 USD với điều kiện là phải có mã số an sinh xã hội [126]. Số tiền hoàn thuế được gửi đến các hộ gia đình trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 7 năm. Chính phủ Mỹ hy vọng với khoản thu nhập tăng thêm các hộ gia đình sẽ tăng cường chi tiêu qua đó thúc đẩy kinh tế.

Tuy nhiên, theo nghiên cứu của Standard & Poor's thì chỉ có khoảng một nửa số tiền hoàn thuế dành cho việc chi tiêu, bởi vì đứng trước tình trạng nợ của các hộ gia đình ngày càng tăng thì họ đã dành để thanh toán các khoản nợ hoặc tiết kiệm. Như vậy, chính sách và biện pháp hỗ trợ ban đầu trên thực tế đã không đạt được như mục tiêu ban đầu của Chính phủ.

** Đối với thị trường nhà đất:*

Bất động sản là khởi nguồn của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế. Nhằm ngăn chặn tình trạng nhà đất bị tịch biên và chặn đứng cuộc khủng hoảng trên thị trường động sản, ngày 30 tháng 7 năm 2008, Tổng thống đã ký quyết định và ban hành đạo luật *"Phục hồi nhà đất và kinh tế" (*hay còn được gọi là Luật số 110-289). Đạo luật đã đưa ra các biện pháp trực tiếp hỗ trợ thị trường nhà đất:

Một là, giao cho cơ quan *Tài chính nhà ở Liên bang* (the Federal Housing Finance Agency - FHFA) trực tiếp quản lý và giám sát hai tập đoàn Fannie Mae và Freddie Mac.

Hai là, hoàn thuế đối với những người mua nhà lần đầu trong khoảng thời gian từ ngày 9 tháng 4 năm 2008 đến ngày 1 tháng 7 năm 2009 với khoản tiền tương đương 10% giá tiền mua nhà, hạn mức tối đa có thể lên đến 7.500 USD [125].

Ba là, tăng hạn mức cho vay từ 95% đến 115% giá nhà trung bình trong khu vực do *Cục Quản lý nhà Liên bang* (the Federal Housing Administration - FHA) quản lý.

Bốn là, nhằm huy động khoản đóng góp hàng năm của các doanh nghiệp dùng để xây dựng và cho thuê nhà giá rẻ, Chính phủ Mỹ thành lập các quỹ Ủy thác nhà ở (Housing Trust Fund). Quỹ này đã huy động và quản lý hoạt động xây dựng nhà ở giá rẻ phục vụ các đối tượng có thu nhập thấp.

Như vậy, đạo luật đã đưa ra các biện pháp hỗ trợ tài chính cho những người vay mua nhà, kéo dài thời gian trả nợ, nâng hạn mức cho vay qua đó góp phần giải quyết cuộc khủng hoảng trên thị trường bất động sản.

Bên cạnh việc hỗ trợ tài chính cho những người mua nhà, Chính phủ Mỹ cũng tăng cường việc kiểm soát hoạt động cho vay mua nhà. Ngày 30 tháng 7 năm 2008, luật "*An toàn và công bằng trong hoạt động thế chấp"* (The Secure and Fair Enforcement for Mortgage Licensing Act - SAFE Act) được ban hành. Đạo luật quy định về việc cấp phép đối với những cá nhân và tổ chức lập quỹ cho vay thế chấp nhà ở, hoạt động kê khai sẽ được các cơ quan chuyên trách của Chính phủ tổng hợp và giám sát hàng năm. Qua đó, đạo luật đã chống lại các hoạt động gian lận, tạo điều kiện cho các khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin đối với việc vay thế chấp.

Việc triển khai đồng bộ các chính sách trực tiếp hỗ trợ và tăng cường quản lý thị trường nhà đất bước đầu giúp cho thị trường bất động sản khỏi nguy cơ tiếp tục lao dốc. Tuy nhiên, do tình trạng vay nợ quá nhiều, quy mô cuộc khủng hoảng quá lớn nên biện pháp hỗ trợ ban đầu của Chính phủ chưa đủ mạnh để phục hồi thị trường nhà đất.

Như vậy, quá trình ứng phó ban đầu đã ngăn chặn sự đổ vỡ của hệ thống tài Mỹ, cũng như hiệu ứng đômino trên toàn bộ nền kinh tế. Tuy nhiên, kết quả lại không đạt được như những dự kiến ban đầu của Chính phủ. Các chính sách và biện pháp *"loay hoay tháo gỡ"* [56, tr.54] cũng chỉ là giống như việc "tát nước" và để cứu "con thuyền" kinh tế Mỹ khỏi bị chìm, Chính phủ Mỹ buộc phải chủ động đưa ra các chính sách và biện pháp mang tính tổng thể.

Bên cạnh đó, với một cuộc khủng hoảng có quy mô lớn, mức độ thiệt hại nghiêm trọng, muốn giải quyết được triệt để, Chính phủ Mỹ cần tìm ra các nguyên nhân trực tiếp và đặc biệt là nguyên nhân sâu xa từ gốc rễ của thể chế kinh tế thị trường Mỹ. Việc giải quyết hoàn toàn cuộc khủng hoảng đòi hỏi phải tiến hành trong cả một quá trình lâu dài. Song song với đó, nhằm tạo nền tảng cho sự phát triển, Chính phủ Mỹ buộc phải ban hành những cải cách về mặt thể chế nhằm tránh lặp lại những sai lầm trong quá khứ.

3.1.2. Bước phân tích nguyên nhân khủng hoảng của Chính phủ Mỹ

Đồng thời với việc tiến hành các biện pháp ứng phó tức thời, Chính phủ Mỹ đã tiến hành điều tra, phân tích và lý giải những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng. Theo Đạo Luật số 111-21 hay còn gọi là *Đạo luật Cạnh tranh và phục hồi* (the Fraud Enforcement and Recovery Act – FERA), Chính phủ đã thành lập *Ủy ban Điều tra về khủng hoảng kinh tế* (The Financial Crisis Inquiry Commission - FCIC). Ủy ban đã tiến hành tập hợp các nguồn tư liệu khác nhau: các cuộc điều trần tại Quốc hội, các bản báo cáo của FED, các báo cáo của Bộ Tài chính đến những bài báo và tiến hành các cuộc phỏng vấn trực tiếp. Trên cơ sở đó, FCIC đã chỉ ra các nguyên nhân cơ bản

đưa tới cuộc khủng hoảng, đó là:

3.1.2.1. Do tình trạng vay mượn, đầu tư mạo hiểm và gian lận trên thị trường tài chính

Với những chính sách khuyến khích sở hữu nhà đất của Chính phủ Mỹ và việc hạ thấp điều kiện cho vay của các ngân hàng, thị trường bất động sản ở Mỹ từ năm 1997 liên tục tăng trưởng. Do đó, người Mỹ đã coi bất động sản là nơi đầu tư an toàn và hiệu quả cao.

Trên thực tế, lợi nhuận lớn cùng với những quy định lỏng lẻo đã hình thành nên hiện tượng "bong bóng". Về bản chất, bong bóng bất động sản là bong bóng nợ, bất kỳ ai cũng có khả năng vay tiền từ ngân hàng. Lợi nhuận từ thị trường bất động sản ngày càng tăng đã khiến các ngân hàng và tổ chức tài chính đã "phát minh" ra nhiều "chiêu" cho vay tiền để thúc đẩy việc đầu cơ.

Một trong những hình thức khuyến khích vay nợ phổ biến đầu tiên là việc cho phép các nhà đầu tư được phép rút tiền từ căn nhà thế chấp để mua căn nhà thứ hai, thậm chí có những căn nhà được thế chấp nhiều lần. Năm 2003, hầu hết dân Mỹ đều vay nợ để mua nhà trả góp, thậm chí, nhiều người thế chấp đến 89% căn nhà [21, tr.188]. Mặc dù, việc thế chấp liên tiếp một căn nhà làm tăng tình trạng nợ nhưng nhìn vào việc giá nhà ngày càng cao hơn, khiến nhiều người lạc quan, tin tưởng rằng giá nhà đất chỉ có lên chứ không bao giờ xuống, chỉ cần đầu tư vào nhà đất là có thể thực hiện được "giấc mơ Mỹ" và bất kỳ lá đơn xin vay tiền ngân hàng mua nhà thế chấp sẽ không bao giờ bị từ chối.

Hình thức vay nợ phổ biến thứ hai mà thị trường tài chính Mỹ tạo ra chính là vay *"Alt-A"*. Đây là hình thức cho vay dành cho cả những đối tượng "dưới chuẩn", nghĩa là chẳng cần bất cứ chứng từ, tài sản đảm bảo, không cần khai báo thu nhập, thậm chí còn có những khoản vay "ninja"[15] vẫn được các ngân hàng cho vay. Tỷ lệ vay dưới chuẩn ngày càng giá tăng, nếu như năm 1997 tỷ lệ vay dưới chuẩn chỉ chiếm 3% tổng số các khoản vay mua nhà thì đến giai đoạn 2004-2006, tỷ lệ này đã tăng lên 20% [21,tr.177].

Trong giai đoạn bùng nổ, toàn bộ hoạt động liên quan đến bất động sản trở thành động lực của nền kinh tế Mỹ. Cả người đi vay và người cho vay đều cảm thấy hài lòng về những gì xảy ra, người đi vay vẫn thả sức tiêu dùng, tin tưởng rằng thu nhập của họ vẫn đang đi lên. Những người sở hữu nhà còn rút ra hàng trăm tỷ dollar

[15] khoản vay Ninja (hay còn được gọi là "Liar's loan") - các khoản vay dành cho các đối tượng mà ngân hàng không có đầy đủ thông tin.

hàng năm từ việc vay thêm do giá trị căn nhà của họ gia tăng. Quá trình này, nói một cách tượng hình, đã biến nhà đất thành những chiếc máy ATM không phải trả thuế. Người dân dùng tiền mới vay được để sửa sang nhà cửa, đi du lịch, trang trải học phí, mua xe hơi và hàng điện tử, nói chung là cuộc sống dư dật hơn hẳn. Theo nghiên cứu do Alan Greenspan[16] chỉ đạo vào năm 2005 đã cho kết quả, vào năm 2000 tiền rút ra từ giá trị mua nhà thế chấp đã tài trợ cho 3% tiêu dùng cá nhân. Đến quý đầu năm 2006, tiền rút ra từ giá trị căn nhà thế chấp đã đóng góp gần 10% cho thu nhập cá nhân [53, tr.21], chỉ trong 5 năm số tiền nợ đã tăng hơn 3 lần trong các khoản chi tiêu dùng.

Nhưng tất cả những sự sung túc đó thực chất chỉ là ảo ảnh, tín dụng không thể tiếp tục lớn mãi, khi thị trường đã đạt đỉnh, nguồn tiền đầu tư sẽ không còn, tín dụng sẽ buộc phải thắt chặt, các điều kiện cho vay sẽ xem xét lại, đến lúc đó giá nhà không thể tiếp tục tăng. Ngay cả khi không có sự kiện bong bóng nhà đất bị vỡ thì cũng sẽ có một cuộc suy thoái kinh tế để tái cân bằng nền kinh tế. Như vậy, bong bóng bất động sản đã khiến cho tài sản của nhiều hộ gia đình gia tăng, từ đó, thúc đẩy khuynh hướng tiêu dùng, nhưng trên thực tế giá trị tài sản lại là "ảo" và tiết kiệm lại có khuynh hướng thu hẹp.

Tuy nhiên, sở hữu một căn nhà thực sự luôn là giấc mơ lớn không những của người Mỹ mà còn là khát vọng của tất cả mọi người trên toàn thế giới. "Chất xúc tác" chính của cơn sốt bất động sản ở Mỹ chính là các chính sách khuyến khích vay mua nhà từ các ngân hàng[17]. Khi các ngân hàng chào bán dịch vụ cho vay thế chấp giá rẻ, nhiều người đã đổ xô vào những khoản vay thế chấp mà họ vốn không có khả năng chi trả.

Trên thực tế, điều này đã từng có tiền lệ ở cuộc Đại suy thoái 1929-1933, Chính quyền Roosevelt đã đưa ra hàng loạt các chính sách và biện pháp siết chặt quản lý hoạt động của các ngân hàng nhằm hạn chế rủi ro. Tuy nhiên, do thị trường tài chính luôn biến đổi. Đặc biệt là sau khi Đạo luật Glass - Steagall được xóa bỏ dưới thời Tổng thống Bill Clinton vào năm 1999, luật mới này đã mở rộng đáng kể quyền tự do của các ngân hàng. Đạo luật cho phép ngân hàng, các công ty tài chính được phép đa dạng hoá các dịch vụ tài chính của mình. Từ đó, hình thành những tập đoàn có đủ khả năng cung cấp cho thị trường nhiều sản phẩm tài chính bao gồm quỹ tín dụng, cổ phiếu và hối phiếu, bảo hiểm và các khoản vay nợ của ngành sản xuất ô tô. Khi các quy định được nới lỏng, các ngân hàng bắt đầu tìm kiếm các cách thức mới để tìm kiếm lợi nhuận. Thậm chí, để

[16] Alan Greenspan: Chủ tịch của FED trong thời gian từ năm 1987 đến năm 2006.

[17] Ngân hàng chính là lực lượng cấp tiền để khởi đầu cho việc kinh doanh cho các doanh nghiệp mới, mở rộng các doanh nghiệp sẵn có. Ngân hàng có hai chức năng cốt lõi: thứ nhất là cung cấp một cơ chế thanh toán hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch đặc biệt là chuyển tiền gửi từ các chủ tài khoản đến những nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ; thứ hai là đánh giá, quản lý và cung cấp các khoản tín dụng.

tối đa hóa lợi nhuận, các ngân hàng còn cạnh tranh nhau để tìm mọi cách cho vay. Vì thế, thay vì phải tính toán, so đo, cân nhắc cẩn thận trước khi cho vay, các ngân hàng và tổ chức tài chính chỉ cần bảo lãnh tự động[18] với niềm tin cho dù khách hàng không trả được nợ họ vẫn có thể lấy lại nhà đem bán mà không lỗ là bao nhiêu.

Lợi nhuận "khổng lồ" mà quá trình cho vay đầu cơ bất động sản mang lại đã khiến các ngân hàng thúc đẩy quá trình "chứng khoán hóa" (securitization) tức là chuyển đổi các khoản mà ngân hàng đã cho vay và các tài sản khác thành chứng khoán có tên "giấy nợ có thế chấp" (Collateralized debt obligations – CDO) rồi chào bán cho các nhà đầu tư. Nếu như trong thời Trung cổ, các nhà giả kim[19] đã cố gắng tìm cách biến kim loại thành vàng, thì đến thời hiện đại, các ngân hàng đã biến những khoản thế chấp dưới chuẩn đầy rủi ro thành các sản phẩm được xếp hạng tốt nhất (mức AAA), tức là đủ an toàn để cho các nhà đầu tư mua lại. Chứng khoán hóa có một lợi thế rất lớn đó chính là cho phép phân tán rủi ro. Nhưng trên thực tế, chứng khoán hóa sẽ làm tăng độ rủi ro do chúng đã chuyển quyền sở hữu của những khoản vay thế chấp từ những ngân hàng biết rõ khách hàng của mình là ai sang những nhà đầu tư không biết con nợ của mình là ai, họ tin tưởng rằng các ngân hàng đang bán cho mình những sản phẩm đã được kiểm chứng, còn các ngân hàng thì tin tưởng vào bên thế chấp nguyên thủy.

Động cơ của bên thế chấp nguyên thủy lại tập trung vào số lượng các khoản thế chấp chứ không phải là chất lượng của chúng. Mặc dù ngân hàng có đầy đủ các công cụ kiểm chứng, nhưng vì lợi nhuận nên họ sẵn sàng "làm ngơ" đi các kiểm chứng giao dịch, tất cả thu thập phát sinh trong giao dịch sẽ thu lại được những khoản phí, vì thế giao dịch càng nhiều thì tiền thưởng càng lớn, viễn cảnh thu được nhiều phí mà không chịu rủi ro đã khuyến khích thói kinh doanh lỏng lẻo và gian dối. Do đó, để tạo ra nhiều hợp đồng, các bên cho vay còn động viên các chủ nhà hãy xem căn nhà của họ như các máy ATM, vay mượn nhiều lần từ giá trị của nhà ở. Ví dụ: *"nhà của Doris Canales đã bị đe dọa tịch biên phát mãi sau khi cô dùng căn nhà của mình để vay 13 lần trong 6 năm với tài sản thế chấp "không chứng từ"* [56, tr.114]. Tất cả những việc làm này của các ngân hàng vẫn sẽ mang lại lợi nhuận khi giá nhà tiếp tục tăng, nhưng nếu giá nhà giữ nguyên hoặc giảm xuống thì tất cả những CDO sẽ trở thành "nợ xấu".

Vì thế, FCIC đã đưa ra kết luận: *"đã có sự tăng trưởng liên tục các khoản thế*

---

[18] Automated underwriting: tức là bảo hiểm thông qua một phần mềm cài đặt trong máy tính, đưa đơn xin vay tiền vào máy, máy kiểm tra xong báo OK là có thể được vay tiền.

[19] Nhà giả kim hay còn gọi là Giả kim thuật: Là một phương pháp hoá học nhằm biến các kim loại cơ bản (ví dụ như chì) thành các kim loại quý (ví dụ như vàng). Giả kim thuật là tiền thân của môn hóa học cận đại và có ảnh hưởng sâu sắc đến khoa học kỹ thuật thời cổ cũng như đời sống loài người

chấp rủi ro. Các khoản vay không bền vững, độc hại đã làm tổn hại đến hệ thống tài chính và gây ra bong bóng nhà đất. Cho vay dưới chuẩn được hỗ trợ bởi các tổ chức tài chính lớn như Citigroup, Lehman Brothers, và Morgan Stanley" [103, tr.101].

Cuối cùng, yếu tố thúc đẩy các nhà đầu tư mua lại các CDO mà không xem xét kỹ đến độ rủi ro chính là những hoạt động gian dối trong đánh giá xếp hạng tín dụng[20]. Để giải thích cho sự yếu kém của các hoạt động thẩm định, phải tìm hiểu từ động cơ hoạt động của họ. Từ những năm 70 của thế kỷ XX, các công ty thẩm định được các ngân hàng trả tiền khi họ thực hiện nhiệm vụ thẩm định chứng khoán, bên cạnh đó, giữa các cơ quan thẩm định cũng diễn ra sự cạnh tranh khi một cơ quan thẩm định không đưa ra một kết quả như mong muốn, các ngân hàng đầu tư có thể chuyển sang một cơ quan khác.

Vì lợi nhuận, các tổ chức đánh giá tín dụng sẵn sàng làm sai lệch các kết luận của mình, từ đó, các nhà đầu tư đã đưa ra những quyết định sai lầm, thúc đẩy quá trình "chứng khoán hoá" trên thị trường tài chính. FCIC đã đưa ra kết luận: *"các cơ quan xếp hạng tín dụng đã thất bại trong sứ mệnh trung tâm của họ để cung cấp xếp hạng chất lượng về chứng khoán vì lợi ích của các nhà đầu tư. Họ đã không chú ý đến nhiều dấu hiệu cảnh báo cho thấy những vấn đề đáng ngại trong lĩnh vực nhà ở và thế chấp"* [103, tr.187].

Như vậy, nguyên nhân cơ bản dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) bắt nguồn từ những hạn chế ngay trong chính thị trường tài chính Mỹ. Vì muốn tối đa hoá lợi nhuận, các tổ chức tài chính, các nhà đầu tư đã bất chấp những giới hạn của thị trường, từ đó dẫn đến bong bóng bất động sản, khi bong bóng bất động sản vỡ, đặt các tổ chức tài chính đứng bên bờ vực phá sản và nền kinh tế Mỹ "rơi tự do". Tuy nhiên, yếu tố gián tiếp thúc đẩy quá trình hình thành nên các bong bóng tài sản chính là vai trò của các nhà quản lý điều tiết nền kinh tế, đặc biệt là trách nhiệm từ chính các nhà điều hành chính sách tiền tệ.

3.1.2.2. Do những hạn chế trong chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (The Federal Reserve System - FED) thực chất là ngân hàng trung ương có nhiệm vụ chính là duy trì sự ổn định kinh tế Mỹ thông qua

---

[20] Các tổ chức đánh giá tín nhiệm nợ (credit rating agency) là một công ty dịch vụ tài chính chuyên cung cấp các phân tích về rủi ro, đánh giá về khả năng trả nợ của các con nợ (có thể là của cá nhân, tổ chức hoặc quốc gia) qua đó phục vụ cho lợi ích của các nhà đầu tư thậm chí cả đơn vị phát hành. Trên thế giới, hiện có 3 tổ chức đánh giá tín nhiệm lớn nhất là Fitch Rating, Moody's và Standard & Poor's đều có trụ sở đặt tại New York.

chính sách tiền tệ[21]. Tuy nhiên, trong sự sụp đổ của bong bóng bất động sản và cuộc khủng hoảng trên thị trường tài chính dẫn đến cuộc suy thoái trên toàn bộ nền kinh tế, không thể tránh khỏi trách nhiệm của FED khi cơ quan này đã không làm tốt chức năng và nhiệm vụ của mình.

Trên thực tế, để ứng phó với đợt suy thoái kinh tế ngắn sau sự sụp đổ của bong bong công nghệ (dot-com) vào năm 2001 và thực hiện lời hứa thúc đẩy tăng trưởng khi tranh cử, Chính quyền của Tổng thống George W.Bush đã thực hiện chính sách cắt giảm thuế. Tuy nhiên, việc cắt giảm thuế lại không mang lại hiệu quả kinh tế mà ngược lại, từ năm 2002 tình trạng thâm hụt ngân sách của Chính phủ Liên bang đã xuất hiện với mức 158 tỷ USD [22, tr.291]. Cùng với việc gia tăng chi cho các chương trình phòng thủ quốc gia và phát động các cuộc chiến tranh, tình trạng thâm hụt ngân sách ngày càng trở nên nặng nề.

Khi chính sách tài khoá không mang lại nhiều hiệu quả giống như dự kiến của Chính phủ, gánh nặng tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm đã đặt lên vai chính sách tiền tệ. Do vậy, từ năm 2001, FED đã liên tục theo đuổi chính sách tiền tệ mở rộng thông qua việc cắt giảm lãi suất. Trên thực tế, trong năm 2001, FED đã có 11 lần cắt giảm lãi suất ngắn hạn, lãi suất chưa bao giờ thấp như vậy kể từ thời Dwight Eisenhowe [22, tr.285]. Mặc dù, FED ý thức rõ ràng về hậu quả của việc duy trì lãi suất quá thấp là tình trạng lạm phát và thúc đẩy trình trạng *" bong bóng"* nhưng khi *"cân nhắc về tương lai nền kinh tế"* [22, tr.286], FED vẫn tiếp tục lựa chọn duy trì lãi suất thấp. Thực tế lãi suất dài hạn trên toàn thế giới lúc này cũng có xu hướng giảm, đã củng cố thêm niềm tin của FED vào quyết định của mình. Lãi suất cho vay thấp cùng với chính sách tín dụng dễ dãi, "tiền tệ rẻ" đã nuôi dưỡng bong bóng nhà đất. Khi tăng trưởng càng nóng thì dấu hiệu đầu cơ càng rõ.

Bên cạnh đó, việc thiếu kiểm soát hệ thống ngân hàng Mỹ còn xuất phát từ nguyên nhân sâu xa, chính là quan điểm *"thị trường tự do"* mà ông Alan Greenspan theo đuổi: *"tôi tin tưởng rằng lợi ích của việc mở rộng quyền sở hữu nhà là đáng để mạo hiểm"* [22, tr.290]. Vì vậy, trong suốt thời gian hình thành bong bóng bất động sản, FED đã hạn chế các chính sách tiền tệ can thiệp vào nền kinh tế.

Mặc dù, FED luôn theo sát những diễn biến trên thị trường bất động sản, nhưng FED lại không lường trước được hệ quả và mức độ nghiêm trọng của bong bóng bất

[21] FED có 3 nhiệm vụ cơ bản: 1. Tiến hành chính sách tiền tệ quốc gia bằng cách gây ảnh hưởng lên tiền và các điều kiện tín dụng trong nền kinh tế để có đủ việc làm cho mọi người và giá cả ổn định. 2, Giám sát và điều hành các thiết chế ngân hàng nhằm đảm bảo sự an toàn và vững chắc của hệ thống ngân hàng và tài chính quốc gia và bảo vệ tín dụng của người tiêu dùng. 3, Duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính và ngăn chặn các rủi ro có hệ thống có thể phát sinh trong các thị trường tài chính.

động sản, điều này được thể hiện trong lời giải thích của ông Alan Greenspan: *"Chúng ta không phải đối mặt với những bong bóng khổng lồ mà chỉ là những bọt nhỏ - với vô vàn những bong bóng bé xíu ở cấp độ địa phương và không bao giờ phồng to đến mức có thể đe dọa thể trạng chung của nền kinh tế"* [22, tr.288]. Do đó, FED đã không đưa ra bất cứ chính sách và biện phòng ngừa khi thị trường bất động sản đang phát triển quá nóng[22].

Do vậy, FCIC đã đưa ra kết luận về trách nhiệm của FED đối với cuộc khủng hoảng: *"chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang đã tạo ra các điều kiện cho bong bóng nhà đất có thể phát triển. Bên cạnh đó, Cục dự trữ Liên bang và các cơ quan quản lý khác đã không hành động để hạn chế bong bóng tín dụng. Các chính sách của Fed và các tuyên bố đã khuyến khích chứ không phải là ức chế sự tăng trưởng của nợ thế chấp và bong bóng nhà đất. Các tiêu chuẩn cho vay sụp đổ và đó là trách nhiệm trong từng cấp của hệ thống cho vay*" [103, tr.125].

Với những hạn chế trong chính sách tiền tệ, FED đã thúc đẩy việc hình thành cuộc khủng hoảng. Mặc dù FED độc lập với Chính phủ Mỹ nhưng mọi hoạt động của FED vẫn phải nằm trong tổng thể các chính sách vĩ mô của Chính phủ Mỹ. Do vậy, nguồn gốc sâu xa của cuộc khủng hoảng bắt nguồn từ chính những sai lầm trong chính sách điều hành của Chính phủ Mỹ.

3.1.2.3. Do những hạn chế trong chính sách vĩ mô của Chính phủ Mỹ

Trong những năm 1990, tốc độ tăng trưởng kinh tế Mỹ hàng năm là 3,8%, trong khi các nước châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc tăng trung bình gấp đôi, các nền kinh tế này đã tích tụ được nguồn ngoại tệ lớn. Điều tương tự cũng diễn ra ở các nước sản xuất năng lượng do tác động của việc giá dầu liên tục tăng. Vì vậy, một lượng lớn vốn nước ngoài quay trở lại Mỹ để mua trái phiếu kho bạc. Lượng tiền dồi dào trong khi lãi suất cho vay lại giảm, các nhà đầu tư đã chuyển sang thị trường bất động sản. Fannie Mae và Freddie Mac là hai doanh nghiệp được chính phủ bảo trợ đã mua tới một nửa các khoản thế chấp tại Mỹ, chứng khoán hóa nhiều trong số đó và bán chúng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Vì nằm dưới danh nghĩa doanh nghiệp dưới sự bảo trợ của Chính phủ nên các nhà đầu tư đã nhanh chóng mua hết tất cả các khoản chứng khoán hóa của Freddie Mac và Fannie Mae.

Tổng thống Bush không chỉ thực hiện đúng như lời hứa với người đứng đầu

---

[22] Tháng 9 năm 2007, trong một chương trình truyền hình Alan Greenspan đã thừa nhận: *"Quả tình tôi có biết những việc ấy đang xảy ra nhưng tôi không biết là chúng nghiêm trọng đến thế...Khi biết thì đã quá muộn!Mãi đến cuối năm 2005, 2006 tôi mới biết*" [21, tr.178].

FED khi mới đắc cử: *"Tôi muốn ông biết rằng tôi đặt trọn niềm tin vào Cục Dự trữ Liên bang và chúng tôi sẽ không bao giờ chỉ trích những quyết định của ông*" [7, tr.379]. Cùng với quá nhiều thách thức từ sau vụ khủng bố ngày 11-9, bong bóng dot - com,.v.v.. nhằm hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế, Chính phủ đã thực hiện các chính sách cắt giảm thuế và tiết giảm các chính sách kiểm soát.

Mặc dù, trong khi thị trường bất động sản phát triển, đã có rất nhiều lời cảnh báo từ các nhà kinh tế - tất cả đều là các nhà kinh tế học theo trường phái Keynes, cho rằng*: "thị trường không tự điều chỉnh"* [56, tr.51]. Nhưng, vào thời điểm giá nhà cùng với lợi nhuận của người tiêu dùng và các doanh nghiệp liên tục gia tăng, vì thế, những lời cảnh báo đã không mang lại hiệu quả.

Thậm chí, ngay cả với người đứng đầu Chính phủ cũng không tin vào mức độ nghiêm trọng của quả bóng bất động sản đang sắp vỡ. Khi thị trường nhà đất bắt đầu giảm giá, ngày 17 tháng 10 năm 2007, ông đã trấn an cả nước: "*Tôi cảm thấy ổn trong nhiều chỉ số kinh tế tại Hoa Kỳ".* Ngày 13 tháng 11 năm 2007, ông tiếp tục khẳng định: "*Nền tảng của kinh tế nước ta rất mạnh, và nền kinh tế với sức bật tốt"* [56, tr.61]. Nhưng rõ ràng, vào thời điểm đó, thị trường nhà đất và nền kinh tế Mỹ đã bắt đầu bước vào cuộc khủng hoảng.

Với quan điểm "thị trường tự do", người đứng đầu Chính phủ Mỹ đã ủng hộ các chính sách mở rộng quyền sở hữu nhà ở. Song, thực chất thị trường có quá nhiều rủi ro tiềm ẩn mà ông không lường trước được. Sau này, trong cuốn hồi ký mang tên *Decission Point* (Những thời khắc quyết định), cựu Tổng thống Bush đã thừa nhận: *"sự tăng trưởng không ngừng của nhà đất - sụt xuống. Điều đó dễ thấy khi nhìn lại. Nhưng rất ít người nhận ra ở thời điểm đó, kể cả tôi"* [7, tr.639], Chính phủ Mỹ bất ngờ bởi một cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế được hình thành trong hơn một thập niên [7, tr.669].

Như vậy, tình trạng đầu cơ bất động sản, tình trạng cho vay dưới chuẩn, chứng khoán hóa, sự gian lận của các tổ chức xếp hạng là nguyên nhân trực tiếp, đồng thời, nguyên nhân sâu xa bắt nguồn từ những sai lầm trong chính sách của Chính phủ Mỹ và FED đã dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế lớn nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới II.. Trên cơ sở bước phân tích các nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã đưa ra các chính sách và thực hiện các biện pháp mang tính hệ thống nhằm ứng phó với khủng hoảng.

3.1.3. Các chính sách và biện pháp của Chính phủ Mỹ

Trên cơ sở những chính sách ứng phó ban đầu đã triển khai và những nguyên nhân khủng hoảng mà Chính phủ Mỹ đã tìm ra, Chính phủ đã phối hợp đồng bộ ba chính sách,

biện pháp chủ yếu là: kích cầu kinh tế, tăng cường giám sát hệ thống tài chính và giải quyết các vấn đề xã hội.

3.1.3.1. Kích cầu kinh tế

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế không chỉ tác động nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của các tập đoàn kinh tế hàng đầu nước Mỹ mà còn ảnh hưởng đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các tập đoàn và doanh nghiệp để có để duy trì hoạt động buộc phải thu hẹp sản xuất và kinh doanh, cắt giảm lao động. Khi thu nhập và việc làm của người lao động giảm sút dẫn đến chi tiêu giảm, tiết kiệm có xu hướng tăng lên. Đối với nền kinh tế tiêu dùng như nước Mỹ, sự hao hụt nhu cầu trên thị trường là một thách thức lớn. Do vậy, chính sách quan trọng hàng đầu mà Chính phủ Mỹ thực hiện trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng là kích cầu kinh tế. Trong đó, Chính phủ Mỹ đã triển khai hai chương trình có quy mô lớn là: Chương trình giải cứu tài sản xấu và Chương trình kích cầu thông qua đạo luật Phục hồi.

* *Chương trình giải cứu tài sản xấu (the Troubled Asset Relief Program - TARP*)

Ngày 3 tháng 10 năm 2008, đạo luật *Ổn định kinh tế khẩn cấp* (hay còn gọi là Luật 110-343) đã được Chính phủ Mỹ thông qua. Dựa trên cơ sở đạo luật, Chính phủ Mỹ đã thực hiện chương trình *Giải cứu tài sản xấu* (the Troubled Asset Relief Program - TARP), đây là chương trình kích cầu lớn nhất dưới thời Tổng thống Bush nhằm ứng phó với cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế.

Nội dung ban đầu của TARP là bảo lãnh những khoản tiền gửi trên thị trường tài chính, đồng thời phát hành một phương tiện cho vay mới để khởi động lại thị trường trái phiếu, ngăn chặn việc bán khống các cổ phiếu tài chính hàng đầu. Chương trình thực chất là một sự can thiệp mạnh mẽ vào thị trường. Chính phủ Mỹ đã đề xuất một khoản ngân sách trị giá 700 tỷ USD.

Trong một quốc gia mà quan điểm "*thị trường tự do*" vẫn đang được coi là động lực của sự phát triển kinh tế, việc Chính phủ Mỹ đưa ra một gói giải cứu có quy mô lớn đồng nghĩa với gia tăng sự can thiệp của Chính phủ. Do đó, trong lần bỏ phiếu đầu tiên tại Quốc hội, dự luật đã bác bỏ. Ngay sau đó, thị trường chứng khoán đã "rơi tự do" khi chỉ số Dow giảm 777 điểm, mức giảm trong ngày lớn nhất trong lịch sử 112 năm, chỉ số S&P500 giảm 8,8% - mức giảm lớn nhất kể từ năm 1987 [7, tr.659]. Từ thực tế, một dự luật có trị giá 700 tỷ USD bị bác bỏ lại khiến giá trị thị trường "bốc hơi" 1,2 nghìn tỷ USD cùng sự vận động hành lang tích cực của Chính phủ đã buộc các nghị sỹ trong Quốc hội phải cân nhắc. Do đó, trong lần đề xuất thứ hai, dự luật đã được Quốc hội thông qua. Ngày 3 tháng 10 năm 2008, Tổng thống Bush đã ký quyết định chính

thức ban thành luật. Chương trình của TARP đã được triển khai trên năm nhóm chương trình hỗ trợ và đầu tư: đầu tư ngân hàng, đầu tư công nghiệp ô tô, đầu tư tập đoàn AIG, hỗ trợ thị trường bất động sản và hỗ trợ thị trường tín dụng

Một là, Chính phủ Mỹ thực hiện chương trình đầu tư ngân hàng (Bank Investment Programs - BIP)*:*

Với tổng số tiền đầu tư là 250 tỷ USD, chương trình đầu tư vào hệ thống ngân hàng được xem là chương trình đầu tư có quy mô lớn nhất. Việc thực hiên chương trình đã hỗ trợ trực tiếp, ổn định hệ thống ngân hàng qua đó khởi động lại các dòng tín dụng cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng. Việc đầu tư vào hệ thống ngân hàng được triển khai trên bốn chương trình cụ thể:

Bảo lãnh tài sản (Asset Guarantee Program - AGP)*:* trong chương trình này, Chính phủ đã đứng ra bảo lãnh cho những tập đoàn tài chính lớn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hệ thống tài kinh tế Mỹ. Do đó, nếu xét về quy mô cũng như mức độ ảnh hưởng đến nền kinh tế, hai tập đoàn đã nhận được sự hỗ trợ của AGP là Bank of America và Citigroup. Bên cạnh đó, hai ngân hàng cũng sở hữu khối lượng tài sản có tính thanh khoản lớn. Việc bảo lãnh tài sản thông qua hình thức hỗ trợ trực tiếp cho các khoản thua lỗ, đổi lại Chính phủ sẽ sở hữu cổ phiếu ưu đãi của BOA và Citi [109, tr.9].

Đánh giá vốn (Supervisory Capital Assessment Program - SCAP) và *Hỗ trợ vốn* (Capital Assistance Program - CAP): hai chương trình bắt đầu được triển khai từ đầu năm 2009, SCAP đã tiến hành cuộc kiểm tra 19 ngân hàng lớn[23] của Mỹ, trong đó có 9 ngân hàng đảm bảo độ tin cậy. Mặc dù, không đưa ra sự hỗ trợ trực tiếp về tài chính, nhưng việc thực hiện hai chương trình trên đã giúp khôi phục niềm tin từ các nhà đầu tư và người dân, qua đó giúp các ngân hàng huy động đủ vốn đầu tư từ các quỹ tư nhân.

Thúc đẩy vốn (Capital Purchase Program - CPP): thông qua việc mua lại cổ phần ưu đãi hoặc chứng khoán nợ, Chính phủ đã cung cấp tài chính trực tiếp cho các tổ chức và doanh nghiệp. Điều kiện dành cho các tổ chức tài chính khi tham gia CPP là phải trả cổ tức 5% trong 5 năm đầu và 9% các năm sau đó. Mặc dù, chỉ triển khai trong thời gian ngắn, nhằm ứng phó khẩn cấp, nhưng tổng số tiền đầu tư lên đến 218 tỷ USD. Từ đó,

---

[23] 19 ngân hàng lớn nhất nước Mỹ được điều tra: J.P Morgan Chase, Citigroup, Wells Fargo, Goldman Sachs, Metropolitan Life, Sun Trust, GMAC, Fifth Third Bancorp, Bank of America, Morgan Stanley, PNC Financial Services, U.S Bancorp, BB&T, Regions Financial, American Express, Keycorp, Bank of New York Mellon, Capital One, State Street. Trong đó có 9 ngân hàng đảm bảo đầy đủ các tiêu chí của SCAP: J.P Morgan Chase, Goldman Sachs, Metropolitan Life, U.S Bancorp, Bank of New York Mellon, Capital One, BB&T, State Street, American Express [99, tr.8].

CPP đã cấp vốn cho 707 tổ chức tài chính ở 48 tiểu bang. Trong đó, khoản đầu tư lớn nhất là 41 tỷ USD và nhỏ nhất là 301.000 USD. Sau khi triển vọng nền tài chính được cải thiện, chương trình CPP đã kết thúc vào tháng 12 năm 2009 [102, tr.8].

Đầu tư mục tiêu (Targeted Investment Program - TIP): mặc dù AGP đã tạo ra sự hỗ trợ gián tiếp về tài chính nhưng trong bối cảnh hệ thống tài chính Mỹ chưa có dấu hiệu cải thiện, vì vậy, để tăng cường hỗ trợ trực tiếp hai tập đoàn tài chính là Citigroup và Bank of America, tháng 12 năm 2008, Chính phủ Mỹ đã đưa ra chương trình TIP. Thực tế, đây là chương trình được triển khai muộn với tổng số tiền đầu tư lớn là 20 tỷ USD. Việc thực hiện chủ yếu với hình thức mua cổ phiếu ưu đãi và Chính phủ thu đã lợi tức là 8% mỗi năm (cao hơn chương trình CPP) [102, tr.13].

Như vậy, với vốn đầu tư lớn nhất phản ánh việc giải cứu hệ thống ngân hàng là trọng tâm của TARP. Trong các nội dung cụ thể của BIP, chương trình có quy mô lớn nhất là CPP và chương trình có số vốn thấp nhất là AGP. Trong đó, hai ngân hàng lớn nhất là Citi và BOA nhận được số vốn nhiều nhất. Chương trình duy nhất không cung cấp sự hỗ trợ tài chính trực tiếp là SCAP. Tuy nhiên, đây lại là chương trình cần thiết để đánh giá thực lực và củng cố niềm tin vào hệ thống ngân hàng Mỹ.

Hai là, Chính phủ Mỹ thực hiện chương trình đầu tư công nghiệp ô tô (Auto Industry Program):

Công nghiệp ô tô là ngành kinh tế mũi nhọn của Mỹ và cũng là ngành chịu những tác động nặng nề bởi cuộc khủng hoảng. Với sự liên kết trong sản xuất và phân phối ngày càng chặt chẽ, sự sụp đổ của ngành công nghiệp ô tô sẽ kéo theo sự đổ vỡ của các ngành khác trong nền kinh tế đồng thời đẩy một số lượng lớn người lao động thất nghiệp, do đó, Chính phủ Mỹ buộc phải giải cứu ngành này.

Ban đầu, Chính phủ Mỹ dự kiến thực hiện một chương trình giải cứu ngành công nghiệp ô tô riêng biệt, tuy nhiên, đề xuất đã không được Quốc hội thông qua. Vì vậy, giải pháp cuối cùng đó là sử dụng tiền từ TARP. Điều kiện nhận được sự hỗ trợ từ Chính phủ là các doanh nghiệp này phải đệ trình một kế hoạch kinh doanh khả thi. Tháng 12 năm 2008, chương trình hỗ trợ tài chính cho ngành công nghiệp ô tô (The Automotive Industry Financing Program - AIFP) chính thức được triển khai với tổng số tiền là 80 tỷ USD [109, tr.23]. Nội dung chủ yếu của AIFP là hỗ trợ tài chính cho ba tập đoàn sản xuất ô tô lớn nhất nước Mỹ (Big Three) là:

Tập đoàn General Motors (GM): là tập đoàn sản xuất ô tô lớn nhất của Mỹ, vì vậy, GM cũng là tập đoàn nhận được sự hỗ trợ lớn nhất từ AIFP. Chính phủ đã cung cấp một khoản hỗ trợ là 51 tỷ USD nhằm "cứu" GM khỏi nguy cơ phá sản theo hình

thức cho vay với điều kiện Chính phủ sở hữu một phần cổ phần trong GM. Chương trình chính thức được triển khai từ tháng 6 năm 2009, sau khi nhận được tiền từ Chính phủ, GM bắt đầu phục hồi sản xuất và triển khai chương trình tái cơ cấu[102, tr.20].

Tập đoàn Chrysler: với khoản tiền đầu tư 12,5 tỷ USD từ Chính phủ theo hình thức hợp đồng cho vay, từ đó đã giúp tập đoàn Chrysler đã từng bước thoát khỏi nguy cơ phá sản. Tuy nhiên, trên thực tế, quá trình phục hồi của tập đoàn này khá phức tạp. Tháng 3 năm 2009, kế hoạch kinh doanh đầu tiên mà Chrysler đệ trình đã không được Chính phủ thông qua với lý do tập đoàn này không còn đủ khả năng để hoạt động độc lập, sau quá trình tìm kiếm đối tác, tháng 6 năm 2009, Chrysler Group LLC được thành lập trên cơ sở liên doanh với Fiat[24] [106, tr.16].

Công ty tài chính Ally[25]: là công ty chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính cho các đại lý và khách hàng mua ô tô. Cuộc khủng hoảng đã tác động nặng nề đến tình hình tài chính của công ty. Do đó, nếu không hỗ trợ Ally, các đại lý sẽ tiếp tục dừng đặt hàng, người mua xe cũng không có sự hỗ trợ tài chính để mua xe mới, lượng xe tồn đọng tăng, ảnh hưởng đến sự phục hồi của ngành ô tô. Nhận thức được vai trò của các công ty tài chính trong ngành ô tô, Chính phủ đã triển khai chương trình hỗ trợ Ally với số tiền là 17,2 tỷ USD theo hình thức cho vay [107, tr.20]. Từ sự hỗ trợ của Chính phủ, Ally củng cố tiềm lực tài chính, từng bước vượt qua khó khăn, qua đó hỗ trợ sự phục hồi thị trường ô tô.

Như vậy, thông qua hình thức cho vay, Chính phủ Mỹ đã trực tiếp hỗ trợ tài chính cho các tập đoàn ô tô lớn nhất nước Mỹ. Quá trình giải cứu đã tạo cơ hội cho các tập đoàn có cơ hội tái cơ cấu toàn diện. Không chỉ dừng lại ở việc đầu tư cho các tập đoàn sản xuất, thông qua việc đầu tư vào các tập đoàn tài chính, Chính phủ Mỹ hướng tới mục tiêu thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ xe, qua đó giúp các doanh nghiệp kinh doanh và sản xuất ô tô gia tăng lợi nhuận.

Ba là, Chính phủ Mỹ thực hiện chương trình đầu tư tập đoàn AIG (Investment in American International Group)

AIG là một tập đoàn đa quốc gia của Mỹ, hoạt động chủ yếu trên lĩnh vực bảo hiểm, có trụ sở trên 130 quốc gia. Do tác động của khủng hoảng, tập đoàn này cũng đứng bên bờ vực phá sản. Tuy nhiên, với quy mô và tầm ảnh hưởng lớn, AIG được

---

[24] Fiat là tập đoàn sản xuất ô tô của Italia.

[25] Ally Financial trước đây là GMAC (General Motors Acceptance Corporation) được thành lập năm 1919 với tư cách là công ty tài chính của Tập đoàn GM chuyên hỗ trợ tài chính cho hoạt động kinh doanh và mua ô tô. Tháng 5 năm 2005, GMAC chuyển thành Ally bank. Tháng 5 năm 2010, GMAC chính thức mang tên là Ally Financial với rất nhiều hoạt động: ngân hàng trực tuyến, cho vay, môi giới trực tuyến, đặc biệt là hỗ trợ tài chính cho ngành ô tô.

Chính phủ Mỹ xếp vào diện "quá lớn để sụp đổ" (Too big to fall).

Trên thực tế, ban đầu Chính phủ Mỹ đã hỗ trợ cho AIG thông qua việc cho phép Ngân hàng Dự trữ Liên bang chi nhánh New York cho AIG vay 85 tỷ USD. Song, tập đoàn vẫn tiếp tục gặp khó khăn, vì vậy, AIG đã đề nghị được hỗ trợ thêm 100 tỷ USD [7, tr.661]. Trong lúc thị trường tài chính vẫn còn mong manh và chưa hồi phục, thị trường chứng khoán lại dễ dao động, sự sụp đổ của một tập đoàn tài chính hàng đầu nước Mỹ có thể khiến những nỗ lực giải cứu hệ thống ngân hàng đổ vỡ. Vì thế, Chính phủ Mỹ đã tiếp tục phải mở rộng các khoản hỗ trợ AIG với số tiền là 70 tỷ USD.

Như vậy, tổng số tiền mà Chính phủ Mỹ đã chi cho việc "giải cứu" AIG qua hai đợt là 182 tỷ USD (trong đó FRBNY chi 112 tỷ USD). AIG là tập đoàn tài chính nhận được sự đầu tư lớn nhất từ Chính phủ. Kể từ sau khi nhận được khoản hỗ trợ của Chính phủ, AIG đã liên tục tái cơ cấu, quy mô hoạt động của công ty đã thu hẹp lại chỉ tập trung vào hoạt động bảo hiểm [102, tr.22].

Trên thực tế, TARP được triển khai vào thời điểm Tổng thống Bush sắp mãn nhiệm. Do tầm quan trọng và mức độ thiệt hại của các tập đoàn hàng đầu trong cuộc khủng hoảng nói riêng và đối với nền kinh tế nói chung, trong thời gian còn lại ông chỉ tập trung vào các chương trình: giải cứu hệ thống ngân hàng, các tập đoàn ô tô và AIG. Các chương trình hỗ trợ thị trường bất động sản và thị trường tín dụng được bổ sung và triển khai trong nhiệm kỳ của Tổng thống Obama.

Bốn là, Chính phủ Mỹ thực hiện chương trình hỗ trợ thị trường bất động sản (Housing Programs)

Thị trường bất động sản là khởi nguồn của cuộc khủng hoảng, mặc dù các chính sách mà Tổng thống Bush ban hành đã bước đầu kiểm soát được cuộc khủng hoảng trên thị trường bất động sản. Tuy nhiên, với tính liên kết chặt chẽ giữa thị trường bất động sản và các thị trường khác trong nền kinh tế. Để có thể giải quyết cuộc khủng hoảng, Chính phủ đã bổ sung các chương trình hỗ trợ thị trường bất động sản.

Tháng 2 năm 2009, Chính phủ Mỹ đưa ra chương trình *Nhà ở giá cả phù hợp* (The Making Home Affordable Program - MHA) với số tiền là 45,6 tỷ USD. MHA đã tái cấp vốn, cung cấp sự hỗ trợ cho người Mỹ có cơ hội giữ lại căn nhà của mình [109, tr.20].

Nền tảng của MHA là chương trình *Điều chỉnh giá nhà phù hợp* (Home Affordable Modification Program - HAMP). Chương trình này cung cấp sự hỗ trợ trực tiếp về tài chính cho các hộ gia đình đủ điều kiện qua đó giảm gánh nặng vay thế chấp. HAMP cũng khuyến khích các nhà cung cấp dịch vụ thế chấp tham gia sửa đổi các quy định nhằm giúp người vay có khoản thanh toán hàng tháng thấp hơn [102, tr.25].

Như vậy, MHA đã hỗ trợ cho thị trường bất động sản thông qua việc trực tiếp hỗ trợ về tài chính. Bên cạnh đó, khi người mua nhà được tái cấp vốn sẽ gia tăng nhu cầu ngăn chặn đà trượt dốc của giá bất động sản. Đồng thời với việc kích cầu nhà đất, nhằm hướng đến thị trường tiêu dùng, Chính phủ Mỹ cũng thực hiện các chương trình hỗ trợ thị trường tín dụng.

Năm là, Chính phủ Mỹ thực hiện chương trình hỗ trợ thị trường Tín dụng (Credit Market Programs)

Vào thời điểm chuyển giao quyền lực giữa hai Tổng thống Bush và Obama, thị trường tín dụng Mỹ đã rơi vào tình trạng "đóng băng". Các cá nhân và doanh nghiệp rất khó để tìm được nơi cung cấp các khoản vay, vì vậy buộc phải tìm đến các ngân hàng cộng đồng. Nhằm khởi động lại các dòng tín dụng phục vụ nhu cầu tiêu dùng và đầu tư, Chính phủ Mỹ đã đưa ra chương trình Thị trường Tín dụng. Trong giai kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ thực hiện hai chương trình: Chương trình Đầu tư Công - Tư và chương trình vay ngắn hạn có tài sản đảm bảo.

Đầu tư công - tư (Public-Private Investment Program): Trong cuộc khủng hoảng, nhiều doanh nghiệp và nhà đầu tư chịu áp lực phải giảm nợ, quá trình gỡ bỏ đòn bẩy tài chính[26] làm cho tài sản của nhiều tập đoàn giảm xuống. Các nhà đầu tư bị "mắc kẹt" trong những tài sản có giá trị thấp từ đó làm hạn chế tính thanh khoản và sự sẵn có của tín dụng. Từ ngày 23 tháng 3 năm 2009, Chính phủ đã triển khai chương trình PPIP. Trong đó, điều kiện bắt buộc để được tham gia PPIP là chứng khoản phải phát hành trước năm 2009 và ngay từ đầu đã được xếp hạng AAA [109, tr.11]. Việc thực hiện chương trình đã nhanh chóng huy động vốn đầu tư của tư nhân và vốn từ Chương trình TARP để tăng sức mua trên thị trường chứng khoán.

Vay ngắn hạn có tài sản đảm bảo (Term Asset-Backed Securities Loan Facility - TALF): là chương trình phối hợp giữa kho bạc và FED nhằm khôi phục lại thị trường chứng khoán đảm bảo bằng tài sản[27](asset-backed securitization - ABS), với số tiền là 20 tỷ USD. Chính phủ cho phép FRBNY cung cấp các khoản vay cho người vay nào có

---

[26] Đòn bẩy tài chính: "đòn bẩy" được hiểu là điểm tựa để làm biến đổi lực tác động vì thế khái niệm "đòn bẩy tài chính" chủ yếu dùng để chỉ việc sử dụng nợ để thu lợi nhuận trên tài sản. Phương pháp này xuất hiện cả trong hoạt động của doanh nghiệp cũng như các nhà đầu tư cá nhân trên thị trường tài chính. Nhìn chung, các nhà đầu tư đều có chung nhận định rằng đòn bẩy tài chính cung cấp cơ hội để gia tăng sức mạnh của đồng vốn.

[27] Chứng khoán đảm bảo bằng tài sản (ABS) là một loại trái phiếu được phát hành trên cơ sở có sự đảm bảo bằng một tài sản hoặc một dòng tiền nào đó từ một nhóm tài sản gốc của người phát hành. Cấu trúc của chứng khoán đảm bảo bằng tài sản gần như giống hệt với chứng khoán đảm bảo bằng tài sản thế chấp. Điểm khác biệt cơ bản giữa hai loại này là ở tài sản đảm bảo, với chứng khoán đảm bảo bằng tài sản thế chấp là bất động sản, còn với chứng khoán đảm bảo bằng tài sản là các dòng tiền hay nói cách khác là các khoản mà doanh nghiệp có quyền hưởng trong tương lai như tiền trả góp mua ô tô, mua nhà, tiền lãi từ tài khoản thẻ tín dụng… Cùng vì sự khác nhau ở tài sản đảm bảo này mà chứng khoán đảm bảo bằng tài sản cũng có những đặc trưng riêng.

tài sản thế chấp đủ điều kiện trong thời hạn 3 đến 5 năm [109, tr.12]. Những đối tượng đã được TALF hỗ trợ là người tiêu dùng và các doanh nghiệp nhỏ.

Các chương trình hỗ trợ thị trường tín dụng chủ yếu hướng vào người tiêu dùng và doanh nghiệp nhỏ. Chương trình đã cung cấp nguồn tín dụng cần thiết giúp cho các doanh nghiệp được mở rộng hoạt động kinh doanh, người tiêu dùng gia tăng thu nhập qua đó kích cầu tiêu dùng.

Trong quá trình triển khai TARP trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng, kinh phí đầu tư và hỗ trợ của TARP tập trung nhiều nhất vào chương trình hỗ trợ ngân hàng (gần 60%), tiếp theo là ngành công nghiệp ô tô và AIG, chương trình có vốn đầu tư thấp nhất là chương trình hỗ trợ thị trường thị trường tín dụng và bất động sản. Nguyên nhân của sự chênh lệch này xuất phát từ đòi hỏi thực tiễn của nền kinh tế khi hệ thống tài chính đang rơi vào tình trạng "cảnh báo nguy hiểm". Đồng thời, việc khôi phục hệ thống tài chính sẽ hỗ khơi thông các dòng chảy tín dụng qua đó hỗ trợ trực tiếp cho các ngành sản xuất.

TARP là một chương trình kích cầu quy mô lớn được ban hành dưới thời Tổng thống Bush. Ban đầu Chính phủ Mỹ có ý định "giải cứu" những "tài sản xấu", nhưng khi thực hiện Chính phủ Mỹ lại ưu tiên bơm vốn trực tiếp vào các ngân hàng. Nguyên nhân dẫn đến sự điều chỉnh trong quá trình triển khai của Chính phủ là tình hình tài chính đã ở trong tình trạng khẩn cấp mà thực hiện một chương trình mua lại chứng khoán bằng tài sản thế chấp *"sẽ mất nhiều thời gian và chúng tôi không còn bao nhiêu"* [7, tr.660]. Để khắc phục những "dang dở" của TARP mà Tổng thống Bush không còn thời gian để thực thực hiện, Tổng thống Obama đã bổ sung với việc hướng TARP đến thị trường bất động sản, người tiêu dùng và doanh nghiệp nhỏ. Với việc thực hiện TARP, các ngân hàng đã nối lại hoạt động cho vay, các công ty có được thanh khoản cần thiết để có vốn cho hoạt động của mình. Sự hoảng loạn bao trùm thị trường đã giảm bớt.

Tiếp quản nước Mỹ với một nền kinh tế đang gặp nhiều thách thức nghiêm trọng, Tổng thống Obama đã nhận thức nhiều thách thức mà nước Mỹ đang đối mặt vẫn tồn tại *"Chúng sẽ không dễ gì được giải quyết hoặc kéo dài trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên, nước Mỹ nên biết điều này - các thách thức đó sẽ được giải quyết"* [125]. Vì thế, ngay khi cầm quyền, ông đã tiếp tục thực hiện những chính sách và biện pháp nhằm kiểm soát khủng hoảng.

** Chương trình đầu tư và hỗ trợ thông qua Đạo luật Phục hồi (ARRA)*

Để bổ sung cho TARP, trực tiếp hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, tạo thêm việc làm, từ đó khuyến khích tiêu dùng, Chính phủ Mỹ đã đề xuất *Đạo luật Tái đầu tư và*

Phục hồi nước Mỹ (The American Recovery and Reinvestment Act - ARRA)[28]. Thực chất, đây là chương trình kích cầu kinh tế có quy mô lớn nhất của Chính phủ Mỹ từ trước cho tới nay nhằm ứng phó với khủng hoảng tài chính - kinh tế.

Với những hiệu quả ban đầu mà TARP mang lại đã khiến nước Mỹ thay đổi quan điểm về gia tăng vai trò của chính phủ trong điều tiết kinh tế. Vì thế, ngay khi Chính phủ đệ trình, đạo luật đã nhanh chóng được Quốc hội Mỹ thông qua. Ngày 17 tháng 2 năm 2009, Tổng thống Obama ký quyết định chính thức ban hành đạo luật và triển khai chương trình kích cầu kinh tế.

Mục tiêu cơ bản của ARRA là thông qua đầu tư sẽ tạo thêm việc làm: *"một kế hoạch sẽ tạo ra 3,5 triệu việc làm trong vòng 2 năm tới"*[29] qua đó, gia tăng thu nhập, khuyến khích tiêu dùng trong xã hội, thúc đẩy doanh nghiệp mở rộng sản xuất và tăng trưởng kinh tế. Để đạt được mục tiêu cơ bản trên, Chính phủ Mỹ đã triển khai các biện pháp cụ thể dựa trên các quan điểm: duy trì và tạo thêm nhiều việc làm mới; hỗ trợ trực tiếp những người chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi suy thoái; đầu tư thúc đẩy sự phát triển của khoa học kỹ thuật và chăm sóc sức khỏe; đầu tư cho lĩnh vực giao thông vận tải, bảo vệ môi trường và phát triển cơ sở hạ tầng qua đó tạo sự phát triển bền vững; đảm bảo các dịch vụ thiết yếu và tránh tăng thuế nhưng vẫn đảm bảo ổn định ngân sách liên bang và các bang [147].

Theo dự kiến ban đầu, chi phí của gói kích thích kinh tế là 787 tỷ USD tương đương 4% GDP nước Mỹ. Trong đó, 25% sẽ dành cho cắt giảm thuế cá nhân, 4% dành cho cắt giảm thuế doanh nghiệp, 37% sẽ dành cho các chương trình đầu tư công, 19% sẽ dành cho việc hỗ trợ các bang, và 15% sẽ dành cho hỗ trợ trực tiếp cho các cá nhân [89, tr.8]. Hai chương trình được triển khai cụ thể, bao gồm:

Một là, Chính phủ Mỹ thực hiện các chương trình ưu đãi về thuế:

Trên thực tế, đối tượng chính mà TARP hướng tới "giải cứu" là các tập đoàn tài chính và các ngân hàng lớn bởi thị trường tài chính là trung tâm của cuộc khủng hoảng. Tuy nhiên, nếu chỉ đơn thuần hỗ trợ thị trường tài thì sẽ không thể phục hồi các ngành sản xuất, tạo thêm việc làm, kích cầu tiêu dùng, bởi cuộc khủng hoảng đã tác động toàn diện lên nền kinh tế. Do đó, với ARRA, Chính phủ Mỹ đã bổ sung sự hỗ trợ gián tiếp tài chính đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thông qua việc cắt giảm thuế.

Với một quốc gia mà quy định về thuế hết sức chặt chẽ và ngặt nghèo, vì vậy, việc cắt giảm thuế sẽ giảm áp lực tài chính đối với doanh nghiệp và người tiêu dùng, từ đó, khuyến khích chi tiêu, các doanh nghiệp gia tăng đầu tư, thuê thêm lao động,

---

[28] Thường được gọi là *Đạo luật Phục hồi.*

[29] Theo bài phát biểu hàng tuần trên truyền hình của Tổng thống Obama vào ngày 3 tháng 7 năm 2009.

góp phần giải quyết vấn đề thất nghiệp. Chương trình ưu đãi về thuế thực hiện trong vòng 10 năm, trong đó, 80% dành cho những ưu đãi cá nhân và 20% là dành cho các doanh nghiệp. Như vậy, đối tượng chủ yếu mà ARRA hướng tới trong chương trình ưu đãi thuế chính là người lao động. Đồng thời với việc cắt giảm thuế, Chính phủ Mỹ cũng đẩy mạnh các chương trình đầu tư công.

Hai là, Chính phủ Mỹ thực hiện các chương trình đầu tư công[30]*:*

Việc gia tăng đầu tư công của Chính phủ sẽ góp phần tạo thêm việc làm, gia tăng thu nhập qua đó khuyến khích tiêu dùng, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các chương trình đầu tư công cơ bản của Chính phủ Mỹ bao gồm: đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, năng lượng, môi trường và nghiên cứu khoa học.

Phát triển cơ sở hạ tầng: với tổng số tiền là 105,3 tỷ USD [177] Chính phủ Mỹ đã đầu tư cho hai chương trình cơ bản:

Chương trình phát triển hệ thống giao thông vận tải - *TIGER* (Transportation Investments for Greenhouse Gas and Energy Reduction): với tổng số tiền mà Chính phủ đã đầu tư là 41,8 tỷ USD [103, tr.2]. Việc triển khai chương trình này đã góp phần phát triển và hiện đại hóa hệ thống đường cao tốc, giao thông công cộng, sân bay, trạm kiểm soát không lưu.

Chương trình cải thiện môi trường: nhằm bảo tồn tự nhiên, quản lý đất đai, cải thiện nguồn nước và tăng cường hiệu quả công tác dự báo khí tượng thuỷ văn.

Phát triển nguồn năng lượng: với mục tiêu phát triển nguồn năng lượng sạch, chương trình ARRA cấp cho Bộ Năng lượng khoản đầu tư 31 tỷ USD. Qua đó, Bộ đã triển khai các chương trình: lắp đặt các tuốc bin gió, các tấm pin năng lượng mặt trời, hiện đại hóa hệ thống truyền tải điện và nâng cao hiệu suất máy móc sử dụng điện đến từng tiểu bang.

Cải tạo và xây dựng nhà đất: trong sự suy giảm của thị trường bất động sản, xây dựng là ngành có số lượng việc làm bị cắt giảm cao nhất. Chính phủ Mỹ đã dành một khoản ngân sách là 13,61 tỷ USD giao cho HUD quản lý. Trong đó, gần 75% số tiền được đưa về các bang và địa phương [147]. Thông qua các các chương trình cải tạo sửa chữa những căn nhà cũ và xây dựng thêm những căn nhà mới đã góp phần thúc đẩy giải quyết nạn thất nghiệp trong ngành xây dựng.

Nghiên cứu phát triển khoa học: Chính phủ đầu tư khoảng 10 tỷ USD để hỗ trợ cho hai chương trình: hiện đại hóa các phòng thí nghiệm và hỗ trợ ngân sách cho Quỹ khoa học quốc gia, Bộ năng lượng, Trung tâm vũ trụ NASA, Cơ quan quản lý khí quyển và đại

[30] Việc triển khai và hiệu quả của các chương trình cơ bản tham khảo trong phụ lục 9.

dương [166].

Thời gian triển khai các chương trình ARRA là trong vòng 10 năm. Nhưng trên thực tế, ngay trong năm đầu tiên triển khai Chính phủ Mỹ đã chi ra số tiền tương đương với 1/3 ngân sách dành cho ARRA là là 241 tỷ USD (chênh lệch so với dự kiến là 56 tỷ USD) [116], trong đó, 38% ngân sách dành cho các ưu đãi thuế.

Như vậy, nhằm tăng cường kích cầu kinh tế, nhanh chóng kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã thực hiện đồng bộ chính sách cắt giảm thuế và tăng cường đầu tư công. Những chính sách chi tiêu "mạnh tay" của Chính phủ này đã hỗ trợ các doanh nghiệp gia tăng nguồn tài chính qua đó mở rộng kinh doanh, đồng thời tạo thêm việc làm và gia tăng thu nhập, đồng thời góp phần cải tạo cơ sở hạ tầng nước Mỹ. Bên cạnh đó, trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã kết hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ của FED.

** Chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang*

Cơ quan kiểm soát chính sách tiền tệ là FED, với hai công cụ là: điều tiết lượng cung tiền và quyết định lãi suất cơ bản. Giống như các ngân hàng trung ương khác, để kích cầu nền kinh tế, FED cũng áp dụng chính sách tiền tệ mở rộng bằng cách tăng lượng cung tiền và giảm lãi suất. Lãi suất giảm sẽ giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn tín dụng giá rẻ qua đó mở rộng đầu tư và giảm thu nhập từ tiết kiệm qua đó khuyến khích hộ gia định tăng tiêu dùng thay vì tiết kiệm. Mặc dù FED hoạt động độc lập với Chính phủ Mỹ, những các chính sách của FED luôn phải nằm trong tổng thể chính sách vĩ mô của Chính phủ Mỹ, đồng thời, những đạo luật mà Chính phủ Mỹ ban hành cũng tác động đến hoạt động của FED.

Trên thực tế, khi Chính phủ thực hiện chính sách tài khóa mở rộng kích cầu kinh tế, kéo theo sự gia tăng của cầu tiền từ đó gây áp lực tăng lãi suất. Khi lãi suất tăng sẽ hạn chế nhu cầu đầu tư. Trong khi đó, chính sách tiền tệ mở rộng lại làm lãi suất giảm thúc đẩy đầu tư. Từ sự tác động ngược chiều của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ cho thấy sự cần thiết phải có sự phối hợp giữa hai chính sách, đặc biệt là trong giai đoạn ứng phó với khủng hoảng kinh tế.

Ngay khi thị trường tài chính bắt đầu xuất hiện sự của sự đổ vỡ, FED bắt đầu triển khai chính sách tiền tệ "truyền thống" là hạ lãi suất. *"Cục Dự trữ Liên bang đã phản ứng lại cuộc khủng hoảng đang diễn ra vào mùa thu năm 2008 không chỉ bằng mở các cơ chế thanh khoản khẩn cấp mới mà còn bằng cách giảm lãi suất xuống gần bằng 0"* [153]. Quá trình hạ lãi suất của FED được thể hiện trong bảng 3.1.

Bảng 3.1. Quá trình điều chỉnh lãi suất của FED năm 2008

Ngày tháng	Tỷ lệ lãi suất (%)
Ngày 22 tháng 1	3,50
Ngày 30 tháng 1	3,00
Ngày 18 tháng 3	2,25
Ngày 30 tháng 4	2,00
Ngày 8 tháng 10	1,50
Ngày 29 tháng 10	1,00
Ngày 16 tháng 12	0 -0,25

(Nguồn: federalreserve.gov)

Theo bảng 3.1, quá trình hạ lãi suất của FED bắt đầu từ đầu năm 2008, từ mức 3,5% xuống còn 3%, tiếp đó FED đã liên tục hạ lãi suất nhằm ứng phó với sự suy giảm của thị trường tài chính. Đến tháng 12, lãi suất đã ở mức thấp nhất trong lịch sử là 0% - 0,25% (mức lãi suất thấp kỷ lục này được duy trì đến tháng 12 năm 2015).

Tuy nhiên, lãi suất hạ xuống mức thấp nhất chỉ đủ để bù đắp ở một mức độ thiệt hại nhất định, nền kinh tế vẫn tiếp tục chìm sâu trong khủng hoảng, chứng tỏ việc thực hiện đơn thuần chính sách tiền tệ "truyền thống" là chưa đủ. Do đó, FED đã bổ sung chương mua chứng khoán dài hạn, đặc biệt là chứng khoán kho bạc và chứng khoán thế chấp. Việc FED liên tục mua chứng khoán nhằm "cung" một lượng tiền lớn ra thị trường được gọi là *"Nới lỏng Định lượng"* (Quantitative easing - QE).

Có thể coi QE là công cụ gián tiếp trong việc điều hành chính sách tiền tệ của FED. Trên thực tế, cung tiền là việc làm thường xuyên của tất cả các ngân hàng trung ương, trong đó không loại trừ FED. Vậy tại sao các lần bơm tiền ra ngoài lưu thông bằng cách mua tài sản trước của FED lại không gọi là QE? Bởi lẽ, các lần bơm trước là mang tính chất điều chỉnh với khối lượng nhỏ, phù hợp với những thay đổi nhỏ, có tính chu kỳ của nền kinh tế. Tuy nhiên, đứng trước cuộc khủng hoảng kinh tế lớn, để phục hồi lại kinh tế FED quyết định tung ra một lượng tiền lớn, khi lượng cung tiền tăng lên sẽ kích thích cầu tiêu dùng từ đó hỗ trợ sản xuất, tăng việc làm và thu nhập.

Gói QE 1 được triển khai bắt đầu từ ngày 25 tháng 11 năm 2008, với việc FED bắt đầu mua 500 tỷ USD chứng khoán thế chấp (MBS) và 100 tỷ các loại nợ trái phiếu doanh nghiệp[31] (Agency debt). Đến ngày 18 tháng 3 năm 2009, FED tuyên bố mở rộng thêm gói QE1 bằng việc mua thêm 100 tỷ trái phiếu doanh nghiệp, 750 tỷ chứng

[31] Nợ trái phiếu doanh nghiệp: là trái phiếu do doanh nghiệp được chính phủ Mỹ tài trợ. Các dịch vụ của doanh nghiệp này được ủng hộ nhưng không được đảm bảo bởi chính phủ. Một số doanh nghiệp phát hành nổi tiếng loại chứng khoán này là Fannie Mae và Freddie Mac.

khoán thế chấp và 300 tỷ chứng khoán kho bạc[32]. Như vậy, tổng cộng FED đã chi 1750 tỷ USD cho gói QE1 [200].

Việc thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ của FED không phải là không có rủi ro. Trong việc thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng, sẽ đi kèm với nguy cơ lạm phát. Trên thực tế, lạm phát đạt mức cao vào giữa năm 2008, nhưng chủ yếu là do sự đột biến trong giá dầu và các hàng hóa khác*, "FED nghiêm túc đảm bảo ổn định giá cả trong suốt giai đoạn này"* [122]. Như vậy, lo ngại về vấn đề nguy cơ lạm phát do việc gia tăng lượng cung tiền chỉ ở mức độ thấp và không gây hại cho sự tăng trưởng kinh tế.

Mục đích của QE là tăng thêm nguồn cung tiền, tuy nhiên các ngân hàng lại không đẩy nguồn cung tiền ra thị trường mà lại lưu giữ lại để bù đắp cho những khoản vay của họ. Lý do mà các ngân hàng đưa ra chính là việc nâng cao những tiêu chuẩn cho vay để đảm bảo độ an toàn, do đó, rất nhiều khách hàng đã bị từ chối. Mặc dù, mục đích của FED qua QE 1 đã không đạt được nhưng đã góp phần ổn định hệ thống ngân hàng, kiểm soát khủng hoảng.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ có vai trò quan trọng với gia tăng thu nhập, thúc đẩy đầu tư, tiêu dùng, tạo thêm việc làm từ đó đã kiểm soát được cuộc khủng hoảng. Đồng thời, Chính phủ Mỹ còn thực hiện các chính sách và biện pháp tăng cường giám sát hệ thống tài chính Mỹ.

3.1.3.2. Tăng cường giám sát hệ thống tài chính

Với mục tiêu cơ bản là tăng cường giám sát các chủ thể và các hoạt động trên tài chính, hỗ trợ kiểm soát khủng hoảng, ngày 20 tháng 5 năm 2009, Tổng thống Obama đã ký quyết định ban hành *Đạo luật Thực thi và phục hồi* (the Fraud Enforcement and Recovery Act - FERA).

Với việc thực hiện FERA, chính phủ Mỹ đã tăng cường các quy định về kiểm soát hệ thống tài chính, đồng thời cung cấp cho chính phủ liên bang nhiều công cụ để điều tra và truy tố những hành vi gian lận. Đạo luật gia tăng quyền hạn của các cơ quan kiểm soát như: Bộ Tư pháp, Cục Điều trang Liên bang, Dịch cụ Kiểm tra Bưu chính[33], Cơ quan Mật vụ Hoa Kỳ[34], Văn phòng Thanh tra của HUD và Ủy ban Chứng khoán (SEC). Việc triển khai FERA đã được triển khai trên bốn chương trình cơ bản:

---

[32] Chứng khoán kho bạc (United States Treasury securities): là một loại chứng khoán nợ của chính phủ, dễ mua bán, lãi suất cố định trong 10 năm.

[33] Dịch vụ Kiểm tra Bưu chính (The United States Postal Inspection Service - USPIS) là chi nhánh thực thi pháp luật thuộc hệ thống bưu chính Mỹ. Cơ quan này có nhiệm vụ hỗ trợ và bảo vệ hệ thống bưu chính Mỹ khỏi những mối đe dọa an ninh.

[34] Cơ quan Mật vụ Hoa Kỳ (The United States Secret Service - USSS) trực thuộc Bộ An ninh Nội địa, cơ quan này có hai nhiệm vụ riêng biệt là điều tra các gian lận tiền tệ và đảm bảo an toàn của các nhà lãnh đạo quốc gia.

gia tăng nguồn tài trợ chống gian lận, sửa đổi dạo luật bồi thường, cải tiến các quy định về gian lận và thành lập Uỷ ban điều tra khủng hoảng.

∗ *Tăng cường công tác chống gian lận:*

Chính phủ đã cung cấp 165 triệu USD cho Bộ Tư pháp, 30 triệu USD cho cơ quan Dịch vụ Kiểm tra Bưu chính; 30 triệu USD cho Văn phòng Thanh tra của HUD; 20 triệu USD cho Cơ quan Mật vụ Hoa Kỳ và 20 triệu USD cho Ủy ban Chứng khoán [182], từ đó, gia tăng nguồn tài chính nhằm hỗ trợ cho việc điều tra và tố tụng các hành vi phạm tội trên lĩnh vực tài chính trong năm tài khóa 2010 và 2011.

∗ *Sửa đổi Đạo luật Bồi thường sai* (the False Claims Act - FCA)

FERA đã bổ sung và mở rộng phạm vi tiếp cận của FCA về một số nội dung quy định về trách nhiệm pháp lý liên quan đến người "*Cố tình trình bày hoặc dẫn đến trình bày một yêu cầu bồi thường sai hoặc gian lận để được thanh toán"* (theo FERA) cũng như trách nhiệm bồi thường và khả năng truy tố trước tòa án liên quan đến các hành vi gian lận.

∗ *Cải tiến các quy định gian lận tài chính và tội phạm rửa tiền:*

Một trong những quy định quan trọng là bổ sung các quy định về thu nhập đến từ hoạt động rửa tiền. Trên thực tế, nếu căn cứ theo điều luật 18 U.S.C. § 1956, quy định hành vi phạm tội là *"tiến hành hoặc cố gắng tiến hành một giao dịch tài chính liên quan đến khoản tiền thu được từ hoạt động bất hợp pháp".* FERA thêm khoản (c) (9) để mở rộng định nghĩa "thu nhập" liên quan đến rửa tiền, bao gồm *"bất kỳ tài sản nào, lấy từ hoặc có được hoặc giữ lại, trực tiếp hoặc gián tiếp, thông qua một số hình thức hoạt động bất hợp pháp. Bao gồm cả tổng doanh thu của hoạt động đó"* [182]. Như vậy, những cải tiến này đã đảm bảo các công ty môi giới thế chấp phải chịu trách nhiệm hoàn toàn theo các đạo luật phòng chống gian lận liên bang.

∗ *Thành lập Ủy ban Điều tra khủng hoảng (Financial Crisis Inquiry Commission - FCIC)*

Nội dung cuối cùng trong FERA là thành lập *Ủy ban Điều tra khủng hoảng* bao gồm 10 thành viên. Uỷ ban có nhiệm vụ điều tra những nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng. Ủy ban này đã tiếp cận các tài liệu của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, các bài báo và các cuộc phỏng vấn các cá nhân, từ đó đưa ra những kết luận toàn diện về nguyên nhân khủng hoảng. Căn cứ vào đó, Chính phủ Mỹ đã đưa ra các chính sách giải quyết triệt để những hậu quả khủng hoảng và đưa ra những chính sách cải cách toàn diện tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế.

Như vậy, trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã tiến hành

các chính sách và biện pháp nhằm điều tra, truy tố những hành động gian lận. Đồng thời, việc đưa ra và thực hiện đạo luật FERA đã tạo ra một chế tài răn đe nhằm ngăn chặn việc tiếp diễn những hành động sai lầm trong tương lai. Trong đó, việc thành lập FDIC đã có ý nghĩa quan trọng đối với việc tìm ra những nguyên nhân trực tiếp và sâu xa dẫn đến khủng khoảng, đó là tiền đề quan trọng giúp Chính phủ Mỹ tiến hành cải cách hệ thống tài chính, giải quyết được triệt để những hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế trong giai đoạn tiếp theo.

Tuy nhiên, khủng hoảng không chỉ gây thiệt hại về kinh tế mà cũng tác động nghiêm trọng đến xã hội Mỹ, với tỷ lệ thất nghiệp cao, thu nhập thu hẹp, các lĩnh vực giáo dục và y tế bị ảnh hưởng. Do đó, nhằm gia tăng hiệu quả của quá trình kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ cũng đẩy mạnh thực hiện các chính sách và biện pháp giải quyết các vấn đề xã hội.

3.1.3.3. Giải quyết các vấn đề xã hội

Giữa kinh tế và xã hội luôn có mối quan hệ mật thiết, các vấn đề xã hội là sự phản ánh các vấn đề kinh tế. Trên thực tế, một nền kinh tế tăng trưởng sẽ góp phần gia tăng mức sống của người dân, một xã hội ổn định với lợi ích cá nhân hài hoà với lợi ích cộng đồng sẽ tạo nên sự phát triển bền vững. Do đó, ổn định xã hội là mục tiêu và cũng là động lực cho sự phát triển kinh tế.

Trước thực trạng cuộc khủng hoảng đang tác động nghiêm trọng đến xã hội Mỹ, với tỷ lệ thất nghiệp cao, thu nhập giảm sút, lĩnh vực y tế và giáo dục gặp nhiều khó khăn. Chính phủ Mỹ đã đề ra mục tiêu chính sách xã hội[35]: *"tạo thêm việc làm cho mọi người và thúc đẩy nền kinh tế phát triển, xây dựng một nền tảng mới cho sự thịnh vượng lâu dài - một nền tảng dựa trên các khoản đầu tư nhằm tạo ra một nền giáo dục có chất lượng, giảm thiểu chi phí chăm sóc sức khỏe và phát triển một nguồn năng lượng mới"*. Trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng, chính sách và biện pháp giải quyết các vấn đề xã hội được thể hiện tập trung trong đạo luật ARRA.

Mặc dù, việc giảm thuế và tăng cường đầu tư công của Chính phủ đã gián tiếp thực hiện mục tiêu tạo việc làm và cải thiện thu nhập, nhưng thực tế tỷ lệ thất nghiệp vẫn tiếp tục gia tăng, vì vậy, Chính phủ Mỹ buộc phải ban hành các chính sách và biện pháp nhằm trực tiếp tạo việc làm, cải thiện thu nhập cho người lao động. Bên cạnh đó, ARRA cũng đưa ra các chương trình hỗ trợ về giáo dục và y tế. Những chính sách và biện pháp giải quyết các vấn đề xã hội của ARRA được thực hiện trên 3 nhóm chương trình cơ bản:

∗ *Trợ cấp xã hội:*

[35] Bài phát biểu hàng tuần trên truyền hình của Tổng thống Obama vào ngày 25 tháng 4 năm 2009.

Với quy mô và mức độ tác động của cuộc khủng hoảng đối với xã hội, do đó, nhằm nhanh chóng kiểm soát cuộc khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã triển khai các chính sách và biện pháp trợ cấp xã hội cho các cá nhân chịu ảnh hưởng khủng hoảng theo hai cấp độ: hỗ trợ trực tiếp và hỗ trợ gián tiếp thông qua chính quyền các bang.

Một là, Chính phủ Mỹ thực hiện các chương trình hỗ trợ trực tiếp:

Nhằm tạo ra sự hỗ trợ toàn diện, Chính phủ đã triể khai hỗ trợ trực tiếp cho các cá nhân qua 5 chương trình cụ thể: hỗ trợ dinh dưỡng, trợ cấp y tế, trợ cấp Pell, trợ cấp an sinh và bảo hiểm xã hội:

Về hỗ trợ dinh dưỡng: là một trong những chương trình quan trọng trong hệ thống an sinh xã hội của Mỹ. Được hình thành từ trong Chính sách mới, chương trình ban đầu có tên là chương trình Tem lương thực[36] (the Food Stamp Program) do cơ quan Dịch vụ thực phẩm và dinh dưỡng (The Food and Nutrition Service - FNS) trực thuộc Bộ Nông nghiệp quản lý. Khi cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế xảy ra, số lượng đơn đề nghị được hỗ trợ dinh dưỡng tăng mạnh. Do đó, Chính phủ Mỹ đã thành lập chương trình *Hỗ trợ dinh dưỡng bổ sung*[37] (The Supplemental Nutrition Assistance Program - SNAP) thay thế cho chương trình Tem Lương thực với khoản ngân sách 19,3 tỷ USD [177]. Việc thực hiện chương trình có vai trò quan trọng đối với việc đảm bảo mức dinh dưỡng tối thiểu cho các hộ gia đình, giảm bớt áp lực do thất nghiệp, bước đầu làm dịu bớt những mâu thuẫn trong xã hội. Cùng với việc hỗ trợ dinh dưỡng, Chính phủ cũng tăng cường các chính sách nhằm đảo bảo y tế và giáo dục tối thiểu cho người Mỹ.

Về trợ cấp bảo hiểm y tế: trong hệ thống an sinh xã hội Mỹ, nhằm cung cấp sự chăm sóc y tế tối thiểu, Chính phủ Mỹ đã sử dụng hệ thống COBRA[38]. Cuộc khủng hoảng đã khiến số lượng lớn lực lượng lao động thất nghiệp, tuy nhiên chỉ có 10% người Mỹ đủ điều kiện nhận COBRA vì họ không có khả năng trả đủ chi phí bảo hiểm sau khi thất nghiệp. Để đảm bảo y tế tối thiểu, Chính phủ cung cấp 24,7 tỷ USD cho chương trình COBRA. Như vậy, với số tiền trên, ARRA đã trợ cấp 65% chi phí bảo

---

[36] Số tiền trợ cấp tuỳ thuộc vào quy mô, thu nhập và chi phí của các hộ gia đình. Hình thức ban đầu của chương trình là sử dụng "tem" hoặc "phiếu giảm giá" bằng giấy có giá trị l USD, 5 USD, và 10 USD. Tuy nhiên, từ cuối những năm 90 của thế kỷ XX, Chính phủ Mỹ đã dần thay thế các con tem bằng thẻ điện tử, được gọi là Chuyển khoản Giao dịch Điện tử (Electronic Benefit Transfer – EBT). Mỗi tháng, số tiền trợ cấp dinh dưỡng sẽ được gửi trực tiếp vào tài khoản EBT của các hộ gia đình. Thẻ EBT có thể được sử dụng tại các siêu thị để mua lương thực hoặc tại các cửa hàng tiện lợi hoặc tại các địa điểm bán lẻ.

[37] Chương trình hỗ trợ dinh dưỡng bổ sung là một chương trình do Bộ Nông nghiệp Mỹ quản lý, nhằm hỗ trợ cho những người có thu nhập thấp hoặc không có thu nhập mua thực phẩm. Số tiền trợ cấp phụ thuộc vào quy mô và thu nhập của hộ gia đình. Từ tháng 10 năm 2008, chương trinh hỗ trợ dinh dưỡng bổ sung được thay thế cho chương trình Tem lương thực, thay bằng hình thức tem phiêu tiền hỗ trợ sẽ được gửi trực tiếp vào tài khoản cho các hộ gia đình.

[38] Hệ thống Bảo hiểm y tế COBRA: đây là một chương trình cho phép nhân viên tiếp tục được tham gia chương trình bảo hiểm y tế sau khi đã nghỉ việc hoặc đang trong giai đoạn thất nghiệp. Chương trình này được hình thành dựa trên Đạo luật Hoà giải Ngân sách Chung (The Consolidated Omnibus Budget Reconciliation Act – COBRA) được Tổng thống R.Reagan ký quyết định ban hành.

hiểm người lao động trong COBRA. Chương trình đã cung cấp bảo hiểm y tế cho khoảng 7 triệu người Mỹ trong năm 2009 [177].

Về trợ cấp Pell: với mục tiêu đảm bảo cho tất cả mọi người dân đều có cơ hội được tiếp cận nền giáo dục, Pell là khoản trợ cấp dành cho các hộ gia đình có thu nhập thấp. Cuộc khủng hoảng kinh tế đã làm thu nhập người Mỹ giảm sút, số lượng đơn đề nghị hỗ trợ từ Pell tăng lên, gây áp lực lớn đến quỹ. Thông qua ARRA, Chính phủ Mỹ đã cung cấp thêm cho Quỹ Pell[39] số tiền 15,7 tỷ USD. Chương trình trợ cấp tối đa là 500 USD cho 1 người trong 2 năm học.

Các chương trình hỗ trợ bước đầu đã đảm bảo dinh dưỡng, giáo dục và y tế cơ bản cho người Mỹ. Những chính sách này nhằm mục tiêu chủ yếu là ổn định xã hội. Đồng thời, nhằm cải thiện thu nhập, thúc đẩy tiêu dùng, kích cầu kinh tế, Chính phủ Mỹ cũng tăng cường các chính sách trợ cấp về thu nhập thông qua các chương trình trợ cấp an sinh xã hội và bảo hiểm thất nghiệp.

Về trợ cấp an sinh xã hội: đối với các đối tượng là người về hưu, cựu chiến binh và người tàn tật Chính phủ sẽ trợ cấp 250 USD/người. Tổng số ngân sách chi cho khoản này là 14,2 tỷ USD [177]. Thông qua chính sách trợ cấp 1 lần, góp phần tăng thêm thu nhập, cải thiện mức sống và thúc đẩy tiêu dùng.

Bảo hiểm thất nghiệp*:* khủng hoảng tài chính kinh tế đã khiến số người thất nghiệp tăng cao, từ đó gia tăng áp lực đối với quỹ bảo hiểm xã hội. Để đảm bảo an sinh xã hội, Chính phủ đã tăng cường ngân sách cho quỹ bảo hiểm thất nghiệp là 8,7 tỷ USD với mức hỗ trợ là 25 USD/người/tuần. Chương trình kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 [177].

Như vậy, dựa trên nền tảng các chương trình an sinh xã hội sẵn có, ARRA đã tăng cường ngân sách để ổn định và nâng cao hiệu quả của các chương trình này, đồng thời bổ sung sự hỗ trợ cho các đối tượng khác như cựu chiến binh. Đây là việc làm hoàn toàn thiết thực bởi trên thực tế, số lượng người thất nghiệp tăng cao, thu nhập giảm sút, người lao động buộc phải tìm đến sự hỗ trợ của các chương trình trợ cấp phúc lợi để đảm bảo mức sống tối thiểu. Trong khi đó, nguồn ngân sách mà Chính phủ cấp cho các quỹ phúc lợi lại có hạn mức, và thường được giới hạn về mặt thời gian. Do đó, ARRA đã cung cấp nguồn ngân sách cần thiết để đảm bảo sự ổn định đời sống người lao động, kiểm soát những mâu thuẫn trong xã hội, tạo tiền đề cho sự phục hồi kinh tế. Tuy nhiên do điều kiện đặc thù về hành chính và nền kinh tế, mức độ thiệt hại

[39] Trợ cấp Pell: đây là chương trình hỗ trợ cơ bản cho sinh viên do Bộ Giáo dục quản lý. Chương trình được thành lập từ năm 1965 bởi Đạo luật Giáo dục (the Higher Education Act) do Tổng thống Johnson ký, tên của khoản trợ cấp được đặt theo tên của Thượng nghị sỹ Claiborne Pell của đảo Rhode.

mà cuộc khủng hoảng đem đến lại có sự khác biệt giữa các bang. Do đó, cùng với việc triển khai các chính sách xã hội trên quy mô toàn Liên bang, Chính phủ Mỹ cũng đưa ra các chính sách hỗ trợ qua các bang và địa phương.

Hai là, Chính phủ Mỹ thực hiện các chương trình hỗ trợ gián tiếp qua các bang:

Là một quốc gia liên bang, với các bang vừa độc lập lại vừa phụ thuộc vào chính quyền liên bang. Do đó, mỗi bang tuỳ theo điều kiện tài chính, hoàn cảnh thực tiễn và những quy định đặc thù sẽ có những chính sách và biện pháp giải quyết riêng. Tính đa dạng trong thống nhất của nền kinh tế nói riêng và nước Mỹ nói chung đã khiến Chính phủ Mỹ đưa ra các chính sách hỗ trợ triển khai qua các bang nhằm đẩy nhanh việc kiểm soát cuộc khủng hoảng. Trên thực tế, Chính phủ hỗ trợ các bang và địa phương thông qua 5 chương trình: đào tạo dạy nghề, trợ cấp TANF, chăm sóc và phát triển trẻ em, Head start và Early Head Start và dịch vụ công cộng.

Đào tạo dạy nghề*:* khi khảo sát về sự chênh lệch trong tỷ lệ thất nghiệp giữa các nhóm người, Chính phủ Mỹ nhận thấy số lao động có trình độ có tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn so với lao động phổ thông. Do đó, để hỗ trợ cho người lao động có thêm cơ hội tiếp cận đa dạng thị trường lao động, Chính phủ Mỹ đã dành khoản ngân sách là 3 tỷ USD cho các tiểu bang và địa phương nhằm phát triển các chương trình đào tạo dạy nghề. Trong đó, nguồn hỗ trợ của Chính phủ hướng chủ yếu đến ba chương trình: 200 triệu USD dành cho quỹ Dự trữ lao động quốc gia (the Dislocated Workers National Reserve), 50 triệu USD cho chương trình đào tạo YouthBuild[40] dành cho những thanh thiếu niên có hoàn cảnh khó khăn, và 750 triệu dành cho đào tạo lao động cho các ngành công nghiệp [177].

Quỹ hỗ trợ khẩn cấp TANF[41]: trên thực tế, số người thất nghiệp do tác động của khủng hoảng có sự chênh lệch giữa các bang. Do đó, với số tiền 5 tỷ USD, Chính phủ đã tăng cường hỗ trợ cho các bang có tỷ lệ thất nghiệp cao thông qua TANF.

Chăm sóc và phát triển trẻ em: Chính phủ đã dành khoản ngân sách khoảng 2 tỷ USD giao cho Bộ Y tế và Dịch vụ nhân sinh quản lý. Bộ sẽ hỗ trợ tài chính cho các tiểu bang giúp các gia đình có thu nhập thấp có thể thuê người giữ trẻ, từ đó gia tăng cơ hội việc làm. Một số tiểu bang đã trích từ Quỹ TANF sang thực hiện các chương trình chăm sóc và phát triển trẻ em.

Head Start và Early Head Start: khủng hoảng tài chính kinh tế đã gia tăng áp

---

[40] YouthBuild: là một tổ chức phi lợi nhuận, chuyên cung cấp các dịch vụ tư vấn, giáo dục, kỹ năng cho lứa tuổi từ 16 đến 24, do Bộ Lao động tài trợ. Tổ chức này được thành lập từ năm 1994[27, tr.30].

[41] Quỹ TANF (Temporary Assistance for Needy Families) – được thành lập năm 1996 theo Đạo luật Trách nhiệm Cá nhân và Cơ hội Việc làm (the Personal Responsibility and Work Opportunity Ac) cung cấp sự hỗ trợ tài chính tạm thời cho người thất nghiệp. Người nhận trợ cấp quỹ TANF sẽ có thời hạn 24 tháng nhận trợ cấp trong thời gian tìm việc làm [27, tr.30].

lực lên các chương trình hỗ trợ trẻ em trong các gia đình thu nhập thấp. Để giảm áp lực đối với các quỹ phúc lợi và hướng đến sự hỗ trợ đặc biệt về dinh dưỡng, giáo dục và sức khoẻ đối với trẻ em, Chính phủ Mỹ đã chi 2,1 tỷ USD đối với hai chương trình: Head Start (dành cho những trẻ từ 3 đến 5 tuổi) và Early Head Start (dành cho những trẻ từ giai đoạn biết đi đến 3 tuổi) [183].

Dịch vụ công cộng: Chính phủ đã chi 1 tỷ USD cho các tiểu bang để trợ cấp các chương trình cứu trợ đói nghèo khẩn cấp [177].

Như vậy, với sự phối hợp chặt chẽ các chính sách hỗ trợ cấp Liên bang và cấp tiểu bang, Chính phủ Mỹ đã cung cấp sự hỗ trợ mạnh mẽ dành cho các đối tượng chịu tác động bởi khủng hoảng. Việc hỗ trợ không chỉ hướng tới mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội mà còn thúc đẩy cơ hội nghề nghiệp, kích cầu tiêu dùng. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng không chỉ tác động đến vấn đề lao động và việc làm mà còn gián tiếp ảnh hưởng đến vấn đề giáo dục và y tế Mỹ. Do vậy, thông qua ARRA, Chính phủ Mỹ tiếp tục đưa ra các chương trình hỗ trợ về giáo dục và y tế.

∗ *Trên lĩnh vực giáo dục:*

Mỹ là một trong những quốc gia có nền giáo dục phát triển bậc nhất. Việc đầu tư cho giáo dục là một trong những chiến lược phát triển dài hạn của Chính phủ Mỹ. Cuộc khủng hoảng kinh tế cũng đã tác động nghiêm trọng đến lĩnh vực giáo dục. Theo báo cáo của Đại học Chicago với tựa đề *"Phía sau Mỹ: quốc gia đang rơi vào khủng hoảng"* đã đưa ra những con số đáng báo động về hoạt động giáo dục. Theo đó, năm 2007, gần 6,2 triệu thanh niên ở Mỹ giữa tuổi từ 16 đến 24 đã bỏ học trung học. Theo báo cáo của UNICEF, tỷ lệ tốt nghiệp đại học của Mỹ đã giảm xuống mức 21 trong 27 nước công nghiệp phát triển [113]. Cùng với đó là nguy cơ thất nghiệp của rất nhiều giáo viên, theo nghiên cứu của Đại học Washington 600.000 giáo viên có nguy cơ bị mất việc [167]. Như vậy, khủng hoảng kinh tế đã tạo nên áp lực về tài chính khiến cho nhiều người từ bỏ cơ hội được tiếp cận nền giáo dục cao hơn, quy mô hoạt động của các nhà trường có khuynh hướng thu hẹp, buộc phải sa thải bớt giáo viên và nhân viên. Do đó, Chính phủ Mỹ đã đưa các chương trình hỗ trợ giáo dục vào trong đạo luật Phục hồi.

Theo dự kiến, ARRA sẽ cung cấp hơn 100 tỷ USD cho ngân sách giáo dục trong đó bao gồm các khoản tín dụng, hỗ trợ học phí đại học và chương trình hiện đại hóa hệ thống trường học. Bộ trưởng Bộ Giáo dục Arne Duncan đã ghi nhận Đạo luật ARRA là *"cơ hội lịch sử để tạo ra việc làm và cải cách giáo dục"* [170]. Các chương trình hỗ trợ về giáo dục chủ yếu được triển khai gián tiếp thông qua Quỹ ổn định ngân sách Liên bang và hỗ trợ trực tiếp.

Một là, Chính phủ Mỹ thực hiện các chương trình hỗ trợ gián tiếp:

Trên thực tế, ngân sách Liên bang chỉ đóng góp 9% cho giáo dục, còn lại 91% thuộc về trách nhiệm của các tiểu bang. Cuộc khủng hoảng đã tác động nghiêm trọng đến quỹ giáo dục. Do đó, để tăng cường sự hỗ trợ về tài chính, giúp duy trì sự ổn định của hoạt động của hệ thống giáo dục, quỹ *Ổn định ngân sách Liên bang* (the State Fiscal Stabilization Fund - SFSF) được thành lập theo khuôn khổ của đạo luật ARRA với khoản ngân sách 53,6 tỷ USD [183]. Bên cạnh đó, Chính phủ còn dành thêm 5 tỷ USD cho chương trình "Race to the Top" nhằm trao giải thưởng cho các tiểu bang sớm hoàn thành mục tiêu đổi mới giáo dục.

Bên cạnh những chính sách và biện pháp hỗ trợ giáo dục gián tiếp thông qua SFSP, Chính phủ Mỹ cũng tăng cường hỗ trợ về giáo dục cho các đối tượng đặc biệt thông qua các chương trình hỗ trợ trực tiếp.

Hai là, Chính phủ Mỹ thực hiện các chương trình hỗ trợ trực tiếp:

Nhằm duy trì ổn định và nâng cao chất lượng giáo dục, Chính phủ Mỹ hỗ trợ trực tiếp thông qua hai chương trình cơ bản: bình ổn giáo dục Liên bang và hỗ trợ các giáo dục đặc biệt.

Bình ổn giáo dục Liên bang: với ngân sách là 40 tỷ USD, Chính phủ Mỹ trực tiếp hỗ trợ ổn định của hoạt động các trường công lập, ngăn chặn tình trạng cắt giảm giáo viên, và hiện đại hoá các trường học [187]. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng bổ sung 5 tỷ USD dành cho việc đánh giá chất lượng học tập, giảng dạy của giáo viên và hiện đại hoá việc quản lý dữ liệu.

Hỗ trợ các đối tượng đặc biệt: Chính phủ Mỹ cũng tăng cường hỗ trợ trực tiếp về tài chính, bao gồm: 13 tỷ USD cho những gia đình có thu nhập thấp để đảm bảo trẻ em được tiếp tục học tập, 12 tỷ USD cho người khuyết tật thông qua chương trình IDEA[42] và 5 tỷ USD cho hệ thống giáo dục bậc mầm non và tiểu học [187].

Như vậy, với nguyên tắc đầu tư trong ngắn hạn nhưng hướng tới mục tiêu dài hạn, những chính sách trên lĩnh vực giáo dục không chỉ đảm bảo cho mọi người dân Mỹ được được tiếp cận giáo dục tối thiểu mà còn hướng tới việc đảm bảo cho chất lượng lâu dài của nguồn lao động. Bên cạnh đó, khủng hoảng kinh tế đã khiến số người thất nghiệp gia tăng, giảm đi cơ hội tiếp cận các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khoẻ. Do đó, bên cạnh việc đầu tư trợ cấp xã hội và giáo dục, Chính phủ Mỹ cũng mở rộng các chính sách và biện pháp hỗ trợ y tế thông qua ARRA.

∗ *Trên lĩnh vực y tế*

---

[42] Chương trình giáo dục người khuyết tật (Individuals with Disabilities Education Act - IDEA) [27, tr.35].

Nhằm hỗ trợ lĩnh vực y tế, nằm trong khuôn khổ của ARRA, Chính phủ đã thực hiện Đạo luật HITECH (The Health Information Technology for Economic and Clinical Health Act). Dựa trên cơ sở đạo luật, Bộ Y tế và Dịch vụ nhân sinh chi 25,9 tỷ USD cho việc áp dụng công nghệ thông tin trong y tế nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe. Đồng thời, HITECH cũng thiết lập chương trình chăm sóc sức khỏe điện tử cho hai chương trình bảo hiểm y tế Medicare và Medicaid để làm căn cứ thanh toán cho các chuyên gia, bệnh viện [144].

Quá trình tiến hành đạo luật HITECH được tiến hành theo từng giai đoạn, giai đoạn 2009 - 2011 hoàn thành việc thu thập và chia sẻ dữ liệu, giai đoạn 2011 - 2013 hoàn thành việc thử nghiệm và giai đoạn 2013 - 2015 chính thức triển khai việc quản lý sức khỏe điện tử.

Bên cạnh việc thực hiện HITECH, Chính phủ Mỹ cũng tăng cường hỗ trợ y tế đối với trẻ em. Theo số liệu của cục *Điều tra dân số* Mỹ, trong năm 2008, 7,3 triệu trẻ em không có bảo hiểm y tế, đây là tỷ lệ thấp nhất kể từ năm 1987 [129]. Chính các rào cản hành chính đã khiến các gia đình khó có thể đăng ký con mình vào các chương trình bảo hiểm y tế. Bên cạnh đó, thu nhập của các gia đình bị giảm sút do tác động của khủng hoảng khiến áp lực chăm sóc sức khoẻ trẻ em tăng lên. Vì thế, ngày 4 tháng 2 năm 2009, Tổng thống Obama đã ký ban hành luật *Thừa nhận lại chương trình bảo hiểm y tế cho trẻ em* (the Children's Health Insurance Program Reauthorization Act) tạo cơ sở để hình thành chương trình *Bảo hiểm y tế trẻ em* (Children's Health Insurance Program - CHIP).

Với ngân sách là 32,8 tỷ USD, CHIP đã tạo điều kiện cho hơn 4 triệu trẻ em được cung cấp bảo hiểm y tế [129]. Vì vậy, các gia đình đang mất việc trong thời kỳ suy thoái kinh tế đã coi CHIP và Medicaid là một cơ chế hỗ trợ tài chính thiết yếu để bảo đảm chăm sóc y tế.

Như vậy, các chính sách và biện pháp mà Chính phủ Mỹ triển khai đã tạo ra sự hỗ trợ toàn diện: dinh dưỡng, việc làm, dạy nghề, y tế đến giáo dục. Trong đó, chương trình tạo việc làm được Chính phủ triển khai với quy mô lớn nhất. Những đối tượng được hưởng cũng rất đa dạng, bao gồm: trẻ em, người tàn tật, những người lao động thất nghiệp, học sinh, sinh viên và cựu chiến binh. Những chính sách xã hội không chỉ đảm bảo an sinh xã hội mà còn gia tăng thu nhập tạo việc làm thúc đẩy tiêu dùng, qua đó gián tiếp hướng tới mục tiêu ổn định kinh tế. Việc phối hợp đồng bộ các chính sách và biện pháp giải quyết các vấn đề xã hội không chỉ tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài của nước Mỹ mà bước đầu đã đem lại những kết quả quan trọng trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng.

3.1.4. Kết quả của việc kiểm soát khủng hoảng

3.1.4.1. Thành tựu

Ngay khi những dấu hiệu của sự đổ vỡ trong hệ thống tài chính xuất hiện, Chính phủ Mỹ đã phản ứng bằng các chính sách hỗ trợ tài chính hoặc dàn xếp quá trình mua bán sáp nhập. Qua đó, đã "cứu" một số tập đoàn tài chính, ngân hàng khỏi sụp đổ. Tuy nhiên, tất cả những giải pháp ban đầu chỉ như "tát nước" để cứu "con thuyền" kinh tế khỏi bị chìm, đồng thời ổn định xã hội, Chính phủ Mỹ đã ban hành những chính sách và thực hiện các biện pháp với quy mô lớn, tác động toàn diện đến kinh tế và xã hội Mỹ. Với các chương trình đầu tư công, phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ, giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, cuộc khủng hoảng kinh tế đã bước đầu được kiểm soát. Sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế được thể hiện trên: chỉ số tăng trưởng kinh tế, thị trường nhà đất, thị trường bất động sản, thị trường lao động việc làm và sự ổn định của xã hội.

** Trên lĩnh vực kinh tế:*

Chỉ số GDP là một trong những chỉ số quan trọng phản ánh sự tăng trưởng hoặc suy thoái của nền kinh tế. Sau khi "chạm đáy" vào quý I năm 2009 với mức – 6,4%, nền kinh tế Mỹ đã bắt đầu dịch chuyển theo hướng tích cực. Do tác động từ hai gói kích cầu quy mô lớn của Chính phủ, từ quý III, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 2,2%. Như vậy, chỉ trong 1 năm tỷ lệ tăng trưởng GDP nước Mỹ đã đạt 12,1%, đây là tỷ lệ tăng trưởng nhanh nhất của kinh tế Mỹ kể từ năm 1981 [81, tr.65]. Trong các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chính sách cắt giảm thuế thu nhập cá nhân và chính sách hỗ trợ tài chính trực tiếp từ Chính phủ đã giúp doanh nghiệp duy trì và mở rộng sản xuất, thu nhập cải thiện khuyến khích người dân chi tiêu, đây chính là những nhân tố chủ đạo thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Thị trường nhà đất được xem là điểm khởi đầu của cuộc khủng hoảng. Những chính sách hỗ trợ cho các tổ chức tín dụng và người mua nhà mà Chính phủ Mỹ ban hành, khoảng 3 triệu người Mỹ đã được tái cấp vốn [81, tr.61]. Trên thực tế, khi vấn đề thất nghiệp được kiểm soát và thu nhập của người dân được nâng lên, nhu cầu gia tăng sẽ gián tiếp tạo nên sự hồi phục của thị trường bất động sản. Bên cạnh đó, số lượng nhà xây mới đã tăng 49% từ tháng 2 đến tháng 12 năm 2009 [81, tr.61]. Sự gia tăng nguồn "cung" sẽ góp phần thúc đẩy "cầu" nhà đất. Mặc dù giá nhà khó có thể khôi phục lại mức trước khủng hoảng, nhưng với những chuyển biến tích cực trên thị trường nhà đất chứng tỏ cuộc khủng hoảng trên đã bước đầu được kiểm soát.

Trên thực tế, thị trường tài chính là trung tâm của cuộc khủng hoảng. Do vậy, nhằm nhanh chóng kiểm soát được cuộc khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã dành số vốn

đầu tư lớn nhất cho hệ thống tài chính Mỹ, do vậy, sự phục hồi cũng diễn ra mạnh mẽ nhất trên thị trường này. Một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá về nền kinh tế là chỉ số chứng khoán, vì chỉ số này không chỉ phản ánh giá trị của thị trường mà còn thể hiện niềm tin của các nhà đầu tư vào nền kinh tế.

Từ quý III năm 2009, chỉ số S&P 500 đã bắt đầu tăng điểm trở lại: *"tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, S&P 500 cao hơn 65 % so với mức thấp nhất trong tháng ba"* [81, tr.58]. Sự hồi phục của thị trường chứng khoán đã phản ánh sự ổn định hoạt động của các doanh nghiệp và là một trong những kênh dẫn vốn hiệu quả cho doanh nghiệp từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo báo cáo kinh tế của Chính phủ Mỹ năm 2010, đến quý IV các doanh nghiệp đã huy động được 55 tỷ USD từ các quỹ đầu tư tư nhân [81, tr.59], các tổ chức tài chính và doanh nghiệp đã đảm bảo được nguồn vốn, nguy cơ sụp đổ đã không còn, đây là cơ sở cần thiết cho sự phát triển trong các giai đoạn tiếp theo.

Như vậy, dưới tác động của những chính sách kích cầu kinh tế lớn, đến cuối năm 2009, với những chuyển biến tích cực trên thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản và chỉ số GDP đã cho thấy Chính phủ Mỹ đã cơ bản kiểm soát được cuộc khủng hoảng trên lĩnh vực kinh tế. Nguy cơ đổ vỡ của hệ thống tài chính, sự lao dốc của giá nhà cũng như giá chứng khoán đã không còn, đây là tiền đề cần thiết để Chính phủ Mỹ giải quyết hoàn toàn những hậu quả cuộc khủng hoảng.

∗ *Trên lĩnh vực xã hội*

Việc phối hợp đồng bộ trong việc thực hiện các chính sách kích cầu kinh tế, giữa chính sách kinh tế và xã hội, có vai trò quan trọng đối với việc giải quyết việc làm và cải thiện thu nhập cho người lao động. Ngược lại, nếu việc làm và thu nhập được tăng lên sẽ là nhân tố trực tiếp thúc đẩy chi tiêu và tăng trưởng kinh tế.

Từ quý I năm 2008, tỷ lệ việc làm của Mỹ bắt đầu giảm, sự suy giảm đạt mức cao nhất là trong quý I năm 2009, trung bình mỗi tháng nước Mỹ mất 700.000 việc làm. Sau đó, tình trạng cắt giảm việc làm đã bắt đầu được kiểm soát, *"nếu so sánh về mức độ thay đổi việc làm từ quý I đến quý IV thì đây là sự thay đổi lớn nhất kể từ năm 1946"* [81, tr.68]. Trong ba ngành có tỷ lệ mất việc cao nhất là: ngành tài chính, ngành xây dựng và ngành sản xuất. Tuy nhiên, với chính sách ưu tiên của Chính phủ Mỹ đối với việc giải cứu thị trường tài chính, việc làm ở khu vực này cũng có sự cải thiện hiệu quả nhất so với các khu vực còn lại.

Trên thực tế, chương trình ARRA không chỉ hướng trọng tâm vào vấn đề việc làm, mà còn duy trì hệ thống an sinh xã hội và góp phần cải thiện mức sống của người dân. Đặc biệt, các chính sách và biện pháp hỗ trợ giáo dục tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài của nước Mỹ. Bên cạnh đó, những chính sách cải thiện cơ sở hạ tầng,

nghiên cứu khoa học và đầu tư chăm sóc y tế không chỉ giúp hỗ trợ việc làm cho người lao động mà còn tạo cơ hội cho nhiều đối tượng được tham gia các chương trình phúc lợi xã hội rộng lớn hơn.

Như vậy, với những cải thiện đáng kể trên lĩnh vực kinh tế xã hội đã chứng tỏ Chính phủ Mỹ đã kiểm soát được cuộc khủng hoảng. Mặc dù tình trạng "rơi tự do" của nền kinh tế nói chung và hiệu ứng đômino trên thị trường tài chính nói riêng không còn nhưng quá trình kiểm soát khủng hoảng kinh tế vẫn tồn tại nhiều hạn chế.

3.1.4.2. Những hạn chế

Các nhà kinh tế học định nghĩa khủng hoảng kinh tế là khi có tăng trưởng tiêu cực hai hay trong nhiều quý, vì vậy, khi tăng trưởng GDP được cải thiện, xét về lý thuyết nền kinh tế đã thoát khỏi khủng hoảng. Tuy nhiên, thực tế chỉ số GDP lại không bao gồm các yếu tố như lao động, việc làm, mức sống, môi trường, do vậy, chỉ số này không thể đánh giá đầy đủ các vấn đề kinh tế.

Các báo cáo kinh tế đầu sử dụng sự phục hồi của giá chứng khoán như một biểu hiện của nền kinh tế đang hồi phục tích cực, tuy nhiên, giá cả trên thị trường chứng khoán phục hồi không có nghĩa là mọi vấn đề của nền kinh tế đều ổn. Giá cả trên thị trường chứng khoán tăng là do rất nhiều yếu tố, trong đó, việc FED thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ là yếu tố chủ đạo làm cho các doanh nghiệp gia tăng nguồn vốn. Hoặc sự gia tăng nguồn vốn doanh nghiệp lại đến từ cắt giảm chi phí sản xuất như sa thải người lao động và giảm tiền lương. Như vậy, trong thời điểm nền kinh tế còn nhiều thách thức, việc các doanh nghiệp gia tăng nguồn vốn một cách nhanh chóng không xuất phát từ hiệu quả kinh doanh mà từ yếu tố môi trường chính sách hoặc do yếu tố tiết giảm chi phí nhằm tối đa hoá lợi nhuận thì việc giá chứng khoán tăng lên nhanh chóng lại dẫn đến nguy cơ về một "bong bóng" mới.

Mặc dù, đến thời điểm cuối năm 2009, nguy cơ sụp đổ của các tập đoàn tài chính lớn đã không còn, điều này có được là do sự hỗ trợ từ việc cắt giảm thuế của Chính phủ và việc cho vay trực tiếp từ FED, cùng với đó là việc cân đối lại sổ sách của chính bản thân các tập đoàn nhằm nhanh chóng lấy lại niềm tin từ các nhà đầu tư. Tất cả những việc làm này cho thấy tình trạng "sức khỏe" của nền tài chính Mỹ có vẻ như đã phục hồi nhưng lại tiềm ẩn những hậu quả khó lường mà hậu quả lớn nhất đó là tình trạng sức sống "ảo" của thị trường.

Ngay cả những ngân hàng đã ổn định cũng sẽ không dễ dàng cho vay như trước kia bởi họ đã ý thức được những hậu hoạ từ chính cuộc khủng hoảng. Thậm chí, ngay cả khi ngân hàng sẵn sàng cho vay thì người dân cũng không muốn vay, bởi vì họ đã

học được một bài học đắt giá đó là: phải tiết kiệm nhiều hơn. Đối với một nền kinh tế mà tiêu dùng đóng góp tới 70% GDP thì xu hướng tiết kiệm đã phản ánh tổng cầu của nền kinh tế vẫn đang tiếp tục giảm.

Khi nhu cầu trong nước có xu hướng giảm, ngoài các biện pháp kích cầu, Mỹ đã hướng vào xuất khẩu để bù lại sự sa sút trong nước. Tuy nhiên, các nền kinh tế trên thế giới lúc này vẫn đang "loay hoay" tháo gỡ cuộc khủng hoảng kinh tế của chính họ, vì thế việc trông cậy vào xuất khẩu là điều không khả quan. Theo quan điểm của nhà kinh tế học Joseph Stiglitz: *"Trong cuộc Đại suy thoái, các quốc gia đã cố gắng bảo vệ mình bằng chi phí của nước láng giềng. Chúng được gọi là chính sách "làm nghèo nhà hàng xóm" (beggar - thy - neighbor), bao gồm chủ nghĩa bảo hộ (áp đặt thuế quan và các rảo càn thương mại khác) và cạnh tranh phá giá (làm cho một đơn vị tiền tệ của mình rẻ hơn, khiến cho hàng xuất khẩu rẻ hơn, còn hàng nhập khẩu ít hấp dẫn đi)"* [56, tr.91]. Trung Quốc là đối tác thương mại lớn của Mỹ mặc dù ít chịu tác động bởi khủng hoảng kinh tế thế giới nhưng người dân Trung Quốc nhìn chung lại thích tiết kiệm hơn là chi tiêu.

Trong bối cảnh tổng cầu thế giới giảm, thì Mỹ chỉ có thể trông cậy vào những chính sách đối nội của mình. Do vậy, nếu không có sự phục hồi mạnh mẽ của tiêu dùng và xuất khẩu thì khó có thể chứng kiến sự phục hồi của đầu tư - dấu hiệu thực sự của sự hồi phục kinh tế. Trong khi đó, phần lớn các khoản đầu tư, Chính phủ Mỹ đã chi mạnh trong năm 2008 và 2009, chắc chắn bước sang các năm tài khóa tiếp theo Chính phủ sẽ phải thu hẹp đầu tư.

Nhân tố cơ bản quyết định đến tiêu dùng chính là tăng thu nhập và sự lạc quan vào tương lai của người lao động, điều này lại phụ thuộc vào vấn đề việc làm. Nhưng, theo số liệu công bố về tỷ lệ thất nghiệp lên đến 10% vào cuối năm 2009, mặc dù đã là con số quá cao nhưng nó vẫn chưa phản ánh đầy đủ thực trạng thị trường việc làm. Bởi vì, tỷ lệ thất nghiệp chính thức không bao gồm những người rời bỏ lực lượng lao động, không muốn đi tìm việc làm (nếu người lao động không đi tìm việc, họ không được coi là thất nghiệp, mặc dù rõ ràng họ không có việc làm), và rất nhiều người chấp nhận làm việc bán thời gian.

Trên thực tế, một phép đo rộng hơn cho tỷ lệ thất nghiệp bao gồm cả những người làm việc bán thời gian "bất đắc dĩ" và những người không tìm việc đã tăng vọt từ 10,8% trước khi có khủng hoảng (vào tháng 8 năm 2008), lên đến 17,5% (vào tháng 10 năm 2009. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động có việc làm chỉ đạt 58,5%, đây là thấp nhất kể từ năm 1947 [56, tr.100].

Bên cạnh đó, xét theo chủng tộc, tỷ lệ thất nghiệp người da đen luôn đứng ở mức cao nhất (tháng 12 năm 2009, tỷ lệ thất nghiệp là 16%), xếp thứ hai là người gốc Tây Ban Nha (13%), tiếp theo là người da trắng và người gốc Á lại có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất. Những người mới bước vào độ tuổi lao động cũng khó có khả năng tìm được việc làm. Theo báo cáo của Bộ Lao động, tỷ lệ thất nghiệp ở độ tuổi này là 27,1% [81, tr.216]. Như vậy, sự phân hoá về tỷ lệ thất nghiệp theo độ tuổi, thành phần chủng tộc một mặt phản ánh sự phức tạp trong kết cấu lao động ở Mỹ, mặt khác, sự khan hiếm trong thị trường việc làm, vì thế các doanh nghiệp khi tuyển dụng có quyền đặt ra nhiều tiêu chuẩn, giới hạn trong việc tuyển thêm lao động mới.

Mặt khác, nếu so sánh tỷ lệ thất nghiệp 10,2% vào cuối năm 2009, tỷ lệ 10,8% vào tháng 12 năm 1982 dưới thời Reagan và tỷ lệ thất nghiệp 25% dưới thời F.Roosevelt, và kết luận tỷ lệ này vẫn còn thấp và chưa thực sự trầm trọng là không hợp lý. Bởi bốn nguyên nhân cơ bản sau: *một là*, cơ cấu của nền kinh tế đã thay đổi, đã có sự dịch chuyển từ khu vực sản xuất vật chất sang khu vực phi sản xuất vật chất (dịch vụ); *hai là,* máy móc được sử dụng ngày càng phổ biến, do đó, yêu cầu về số lượng công nhân sẽ giảm trong khi chất lượng đòi hỏi cao hơn; *ba là,* trước kia việc làm bán thời gian cũng không phổ biến do vậy người lao động sẽ không có nhiều cơ hội điều chỉnh công việc; *bốn là,* tác động của sự già hoá dân số, cấu trúc lực lượng lao động cũng tạo nên sự thay đổi đáng kể, trong đó, lao động trẻ thường dễ bị thất nghiệp hơn là lực lượng lao động lâu năm, trong những năm 1980 đội ngũ lao động trẻ chiếm tỷ lệ cao hơn hiện nay rất nhiều.

Sự gia tăng của tỷ lệ thất nghiệp không đơn thuần xuất phát từ nguyên nhân trực tiếp là sự thu hẹp hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế mà còn có hai yếu tố cơ bản là nhân tố thúc đẩy chính là nhà đất và hưu trí.

Trên thực tế, nhà đất là một tài sản quan trọng, nó không chỉ có giá trị là nơi cư trú mà còn là một khoản đầu tư mang lại lợi nhuận. Việc thị trường nhà đất giảm giá không những làm cho nhiều người bị giảm thu nhập mà còn làm cho họ khó có khả năng di chuyển chỗ ở để kiếm tìm một cơ hội việc làm tốt hơn.

Đối với vấn đề hưu trí, khi các bên sử dụng lao động phải đóng góp một số tiền nhất định cho các quỹ hưu trí dành cho người lao động khi về hưu, số tiền này đã được các quỹ hưu trí "mượn" đem đầu tư vào thị trường, phần nhiều là thị trường chứng khoán, cùng với sự sụp đổ của thị trường nhà đất thì việc thị trường chứng khoán "lao dốc" đã tác động đến thu nhập trong tương lai, nhiều người lao động trì hoãn thời gian về hưu từ đó tiếp tục gia tăng áp lực cho thị trường lao động.

Khi hai yếu tố quyết định đến tiêu dùng là niềm tin và thu nhập đều không có

nhiều cải thiện, tình trạng dư thừa trong năng lực sản xuất với các doanh nghiệp, chứng tỏ nền kinh tế đang hoạt động dưới tiềm năng của nó. Vì thế, tuy thống kê GDP được cải thiện, nền kinh tế đã thoát khỏi vực thẳm, nhưng không thể đánh giá rằng nền kinh tế Mỹ đã thoát khỏi khủng hoảng. Trong khi đó, các khoản nợ tăng cao khiến cho các chương trình của kích cầu kinh tế của Chính phủ Mỹ còn đối mặt với nhiều thách thức.

Bên cạnh đó, các tập đoàn tài chính là "thủ phạm" chính đẩy nền kinh tế Mỹ đến khủng hoảng, nhưng trên thực tế các chính sách hỗ trợ của Chính phủ lại dành số tiền lớn để "cứu" các tập đoàn này. Khi nguồn thu ngân sách phần lớn đến từ thuế của người Mỹ, trong lúc tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao, đời sống người lao động còn nhiều khó khăn, do vậy, không thể tránh khỏi sự bất bình của người dân với các chính sách của Chính phủ. Đây cũng là một thách thức lớn đối với Chính phủ Mỹ.

Từ những thách thức đặt ra đối với nền kinh tế nói riêng và nước Mỹ nói chung, Chính phủ Mỹ tiếp tục bổ sung, điều chỉnh các chính sách và biện pháp nhằm giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế.

3.2. Giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế của Chính phủ Mỹ (2009-2014)

3.2.1. Các chính sách và biện pháp của Chính phủ Mỹ

Cuối năm 2009, nền kinh tế Mỹ mặc dù đã thoát đáy khủng hoảng nhưng vẫn còn rất nhiều thách thức: tỷ lệ thất nghiệp cao, nền kinh tế tăng trưởng chậm và có dấu hiệu bước vào giai đoạn suy thoái trong khi tỷ lệ ủng hộ chính quyền Obama ngày càng giảm. Do đó, từ năm 2010, trên cơ sở các chính sách và biện pháp đã triển khai, Chính phủ Mỹ đã bổ sung và điều chỉnh nhằm giải quyết những hậu quả khủng hoảng, phục hồi kinh tế và giải quyết các vấn đề vẫn tồn tại trong hệ thống an sinh xã hội.

Mục tiêu quan trọng nhất của các chính sách và biện pháp mà Chính phủ Mỹ triển khai trong giai đoạn này chính là tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, từ đó thay thế các "bong bóng" tiêu dùng được tài trợ từ các khoản vay thúc đẩy nhu cầu thực tế. Đồng thời, để hỗ trợ cho sự phục hồi và phát triển bền vững, Chính phủ cũng chú trọng lĩnh vực y tế và giáo dục.

Trên cơ sở của việc tăng cường giám sát trong giai đoạn kiểm soát khủng, Chính phủ Mỹ đã tiến hành các chính sách và biện pháp cải cách hệ thống tài chính nhằm tránh lặp lại những sai lầm dẫn đến sự đổ vỡ tương lai.

Với một cuộc khủng hoảng có quy mô lớn, để giải quyết được các hậu quả và phục hồi kinh tế, đòi hỏi phải tiến hành trong một quá trình lâu dài, Tổng thống Obama đã tuyên bố trong thông điệp liên bang đầu tiên của mình (năm 2010): *"Thay đổi sẽ không*

đến nhanh… có thể là khó khăn và nảy sinh nhiều bất đồng, nhưng đã đến lúc phải giải quyết các vấn đề vốn đang cản trở sự phát triển của chúng ta" [122].

3.2.1.1. Kích cầu kinh tế

** Sự điều chỉnh trong Chương trình giải cứu tài sản xấu (TARP)*

Chương trình *Giải cứu tài sản xấu* được Chính phủ Mỹ ban hành dưới thời Tổng thống Bush, với quy mô đầu tư ban đầu là 700 tỷ USD. Tuy nhiên, trên cơ sở thực trạng nền kinh tế và ngân sách, từ năm 2010, số tiền chi cho chương trình giảm xuống còn 475 tỷ USD [87, tr.5]. Do đó, trên cơ sở những chương trình đã được triển khai trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã bổ sung và điều chỉnh một số chương trình trong khuôn khổ của TARP trong giai đoạn này.

Một là, Chính phủ Mỹ điều chỉnh các chương trình đầu tư ngân hàng:

Đây là chương trình được Chính phủ Mỹ ưu tiên với số vốn đầu tư lớn nhất. Chương trình này đã được triển khai trên bốn chương trình cụ thể: AGP, SCAP, CPP và TIP. Về cơ bản, các chương trình này đã được Chính phủ Mỹ đầu tư và cấp vốn trong giai đoạn trước, từ năm 2010 đồng thời với việc cắt giảm vốn đầu tư, Chính phủ Mỹ đẩy mạnh việc thu hồi lại vốn và lãi.

Đến cuối năm 2012, tổng số tiền mà chương trình TARP đã đầu tư vào hệ thống ngân hàng là 245 tỷ USD, qua đó cung cấp cho các tổ chức này nguồn vốn bổ sung họ cần để bù đắp tổn thất và khởi động lại dòng tín dụng cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng. Thông qua việc hoàn trả nợ, lãi suất, cổ tức, Kho bạc đã thu về 268 tỷ USD, với lợi nhuận là 23 tỷ USD [101, tr.5].

Bên cạnh đó, nhằm hỗ trợ cho các ngân hàng cộng đồng (Community Development Financial Institutions - CDFI)[43], tháng 2 năm 2010, Chính phủ Mỹ đã bổ sung thêm chương trình *Sáng kiến tài chính phát triển cộng đồng (Community Development Capital Initiative – CDCI*). Chính phủ hỗ trợ vốn cho các ngân hàng cộng đồng, với lãi suất ưu đãi là 2% trong 8 năm đầu (trong khi lãi suất của CPP là 5%) và tăng lên 9% sau 8 năm (CPP là sau 5 năm). Việc đầu tư đã được hoàn tất trong tháng 9 năm 2010, với tổng số là 570 triệu USD cho 84 tổ chức [101, tr.8]. Từ đó, các ngân hàng cộng đồng đã được củng cố nguồn tài chính, khôi phục hoạt động, đẩy mạnh hoạt động cho vay.

Như vậy, trong khi các chương trình đầu tư vào các ngân hàng và tập đoàn tài chính có xu hướng cắt giảm, CDCI lại là chương trình được Chính phủ bổ sung nhằm

---

[43] Ngân hàng cộng đồng (CDFI): là ngân hàng tư nhân, với mục đích phục vụ những cộng đồng có thu nhập thấp và doanh nghiệp quy mô nhỏ, với lãi suất cho vay thấp.

hướng tới người tiêu dùng và doanh nghiệp nhỏ. Tuy nhiên, do việc làm và thu nhập của người lao động còn nhiều thách thức, khả năng chi tiêu còn hạn hẹp do vậy CDCI cũng là chương trình thu hồi vốn chậm nhất. Cùng với chương trình đầu tư ngân hàng, các chương trình khác cũng có sự điều chỉnh đáng kể.

Hai là, Chính phủ Mỹ điều chỉnh chương trình đầu tư công nghiệp ô tô:

Để hỗ trợ cho ngành công nghiệp ô tô, ban đầu Chính phủ Mỹ đã đưa ra những gói hỗ trợ tài chính trực tiếp. Sự đầu tư ban đầu đã giúp các tập đoàn thoát khỏi nguy cơ phá sản. Để có thể phục hồi sản xuất và phát triển, các tập đoàn tiếp tục đề nghị sự hỗ trợ tài chính từ Chính phủ. Tuy nhiên, Chính phủ Mỹ đã bổ sung yêu cầu là các tập đoàn ô tô phải đệ trình một kế hoạch tái cơ cấu và chỉ khi kế hoạch này được thông qua, các tập đoàn mới nhận được sự hỗ trợ từ Chính phủ.

Sau khi hoàn tất quá trình đầu tư, từ cuối năm 2012 đến cuối năm 2014, thông qua quá trình thu hồi nợ gốc, bán cổ phiếu, Chính phủ Mỹ đã từng bước thoái vốn khỏi các tập đoàn sản xuất ô tô như GM, Chrysler, Ford, và công ty tài chính Allly.

Như vậy, thực chất quá trình giải cứu ngành ô tô là Chính phủ Mỹ tiến hành đầu tư "vốn" vào ngành này. Với quá trình tái cơ cấu, các tập đoàn có cơ hội điều chỉnh hoạt động tinh gọn và hiệu quả, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

Ba là, Chính phủ Mỹ điều chỉnh chương trình đầu tư cho tập đoàn AIG:

Kể từ khi nhận được khoản đầu tư từ kho bạc và ngân hàng Liên bang chi nhánh New York, AIG đã tiến hành tái cơ cấu. Quy mô của tập đoàn đã giảm đi một nửa, chỉ tập trung vào lĩnh vực cốt lõi là bảo hiểm. Từ cuối năm 2011, Chính phủ Mỹ từng bước thu hồi lại vốn và lãi từ chương trình đầu tư vào AIG[44].

Như vậy, những chương trình hướng vào giải cứu các tập đoàn tài chính, ngân hàng và sản xuất ô tô đã nhận được sự đầu tư vốn lớn từ Chính phủ trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng. Từ năm 2010, Chính phủ Mỹ từng bước thu hồi lại vốn, lãi và rút lui khỏi các tập đoàn. Tuy nhiên, các chương trình hướng vào thị trường bất động sản và thị trường tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ lại được Chính phủ Mỹ bổ sung và mở rộng trong giai đoạn này.

Bốn là, Chính phủ Mỹ tăng cường chương trình hỗ trợ thị trường bất động sản:

Trên thực tế, cuối năm 2009, cuộc khủng hoảng trên thị trường bất động sản tuy đã được kiểm soát nhưng doanh số bán nhà cùng giá cả vẫn chưa được cải thiện, điều này đã phản ánh thị trường bất động sản vẫn chưa thoát khỏi cuộc khủng hoảng. Do

---

[44] Kho bạc đã tiến hành 6 lần chào bán cổ phiếu phổ thông của AIG, bán được 1.655.037.967 cổ phiếu (chiếm 92% cổ phiếu phổ thông của AIG) với giá trung bình 31,18 USD/cổ phiếu. Cuối năm 2012, AIG đã hoàn trả lại được các khoản vay từ Chính phủ. Thông qua việc bán chứng khoán, tiền thu hồi vốn và lãi suất, tổng số tiền mà Kho bạc đã thu hồi lại là 205 tỷ (lợi nhuận là 22,7 tỷ) [101, tr.19].

đó, để đẩy nhanh sự phục hồi, từ năm 2010, các chương trình hỗ trợ thị trường bất động sản đã được điều chỉnh và tăng cường. Trong đó, chương trình MHA đã được mở rộng đối tượng và kéo dài thời gian cho vay, chương trình HHF đã được Chính phủ Mỹ thành lập.

Chương trình MHA: đầu năm 2012, Chính phủ đã công bố những cải tiến của chương trình MHA, bao gồm: *một là,* kéo dài thời gian hoạt động của chương trình đến ngày 31 tháng 12 năm 2013; *hai là,* mở rộng phạm vi áp dụng với các đối tượng có khoản vay thứ hai hoặc phải thanh toán các hóa đơn y tế. Ngày 30 tháng 5 năm 2013, Chính phủ Mỹ lại tiếp tục gia hạn thời hạn áp dụng cho các chương trình MHA đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 [101, tr.21].

Quỹ Hỗ trợ Nhà đất (The Hardest Hit Fund – HHF): được Chính phủ thành lập vào tháng 2 năm 2010, với ba mục tiêu: *một là,* hỗ trợ thanh toán các khoản thế chấp cho những người đang thất nghiệp; *hai là,* giảm chi phí vay giúp người mua nhà cho khoản thế chấp hợp lý hơn; *ba là*, giúp đỡ những người bị mất nhà có căn nhà mới phù hợp hơn. Số tiền Chính phủ dành cho quỹ là 9,6 tỷ USD, phạm vi triển khai chương trình là 18 bang và quận Columbia, là những nơi có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất hoặc có số nhà bị tịch biên nhiều nhất. Trong đó, bang California là bang nhận được sự hỗ trợ lớn nhất. Tính đến cuối quý III năm 2015, số vốn đã được giải ngân là 4,5 tỷ USD. Thời hạn của chương trình sẽ kéo dài đến hết năm 2020 [101, tr.27].

Như vậy, chương trình hỗ trợ thị trường bất động sản đã hướng đến là tầng lớp trung lưu, kéo dài thời gian triển khai và đầu tư mạnh hơn cho những bang có số lượng nhà đất tịch biên lớn nhất.

Năm là, Chính phủ Mỹ tăng cường chương trình hỗ trợ trường tín dụng:

Các chương trình *Thị trường tín dụng* có vai trò quan trọng giúp các doanh nghiệp tìm được nguồn vốn mở rộng sản xuất. Trong khi chương trình PPIP[45] đã được hoàn tất thì chương trình TALF[46] lại bị thu hẹp vốn đầu tư do Chính phủ Mỹ nhận thấy không mang lại nhiều hiệu quả. Bên cạnh đó Chính phủ Mỹ đã mở rộng thêm chương trình *Chương trình Quản trị doanh nghiệp nhỏ*.

---

[45] tháng 1 năm 2010, TCW Group, Inc. (TCW) đã hoàn lại 356 triệu USD (với tổng lợi nhuận 20 triệu USD), tháng 3 năm 2012 Invesco Legacy Securities Master Fund hoàn trả tất cả khoản nợ khoảng 1,2 tỷ USD và 581 triệu USD vốn cổ phần (tổng lợi nhuận 175 triệu USD). Tháng 10 năm 2012, AllianceBernstein Legacy Securities Master Fund hoàn trả tất cả khoản nợ khoảng 2,1 tỷ USD và 1,1 tỷ USD vốn cổ phần (tổng lợi nhuận 544 triệu USD). Tháng 11 năm 2012, RLJ Western Asset Management đã hoàn trả khoảng 1,2 tỷ USD và 621 triệu USD vốn cổ phần (tổng lợi nhuận 465 triệu USD). Tháng 12 năm 2012, BlackRock đã hoàn trả khoảng 1,1 tỷ USD và 528 triệu USD vốn cổ phần (tổng lợi nhuận 433 triệu USD) [101, tr12].

[46] TALF: Tháng 6 năm 2010 đến tháng 6 năm 2012 số vốn đầu tư cho chương trình đã giảm từ 4,3 đến 1,4 tỷ USD. Tháng 1 năm 2013, Kho bạc tuyên bố ngừng chương trình hỗ trợ và cho vay mới. Thời hạn để các cá nhân và doanh nghiệp hoàn trả các khoản vay là tháng 3 năm 2019[101, tr.14].

Doanh nghiệp nhỏ ở Mỹ giữ vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm, nhưng trong cuộc khủng hoảng các doanh nghiệp này gặp khó khăn trong việc tìm nguồn tín dụng để mở rộng sản xuất. Do đó, trên cơ sở chương trình *Quản trị doanh nghiệp nhỏ (The Small Bussiness Administration - SBA)* sẵn có, từ năm 2010, Chính phủ Mỹ đã gia tăng vốn đầu tư cho chương trình. Trong đó, Chính phủ Mỹ đã đầu tư 368 triệu USD trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 9 năm 2010 nhằm mục tiêu mua chứng khoán và tài trợ cho việc mua sắm máy móc, thiết bị, mở rộng nhà xưởng. Qua đó, chương trình đã giúp cho các doanh nghiệp nhỏ tăng thêm nguồn vốn, khôi phục và mở rộng sản xuất. Ngày 24 tháng 1 năm 2012, chương trình SBA đã được hoàn tất với số tiền thu được là 376 triệu USD, trong đó lợi nhuận là 8 triệu USD [101, tr.13].

Như vậy, trên cơ sở sự hồi phục nhanh chóng của thị trường tài chính và thị trường ô tô, từ năm 2010, Chính phủ Mỹ đã giảm dần quy mô các chương trình đầu tư. Trong đó, nhằm trả lại quyền tự chủ cho các doanh nghiệp, Chính phủ Mỹ đã từng bước bán cổ phần, thu hồi nợ gốc và lãi. Bên cạnh đó, Chính phủ Mỹ đã có sự bổ sung và mở rộng đáng kể đối với các chương trình hỗ trợ mua nhà và tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ. Tuy nhiên, trên thực tế, số vốn đầu tư thực tế cho TARP đã giảm gần một nửa so với dự kiến ban đầu, bởi Chính phủ Mỹ giai đoạn này ưu tiên mục tiêu tạo việc làm, tăng thu nhập, kích cầu tiêu dùng. Trong khi TARP có xu hướng thu hẹp thì chương trình ARRA lại mở rộng đáng kể.

** Sự mở rộng chương trình đầu tư và hỗ trợ thông qua Đạo luật Phục hồi (ARRA):*

Chương trình kích cầu kinh tế lớn nhất của Chính phủ Mỹ nhằm ứng phó với khủng hoảng tài chính - kinh tế được tiến hành dựa trên đạo luật *Tái đầu tư và phục hồi nước Mỹ*. Chương trình này đã cơ bản được triển khai trong năm 2009 với ba nguyên tắc: "*một là, nỗ lực tài chính sẽ được thực hiện nhanh chóng; hai là, phải có quy mô lớn; ba là, phải là một nỗ lực bền vững mà sẽ không chỉ có chi tiêu đáng kể trong hai năm đầu mà còn tiếp tục hỗ trợ trong những năm tiếp đó"* [89, tr.8]. Vì thế, sau năm 2010, các chương trình của ARRA vẫn tiếp tục được bổ sung nhằm đưa nền kinh tế Mỹ phục hồi và tăng trưởng ổn định.

Quy mô của chương trình: tại thời điểm thông qua, CBO ước tính chương trình kích cầu của ARRA sẽ có tổng giá trị là 787 tỷ USD (mặc dù ước tính này đã bao gồm mức độ lạm phát). Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, chi phí của ARRA liên tục được điều chỉnh qua các năm. Đến năm 2014 chi phí của ARRA đã lên đến 832 tỷ USD [89, tr.8]. Như vậy, so với kế hoạch ban đầu, đến cuối năm 2014, giá trị của ARRA đã chênh lệch 45 tỷ USD. CBO đã giải thích về sự gia tăng trên là: *"điều kiện*

kinh tế xấu đi nhiều hơn những gì đã được giả định trong các dự báo trước đó, dẫn đến việc nâng chi phí cao hơn ước tính ban đầu" [89, tr.8]. Trên thực thế, các chương trình của ARRA phần lớn hướng vào cắt giảm thuế và giải quyết các vấn đề xã hội. Trong khi tỷ lệ thất nghiệp vẫn còn cao vào cuối năm 2009, Chính phủ Mỹ đã gia tăng các khoản trợ cấp xã hội hướng đến tạo việc làm, cải thiện thu nhập và nâng cao mức sống, do vậy, chi phí dành cho ARRA đã liên tục gia tăng qua các năm.

Nội dung của chương trình: Dự báo chi phí ban đầu của ARRA cho thấy sự phân phối khá đồng đều giữa các chương trình: cắt giảm thuế, mở rộng các chương trình Medicaid, trợ cấp thất nghiệp và chi tiêu khác như: đầu tư vào cơ sở hạ tầng, giáo dục, đào tạo nghề, năng lượng, và công nghệ thông tin. Ngay khi có hiệu lực, các chương trình của ARRA đã nhanh chóng được triển khai, đến ngày 30 tháng 9 năm 2013, Chính phủ Liên bang đã giải ngân 805 tỷ USD. Về quá trình triển khai các chương trình cụ thể của ARRA được thể hiện trên bảng sau:

Bảng 3.2. Quá trình triển khai các chương trình ARRA

	Đơn vị: tỷ USD					
	2009	2010	2011	2012	2013	Tổng cộng
Cắt giảm thuế các nhân	42.9	91.3	46.6	0.4	0.4	181.7
Cắt giảm thuế tối thiểu thay thế	13.8	69.6	-14.4	0.0	0.0	69.0
Cắt giảm thuế doanh nghiệp	23.1	18.2	-5.9	-3.7	-2.9	28.8
Trợ cấp tài chính tiểu bang	43.8	63.3	26.0	6.0	4.0	143.0
Hỗ trợ trực tiếp cho cá nhân bị ảnh hưởng	31.8	49.5	15.5	8.8	5.9	111.5
Các khoản đầu tư công	25.1	94.0	82.0	39.9	29.6	270.5
Tổng	180.5	385.8	149.9	51.4	37.0	804.6

Nguồn: Báo cáo tổng kết 5 năm về ARRA, tr.9

Như vậy, theo như số liệu bảng 3.2, các chương trình của ARRA triển khai tập trung trong giai đoạn 2009 - 2011. Từ năm 2012, căn cứ vào thực trạng và triển vọng nền kinh tế, quy mô của chương trình đã giảm dần. Trong đó, năm 2009, số tiền dành cho ARRA là 180,5 tỷ USD; năm 2010, quy mô chương trình đã tăng lên gấp đôi với số tiền là 385,8 tỷ USD - đây là năm ARRA chi nhiều nhất cho các chương trình phục hồi kinh tế. Nguyên nhân của sự gia tăng trên xuất phát từ hạn chế lớn nhất trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng là tỷ lệ thất nghiệp lên mức kỷ lục là 10% vào cuối năm 2009. Để đẩy

nhanh việc giải quyết vấn đề thất nghiệp, phục hồi kinh tế, Chính phủ Mỹ đã tăng cường chi tiêu nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, người lao động ổn định cuộc sống tiếp tục tìm kiếm việc làm. Từ năm 2011, dựa trên những chuyển biến tích cực của nền kinh tế, số tiền chi cho ARRA đã giảm xuống còn là 149,9 tỷ USD, tức là đã giảm hơn 2 lần so với năm 2010. Cùng với đà phục hồi kinh tế, các năm tiếp theo, số tiền dành cho ARRA liên tục giảm. Bên cạnh đó, tình trạng thâm hụt ngân sách cũng là một thách thức lớn buộc Chính phủ Mỹ phải điều chỉnh lại các chương trình chi tiêu.

Cũng căn cứ theo số liệu bảng 3.2, trong các chương trình của ARRA, đầu tư công có số vốn lớn nhất (270 tỷ USD), tiếp theo là chương trình cắt giảm thuế cá nhân (181,7 tỷ USD) và thấp nhất là cắt giảm thuế doanh nghiệp (28,8 tỷ USD). Tuy nhiên, các chương trình cắt giảm thuế chỉ tập trung trong giai đoạn 2009-2011, bởi nguyên nhân chủ yếu là: đạo luật cắt giảm thuế đã được ban hành dưới thời Tổng thống Bush đã hết hiệu lực và tình trạng thâm hụt ngân sách ngày càng gia tăng đã tạo ra một thách thức lớn đối với chính sách vĩ mô, do vậy, nếu tiếp tục cắt giảm sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn thu của Chính phủ.

Như vậy, thông qua quá trình triển khai hai gói kích cầu của Chính phủ Mỹ có thể thấy, trong khi TARP đã được thu hẹp đáng kể thì số tiền dành cho ARRA lại tăng lên. Nguyên nhân của sự điều chỉnh xuất phát từ thực trạng nền kinh tế Mỹ. Cuối năm 2009 cuộc khủng hoảng cơ bản đã được kiểm soát, doanh nghiệp đã đủ vốn để duy trì và ổn định hoạt động. Tuy nhiên, thị trường lao động tiếp tục gặp nhiều thách thức khi tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, do đó, Chính phủ Mỹ đã hướng trọng tâm chính sách giải quyết khủng hoảng, phục hồi kinh tế vào vấn đề việc làm và thu nhập. Đồng thời với việc thoái vốn, Chính phủ Mỹ đã dành số tiền thu hồi từ việc đầu tư doanh nghiệp vào bù đắp những hao hụt của ngân sách liên bang. Bên cạnh đó, trước sự phục hồi chậm của nền kinh tế, FED tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm hỗ trợ các chính sách tài khoá của Chính phủ.

∗ *Chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang*

Nhằm ứng phó với khủng hoảng, FED đã kết hợp sử dụng chính sách "truyền thống" là hạ lãi suất xuống mức thấp kỷ lục (gần 0%) và đưa ra các gói "nới lỏng định lượng", những nỗ lực này đã hỗ trợ cho nền kinh tế Mỹ khỏi nguy cơ sụp đổ.

Cuối năm 2009, cuộc khủng hoảng tuy đã được kiểm soát nhưng tốc độ phục hồi vẫn còn chậm, tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao. Đặc biệt là tình trạng giảm phát khi các hộ gia đình giảm bớt chi tiêu, đây là thách thức lớn đối với một nền kinh tế mà chi tiêu dùng đóng góp 70% GDP. Đồng thời, xu hướng tiết kiệm gia tăng, theo báo cáo

hàng quý của FED, trong năm 2009 tỷ lệ tiết kiệm trung bình của người Mỹ là 6% thu nhập thay vì 4% như trước kia [186]. Tình trạng giảm phát là mối đe dọa lớn đến tăng trưởng kinh tế. Do vậy, để gia tăng nguồn cung tiền, khuyến khích tiêu dùng, hạn chế tiết kiệm, FED tiếp tục duy trì mức lãi suất thấp và thực hiện các gói QE[47].

"Gói nới lỏng định lượng" lần thứ 2 (Quantitative easing - QE2): được FED triển khai từ tháng 11 năm 2010 đến tháng 6 năm 2011. FED đã chi 600 tỷ USD (tương đương 75 tỷ USD/tháng) để mua trái phiếu kho bạc dài hạn[48] [200]. So với QE1, QE2 đã thu hẹp đáng kể về quy mô. Với gói QE1, FED không chỉ mua trái phiếu kho bạc mà còn dành phần lớn tiền để mua cả chứng khoán nợ thế chấp (MBS) bởi vì mục tiêu hàng đầu của FED lúc này là "giải cứu" hệ thống tài chính Mỹ khỏi sụp đổ. Khi cuộc khủng hoảng kinh tế cơ bản đã được kiểm soát, thì mục tiêu quan trọng lúc này lại là đưa nền kinh tế Mỹ hồi phục lấy lại đà tăng trưởng, do đó, QE2 đã tập trung vào mua trái phiếu kho bạc nhằm tăng nguồn cung tiền qua đó thúc đẩy chi tiêu góp phần tăng trưởng kinh tế.

Chương trình "Mở rộng kỳ hạn" (Maturity Extension Program - Operation Twist)*:* trong cuộc họp thường kỳ vào tháng 4 năm 2011, FOMC đã nhận định nền kinh tế Mỹ mặc dù đã đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định, nhưng tỷ lệ thất nghiệp vẫn còn cao, sức tiêu thụ hàng hóa vẫn còn chậm. Do vậy, FED đã quyết định tiếp tục duy trì trương trình lãi suất thấp ở mức 0-0,25% và thực hiện chương trình gia hạn trái phiếu mang tên *"Operation Twist"*. Với chương trình này, FED đã bán 667 tỷ USD trái phiếu kho bạc ngắn hạn để mua trái phiếu kho bạc dài hạn, qua đó kéo dài thời gian đáo hạn trung bình của trái phiếu kho bạc mà FED đã nắm giữ. Chương trình mở rộng kỳ hạn của FED được triển khai qua hai giai đoạn: giai đoạn 1: từ tháng 9 năm 2011 đến tháng 6 năm 2012, FED bán các trái phiếu kho bạc có kỳ hạn 3 năm hoặc ít hơn và mua trái phiếu dài hạn từ 6 đến 30 năm; giai đoạn 2: từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2012, với số tiền bổ sung là 267 tỷ USD [200].

"Gói nới lỏng Định lượng" lần thứ 3 (Quantitative Easing 3 - QE3): trong bối

---

[47] Theo nội dung biên bản cuộc họp thường niên của FOMC tháng 10 năm 2011, FED vẫn phải tiếp tục duy trì chính sách lãi suất thấp (mức lãi suất thấp được duy trì đến tháng 10 năm 2015) và tiếp tục đưa ra các gói QE mới: *"Tại cuộc họp gần đây nhất, các thành viên của FOMC đã quan sát thấy rằng việc cho phép bảng cân đối tài chính của Cục Dự trữ Liên bang thu nhỏ lại vào thời điểm triển vọng kinh tế còn chưa rõ ràng là không phù hợp. FOMC đã nhất trí ổn định số lượng chứng khoán do Cục Dự trữ Liên bang nắm giữ bằng cách tái đầu tư vào chứng khoán đại lý vào chứng khoán Kho bạc Dài hạn. Bằng cách đồng ý giữ không đổi quy mô của danh mục đầu tư chứng khoán của Quỹ Dự trữ Liên bang, Ủy ban tránh một chính sách thắt chặt thụ động có thể xảy ra. Quyết định cũng nhấn mạnh ý định của Ủy ban để duy trì các điều kiện tài chính thích đáng để hỗ trợ phục hồi. Chúng tôi cũng sẽ tiếp tục giám sát chặt chẽ sự phát triển kinh tế".*

[48] Trái phiếu kho bạc dài hạn: là trái phiếu có thời hạn trên 5 năm

cảnh tốc độ tăng trưởng kinh tế Mỹ vẫn còn thấp, tỷ lệ thất nghiệp vẫn còn ở mức cao, FED đã quyết định tiếp tục thực hiện gói QE3. Nội dung chủ yếu của gói QE3 là FED sẽ chi 40 tỷ USD/tháng để mua chứng khoán thế chấp (MBS) và tăng số tiền mua trái phiếu Kho bạc hàng tháng là 85 tỷ USD đến cuối năm 2012 [200].

Cuối năm 2012, mặc dù theo dự kiến ban đầu QE3 sẽ kết thúc nhưng khi đánh giá thực trạng nền kinh tế Mỹ còn nhiều khó khăn, do đó, FED đã tiếp tục bổ sung cho chương trình QE3 với nội dung tiếp tục duy trì chương trình mua chứng khoán thế chấp và chứng khoán kho bạc dài hạn[49]. Đến cuối tháng 10 năm 2014, khi các chỉ số về tăng trưởng, nhà đất, lạm phát và việc làm của Mỹ đã ổn định, FED tuyên bố chấm dứt gói QE3.

Như vậy, nhằm phối hợp với chính sách tài khóa của Chính phủ, FED đã thực hiện 3 gói QE và Chương trình Mở rộng Kỳ hạn. Trong đó, gói QE3 có thời gian thực hiện dài nhất là 27 tháng, gói QE1 có thời gian thực hiện ngắn nhất là 4 tháng. Tuy nhiên, QE 1 lại là gói có FED tung ra lượng tiền lớn nhất do mức độ nghiêm trọng của nền kinh tế Mỹ lúc đó. Mặc dù có cùng mục đích là gia tăng lượng cung tiền, nhưng nội dung của các gói QE cũng có sự khác nhau. Với gói QE1, FED tập trung mua chứng khoán thế chấp; gói QE2, FED lại hướng vào mua trái phiếu kho bạc dài hạn; gói QE3, FED mua cả chứng khoán thế chấp và trái phiếu kho bạc dài hạn.

Bên cạnh các gói nới lỏng định lượng, FED còn bổ sung chương trình Mở rộng kỳ hạn với nội dung bán trái phiếu kho bạc ngắn hạn để mua trái phiếu dài hạn, thực chất quá trình này là việc FED điều chỉnh thời gian hoàn trả tiền, đây là việc làm cần thiết để bổ sung cho các chương trình phải chi lượng tiền lớn và trong ngắn hạn. Đồng thời với việc phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khoá với chính sách tiền tệ, Chính phủ Mỹ còn tăng cường các chính sách và biện pháp nhằm cải cách hệ thống tài chính.

3.2.1.2. Cải cách hệ thống tài chính

Trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã bước đầu đưa ra các chính sách và biện pháp tăng cường giám sát hệ thống tài chính. Trong đó, nội dung cốt lõi là hỗ trợ tài chính cho các cơ quan chuyên trách giám sát và thành lập Uỷ ban điều tra về khủng hoảng. Những kết luận về nguyên nhân khủng hoảng là tiền đề để Chính phủ Mỹ

---

[49] Theo thông báo của FED về cuộc họp của FOMC ngày 12 tháng 12 năm 2012: *"hoạt động kinh tế và việc làm tiếp tục mở rộng với tốc độ vừa phải trong những tháng gần đây. Mặc dù tỷ lệ thất nghiệp đã giảm phần nào kể từ mùa hè, nhưng vẫn còn cao. Chi tiêu hộ gia đình tiếp tục tăng và khu vực nhà ở đã có dấu hiệu cải thiện, nhưng tăng trưởng trong đầu tư kinh doanh đã chậm lại. Lạm phát đã đạt được mức độ mục tiêu. Để hỗ trợ sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ hơn, Ủy ban sẽ tiếp tục mua thêm các chứng khoán thế chấp bằng tài sản với tốc độ 40 tỷ USD mỗi tháng. Ủy ban cũng sẽ mua chứng khoán kho bạc dài hạn sau khi chương trình kéo dài thời gian đáo hạn của chứng khoán Kho bạc được hoàn thành vào cuối năm, ban đầu với tốc độ 45 tỷ USD mỗi tháng".*

tăng cường các chính sách và biện pháp nhằm cải cách hệ thống tài chính trong giai đoạn 2009-2014. Ngày 21 tháng 7 năm 2010, Chính phủ Mỹ đã thông qua đạo luật *Dodd-Frank cải cách phố Wall và bảo vệ người tiêu dùng* (Dodd-Frank Wall Street Reform and Consumer Protection Act) - thường được gọi là đạo luật Dodd - Frank[50]. Việc cải cách thể hiện qua việc tăng cường các quy định đối với hệ thống tài chính và bảo vệ người tiêu dùng.

∗ *Đối với hệ thống tài chính*

Trên thực tế, chính sự chậm trễ của Chính phủ trong ứng phó với khủng hoảng đã làm gia tăng mức độ nghiêm trọng của nền kinh tế. Nhằm tăng cường giám sát hoạt động và ứng phó sớm với những rủi ro trên thị trường, Chính phủ đã một cơ quan chuyên trách là hội đồng *Giám sát ổn định tài chính* (the Financial Stability Oversight Council - FSOC). Hội đồng do thư ký kho bạc làm chủ tịch và có 9 thành viên đến từ FED, SEC, cục *Bảo vệ tài chính người tiêu dùng* (the Consumer Financial Protection Bureau) và FDIC. Đối với những ngân hàng được xếp vào diện "quá lớn để thất bại" Hội đồng sẽ yêu cầu các ngân hàng đó tăng tiết kiệm (tăng dự trữ), giảm lượng vốn cho vay và đầu tư. Đồng thời, FSOC sẽ yêu cầu các ngân hàng phải cung cấp một bản kế hoạch trong trường hợp mất khả năng thanh toán (thanh lý, cơ cấu lại, số lượng tài sản).

Bên cạnh đó, nhằm hạn chế hoạt động đầu cơ - nguyên nhân cơ bản dẫn đến khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã tăng cường quy tắc Volker[51] (Volker rule). Quy định đã cấm các ngân hàng đầu tư, sở hữu hoặc tài trợ cho các quỹ phòng hộ hoặc thị trường chứng khoán. Đồng thời, đạo luật yêu cầu các quỹ phòng hộ và đầu tư tư nhân đăng ký với SEC về lĩnh vực và ngành nghề hoạt động để phòng ngừa rủi ro mà các quỹ này mang lại.

Từ những sai lầm trong hoạt động của FED đã thúc đẩy việc hình thành các bong bóng tài sản và sự chậm trễ của cơ quan này trong cảnh báo đã thúc đẩy mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng. Với tuyên bố: *"Chúng tôi cũng đã thành lập văn phòng Nghiên cứu ổn định chính sách tài chính (Office of Financial Stability Policy and Research) để phối hợp với Hội đồng trong việc xác định và phân tích rủi ro tiềm ẩn đối với hệ thống tài chính"* [123], FED đã tăng cường giám sát các công ty ngân hàng lớn, phức tạp mà sự phát triển có liên quan đến sự ổn định tài chính.

Như vậy, xuất phát từ những bài học về nguyên nhân khủng hoảng, nhằm đảm bảo sức khoẻ lâu dài của nền kinh tế, Chính phủ Mỹ đã tăng cường các quy định về giám sát, phòng ngừa rủi ro trên thị trường tài chính. Đồng thời nâng cao trách nhiệm

---

[50] Đạo luật được đặt theo tên của hai tác giả chính là Thượng nghị sỹ Christopher J. Dodd và Hạ nghị sỹ Barney Frank.

[51] Quy tắc Volker: được đặt theo tên cựu Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang, người có quan điểm hoạt động đầu cơ của các ngân hàng vào các quỹ phòng hộ và quỹ đầu tư tư nhân tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến khủng hoảng.

của FED đối với việc giám sát và điều tiết chính sách tiền tệ. Bên cạnh đó, Chính phủ Mỹ cũng tăng cường các quy định bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

∗ *Đối với người tiêu dùng:*

Trên thực tế, tình trạng gian lận trong báo cáo của các công ty môi giới, xếp hạng tín dụng đã thúc đẩy tình trạng đầu cơ bất động sản, trực tiếp hình thành các bong bóng. Do đó, để hạn chế những sai lầm, để bảo vệ lợi ích người tiêu dùng, đạo luật đã bổ sung hai quy định:

Một là, thành lập cục *Bảo vệ người tiêu dùng* (the Consumer Financial Protection Bureau - CFPB) nhằm bảo vệ người tiêu dùng khỏi các sản phẩm tài chính không công bằng hoặc mang tính lừa đảo. Cơ quan này đã lập đường dây nóng miễn phí 24/24 giờ để tiếp nhận và liên hệ trực tiếp với lãnh đạo các công ty tài chính nhằm xử lý các khiếu nại liên quan đến lĩnh vực tài chính: về thẻ tín dụng, hồ sơ vay thế chấp mua nhà, thẻ tín dụng trả trước (repaid), gửi tiền ra nước ngoài, hồ sơ tín dụng, tài khoản hoặc dịch vụ ngân hàng, thu nợ, vay tiền lương, vay tiền học, vay mua xe,.v.v..

Hai là, đạo luật cũng điều chỉnh về vai trò của FDIC: *"FDIC được tiếp cận với hạn mức tín dụng đặc biệt từ Bộ Tài chính Mỹ; đồng thời bỏ quy định giới hạn quỹ bảo hiểm tiền gửi* [52]*ở mức tối đa 1,5% số dư tiền gửi được bảo hiểm"*[168]. Qua đó, quyền hạn của FDIC đã được tăng cường trong việc giám sát, xử lý các công ty tài chính có dấu hiệu gian lận.

Việc tăng cường các quy định nhằm hướng hệ thống tài chính hoạt động lành mạnh và hiệu quả hơn, tránh lặp lại những sai lầm trong quá khứ. Đồng thời, khi sự bất bình của người dân với việc dành quá nhiều tiền thuế để "cứu" các tập đoàn tài chính, việc tăng các quy tắc giám sát và bảo vệ lợi ích người tiêu dùng đã củng cố niềm tin của người dân đối với các chính sách của Chính phủ Mỹ. Khi niềm tin của người tiêu dùng được cải thiện sẽ gián tiếp đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

Đạo luật Dodd Frank được xem là mốc đánh dấu sự thay đổi lớn nhất về luật pháp đối với quy định tài chính của Hoa Kỳ kể từ khi có các đạo luật tài chính vào những năm đầu thế kỷ XX: *Đạo luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang, luật Chứng khoán* năm 1933, *đạo luật Glass-Steagall*, đạo luật *Giao dịch chứng khoán* năm 1934 và đạo luật *Đầu tư doanh nghiệp* năm 1940. Đồng thời với việc thực hiện các chính sách kinh tế, Chính phủ Mỹ cũng đẩy mạnh triển khai các chính sách và biện pháp giải quyết các vấn đề xã hội.

3.2.1.3. Giải quyết các vấn đề xã hội

---

[52] Bảo hiểm tiền gửi: là một sự đảm bảo về quyền lợi cho người gửi tiền. Nếu có rủi ro với đơn vị gửi tiền tiết kiệm như ngân hàng hay tổ chức tài chính thì bên bảo hiểm tiền gửi sẽ chi trả theo quy định ký kết.

Trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng, các chính sách và biện pháp giải quyết các vấn đề xã hội được thể hiện tập trung trong ARRA. Từ năm 2010, trên cơ sở những chính sách và biện pháp đã thực hiện, Chính phủ Mỹ đã bổ sung các chương trình mới nhằm hỗ trợ cho ARRA. Chính sách xã hội tiếp tục được Chính phủ Mỹ tập trung giải quyết trên ba lĩnh vực: lao động việc làm, y tế và giáo dục.

∗ *Lao động và việc làm:*

Trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã hướng các chính sách xã hội vào việc cứu trợ xã hội: dinh dưỡng, thu nhập, mức sống,… qua đó, đảm bảo mức sống và ổn định hệ thống an sinh xã hội. Sau khi đã kiểm soát được khủng hoảng, đứng trước thách thức lớn đối với nền kinh tế là tỷ lệ thất nghiệp cao, người dân có khuynh hướng thắt chặt chi tiêu, Chính phủ Mỹ đã hướng trọng tâm chính sách xã hội vào vấn đề lao động và việc làm.

Lao động việc làm là vấn đề trung tâm của xã hội. Giải quyết tốt vấn đề việc làm cho người lao động sẽ tăng thu nhập, thúc đẩy tiêu dùng, từ đó hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế. Tuy nhiên, cuối năm 2009, tỷ lệ thất nghiệp cao, tiêu dùng hạn hẹp, vì vậy, vấn đề lao động việc làm vừa là trung tâm của các vấn đề xã hội, đồng thời cũng là mục đích của sự phát triển kinh tế. Trên cơ sở các chương trình ARRA đã được triển khai, Chính phủ Mỹ đã bổ sung các chương trình nhằm tăng cường giải quyết vấn đề thất nghiệp.

Một là, Chính phủ Mỹ thực hiện các chương trình bổ sung cho ARRA[53]:

Đồng thời với việc điều chỉnh các quy định về trợ cấp thất nghiệp, với quan điểm, việc cắt giảm thuế sẽ giảm áp lực, gia tăng nguồn tài chính qua đó giúp doanh nghiệp mở rộng sản xuất, thuê thêm nhân công. Vì vậy, Chính phủ đã tiếp thực hiện các chương trình cắt giảm thuế hỗ trợ việc làm[54].

Mặc dù ban đầu ARRA dành 1/3 ngân sách cho cắt giảm thuế. Nhưng trên thực tế, 80% ưu đãi thuế là dành cho các ưu đãi cá nhân. Mặt khác, đến cuối năm 2011, những chính sách cắt giảm thuế được ban hành dưới thời Tổng thống Bush sẽ hết hiệu lực. Do đó, nếu không có các điều chỉnh bổ sung thì thuế cho các doanh nghiệp sẽ tự động gia tăng. Trong bối cảnh nền kinh tế Mỹ còn nhiều thách thức, tỷ lệ thất nghiệp vẫn cao,

---

[53] Tham khảo phụ lục 6

[54] Trong bài phát biểu hàng tuần của Tổng thống Obama trên truyền hình ngày 16 tháng 6 năm 2012 đã kêu gọi Quốc hội ban hành nhiều đạo luật nhằm khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, thuê thêm nhân công: *"Quốc hội cần thông qua một đạo luật để giúp các bang đưa những giáo viên, những người lính cứu hoả và cảnh sát quay trở lại làm việc. Quốc hội cần ban hành một đạo luật từ cách đây rất lâu để đưa hàng ngàn công nhân xây dựng quay trở lại tái xây dựng những con đường, những cây cầu và những đường cao tốc. Và thay vì chỉ nói chuyện về những người tạo ra công việc, Quốc hội cần miễn thuế cho các chủ doanh nghiệp nhỏ để họ thuê nhiều nhân công hơn và trả những mức lương cao hơn."*

Chính phủ Mỹ đã quyết định tăng cường các đạo luật nhằm tiếp tục cắt giảm thuế qua đó thúc đẩy sự phát triển thị trường việc làm. Từ thực tế, các doanh nghiệp nhỏ giữ vai trò quan trọng trong việc tạo thêm việc làm, do đó, các chương trình cắt giảm thuế trong giai đoạn 2009-2010 phần lớn hướng vào các doanh nghiệp này. Các đạo luật trực tiếp bổ sung cho ARRA bao gồm:

Đạo luật *Khuyến khích tuyển dụng tạo việc làm* (The Hiring Incentives to Restore Employment Act - HIRE) được Tổng thống Obama phê chuẩn ngày 18 tháng 3 năm 2010 nhằm khuyến khích các doanh nghiệp thuê thêm người lao động. Theo sự những quy định của HIRE, các chủ doanh nghiệp đã được hưởng những ưu đãi thuế và tín dụng khi thuê thêm nhân công từ sau ngày 3 tháng 2 năm 2010 đến trước ngày 1 tháng 1 năm 2011. Điều kiện được hưởng ưu đãi là người lao động phải bị thất nghiệp trên 60 ngày hoặc có ít hơn 40 giờ làm việc trước 60 ngày kể từ ngày được nhận vào làm việc [201].

Đạo luật *Bồi thường thất nghiệp 2010 (The Unemployment Compensation Extension Act of 2010)* được Chính phủ thông qua vào ngày 22 tháng 7 năm 2010. Đạo luật đã điều chỉnh thời gian nộp đơn trợ cấp thất nghiệp đến cuối tháng 11 năm 2010 cho những người lao động chịu ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế và thời gian chi trả cho các chương trình sẽ được kéo dài đến tháng 4 năm 2011 [191].

Đạo luật *Việc làm ở doanh nghiệp nhỏ* (Small Business Jobs Act) được Chính phủ thông qua ngày ngày 27 tháng 9 năm 2010. Do tác động của khủng hoảng kinh tế, doanh nghiệp nhỏ đã gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn tín dụng, mở rộng sản xuất, thuê thêm nhân công, vì vậy việc thực hiện chương trình này nhằm hướng đến mục tiêu chủ yếu là tăng cường hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ. Chính phủ đã dành một khoản quỹ là 30 tỷ USD để hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ, đồng thời gia tăng hạn mức cho vay trong hai chương trình trong SBA: khoản vay số 7 (a)[55] từ 2 triệu USD đến 5 triệu USD, và khoản vay số 504[56] tối đa từ 4 triệu đến 5,5 triệu USD [154].

Đạo luật *Giảm thuế và tạo việc làm cho tầng lớp trung lưu 2012* (Middle Class Tax Relief and Job Creation Act*)* được Chính phủ thông qua ngày 22 tháng 2 năm 2012. Mục tiêu chủ yếu của đạo luật là cắt giảm thuế cho tầng lớp trung lưu và tạo thêm việc làm thông qua ba biện pháp cụ thể: *một là,* Chính phủ Mỹ đã gia tăng thời

---

[55] Khoản vay 7 (a): sử dụng với mục đích: thuê đất, xây dựng hạ tầng, mua sắm máy móc thiết bị và tái cấp vốn đề sản xuất. Khoản vay này cũng cung cấp các điều kiện cho vay đối với các đối tượng cho vay ngắn hạn.

[56] Khoản vay 504: Nếu so với khoản vay số 7 (a), đối tượng cho vay hẹp hơn và điều kiện cho vay lại cao hơn, tuy nhiên thời hạn trả nợ có thể lên đến 20 năm đối với việc vay mua đất hoặc xây dựng; thời hạn là 10 năm đối với các khoản vay mua sắm máy móc thiết bị.

gian được hưởng bảo hiểm thất nghiệp lên các mức 73, 79, 89, 99 tuần tuỳ thuộc vào thời gian nộp đơn và địa phương; *hai là*, Chính phủ cũng điều chỉnh về nâng cao mức độ chi trả và thời gian được hưởng bảo hiểm y tế; *ba là,* Chính phủ đã gia hạn thời gian hoạt động cho quỹ TANT cho các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn [159].

Như vậy, với sự điều chỉnh đáng kể qua các chương trình cắt giảm thuế và hỗ trợ việc làm, đã phản ánh đối tượng mà Chính phủ Mỹ đã hướng đến trong giai đoạn này là các doanh nghiệp nhỏ và tầng lớp trung lưu. Bên cạnh đó, khi giới hạn ngân sách của ARRA đã không thể tiếp tiếp tục gia tăng, Chính phủ Mỹ đã quyết định thực hiện một chương trình riêng biệt nhằm thúc đẩy thị trường lao động.

Hai là, Chính phủ Mỹ thực hiện đạo luật Việc làm cho người Mỹ

Chính sách và biện pháp tạo việc làm của Chính phủ Mỹ trong giai đoạn giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế được thể tập trung trong đạo luật *Việc làm cho người Mỹ* (The American Jobs Act). Ngày 8 tháng 9 năm 2011, Chính phủ Mỹ chính thức thông qua đạo luật, các chương trình được triển khai bao gồm [162]: cắt giảm thuế cho các doanh nghiệp nhỏ, phục hồi việc làm, cách cách chế độ lao động và giảm trừ thuế thu nhập.

Cắt giảm thuế cho các doanh nghiệp nhỏ: nhằm khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ thuê thêm lao động, Chính phủ cắt giảm một nửa số thuế thu nhập cá nhân trong số 5 triệu USD đầu tiên trong bảng lương.

Phục hồi việc làm: Chính phủ đã cung cấp một khoản tín dụng thuế từ 5.600 USD đến 9.600 USD để khuyến khích việc thuê lại các cựu chiến binh thất nghiệp (chương trình này còn được gọi là "Returning Heroes"). Đồng thời, Chính phủ tiếp tục đầu tư trực tiếp vào cơ sở hạ tầng: đường bộ, đường sắt, sân bay và đường thủy từ đó đưa hàng trăm ngàn công nhân quay trở lại làm việc.

Cải cách về chế độ lao động: là chương trình cơ bản của đạo luật. Chính phủ đã tạo ra sự điều chỉnh lớn về chế độ bảo hiểm thất nghiệp nhằm tăng cường cơ hội cho khoảng 5 triệu người lao động quay trở lại làm việc. Chương trình cũng thúc đẩy việc chia sẻ, hỗ trợ giữa các bang nhằm giải quyết vấn đề thất nghiệp. Bên cạnh đó, Đạo luật đã tạo ra một khoản tín dụng thuế là 4000 USD cho người sử dụng lao động thuê người lao động thất nghiệp dài hạn, đồng thời, nghiêm cấm phân biệt đối xử với người lao động.

Giảm trừ thuế thu nhập*:* Chính phủ Mỹ đã giảm trừ thuế thu nhập cho khoảng 160 triệu công nhân trong năm 2012, đồng thời cung cấp một khoản tín dụng thuế thu nhập là 1.500 USD cho các hộ gia đình có thu nhập dưới 50.000 USD một năm. Qua đó, đã góp phần tăng thêm thu nhập cho người lao động.

Như vậy, để giải quyết thách thức lớn nhất đối với nước Mỹ trong giai đoạn này

là vấn đề thất nghiệp, Chính phủ Mỹ đã tăng cường các chính sách ưu đãi về thuế, hỗ trợ tín dụng đối với các doanh nghiệp thuê thêm lao động, đồng thời ban hành và trực tiếp thực hiện chương trình tạo việc làm. Khi việc làm được cải thiện, thu nhập người lao động sẽ nâng lên, cùng với các chính sách ưu đãi về thuế đối với các cá nhân từ đó thúc đẩy tiêu dùng, tạo động lực cho phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, để giải quyết triệt để những hậu quả khủng hoảng và hướng đến sự phát triển lâu dài, Chính phủ Mỹ cũng bổ sung các chính sách và biện pháp trên lĩnh vực giáo dục.

∗ *Trên lĩnh vực giáo dục:*

Nhằm ứng phó với những thách thức của cuộc khủng hoảng kinh tế đối với hệ thống giáo dục Mỹ, Chính phủ đã thực hiện các chương trình hỗ trợ giáo dục trong khuôn khổ của đạo luật Phục hồi. Với số tiền trên 100 tỷ USD, Chính phủ Mỹ hướng tới thực hiện hai mục tiêu: giúp nhiều người có cơ hội được tiếp tục học tập và góp phần giải quyết việc làm. Tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2010, ngân sách dành cho giáo dục đã giải ngân hết [170].

Tuy nhiên, những thách thức đối với vấn đề giáo dục vẫn tồn tại khi nhiều người Mỹ muốn ghi danh vào học đại học nhưng họ vẫn gặp khó khăn về tài chính, vấn đề tăng học phí, biến đổi về chất lượng chương trình và thiếu thông tin. Những thách thức này đòi hỏi phải có các chính sách cải cách hệ thống giáo dục Liên bang. Trong bài phát biểu hàng tuần trên truyền hình ngày 24 tháng 8 năm 2013, Tổng thống Obama đã nêu quan điểm: *"Giáo dục đại học không nên là một thứ xa xỉ, đó là một nhu cầu kinh tế mà mỗi gia đình ở Mỹ cần có khả năng chi trả"*. Từ đó, Chính phủ đã tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ cho ngành giáo dục.

Nội dung chủ yếu của các chương trình là: mở rộng cơ hội tiếp cận tín dụng của sinh viên, cung cấp các thông tin tốt hơn về các trường đại học, hỗ trợ quá trình nộp đơn và cải tiến hệ thống giáo dục cơ bản (Pre K - 12).

Trên thực tế, Chính phủ Mỹ đã làm việc tích cực với Quốc hội để tăng quỹ Pell lên mức tối đa. Tài trợ của quỹ đã tăng hơn 12 tỷ USD (tương đương 67%) từ năm 2008 đến năm 2014. Trong đó, tài trợ của Pell được gia tăng theo tỷ lệ lạm phát để đảm bảo giá trị của viện trợ không giảm theo thời gian. Qua đó, đã giúp cho 250.000 sinh viên hoàn thành chương trình đại học vào năm 2014-2015 [88, tr.315].

Nhằm tăng cường hỗ trợ tín dụng cho sinh viên theo học đại học, Chính phủ cũng giảm thuế đối với các gia đình có thu nhập thấp và trung bình có thành viên theo học đại học. Theo *đạo luật Phục hồi*, chính quyền thành lập chương trình *Cơ hội tín dụng Mỹ* (American Opportunity Tax Credit - AOTC), cung cấp khoản tín dụng tối đa là 2.500 USD một năm (10.000 đô la trong bốn năm) cho sinh viên đại học. AOTC

cũng được hoàn trả một phần thuế thu nhập và do đó đem lại nhiều lợi ích hơn cho các hộ gia đình có thu nhập thấp. Trước AOTC, chỉ có 5% tín dụng và học phí được khấu trừ với gia đình có thu nhập dưới 25.000 USD, đến năm 2014, tỷ lệ này đã tăng lên 23% [88, tr.313].

Bên cạnh đó, để giảm áp lực tài chính cho sinh viên, năm 2013, Chính phủ Mỹ đã tiến hành hạ lãi suất cho vay xuống còn 3,76% đối với gần 11 triệu sinh viên, từ đó, giúp tiết kiệm trung bình 1.000 đô la trong suốt thời gian học đại học. Việc hoàn trả các khoản vay sẽ được tính trong vòng 10 năm sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, để tăng tính linh hoạt trong việc trả nợ, Chính phủ cũng đưa ra hai quy định: mở rộng thời hạn trả nợ, cho phép người đi vay thanh toán khoản tiền vay trong một khoảng thời gian dài hơn và mức tiền trả nợ sẽ dựa vào liên kết giữa thu nhập - thời gian - khoản nợ, đây là hình thức khá linh hoạt [170].

Như vậy, từ thực tế khi đánh giá sự khác biệt trong lực lượng lao động thất nghiệp, những người lao động có trình độ thấp thường có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn so với những người lao động đã tốt nghiệp đại học. Do những sinh viên tốt nghiệp đại học có trình độ và kỹ năng cao hơn nên có thể điều chỉnh các công việc khác nhau. Do đó, Chính phủ Mỹ đã chú trọng hỗ trợ tài chính cho sinh viên trong chính sách giáo dục của mình. Đồng thời, việc đầu tư cho giáo dục sẽ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua đó tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

∗ *Trên lĩnh vực y tế:*

Khủng hoảng đã khiến nhiều người lao động mất việc làm, đồng thời mất đi cơ hội tham gia bảo hiểm y tế. Bên cạnh đó, do áp lực tài chính có thể khiến các nhà tuyển dụng ngừng cung cấp bảo hiểm hoặc tính phí bảo hiểm cao hơn. *"Nhiều cá nhân không có bảo hiểm không thể đủ khả năng để trả tiền dịch vụ y tế, trong khi nhiều người khác đã bị khóa hoặc bị loại khỏi thị trường bảo hiểm y tế vì họ đã có các bệnh từ trước"* [88, tr.195]. Mặc dù, trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã ban hành những chính sách hỗ trợ y tế, tuy nhiên vẫn chưa tạo ra một cuộc cải cách đáng kể.

Chính sách chăm sóc sức khoẻ được thực hiện trên nền tảng đạo luật Medicare và Medicaid được ban hành dưới thời Tổng thống Lyndon Johnson (năm 1965), các chính phủ tiếp theo đã có những điều chỉnh bổ sung cho hai đạo luật này, tuy nhiên, đến nhiệm kỳ của Tổng thống Obama chính sách bảo hiểm y tế mới thực sự có thay đổi lớn. Ngày 23 tháng 3 năm 2010, Tổng thống Obama đã ký ban hành luật *Bảo vệ bệnh nhân và chăm sóc giá cả phù hợp* (The Patient Protection and Affordable Care Act), thường được rút gọn là đạo luật *Chăm sóc giá cả phù hợp* (the Affordable Care Act - ACA)

hoặc "Obamacare"[57].

Trên thực tế, chi phí cho y tế ở Mỹ rất cao, thậm chí có những trường hợp bị phá sản vì không có khả năng chi trả chi phí các hoá đơn dịch vụ y tế. Do đó, hầu như tất cả người Mỹ đều được khuyến khích tham gia chương trình bảo hiểm y tế, vì khi gặp các vấn đề sức khoẻ sẽ được chi trả gần như toàn bộ chi phí. Tiền đóng bảo hiểm y tế dựa trên cơ sở thoả thuận giữa người lao động và chủ doanh nghiệp. Tuy nhiên, có những đối tượng khó có khả năng tiếp cận bảo hiểm y tế như người thất nghiệp, người nghèo, thanh niên dưới 26 tuổi, hoặc những người mắc bệnh mãn tính. Vì vậy, mục tiêu chủ yếu của Obamacare là: *"Cung cấp cho người người Mỹ quyền tiếp cận với bảo hiểm y tế có chất lượng và giá cả phải chăng từ đó giảm tăng chi tiêu chăm sóc sức khoẻ"* [160].

Chương trình bắt buộc tất cả người lớn và trẻ em bao gồm phải tham gia bảo hiểm y tế, các đối tượng này là: công dân Mỹ, thường trú nhân[58], những người được phép cư trú hợp pháp trên lãnh thổ nước Mỹ từ ngày thứ 31 liên tục trở lên hoặc 183 ngày trong vòng 3 năm liên tục mà có thông báo kê khai thuế ở sở thuế vụ cuối năm. Những người không phải mua bảo hiểm y tế là người phạm tội, người có thu nhập thấp (vì đã nằm trong diện được cấp Medicaid), người trên 65 tuổi, trẻ em, người thổ dân da đỏ, người gặp bất ngờ về tài chính mà không thể chi trả 3 tháng bảo hiểm y tế liên tục. Bên cạnh đó, Obamacare cũng cấm các công ty không được từ chối bán bảo hiểm cho những người mắc bệnh mãn tính, danh mục các loại bệnh và số tiền chi trả cũng được nâng cao hơn so với các đạo luật bảo hiểm y tế trước đó [161].

Để đạt được mục tiêu tất cả người Mỹ có bảo hiểm y tế, Obamacare cũng gia tăng chế tài xử phạt các trường hợp vi phạm. Mức phạt sẽ được sở thuế vụ khấu trừ trực tiếp vào tiền hoàn thuế cuối năm như sau: Năm 2014 là 95 USD đối với người lớn, 47,5 USD đối với trẻ em cho mỗi tháng không có bảo hiểm hoặc bằng 1% tổng thu nhập gia đình (tuỳ theo số nào lớn hơn). Năm 2105 là 325 USD với người lớn, 162,5 USD với trẻ em cho mỗi tháng không cố bảo hiểm hoặc 2% tổng thu nhập gia đình (tính số nào lớn hơn). Năm 2016 là 695 USD với người lớn và 347,5 USD với trẻ em cho mỗi tháng không có bảo hiểm hoặc bằng 2,5% tổng thu nhập gia đình (tuỳ theo số nào lớn hơn) [160].

Dưới tác động của các chính sách cải cách y tế của Chính phủ Mỹ đã mở rộng đối tượng và gia tăng mức hỗ trợ y tế. Tuy nhiên, đây lại là một đạo luật gây tranh cãi khi phần lớn các chủ doanh nghiệp cho rằng đạo luật đã tăng thêm áp lực tài chính, các công ty bán

---

[57] Thuật ngữ Obamacare được gọi lần đầu tiên bởi các đối thủ chính trị của Obama, sau đó được cổ động bởi người ủng hộ và cuối cùng được chính Obama gọi.

[58] Thường trú nhân: người nhập cư được sống và làm việc vĩnh viễn tại Mỹ, những người này sẽ được cấp một thẻ cư trú hay còn được biết đến với tên gọi là "thẻ xanh".

bảo hiểm cũng phản đối khi phải bán bảo hiểm cho những đối mắc bệnh hiểm nghèo mà vốn dĩ trước đây không được phép tham gia, các nhà quản lý phản đối bởi đây là một đạo luật quá phức tạp. Song, Obamacare là một đạo luật mang tính nhân văn, nó đã giải quyết được một vấn đề quan trọng trong hệ thống an sinh xã hội của Mỹ đó là đảm bảo chăm sóc sức khoẻ tối thiểu cho tất cả người dân. Điều này đã rất nhiều Chính phủ tiền nhiệm có ý định thực hiện, nhưng chỉ đến thời Tổng thống Obama mới tạo ra sự thay đổi đáng kể.

Như vậy, việc thực hiện đồng bộ giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội ; giữa các chính sách về việc làm với các chính sách giáo dục và y tế, đã mang lại những kết quả quan trọng.

3.2.2. Kết quả của việc giải quyết khủng hoảng và phục hồi kinh tế

Đến cuối năm 2014, các chương trình ứng phó với khủng hoảng mà Chính phủ triển khai đã cơ bản hoàn thành. Trong đó, các chương trình đầu tư của TARP thu hồi lại vốn, Chính phủ Mỹ đã hoàn tất việc thoái vốn khỏi các tập đoàn và ngân hàng. Chương trình ARRA cũng đã hoàn tất việc hỗ trợ và đầu tư trên tất cả các lĩnh vực. Đồng thời, FED đã nâng lãi suất cơ bản, gói QE 3 đã hoàn tất. Sự phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ, giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội đã đem lại sự chuyển biến sâu sắc đối với nền kinh tế và xã hội nước Mỹ.

3.2.2.1. Những thành tựu

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Đánh giá hiệu quả của việc giải quyết khủng hoảng và phục hồi kinh tế của Chính phủ Mỹ được dựa trên ba chỉ số cơ bản: GDP, bất động sản và chứng khoán. Trong đó, chỉ số GDP là chỉ số trung tâm phản ánh sự biến động nền kinh tế Mỹ giai đoạn 2006-2015, chỉ số này được thể hiện trong biểu đồ 3.1 :

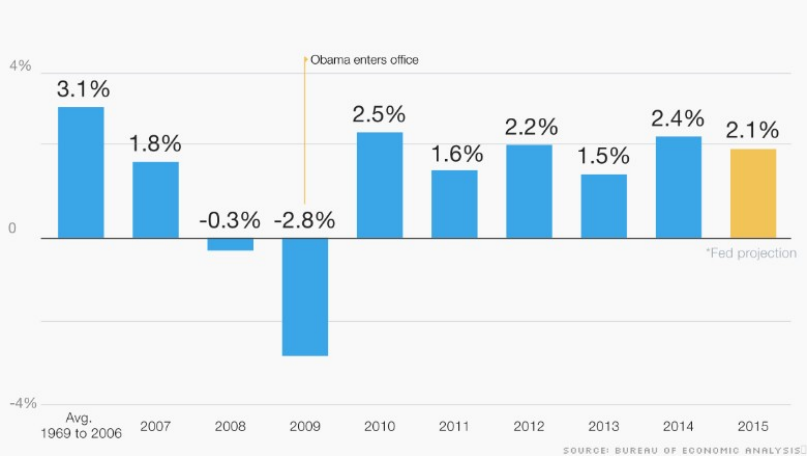

Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ tăng trưởng GDP Mỹ (2006-2015)

Nguồn: money.cnn.com

Theo biểu đồ 3.1: Sau khi giảm mạnh trong năm 2009, từ năm 2010, GDP của Mỹ đã tăng trở lại với tỷ lệ trung bình là 2%. Trong đó, năm 2010 là năm kinh tế Mỹ

đã mức tăng trưởng cao nhất. Sự tăng trưởng ổn định của chỉ số GDP trong suốt giai đoạn 2010-2014 đã phản ánh nền kinh tế Mỹ đã thoát khỏi khủng hoảng, từng bước đi vào giai đoạn phát triển ổn định. Nguyên nhân của sự phục hồi là do tác động của các chính sách kích cầu quy mô lớn của Chính phủ, doanh nghiệp gia tăng nguồn vốn đầu tư đã mở rộng sản xuất thuê thêm lao động. Đồng thời, người dân đã nhận được sự hỗ trợ về thu nhập, y tế, và giáo dục qua đó thúc đẩy thị trường tiêu dùng.

Nếu so sánh với tỷ lệ tăng trung bình của các nhiệm kỳ trước đó là 3% và cho rằng nền kinh tế Mỹ giai đoạn này mục tiêu tăng trưởng không hiệu quả là không hợp lý. Bởi, việc đánh giá tính hiệu quả phải xuất phát từ thực trạng về quy mô và mức độ thiệt hại nghiêm trọng mà cuộc khủng hoảng gây ra đối với nền kinh tế nói riêng và nước Mỹ nói chung. Do đó, để khắc phục hậu quả, vực dậy nền kinh tế và đạt được tốc độ tăng trưởng cao thì cần phải có nhiều thời gian để những chính sách can thiệp của chính phủ thực sự phát huy tác dụng.

Bên cạnh đó, nếu so sánh với một số đối tác thương mại quan trọng như Liên minh Châu Âu, Nhật Bản sẽ thấy tốc độ hồi phục của Mỹ là cao hơn. Từ năm 2010 đến 2014 Liên minh Châu Âu liên tục phải đối mặt với cuộc khủng hoảng nợ công, Nhật Bản phải đối mặt với suy thoái kinh tế trong khi nền kinh tế Mỹ vẫn đạt tốc độ tăng trưởng đều đặn. Đến năm 2014, tốc độ tăng GDP của Mỹ là đã đạt mức 2,4%, thì lại EU giảm xuống còn 1,1% và Nhật Bản là 0% [88, tr.569].

Lợi nhuận doanh nghiệp có vai trò quan trọng đối với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu công bố của Chính phủ Mỹ trong báo cáo kinh tế, từ năm 2009 đến 2014, lợi nhuận doanh nghiệp của khu vực tài chính đã tăng 32%[59]. Đối với khu vực phi tài chính (bao gồm: sản xuất, vận tải, bán lẻ, bán buôn, tiện ích, thông tin) doanh thu đã tăng 81% từ năm 2009 đến năm 2014 [88, tr.572]. Trong đó, ngành sản xuất có sự tăng trưởng lớn nhất (59%), tiếp theo là ngành bán lẻ[60], ngành bán buôn[61], dịch vụ tiện ích là ngành tăng trưởng thấp nhất[62]. Như vậy, sự phục hồi của khu vực phi tài chính đặc biệt là khu vực sản xuất phản ánh xu hướng tiêu dùng gia tăng, điều này thực sự có ý nghĩa quan trọng đối với nền kinh tế tiêu dùng như Mỹ. Nếu như năm 2009, việc làm và thu nhập giảm mạnh thì đến năm 2010 trên đà phục hồi kinh tế, việc làm và thu nhập được cải thiện, nhu cầu tiêu dùng tăng lên, đây chính là động lực phát triển kinh tế.

Thị trường nhà đất là khởi nguồn của cuộc khủng hoảng. Do vậy, Chính phủ

---

[59] Từ mức 362,9 tỷ USD lên 480,3 tỷ USD

[60] Doanh thu ngành bán lẻ: Năm 2010 là: 118,6 tỷ USD, năm 2014 là: 168,7 tỷ USD.

[61] Doanh thu của ngành bán buôn: năm 2010: 102,4, năm 2014: 146,5 tỷ USD.

[62] Doanh thu ngành dịch vụ tiện ích: năm 2010: 30,3 tỷ USD, năm 2014: 33,3 tỷ USD.

Mỹ đã tập trung nhiều chính sách và biện pháp nhằm hỗ trợ thị trường này, bao gồm việc cho vay, hoàn thuế, tái cấp vốn. Cuối năm 2009, mặc dù cuộc khủng hoảng trên thị trường đã được kiểm soát nhưng giá nhà vẫn ở mức thấp, doanh số bán nhà chưa được cải thiện. Vì vậy, Chính phủ Mỹ đã đẩy mạnh thực hiện các chương trình hỗ trợ thông qua chương trình MHA và HHF. Từ năm 2010 đến 2014, thị trường bất động sản đã có sự hồi phục đáng kể, thể hiện qua các chỉ số: giá nhà trung bình, số lượng nhà được bán và số nhà được xây mới.

Từ năm 2010 đến 2014, số lượng nhà xây mới đã tăng 51,3%[63]. Sự gia tăng nguồn cung nhà góp phần giải quyết vấn đề việc làm, đồng thời đã kích cầu nhà đất. Khi thu nhập được cải thiện, nguồn cung đa dạng và dồi dào, số lượng căn hộ được bán đã tăng 55%[64]. Bên cạnh đó, giá bất động sản cũng được cải thiện đáng kể, sau khi cuộc khủng hoảng được kiểm soát, đến năm 2014 giá nhà đã tăng 23%. Theo kết quả khảo sát của Reuters năm 2014: "*các hộ gia đình lạc quan về giá nhà. Khả năng chi trả của cho việc mua nhà ở mức cao và 77% số hộ gia đình báo cáo rằng đó là "thời điểm tốt để mua nhà"* [88, tr.72]. Nguyên nhân cơ bản là nhu cầu nhà ở bị ứ đọng do tác động của khủng hoảng, nguồn cung dồi dào và những chính sách ưu đãi từ Chính phủ đã thúc đẩy sự hồi phục của thị trường bất động sản.

Biểu đồ 3.2. Chỉ số S&P500 (2010-2014)

Nguồn: Fred.com

Thị trường tài chính là trung tâm của cuộc khủng hoảng, do những chính sách hỗ trợ quy mô lớn của Chính phủ, thị trường trong giai đoạn 2008-2009 đã có sự hồi phục nhanh chóng. Từ năm 2010, mặc dù những chính sách hỗ trợ của Chính phủ đối với thị trường này đã giảm mạnh, song trên đà phục hồi, cùng với quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp, thị trường tài chính tiếp tục tăng trưởng. Điều này được biểu hiện cụ thể

[63] Năm 2010 số nhà xây mới là từ 651.700 căn, năm 2014 là 968.200 căn.
[64] Năm 2010, số lượng nhà được bán là 323.000 căn, đến năm 2014 số nhà được bán là 501.000 căn[88, tr.573].

trên các chỉ số chứng khoán. Từ năm 2009 đến 2014, chỉ số NASDAQ[65] đã tăng lên 2.274 điểm, tương đương với tăng 235% [193]. Trong đó, do việc làm và thu nhập của người dân được cải thiện, thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng dẫn đến cổ phiếu của các hãng sản xuất hàng tiêu dùng có tốc độ tăng trưởng cao nhất (đạt 338%,), cổ phiếu của các hãng công nghệ thông tin xếp thứ hai (với mức tăng trưởng đạt 285%), cổ phiếu của ngành ngân hàng xếp thứ ba (với mức tăng trưởng là 261%). Do tác động của việc giá xăng dầu liên tục giảm, cổ phiếu của các hãng sản xuất năng lượng đạt tốc độ tăng trưởng chậm nhất (53%).

Sự hồi phục của thị trường chứng khoán một mặt phản ánh niềm tin thị trường vào sự ổn định và tương lai của nền kinh tế, mặt khác, đây cũng là một kênh huy động vốn quan trọng, khi nguồn vốn doanh nghiệp dồi dào là tiền đề quan trọng để doanh nghiệp mở rộng sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Như vậy, thông qua sự ổn định của chỉ số GDP và sự tăng trưởng liên tục trên thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản chứng tỏ Chính phủ Mỹ đã giải quyết được những hậu quả của khủng hoảng và tạo những cơ sở cần thiết cho việc giải quyết những vấn đề xã hội.

∗ *Trên lĩnh vực xã hội*

Các vấn đề xã hội là thước đo các vấn đề chính trị và các vấn đề kinh tế, do đó, hiệu quả của việc giải quyết khủng hoảng và phục hồi kinh tế cũng sẽ được phản ánh trên các vấn đề xã hội. Mục tiêu của các chính sách xã hội mà chính phủ Mỹ hướng tới trước hết là đảm bảo an sinh xã hội sau đó là tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài của nước Mỹ. Việc đánh giá hiệu quả của các chính sách xã hội được căn cứ theo ba nội dung cơ bản: lao động việc làm, y tế và giáo dục.

Lao động và việc làm là chỉ số cơ bản để đánh giá hiệu quả của một nền kinh tế trong việc cung cấp các cơ hội việc làm phong phú và trả lương cao. Tháng 10 năm 2009, tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ là 10,2% - mức cao nhất trong vòng 26 năm, điều này chứng tỏ nền kinh tế Mỹ còn gặp rất nhiều thách thức. Trong bốn năm, tỷ lệ thất nghiệp đã: *"Giảm nhanh nhất trong gần ba thập niên. Cuối năm 2014, con số này đã giảm xuống 5,6%, gần với mức trung bình trước thời kỳ suy thoái là 5,3%"* [88, tr.103]. Các chính sách đa dạng của Chính phủ, FED cùng với sức mua người tiêu

[65] Chỉ số NASDAQ: tên đầy đủ tiếng Anh là "National Association of Securities Dealers Automated Quotation System", là chỉ số dựa trên tổng hợp tất cả các cổ phiếu của các công ty niêm yết trên sàn NASDAQ - sàn giao dịch điện tử lớn nhất nước Mỹ.

dùng nâng cao đã hỗ trợ hoạt động kinh tế và tạo việc làm nhiều hơn.

Trên thực tế, sự thay đổi về tỷ lệ thất nghiệp có sự khác nhau theo giới tính và chủng tộc. Trong đó, lao động nam giới có tỷ lệ thất nghiệp giảm mạnh hơn so với lao động nữ. Từ năm 2010 đến 2014 tỷ lệ thất nghiệp đã giảm 4,2% trong khi đó, tỷ lệ này chỉ giảm 2,5% đối với lao động nữ. Bên cạnh đó, nếu xét theo chủng tộc: người gốc Latinh có tỷ lệ thất nghiệp giảm mạnh nhất (5,4%), tiếp theo là người gốc Phi (4,7%), người da trắng (3,5%) và người gốc Á có tỷ lệ thất nghiệp giảm chậm nhất (2,5%) [88, tr.578]. Sự khác biệt tỷ lệ thất nghiệp giữa các nhóm người đã phản ánh sự hồi phục đa dạng của nền kinh tế, với nhiều loại hình doanh nghiệp yêu cầu mức độ và tính chất công việc khác nhau.

Năm 2010, tổng số người thất nghiệp là 14.852.000 người, phần lớn là thất nghiệp dài hạn. Tuy nhiên, cùng với sự phục hồi của thị trường lao động, nhu cầu việc làm cố định tăng lên, số người thất nghiệp dài hạn đã giảm khoảng ½ - là tỷ lệ giảm mạnh nhất [88, tr.578]. Ngoài việc giảm tỷ lệ thất nghiệp truyền thống, khảo sát rộng hơn bao gồm cả những người lao động thất vọng không muốn tìm việc làm và những người muốn thay đổi công việc đã giảm từ mức cao 11,4% vào tháng 10 năm 2009 xuống còn 6,9% vào tháng 12 năm 2014 [89, tr.112].

Để giải quyết được vấn đề thất nghiệp thì vấn đề quan trọng hàng đầu là phải tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động. Trong khi số lượng việc làm ở khu vực công từ năm 2010 đến 2014 có xu hướng giảm[66] do việc cắt giảm biên chế nhằm làm tinh gọn bộ máy hành chính, giảm áp lực ngân sách, thì việc làm trong khu vực tư nhân lại có sự tăng trưởng nhanh chóng. Trong đó, với sự hồi phục nhanh chóng của thị trường bất động sản, số lượng việc làm ngành xây dựng có mức tăng trưởng là 11%[67]. Khi thu nhập được cải thiện, sức mua trên thị trường tăng mạnh dẫn đến nhu cầu lao động trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tăng 27%[68]. Những chính sách cải cách về y tế của Chính phủ Mỹ đã thúc đẩy nhu cầu việc làm trong khu vực y tế và chăm sóc sức khoẻ, việc làm trong ngành giải trí và chăm sóc sức khoẻ tăng 12%[69] [88, tr.580-581]. Sự cải thiện trên thị trường lao động được phản ánh với tỷ lệ thất nghiệp giảm, số lượng việc làm mới tăng nhanh. Trong đó, số lượng việc làm

---

[66] Năm 2010 số lượng việc làm thuộc chính quyền Liên bang, các bang và địa phương là 22.490.000 người, năm 2014 là 22.007.000 người [88, tr.580-581].

[67] Việc làm ngành xây dựng năm 2010: 5.518.000 việc làm, năm 2014: 6.151.000 việc làm[88, tr.580-581].

[68] Việc làm trong các công ty kinh doanh dịch vụ năm 2010: 16.728.000 việc làm, năm 2014: 21.439.000 việc làm[88, tr.580-581].

[69] Việc làm khu vực y tế và giải trí năm 2010: 13.049.000 việc làm, năm 2014: 14.696.000 việc làm[88, tr.580-581].

ngành kinh doanh dịch vụ có mức tăng trưởng cao nhất là kết quả của các chính sách kích cầu của chính phủ.

Cùng với sự hồi phục của thị trường lao động, thu nhập của người lao động cũng được cải thiện. Năm 2010, số giờ làm việc trung bình của 1 người lao động trong 1 tuần là 34,1 giờ, thu nhập trung bình 1 giờ là 22,56 USD. Đến năm 2014, số giờ lao động đã tăng lên là 34,5 giờ và thu nhập trung bình 1 giờ lao động là 24,47 USD. Như vậy, thu nhập trung bình của người lao động đã tăng 8,5% trong suốt quá trình giải quyết khủng hoảng.

Bên cạnh những hiệu quả xã hội trước mắt, quá trình giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế của Chính phủ Mỹ còn mang lại những hiệu quả lâu dài. Điều này được thể hiện trên lĩnh vực y tế và giáo dục.

Với chương trình bảo hiểm y tế cho trẻ em, các chương trình hỗ trợ y tế của ARRA và ACA đã tạo ra những cải cách sâu rộng hệ thống bảo hiểm y tế, mở rộng cơ hội cho tất cả người Mỹ có điều kiện tiếp cận hệ thống chăm sóc sức khoẻ chất lượng và giá cả phù hợp, cung cấp sự hỗ trợ hào phóng cho người thu nhập thấp. Báo cáo kinh tế của Chính phủ Mỹ năm 2017 đã gọi đây là: *"sự mở rộng lịch sử về số người có bảo hiểm y tế"* [90, tr.196]. Khi bổ sung khoảng 20 triệu người lớn có bảo hiểm y tế, tỷ lệ không có bảo hiểm y tế trẻ em đã giảm gần một nửa, hơn 3 triệu trẻ em đã được bảo hiểm y tế. Kể từ khi cuộc khủng hoảng xảy ra đến cuối 2014, tỷ lệ người không có bảo hiểm y tế là dưới 9% [88, tr.196]. Việc mở rộng bảo hiểm y tế đã làm giảm chi phí dịch vụ y tế: *"theo thống kê từ năm 1959, giá các sản phẩm và dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ở Mỹ đã tăng chậm hơn từ khi ACA so với các giai đoạn đó"* [88, tr.197].

Hệ thống chăm sóc sức khoẻ có ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống của người Mỹ. Tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khoẻ chất lượng cao giúp người Mỹ đạt được các nghĩa vụ đối với gia đình, thành công ở nơi làm việc và trường học, tận hưởng cuộc sống có chất lượng cao. Như vậy, với những chính sách y tế của Chính phủ Mỹ không những đảm bảo việc việc chăm sóc sức khoẻ tối thiểu cho người dân mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài.

Vào cuối năm 2009, cuộc khủng hoảng kinh tế đã làm gia tăng những thách thức đối với nhiều người muốn tiếp tục theo đuổi những chương trình học cao hơn, đó là những khó khăn về tài chính, tăng học phí, biến đổi về chất lượng chương trình, thiếu thông tin để giúp họ có những lựa chọn tốt và một hệ thống hỗ trợ sinh viên liên bang đã trở nên quá phức tạp. Theo phân tích của hội đồng Cố vấn kinh tế cho thấy: việc mở rộng quỹ Pell từ năm 2008-2009 đã cho phép ít nhất 250.000 sinh viên tiếp cận hoặc hoàn thành bằng đại học trong năm 2014-2015 [90, tr.301]. Việc cải cách giáo dục sẽ

tạo cơ hội cho hàng triệu người sẽ được hưởng lợi từ chi phí học đại học thấp hơn và chất lượng đại học cao hơn trong tương lai. Bên cạnh đó, thông qua các chương trình mở rộng tín dụng, hỗ trợ trực tiếp cho các trường thông qua ARRA, chương trình khuyến khích tư nhân đầu tư vào các cơ sở giáo dục không những đảm bảo ổn định việc làm trong ngành giáo dục mà còn hướng tới sự phát triển lâu dài của nước Mỹ.

Như vậy, trọng tâm của chính sách xã hội là giải quyết việc làm tạo thu nhập đồng thời đảm bảo các nhu cầu thiết yếu của người dân là giáo dục và y tế. Nếu như giai đoạn 2008-2009, việc Chính phủ Mỹ dành quá nhiều tiền để giải cứu các tập đoàn trong khi việc làm và thu nhập người dân không được cải thiện đã làm cho sự bất bình trong xã hội gia tăng. Vì vậy, việc thực hiện các chính sách xã hội đã góp phần quan trọng xoa dịu những mâu thuẫn và duy trì sự ổn định của xã hội, đồng thời đây cũng là là động lực để giải quyết những hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khủng hoảng kinh tế vẫn tồn tại một số hạn chế.

3.2.2.2. Những hạn chế

Trong quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính kinh tế, Chính phủ Mỹ đã có nhiều nỗ lực để vực dậy nền kinh tế, ổn định xã hội. Tuy nhiên, thâm hụt ngân sách và nợ công ngày càng cao, đồng thời khoảng cách chênh lệch giàu nghèo ngày càng cao là những thách thức lớn đối với Chính phủ Mỹ.

Sự gia tăng các chương trình kích cầu quy mô lớn trên lĩnh vực kinh tế và xã hội nhằm giải quyết những hậu quả của khủng hoảng và phục hồi kinh tế đã gia tăng chi tiêu của Chính phủ. Mặc dù, nguồn thu ngân sách không có sự cải thiện đáng kể, nhưng các chương trình đầu tư trực tiếp và cắt giảm thuế đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn thu ngân sách. Do vậy, thâm hụt ngân sách ngày càng gia tăng.

Trong đó, năm 2009 là năm có mức thâm hụt lớn nhất. Bởi đây là giai đoạn Chính phủ Mỹ thực hiện đồng thời hai gói kích cầu kinh tế trên quy mô lớn, vì vậy đã gia tăng áp lực ngân sách. Từ năm 2010, sau khi cuộc khủng hoảng đã được kiểm soát, Chính phủ Mỹ đã cắt giảm chương trình TARP, chỉ tập trung cho ARRA nhằm hướng tới giải quyết vấn đề thất nghiệp. Cùng với việc tiết giảm các chính sách kích cầu, đồng thời thu hồi lại vốn đầu tư từ các tập đoàn tài chính, do đó, thâm hụt ngân sách có xu hướng giảm.

Đồng thời, để giảm áp lực ngân sách, Chính phủ Mỹ cũng cố gắng cân đối lại các chương trình chi tiêu tập trung giải quyết những hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế. Trên thực tế, với chương trình có ngân sách lớn nhất là chương trình phòng thủ quốc gia (thường chiếm khoảng ¼ ngân sách), Chính phủ Mỹ đã tiến hành giảm bớt ngân sách bằng việc rút quân ra khỏi Iraq và Afghanistan. Tuy nhiên, trong khi

ngân sách quốc phòng có xu hướng giảm thì ngân sách dành cho các chương trình an sinh xã hội lại có xu hướng tăng [90, tr.584-586]. Do đó, việc cân đối này không mang lại nhiều hiệu quả đối với mục tiêu giảm thâm hụt ngân sách.

Do đó, áp lực giảm thâm hụt ngân sách buộc phải "trông chờ" vào việc tăng thu. Thực tế, để đảm bảo ngân sách (thường xuyên và chi bổ sung) nguồn thu lớn nhất là từ thuế thu nhập cá nhân (thường chiếm 1/3 khoản thu), trong khi Chính phủ Mỹ không thể tăng thuế trong bối cảnh nền kinh tế đang cần "kích cầu". Do đó, phương án cuối cùng chỉ có thể dựa vào việc vay nợ. Trong khi thâm hụt ngân sách giảm thì số nợ Liên bang của Mỹ cũng đồng thời liên tục gia tăng qua các năm. Sự gia tăng nợ công của nước Mỹ được thể hiện trong biểu đồ 3.3:

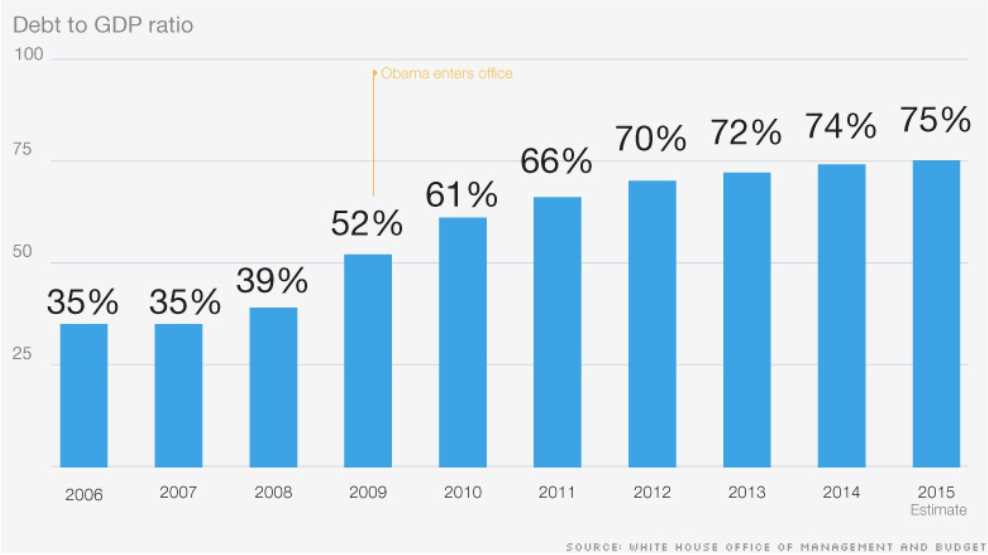

Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ nợ công so với GDP (2006-2015)

Nguồn: Money.cnn.com

Theo biểu đồ 3.3, từ 2009 đến 2014 số nợ của nước Mỹ đã tăng lên gấp đôi. Trong đó, giai đoạn 2008-2010 là giai đoạn tỷ lệ nợ công tăng nhanh nhất, bởi lúc này Chính phủ Mỹ cần phải chi "mạnh tay" cho các chương trình kích cầu kinh tế và hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội. Sau khi cuộc khủng hoảng đã được kiểm soát, Chính phủ đã cân đối lại ngân sách, tiết giảm chi tiêu theo tỷ lệ nợ công nước Mỹ có xu hướng tăng chậm lại.

Nguồn vay của Chính phủ Mỹ chủ yếu đến từ chính phủ và các tổ chức quốc tế và từ chính công chúng Mỹ, thông qua các hình thức vay trực tiếp và vay qua hình thức phát hành trái phiếu. Gánh nặng nợ công gây áp lực lớn đến sự phát triển trong tương lai của Mỹ, theo quan điểm Tổng thống thứ 45 của Mỹ Donald Trump*: "Ngay lúc này, đất nước này dang lâm vào rắc rối là chính nghiêm trọng. Nợ công của chúng ta đang hơn 19 nghìn tỷ (năm 2016). Chúng ta sẽ lâm vào rắc rối lớn, rất lớn. Đó là*

khi hệ thống tài chính của chúng ta ngã căng thẳng, làm giảm bớt năng lực vay của chúng ta, cũng như nâng phí tổn trả lãi đối với khoản nợ của chúng ta" [65, tr.108]. Áp lực nợ công đã biểu hiện trực tiếp đó là việc Chính phủ Mỹ đứng trước tình trạng "vách đá tài khoá", thậm chí buộc phải "đóng cửa".

Thuật ngữ "vách đá tài khoá" được Chủ tịch FED Ben Bernanke dùng để cảnh báo về tình trạng thay đổi cân đối ngân sách vào cuối năm 2012 khi các chính sách cắt giảm thuế được ban hành dưới thời Tổng thống George Bush hết hạn và luật *Kiểm soát ngân sách* (The Budget Control Act of 2011)[70] có hiệu lực. Nếu không đạt được sự thống nhất giữa Chính phủ và Quốc hội, năm 2013 nước Mỹ sẽ tăng thuế và cắt giảm chi tiêu, mà giảm chi tiêu công đồng nghĩa với việc giảm việc làm, tăng thuế đồng nghĩa với việc không khuyến khích phát triển sản xuất. Cả hai hậu quả này sẽ dẫn đến kéo lùi sự tăng trưởng kinh tế. Do không đạt được sự thống nhất về thu chi ngân sách và mức trần nợ công giữa Chính phủ và Quốc hội, bắt đầu từ 12 giờ 01 phút ngày 1 tháng 10 năm 2013, Chính phủ Mỹ tuyên bố đóng cửa. Hệ quả của việc này là hệ thống công chức sẽ phải dừng việc, trong đó một nửa là nhân viên Bộ Quốc phòng, các công viên, bảo tàng quốc gia, Cơ quan Hàng không Vũ trụ Mỹ (NASA) sẽ phải đóng cửa, lương hưu và trợ cấp cựu binh sẽ bị trì hoãn, các đơn xin cấp visa và hộ chiếu cũng không được xử lý. Sau 16 ngày đóng cửa, ngày 17 tháng 10, Chính phủ Mỹ hoạt động trở lại sau khi đạt được sự nhất trí của Quốc hội về mức trần nợ công.

Bên cạnh đó, Mỹ là nước có sự phân hoá giàu nghèo cao nhất trong số các nền kinh tế phát triển. Mặc dù Chính phủ Mỹ đã cố gắng hướng các chính sách kích cầu vào người lao động tuy nhiên thu nhập tăng lên của nền kinh tế chủ yếu lại tập trung vào tầng lớp giàu có như các chủ doanh nghiệp, ngân hàng. Trong khi thu nhập của tầng lớp trung lưu lại không được cải thiện nhiều. Hiện nay 1% người giàu nhất đang sở hữu một lượng tài sản của 90% người dân có thu nhập thấp hơn [39, tr.99]. Tỷ lệ hộ nghèo ở Mỹ năm 2014 là 13,5% [39, tr.100]. Sự phân hoá giàu nghèo là một thách thức lớn đối với nền kinh tế khi tầng lớp trung lưu ngày càng suy yếu, niềm tin của người dân đối với các chính sách của Chính phủ sẽ giảm sút.

Như vậy, quá trình giải quyết khủng hoảng và phục hồi kinh tế của Chính phủ đã đưa nền kinh tế quay trở lại quỹ đạo ổn định, đảm bảo an sinh xã hội và tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu quan trọng, áp lực nợ công và gánh nặng thâm hụt ngân sách đang ngày càng gia tăng, sự chênh lệch giàu

---

[70] Luật Kiểm soát Ngân sách (The Budget Control Act of 2011) được Tổng thống Obama ký ban hành vào ngày 2 tháng 8 năm 2013.

nghèo sẽ là một thách thức lớn, mà biểu hiện đầu tiên chính là sự chia rẽ ngay trong nội bộ hệ thống chính trị Mỹ.

Tiểu kết

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) bắt nguồn trực tiếp từ những hạn chế trên thị trường tài chính Mỹ, bên cạnh đó sự buông lỏng quản lý của các cơ quan điều tiết là yếu tố gián tiếp thúc đẩy sự hình thành và phát triển. Cuộc khủng hoảng bắt nguồn từ thị trường bất động sản, nhưng tâm điểm lại là thị trường tài chính, từ đó tác động mạnh mẽ đến kinh tế và xã hội Mỹ.

Quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế chia làm hai giai đoạn: giai đoạn kiểm soát khủng hoảng (2008-2009); giai đoạn giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế (2009-2014). Trong quá trình giải quyết khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ, giữa chính sách kích cầu và chính sách giám sát hệ thống tài chính, giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

Trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng (2008-2009), mặc dù ban đầu Chính phủ Mỹ đã cố gắng dàn xếp, hỗ trợ cho các tập đoàn tài chính lớn, đồng thời hỗ trợ cho người tiêu dùng và thị trường nhà đất, nhưng lại không mang lại hiệu quả bởi quy mô khủng hoảng quá lớn. Vì vậy, Chính phủ Mỹ buộc phải đưa ra hai gói kích cầu kinh tế có quy mô lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ là: Chương trình giải cứu tài sản xuấu (TARP); các chương trình đầu tư và hỗ trợ thông qua Đạo luật phục hồi (ARRA). TARP được ban hành dưới thời Tổng thống Bush với nội dung trọng tâm là "giải cứu" các tập đoàn kinh tế lớn, đồng thời hỗ trợ cho thị trường tín dụng và thị trường bất động sản.

Tiếp quản Chính phủ trong bối cảnh nước Mỹ vẫn tiếp tục chìm sâu trong cuộc khủng hoảng, Tổng thống Obama đã tiếp tục duy trì và điều chỉnh TARP, đồng thời, thực hiện chương trình kích cầu có quy mô lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ thông qua Đạo luật phục hồi. Thực chất, ARRA là sự bổ sung cho TARP bởi chương trình này được triển khai với nội dung chủ yếu là cắt giảm thuế và tăng cường hỗ trợ nhằm giải quyết các vấn đề xã hội.

Việc đẩy mạnh triển khai các chính sách và biện pháp đã giúp Chính phủ Mỹ trong giai đoạn 2008-2009 cơ bản kiểm soát được cuộc khủng hoảng khi nguy cơ đổ vỡ các tập đoàn không còn, các chỉ số kinh tế đã được dừng lao dốc. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp vẫn còn ở mức cao, thu nhập và tiêu dùng hạn chế, điều này chứng tỏ nền

kinh tế vẫn còn nhiều thách thức. Do vậy, để giải quyết được những hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế, Chính phủ Mỹ trong giai đoạn 2009-2014 đã tiếp tục bổ sung và điều chỉnh các chính sách và biện pháp kích cầu kinh tế, cải cách hệ thống tài chính và giải quyết các vấn đề xã hội.

Trong giai đoạn giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế (2009-2014), chương trình TARP có xu hướng thu hẹp đáng kể về số vốn và thời gian đầu tư đối với các tập đoàn tài chính và ngân hàng lớn, nhưng lại gia tăng thời gian đối với các chương trình hướng vào các doanh nghiệp nhỏ và thị trường nhà đất. Bên cạnh đó, chương trình ARRA lại gia tăng về số vốn hỗ trợ trực tiếp cho các chương trình xã hội bởi Chính phủ Mỹ ưu tiên giải quyết vấn đề thất nghiệp. Trên cơ sở của việc tăng cường giám sát, Chính phủ Mỹ cũng thực hiện những cải cách hệ thống tài chính nhằm tránh lặp lại những sai lầm trong quá khứ. Việc tăng cường chính sách việc làm, đầu tư giáo dục, cải cách hệ thống bảo hiểm y tế cũng là những nét nổi bật trong giai đoạn này.

Với việc phối hợp đồng bộ và sự điều chỉnh linh hoạt giữa các chính sách và biện pháp, những hậu quả của cuộc khủng hoảng đã được giải quyết, nền kinh tế Mỹ bước vào giai đoạn phát triển ổn định. Thị trường tài chính và thị trường nhà đất được hồi phục. Thị trường lao động được cải thiện, số việc làm tăng lên nhanh chóng, thu nhập nâng lên, từ đó thúc đẩy sự tăng trưởng của thị trường hàng hoá dịch vụ.

Bên cạnh những hiệu quả trước mắt, quá trình giải quyết khủng hoảng đã tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài khi hệ thống bảo hiểm y tế và hệ thống giáo dục đã có sự cải thiện đáng kể. Đối tượng được bảo hiểm y tế mở rộng, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học tăng cao.

Tuy nhiên, việc chi quá nhiều cho các chương trình kích cầu kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội trong khi nguồn thu giới hạn, từ đó, đã đặt Chính phủ trước thách thức lớn đó là tình trạng nợ công đang ngày càng gia tăng. Sự gia tăng nợ công cùng với phân hoá giàu nghèo là những thách thức lớn đối với sự phát triển của nước Mỹ trong tương lai.

Chương 4
NHẬN XÉT VỀ QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH - KINH TẾ CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

4.1. Nội dung chính sách và các biện pháp triển khai các chính sách

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) giống như một "cơn địa chấn" đối với nền kinh tế Mỹ. Cuộc khủng hoảng được đánh dấu bằng sự kiện tập đoàn tài chính hàng đầu nước Mỹ - Lehman Brothers phá sản, đây thực sự là một cú sốc đối với nền kinh tế Mỹ và thế giới. Tiếp đó, nền kinh tế Mỹ liên tục "rơi tự do". Chính phủ Mỹ ngay lập tức đã đưa các các chính sách và biện pháp ứng phó với khủng hoảng.

Cuộc khủng hoảng xảy ra đồng thời với thời điểm nước Mỹ bước vào cuộc bầu cử tổng thống, khi nhiệm kỳ của Tổng thống Bush sắp kết thúc. Cuộc khủng hoảng kinh tế dường như là cơ hội của ứng cử viên Đảng Dân chủ và thách thức đối với ứng cử viên Đảng Cộng hoà, bởi cách làm của ông John McCain cũng không khác nhiều so với cách làm của Tổng thống Bush (ưu tiên cắt giảm thuế qua đó kích thích đầu tư). Nhưng người Mỹ đã cho rằng, cách làm của ông Bush không thực sự mang lại hiệu quả.

Ông Barack Obama - Thượng nghị sỹ bang Illinois với tài hùng biện và khẩu hiệu tranh cử *"Chúng ta tin vào sự thay đổi" (Change we can believe in)* đã thuyết phục người dân Mỹ rằng việc tăng cường đầu tư của Chính phủ là lựa chọn phù hợp hơn đối với nước Mỹ lúc này. Ông đã trở thành Tổng thống thứ 44 của nước Mỹ. Trong nhiệm kỳ của mình, ông đã có rất nhiều nỗ lực đưa nước Mỹ từng bước thoát khỏi khủng hoảng, nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng ổn định và đặt nền móng cho một chế độ phúc lợi xã hội rộng lớn.

4.1.1. Sự linh hoạt trong việc đề ra các mục tiêu khác nhau

Trong suốt quá trình giải quyết khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã luôn nỗ lực để hỗ trợ cho các tập đoàn tài chính, doanh nghiệp lớn duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh; phục hồi sức sản xuất của nền kinh tế, khắc phục những hạn chế trong hệ thống tài chính Mỹ, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và gia tăng các chương trình phúc lợi xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế, ở từng giai đoạn, do tính chất của cuộc khủng hoảng và yêu cầu của nền kinh tế, Chính phủ Mỹ đã đặt ra những mục tiêu cụ thể. Trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng (2008-2009), Chính phủ Mỹ tập trung giải cứu hệ thống tài chính và các ngành kinh tế trọng điểm, đặc biệt là những tập đoàn được xếp vào diện "quá lớn để sụp đổ" như AIG, Citi Group, GM. Trên

cơ sở cuộc khủng hoảng đã được kiểm soát, trong giai đoạn giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế (2009-2014), nguy cơ về sự đổ vỡ của các tập đoàn lớn đã không còn, nhưng tỷ lệ thất nghiệp lại ở mức cao, nền kinh tế tăng trưởng chậm. Vì vậy, Chính phủ Mỹ đã đẩy mạnh thực hiện các chính sách và biện pháp giải quyết các vấn đề xã hội. Trên thực tế, việc thực hiện các chính sách xã hội gián tiếp hướng đến mục tiêu kinh tế, vì khi thu nhập và việc làm được cải thiện sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, tạo điều kiện doanh nghiệp mở rộng sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường.

Trong giai đoạn 2008-2009, giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế được xem là trọng tâm trong chính sách đối nội và đối ngoại của Chính phủ Mỹ. Hầu như các đạo luật, các chính sách và các biện pháp mà Chính phủ Mỹ liên tục thực hiện đều xoay quanh các vấn đề của khủng hoảng: đạo luật Thúc đẩy kinh tế, đạo luật HERA, TARP, ARRA. Sau khi cuộc khủng hoảng đã được kiểm soát, kinh tế dần đi vào ổn định, tỷ lệ thất nghiệp giảm dần. Đồng thời, nhiều thách thức mới xuất hiện đòi hỏi Chính phủ Mỹ phải ưu tiên giải quyết như: vấn đề năng lượng, vấn đề kiểm soát vũ khí, vấn đề thâm hụt ngân sách.v.v.. Nên vấn đề của khủng hoảng trở thành nền tảng trong các chính sách đối nội và đối ngoại của Chính phủ Mỹ trong giai đoạn 2009-2014.

4.1.2. Những đặc trưng cơ bản trong quá trình triển khai các chính sách và biện pháp

∗ *Kích cầu kinh tế được xem là chính sách và biện pháp chủ đạo*

Khủng hoảng kinh tế xảy ra vào thời điểm cuối nhiệm kỳ của Tổng thống Bush, những chính sách mà ông ban hành có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát khủng hoảng. Vốn là người ủng hộ quan điểm thị trường tự do và ông đã luôn tin rằng thị trường tự do chính là động lực phát triển: *"Thị trường tự do đã biến nước Mỹ thành mảnh đất của cơ hội và theo thời gian, góp phần nâng cao mức sống cho nhiều thế hệ nối tiếp nhau"* [7, tr.671]. Tuy nhiên, đứng trước mức độ thiệt hại mà cuộc khủng hoảng mang lại, ông buộc phải lựa chọn giải pháp tăng cường vai trò can thiệp của Chính phủ nhằm ứng phó với khủng hoảng kinh tế *"nếu chúng ta thực sự đang chứng kiến một cuộc Đại Khủng hoảng khác, các anh có thể chắc chắn rằng tôi sẽ là Roosevelt, chứ không phải là Hoover"* [7, tr.627], điều này có nghĩa ông lựa chọn mình sẽ ứng phó với khủng hoảng giống như Roosevelt chứ không để thị trường tự điều chỉnh giống như Hoover.

Vì vậy, đứng trước khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã tiến hành dàn xếp mua bán, sáp nhập giữa các tập đoàn. Đồng thời, Chính phủ cũng đưa ra các đạo luật nhằm cắt giảm thuế và gia tăng đầu tư: đạo luật Thúc đẩy kinh tế dành cho việc cắt giảm thuế; để cứu vãn cho thị trường bất động sản, Chính phủ Bush đã thông qua *Luật phục hồi*

nhà đất và kinh tế với nội dung hoàn thuế, mở rộng ưu đãi cho người vay mua nhà.

Tuy nhiên, khủng hoảng kinh tế vẫn tiếp tục trầm trọng hơn, dường như những biện pháp mà Chính phủ đã sử dụng chưa phải là "thuốc đặc trị" khủng hoảng kinh tế, do vậy với nỗ lực lớn Chính phủ Mỹ đã buộc Quốc hội thông qua đạo luật *Ổn định kinh tế khẩn cấp* tạo cơ sở để hình thành nên chương trình kích cầu lớn mang tên *Giải cứu tài sản xấu* với quy mô đầu tư và hỗ trợ 700 tỷ USD. Thực chất, chương trình này là một sự can thiệp mạnh mẽ trên thị trường tự do: "*Nó là việc làm cần thiết để kéo đất nước ra khỏi cơn hoảng loạn. Tôi quyết định cách duy nhất để bảo vệ thị trường tự do trong dài hạn là phải can thiệp trong ngắn hạn"* [7, tr.652]. Như vậy, theo quan điểm của Tổng thống Bush, việc gia tăng sự can thiệp chỉ tiến hành trong ngắn hạn nhằm bảo vệ "thị trường tự do". Nội dung chủ đạo của TARP là Chính phủ sẽ chi tiền nhằm "đầu tư" vào các tập đoàn lớn và hỗ trợ cho thị trường nhà đất, tín dụng.

Ngày 20 tháng 1 năm 2009, Tổng thống Obama tuyên thệ nhậm chức. Tiếp quản Chính phủ Mỹ trong bối cảnh nền kinh tế Mỹ vẫn tiếp tục còn nhiều thách thức, Tổng thống Obama đã tiếp tục duy trì và bổ sung các chương trình TARP. Bên cạnh đó, Chính phủ Obama đã đưa ra gói kích cầu kinh tế có quy mô lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ. Mặc dù theo kế hoạch ban đầu Chính phủ Mỹ sẽ chi 787 tỷ USD cho các chương trình phục hồi kinh tế, tuy nhiên đến năm 2014 theo báo cáo tổng kết của Hội đồng Cố vấn Kinh tế tổng số tiền mà Chính phủ Mỹ đã chi là 832 tỷ USD. Nội dung chương trình kích cầu kinh tế của Obama là giảm thuế qua đó kích thích đầu tư, tăng cường đầu tư công nhằm tạo thêm việc làm và đầu tư cho y tế, giáo dục nhằm tạo sự phát triển bền vững.

Như vậy, các chính sách và biện pháp mà Chính phủ Mỹ đã thực hiện thực chất hướng tới việc hỗ trợ doanh nghiệp, gia tăng thu nhập, tạo thêm việc làm, từ đó kích cầu kinh tế. Trong suốt quá trình giải quyết khủng hoảng, hai gói kích cầu luôn được xem là giải pháp trọng tâm.

∗ *Phối hợp hiệu quả giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ*

Chính sách tài khoá có hai công cụ là chi tiêu chính phủ và thuế. Thông qua việc tăng chi tiêu hoặc giảm thuế chính phủ kích cầu, qua đó làm tăng sản lượng phục hồi kinh tế. Chính sách tiền tệ tác động đến nền kinh tế thông qua kiểm soát lượng cung tiền hoặc thay đổi lãi suất. Để kích cầu, các ngân hàng trung ương thường áp dụng chính sách tiền tệ mở rộng bằng việc tăng lượng cung tiền hoặc giảm lãi suất. Trong nền kinh tế hiện đại, chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá luôn kết hợp chặt chẽ đặc biệt là khi khủng hoảng kinh tế xảy ra.

Trên thực tế, khi Chính phủ thực hiện chính sách tài khóa làm tăng tổng cầu, kéo theo sự gia tăng của cầu tiền từ đó gây áp lực tăng lãi suất, lãi suất tăng sẽ hạn chế nhu cầu đầu tư; chính sách tiền tệ mở rộng lại làm lãi suất giảm và đầu tư tăng. Từ sự tác động ngược chiều của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ cho thấy sự cần thiết phải có sự phối hợp giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, đặc biệt là trong giai đoạn khắc phục khủng hoảng kinh tế.

Ông Ben Bernanke được Tổng thống Bush bổ nhiệm giữ chức chủ tịch FED từ ngày 1 tháng 2 năm 2006 thay thế cho ông Alan Greenspan. Ông vốn là một học giả chuyên nghiên cứu về Đại suy thoái, ý thức được những bài học lịch sử, ngay khi những dấu hiệu của cuộc khủng hoảng mới xuất hiện, FED đã thực hiện chương trình hạ lãi suất cơ bản từ mức 3,5% xuống còn 3% và tiếp tục hạ đến mức thấp nhất là 0 đến 0,25%, mức lãi suất thấp kỷ lục này tiếp tục được duy trì đến khi nước Mỹ thoát khỏi khủng hoảng. Điều này đã phản ánh thực tế là FED đã có những phản ứng rất nhanh nhạy ngay cả khi Chính phủ Mỹ chưa có bất cứ động thái nào nhằm ứng phó với cuộc khủng hoảng đang cận kề.

Tuy nhiên theo phân tích của Giáo sư Joseph Stiglitz[71]: *"Các chính sách tiền tệ sai lầm có thể đóng vai trò trung tâm trong việc đưa đến Đại suy thoái, nhưng chúng sẽ không đưa đất nước thoát khỏi suy thoái đó. Thậm chí mức lãi suất 0% cũng có thể không làm nền kinh tế hồi phục được"* [56, tr.64]. Như vậy, nghiên cứu của giáo sư Joseph Stiglitz về tính hiệu quả của việc thực hiện đơn thuần chính sách tiền tệ trong ứng phó với khủng hoảng là hoàn toàn đúng, bởi sau khi FED liên tục hạ lãi suất, kinh tế Mỹ vẫn tiếp tục "rơi tự do". Nhận thấy những nỗ lực của chính sách tiền tệ là chưa đủ, Chính phủ Mỹ đã thực hiện chính sách tài khoá để kích cầu kinh tế. Chính sách tài khoá mà Chính phủ Mỹ đã thực hiện là phối hợp giữa tăng chi tiêu (qua TARP và ARRA) và cắt giảm thuế (chủ yếu ở ARRA). Trong chính sách cắt giảm thuế, Chính phủ Mỹ không chỉ chú trọng cắt giảm thuế doanh nghiệp nhằm kích thích đầu tư mà còn cắt giảm thuế cá nhân nhằm kích thích tiêu dùng.

Đi cùng với xu thế giảm thuế, tăng đầu tư của Chính phủ, FED đã tăng lượng cung tiền bằng một chính sách chưa có tiền lệ được gọi *là "gói nới lỏng định hượng"*. Nội dung của các gói nới lỏng định lượng này vẫn là mua trái phiếu kho bạc và chứng khoán thế chấp, qua đó tăng lượng cung tiền kích cầu kinh tế.

Nếu như giai đoạn kiểm soát khủng hoảng (2008-2009), Chính phủ Mỹ vừa cắt giảm thuế vừa tung ra một lượng tiền lớn để hỗ trợ các tập đoàn tài chính thì gói QE1

---

[71] Giáo sư Joseph Stiglitz là nhà kinh tế học của trường Đại học Colombia, là Chủ tịch Hội đồng Cố vấn Kinh tế dưới thời tổng thống Bill Clinton, chủ nhân của giải Nobel kinh tế năm 2001.

cũng có quy mô lớn nhất trong tổng số 3 gói. Sự phối hợp này đã mang lại hiệu quả nhanh chóng trong kiểm soát khủng hoảng, nguy cơ đỗ vỡ các tập đoàn tài chính lớn là không còn, giá bất động sản đã ổn định, thị trường chứng khoán tăng điểm.

Bước giai giai đoạn giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế (2009-2014), Chính phủ Mỹ vẫn tiếp tục duy trì và điều chỉnh các gói kích cầu kinh tế. Chi tiêu của Chính phủ được mở rộng trong ARRA, việc cắt giảm thuế chủ yếu hướng vào người lao động và các doanh nghiệp nhỏ. Đồng thời, FED tiếp tục thực hiện các gói QE mới và duy trì mức lãi suất thấp kỷ lục.

Như vậy, sự phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ đã đưa nước Mỹ từng bước thoát khỏi khủng hoảng tài chính kinh tế.

* *Sự điều chỉnh trong nhận thức về khủng hoảng của Chính phủ*

Khi thị trường bất động sản bắt đầu đi xuống, những dấu hiệu cảnh báo nền kinh tế đã khá rõ ràng, nhưng Chính phủ Mỹ lúc đó đã không nhìn nhận được mức độ nguy hại tiềm ẩn của nền kinh tế, điều này được thể hiện trong các phát biểu của Tổng thống Bush. Ngày 17 tháng 10 năm 2007 ông tuyên bố: *"Tôi cảm thấy ổn trong nhiều chỉ số kinh tế tại Hoa Kỳ"*. Ngày 13 tháng 11, ông khẳng định lại*: "nền tảng của kinh tế nước ta rất mạnh, và chúng ta có một nền kinh tế với sức bật tốt"*. Nhưng, thị trường tài chính và bất động sản vẫn tiếp tục diễn biến xấu đi. Đến tháng 12 năm 2007, ông bắt đầu phải thừa nhận rằng có thể có vấn đề: *"rõ ràng là đang xuất hiện những đám mây của cơn bão và sự quan ngại, nhưng căn bản vẫn là tốt"* [56, tr.61]. Những phát biểu của người đứng đầu Chính phủ đã phản ánh Chính phủ Mỹ không những không nhận thức được sớm những hiểm hoạ từ nền kinh tế mà còn thể hiện sự lạc quan và tin tưởng rằng thị trường tự do sẽ tự điều tiết, tự cân bằng.

Khi những dấu hiệu của cuộc khủng hoảng đã trở nên rõ ràng và ngày càng có nhiều lời kêu gọi từ các nhà kinh tế học và từ các nhà đầu tư kinh doanh, chính quyền Bush đã buộc phải đưa ra các giải pháp ứng phó. Thực chất đó là những biện pháp quen thuộc đã được sử dụng trước đó (khi ứng phó với cuộc khủng hoảng bong bóng dot-com và suy thoái kinh tế do ảnh hưởng của vụ khủng bố ngày 11 tháng 9) là cắt giảm thuế. Nhưng lúc này ông vẫn chưa thừa nhận đất nước đang đối mặt với khủng hoảng kinh tế, bằng chứng là vào ngày 28 tháng 2 năm 2008, ông tuyên bố: *"tôi không nghĩ rằng chúng ta đang đương đầu với suy thoái"* [56, tr.62]. Như vậy, Chính phủ Mỹ ban đầu đã không ý thức được mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng và sự chậm trễ của các chính sách cứu trợ là một nguyên nhân cơ bản đẩy cuộc khủng hoảng đi đến những hậu quả nghiêm trọng.

Có thể thấy, khi cuộc khủng hoảng mới bùng phát, xuất phát từ quan điểm về thị trường tự do và nhận thức không đầy đủ về mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng, vì thế, những phản ứng ban đầu của Chính phủ Mỹ dường như ở thế "bị động". Điều này được thể hiện qua các hành động dàn xếp, giải cứu từng tập đoàn tài chính mà không hề có một phương án mang tính tổng thể ngay từ đầu.

Sự "bị động" của Chính phủ Mỹ được thể hiện rõ trong việc giải cứu Khi Bear Stearns. Ban đầu, Chính phủ không có ý định giải cứu Bear Stearns, bởi Tổng thống vốn ủng hộ quan điểm thị trường tự do, vì vậy, những công ty thất bại nên rời khỏi thị trường. Nhưng, khi Bộ trưởng Bộ Tài chính Hank Paulson thuyết phục Tổng thống Bush rằng Bear Stearns có ảnh hưởng rộng rãi đến hệ thống tài chính trong nước và thế giới, sự sụp đổ của Bear Stearns có thể gây hiệu ứng domino cho các công ty tài chính khác. Vì người đứng đầu Chính phủ Mỹ một lần nữa cân nhắc giữa *"rủi ro đạo đức"* và sự sụp đổ về mặt tài chính đã khiến Chính phủ quyết định giải cứu Bears Stearns bằng cách dàn xếp để JP Morgan Chase mua lại.

Tiếp đó, là việc "quốc hữu hoá" Freddie Mac và Fannie Mae. Tổng thống Bush đã lý giải cho hành động này: *"Nếu những doanh nghiệp do chính phủ tài trợ này vỡ nợ, một hiệu ứng domino trên toàn cầu sẽ xảy ra và tín nhiệm của đất nước chúng tôi sẽ lung lay"* [7, tr.649]. Như vậy, việc giải cứu xuất phát từ hai nguyên nhân: quy mô hoạt động và uy tín của Chính phủ đối với các nhà đầu tư. Tuy nhiên, sự sụp đổ của Lehman Brothers không phải do Chính phủ không muốn "cứu" Lehman mà vì không có tổ chức nào muốn gánh những tài sản có vấn đề của tập đoàn này, hai đối tượng mà Chính phủ Mỹ hướng tới trong vụ mua lại Lehman là Bank of America và Barclays (Ngân hàng của Vương quốc Anh) đều từ chối. Sự sụp đổ của Lehman là hệ quả của một hệ thống tài chính hoạt động đầy rủi ro, thiếu kiểm soát, là dấu hiệu chính thức của một nền kinh tế đang "rơi tự do". Tiếp theo, Chính phủ Mỹ lại đứng ra "giải cứu" AIG bằng cách cho phép Ngân hàng Liên bang Chi nhánh New York sẽ cho AIG vay tiền.

Như vậy, từ việc xem nhẹ mức độ nguy hại của nền kinh tế dẫn đến những hành động "giải cứu" từng tập đoàn tài chính đều phản ánh việc Chính phủ đã có những phản ứng thiếu nhay nhạy trong việc ứng phó với cuộc khủng hoảng. Những chính sách giải cứu ban đầu tuy có hướng vào thị trường nhà đất nhưng không mang lại hiệu quả do người dân dùng tiền để thanh toán các khoản nợ nần. Việc dàn xếp mua bán sáp nhập giữa các tập đoàn cũng không đủ để "cứu" toàn bộ nền kinh tế. Sau này, trong cuốn hồi ký của mình, Tổng thống Bush cũng đã thừa nhận chính quyền của ông *"hoàn toàn bất ngờ"* và *"rất ít người nhận ra vào thời điểm đó, kể cả tôi"* [7, tr.6320]

Tiếp quản Chính phủ Mỹ trong bối cảnh nước Mỹ đang tiếp tục đương đầu với thách

thức của cuộc khủng hoảng, Tổng thống Obama đã nhận thức được mức độ nghiêm trọng của khủng hoảng. Trên cơ sở những chính sách đang triển khai, Chính phủ mỹ đã tiếp tục bổ sung và điều chỉnh các chính sách, biện pháp ứng phó với khủng hoảng.

Trong bài diễn văn nhậm chức đầu năm 2009, Tổng thống Obama đã thẳng thắn thừa nhận: *"Nền kinh tế chúng ta đang bị suy yếu nghiêm trọng"* [115]. Từ việc nhận thức được mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng, để có thể giải quyết hiệu quả được cuộc khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã thành lập Uỷ ban Điều tra về khủng hoảng kinh tế. Uỷ ban sẽ thu thập các tài liệu, thực hiện các buổi phỏng vấn để tìm ra đầy đủ các nguyên nhân, hỗ trợ cho Chính phủ ban hành các chính sách.

Khi đã tìm ra và lý giải được nguồn gốc của khủng hoảng tài chính kinh tế, Chính phủ Mỹ đã ban hành chương trình kích cầu quy mô lớn được thể hiện trong Đạo luật Phục hồi. Thông qua các biện pháp giảm thuế, tăng cường đầu tư công, giải quyết các vấn đề xã hội đã thể hiện một chính sách can thiệp toàn diện vào tất cả các vấn đề của cuộc khủng hoảng kinh tế.

Bên cạnh đó, Chính phủ Mỹ cũng ban hành những đạo luật nhằm tăng cường giám sát hệ thống tài chính nhằm tránh những sai lầm đáng tiếc lặp lại trong tương lai, đó là đạo luật FERA, Đạo luật Dodd - Frank.

Nhằm chia sẻ thông tin qua đó tăng cường sự ủng hộ của người dân đối với các chính sách của Chính phủ, Tổng thống Obama đã sử dụng các buổi nói chuyện hàng tuần vào thứ 7[72] nhằm thông báo về tình hình nước Mỹ, mục đích và nội dung của các chính sách của Chính Phủ. Một trong các đề tài mà ông thường xuyên đề cập đến từ khi bắt đầu nhậm chức đến cuối năm 2014 là các vấn đề của khủng hoảng kinh tế.

Như vậy, từ sự nhận thức khác nhau dẫn đến hiệu quả đạt được giữa hai giai đoạn giải quyết khủng hoảng cũng có sự khác. Nếu như trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng (2008-2009), mức độ hiệu quả chỉ dừng lại ở việc ngăn chặn sự đổ vỡ của các tập đoàn và sự lao dốc của thị trường chứng khoán, nhưng tỷ lệ thất nghiệp lại ở mức cao, tốc độ tăng trưởng GDP vẫn thấp. Bước sang giai đoạn giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế (2009-2014), nền kinh tế đã từng bước lấy lại đà tăng trưởng và tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức thấp.

---

[72] Nói chuyện hàng tuần của Tổng thống (Weekly Address): Một số Tổng thống Mỹ vào thứ 7 hàng tuần sử dụng phương tiện truyền thông để phát đi thông điệp của mình đến người dân Mỹ. Người đầu tiên tiến hành là Tổng thống F.D. Roosevelt với các bài nói chuyện mang tên "nói chuyện bên lò sưởi" (Fireside chats), Tổng thống Reagan đã khôi phục lại truyền thống này, tuy nhiên Tổng thống George H. W. Bush không tham gia, từ thời Tổng thống Bill Clinton việc này chính thức trở thành một thông lệ ở Nhà Trắng, Tổng thống Obama thường sử dụng kênh White House YouTube channel để nói chuyện với công chúng, sau đó thường được một số bản tin phát lại.

∗ *Sự điều chỉnh trong việc giải quyết các vấn đề xã hội*

Khủng hoảng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhiều tầng lớp người, tỷ lệ thất nghiệp cao, thu nhập giảm sút, khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế và cơ hội tiếp tục học ở trình độ cao hơn giảm sút. Vì thế, để có thể kích thích tăng trưởng bền vững cần phải có sự phối hợp giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Tuy nhiên, vị trí của chính sách xã hội đã có sự điều chỉnh trong quá trình giải quyết khủng hoảng kinh tế.

Ngân hàng có vai trò quan trọng, được xem như "trái tim" của nền kinh tế, ngân hàng sẽ "bơm tiền" đến những nơi cần. Đứng trước tình trạng các ngân hàng và tập đoàn tài chính liên tục thua lỗ, phá sản, trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã đặt chương trình giải cứu hệ thống tài chính là trọng tâm trong hệ thống chính sách. Với 75% vốn đầu tư trong TARP là dành cho các ngân hàng và tập đoàn tài chính.

Tuy nhiên, khủng hoảng không chỉ tàn phá nền kinh tế mà còn tác động nghiêm trọng đến xã hội Mỹ. Tuy nhiên, nếu không tác động đến các nền tảng căn bản của nền kinh tế thì việc đổ tiền vào các ngân hàng cũng chẳng thể giải quyết được cuộc khủng hoảng. Vì vậy, những chính sách và biện pháp kiểm soát khủng hoảng của Chính phủ mặc dù đã giúp các tập đoàn tài chính và ngân hàng khỏi nguy cơ phá sản, nhưng tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao. Khi việc làm và thu nhập của người lao động không đảm bảo, khuynh hướng tiêu dùng sẽ giảm xuống. Với một quốc gia mà tiêu dùng đóng góp 70% cho tăng trưởng kinh tế thì việc hạn chế chi tiêu sẽ là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp. Do đó, các chính sách và biện pháp nếu chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ cho các tập đoàn tài chính lớn là chưa đủ để giải quyết cuộc khủng hoảng.

Từ năm 2010, nhận thức được tầm quan trọng của chính sách xã hội, Tổng thống Obama đã tuyên bố trong bài diễn văn nhậm chức: *"Thành công của nền kinh tế chúng ta đã luôn luôn dựa trên không chỉ quy mô của tổng sản phẩm quốc nội, mà còn dựa trên tầm vóc của sự thịnh vượng, dựa trên sự mở rộng cơ hội cho tất cả những người thiện ý, sẵn lòng"* [115]. Vì thế, chính đã đưa ra một chiến lược mang tính tổng thể, vừa phát triển kinh tế vừa giải quyết các vấn đề xã hội. Thực chất các chính sách xã hội không chỉ trực tiếp đảm bảo an sinh xã hội mà còn gián tiếp hướng đến sự phát triển kinh tế.

Gần 1 tháng sau khi cầm quyền, Chính quyền Obama đã đưa ra chương trình kích cầu lớn thông qua Đạo luật Phục hồi (ARRA). Không giống như TARP chỉ tập trung cứu trợ hệ thống tài chính, ARRA phân bổ tương đối đồng đều giữa: cắt giảm

thuế, chương trình Medicaid, trợ cấp thất nghiệp và các loại chi tiêu khác: hỗ trợ trực tiếp cho các cá nhân, đầu tư cơ sở hạ tầng, giáo dục, dạy nghề, nghiên cứu khoa học, năng lượng sạch.

Cùng với việc ưu tiên giải quyết nạn thất nghiệp, giáo dục và y tế cũng là một trong những nét nổi bật trong giai đoạn giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế (2000-2014). Chính sách bảo hiểm y tế của Mỹ được ban hành từ những năm 60 của thế kỷ XX dưới thời Tổng thống Johnson, các đời Tổng thống tiếp theo đều có sự cải tiến nhưng chỉ đến khi Tổng thống Obama lên cầm quyền, chính sách y tế mới thực sự có sự thây đổi lớn. Với "Obamacare", người Mỹ đã có thêm nhiều cơ hội được tham gia bảo hiểm y tế và gia tăng mức hỗ trợ chăm sóc thức khoẻ. Bên cạnh đó, việc mở rộng Quỹ Pell đã hỗ trợ người học có thể theo đuổi những bậc học cao hơn và cung cấp những hình thức thanh toán linh hoạt.

Việc phối hợp đồng bộ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội không những giúp cho các ngân hàng và tập đoàn lớn hồi phục giống như trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng mà còn tạo thêm việc làm cho người lao động, cải thiện thu nhập, gia tăng tiêu dùng. Bên cạnh đó, những chính sách về giáo dục và y tế đã tạo nền tảng cho sự phát triển trong tương lai của nước Mỹ.

∗ *Sự điều chỉnh về quy mô triển khai các chính sách và biện pháp*

Trên thực tế, các chính sách và biện pháp giải quyết khủng hoảng tài chính kinh tế của Chính phủ Mỹ được thể hiện tập trung trong hai chương trình kích cầu là TARP và ARRA.

Chương trình TARP được triển khai trong thời gian cuối của nhiệm kỳ cầm quyền Tổng thống Bush, khi đưa ra chương trình, chính quyền Mỹ đã đề xuất một bản dự thảo ngân sách chi cho chương trình là 700 tỷ USD. Chương trình hướng đến giải cứu các tập đoàn tài chính, sản xuất ô tô và ngân hàng lớn của nước Mỹ. Tuy nhiên, bước sang giai đoạn 2010-2014, ngân sách dành cho TARP đã giảm gần một nửa khi số tiền đầu tư thực tế là 475 tỷ USD [192]. Các nguyên nhân của sự điều chỉnh đó là: cuộc khủng hoảng đã được kiểm soát, các tập đoàn lớn của nước Mỹ đã cơ bản ổn định; tình trạng thâm hụt ngân sách đang ngày càng trở nên nghiêm trọng và, ưu tiên của Chính phủ Mỹ giai đoạn này là tạo thêm việc làm giải quyết nguy cơ suy thoái kinh tế. Do vậy, đồng thời với việc giảm tiền đầu tư cho TARP, Chính phủ Mỹ cũng đẩy mạnh quá trình thu hồi lại vốn và lãi từ các tập đoàn thông qua việc thu hồi nợ, bán cổ phần.

Trong khi đó, chương trình ARRA lại có xu hướng mở rộng khi số tiền đầu tư

liên tục được điều chỉnh qua các năm. Năm 2009, CBO ước tính ngân sách cho chương trình là 787 tỷ USD, tuy nhiên, đến năm 2014, số tiền đã sử dụng lên đến 832 tỷ USD [89, tr.8]. Như vậy, so với dự kiến ban đầu, số tiền dành cho ARRA đã điều chỉnh lên là 45 tỷ USD. Nguyên nhân của sự mở rộng quy mô chủ yếu đến từ tình trạng nền kinh tế tăng trưởng chậm, tỷ lệ thất nghiệp cao. Trong khi đó, với một quốc gia tiêu dùng đóng góp tới 70% tăng trưởng kinh tê thì việc làm và thu nhập không được cải thiện sẽ tiếp tục là thách thức lớn đối với triển vọng của nền kinh tế. Do đó, Chính phủ Mỹ đã cho rằng cần phải gia tăng sự hỗ trợ đối với các doanh nghiệp nhỏ và người lao động nhằm tạo việc làm tăng thu nhập, từ đó thúc đẩy tiêu dùng.

4.1.3. Sự vận dụng cơ sở lý thuyết về vai trò nhà nước trong quá trình giải quyết khủng hoảng

Khủng hoảng kinh tế là một sự kiện hiện hữu trong nền kinh tế thị trường. Mỹ là quốc gia có nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới nhưng cũng là nơi thường xuyên đối mặt với các cuộc khủng hoảng, đặc biệt đây cũng là nơi bắt nguồn của hai cuộc khủng hoảng có quy mô lớn nhất trong lịch sử. Chính phủ Mỹ luôn là chủ thể trong việc ứng phó với các cuộc khủng hoảng, đưa nền kinh tế Mỹ quay trở lại quỹ đạo ổn định và phát triển.

Mỹ là quốc gia mà "chủ nghĩa tự do" luôn là tư tưởng mang tính phổ quát và người Mỹ cũng không cho rằng có một lý thuyết nào luôn đúng với mọi cuộc khủng hoảng. Do vậy, đứng trước các cuộc khủng hoảng Chính phủ Mỹ không bao giờ đề cập trực tiếp đến đến việc vận dụng bất kỳ một lý thuyết nào.

Trên thực tế, trong cuộc Đại suy thoái (1929-1933), Chính phủ Mỹ đã ứng phó bằng việc triển khai và thực hiện Chính sách mới, trong đó đã tăng cường đáng kể vai trò của Nhà nước. Đến năm 1936, trên cơ sở tổng kết lý luận và thực tiễn, nhà kinh tế học người Anh là John Maynard Keynes đã xuất bản cuốn sách *"Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ"* chính thức công bố toàn bộ những quan điểm về trường phái đề cao vai trò nhà nước. Đến những năm 70 của thế kỷ XX, nước Mỹ cũng rơi vào cuộc khủng hoảng và chu kỳ suy thoái kinh tế kéo dài, những chính sách ứng phó của Tổng thống Reagan đã từng bước giảm bớt vai trò điều tiết của Chính phủ, tăng cường vai trò của thị trường. Tuy nhiên, đây cũng không hoàn toàn là sự lặp lại "chủ nghĩa tự do" như những năm trước Đại suy thoái mà là "chủ nghĩa tự do mới" bởi hoàn cảnh lịch sử và những đòi hỏi mới từ nền kinh tế.

Khi nước Mỹ lâm vào cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế, Chính phủ đã tiến hành điều tra, phân tích và lý giải những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng, trong đó,

nguyên nhân trực tiếp bắt nguồn từ những hạn chế trong nội tại nền kinh tế. Do đó, nhằm khắc phục cuộc khủng hoảng Chính phủ đã tăng cường sử dụng "bàn tay nhà nước". Thực tế, trong suốt quá trình giải quyết khủng hoảng, Chính phủ Mỹ cũng không đề cập trực tiếp đến việc vận dụng bất kỳ một cơ sở lý thuyết nào. Tuy nhiên trong những chính sách và biện pháp ứng phó, Chính phủ Mỹ đã kết hợp chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ. Trong chính sách tài khoá, Chính phủ đã tăng cường đầu tư công, cắt giảm thuế kết hợp với chính sách tiền tệ nới lỏng. Đồng thời, chính sách việc làm cũng được Chính phủ đề cao, coi đó vùa là mục tiêu vừa là động lực đưa nước Mỹ thoát khỏi khủng hoảng. Từ thực tiễn quá trình giải quyết khủng hoảng, chứng tỏ Chính phủ Mỹ đã vận dụng lý thuyết của Keynes về vai trò của nhà nước trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Tuy nhiên, trong thời đại toàn cầu hoá, đặc biệt với một nền kinh tế thị trường phát triển như nước Mỹ, việc vận dụng các chính sách mặc dù về bản chất là dựa trên lý thuyết nhưng khi thể hiện lại rất đa dạng và linh hoạt. Sự linh hoạt được thể hiện trong sự điều chỉnh về mục tiêu cụ thể giữa hai giai đoạn, mặc dù bản chất là đều sử dụng chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ để kích cầu nhưng trọng tâm hai giai đoạn cũng khác nhau. Đồng thời, Chính phủ không chỉ hỗ trợ các tập đoàn lớn mà còn hướng đến các doanh nghiệp và quỹ tín dụng nhỏ. Việc kích cầu kinh tế không đơn thuần tạo việc làm, tăng thu nhập mà còn hướng tới đảm bảo giáo dục và y tế qua đó đã thể hiện sự đa dạng trong chính sách và biện pháp. Sự đa dạng và linh hoạt dựa trên lý thuyết giải quyết khủng hoảng trong quá trình giải quyết khủng hoảng đã từng bước đưa nước Mỹ kiểm soát, giải quyết khủng hoảng hoảng và phục hồi kinh tế.

Bên cạnh đó, nền kinh tế thị trường Mỹ luôn gắn liền với nguyên tắc tôn trọng chủ nghĩa tự do, vì thế sẽ không có một lý thuyết vào được vận dụng tuyệt đối trong mọi hoàn cảnh mà sẽ luôn có sự kế thừa, đan xen nhiều quan điểm lý thuyết khác nhau. Nhưng trong đó, sẽ luôn có một cơ sở lý thuyết giữ vai trò chủ đạo. Sự vận dụng linh hoạt lý thuyết trên cơ sở thực tiễn, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm chính là nhân tố chủ đạo thúc đẩy sự hoàn thiện và phát triển của nền kinh tế Mỹ. Cơ sở lý thuyết được vận dụng phù hợp vào thực tiễn và ngược lại, thực tiễn góp phần khẳng định lý thuyết là đúng đắn. Cũng chính sự đa dạng và năng động của nền kinh tế đã góp phần sản sinh ra nhiều trường phái quan điểm học thuyết tư tưởng khác nhau.

4.2. Hiệu quả của các chính sách và biện pháp

4.2.1. Mức độ hiệu quả so với kế hoạch

Với việc thực hiện các chính sách kích cầu đã đưa nước Mỹ từng bước kiểm soát, giải quyết những hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế. Đánh giá mức độ hiệu quả của các chính sách và biện pháp mà Chính phủ Mỹ đã triển khai trong quá trình giải quyết khủng hoảng được thể hiện trên ba nội dung cơ bản:

** Phục hồi hệ thống tài chính:*

Khủng hoảng bắt nguồn từ những hạn chế trong hệ thống tài chính và hệ thống này cũng là tâm điểm của cuộc khủng hoảng. Chính sách và biện pháp phục hồi hệ thống tài chính được thể hiện tập trung trong chương trình TARP. Chương trình này được hình thành dựa trên *Đạo luật Ổn định kinh tế khẩn cấp*. Mục tiêu cơ bản của chương trình TARP đã được đạo luật đề ra là: *"khôi phục tính thanh khoản của hệ thống tài chính Mỹ, đảm bảo theo nguyên tắc: (a)bảo đảm tài sản và quyền lợi của tài sản cá nhân, các quỹ đại học, quỹ hưu trí và tài khoản tiết kiệm; (b)bảo vệ sở hữu nhà, thúc đẩy tăng trưởng việc làm và tăng trưởng kinh tế;(c) tối đa hoá lợi nhuận của người đóng thuế; (d) cung cấp trách nhiệm giải trình trước công chúng"* [106, tr.15]. Như vậy, đạo luật đã đề ra mục tiêu cơ bản là phục hồi những tổn thất từ đó mang lại sự ổn định và phát triển của hệ thống tài chính Mỹ. Đồng thời, quá trình khôi phục phải dựa trên những nguyên tắc đảm bảo quyền lợi của các cá nhân và tổ chức, mang lại lợi nhuận và minh bạch trong việc giải trình.

Với 5 chương trình: đầu tư hệ thống ngân hàng, đầu tư vào ngành công nghiệp ô tô, đầu tư vào tập đoàn AIG, hỗ trợ thị trường bất động sản và hỗ trợ thị tín dụng, TARP đã triển khai mạnh mẽ trong giai đoạn 2008-2009. Với sự hỗ trợ từ Chính phủ, các tập đoàn tài chính và ngân hàng đã tăng cường tiềm lực tài chính, qua đó, thúc đẩy quá trình tái cơ cấu, dần ổn định hoạt động. Từ năm 2009, Chính phủ Mỹ đẩy mạnh việc thu hồi lại vốn và lãi. Đồng thời Chính phủ cũng từng bước rút lui khỏi các tập đoàn tài chính và ngân hàng nhằm trả lại tính tự chủ cho các doanh nghiệp. Đến cuối năm 2014, những mục tiêu của TARP đối với hệ thống tài chính đã được hoàn thành. Đồng thời, thông qua sự phục hồi của thị trường tài chính đã đảm bảo nguồn tín dụng cho các ngành kinh tế khác khôi phục và duy trì hoạt động, góp phần giải quyết tình trạng thất nghiệp.

Tuy nhiên, từ thực tế, trong những năm kinh tế phát triển tốt, các ngân hàng và công ty tài chính đã thu được những khoản lợi nhuận lớn. Khi khủng hoảng kinh tế diễn ra, mặc dù chính họ là "thủ phạm" dẫn đến khủng hoảng, lẽ ra họ sẽ phải trả giá nhiều hơn những gì họ gánh chịu. Nhưng các ngân hàng và công ty tài chính lại được "bàn tay" Chính phủ "giải cứu". Nguồn vốn và lao động có thể được thị trường huy động vào những mục đích khác. Điều này đã phản ánh mâu thuẫn trong quá trình giải quyết khủng

hoảng. Nhiều cuộc biểu tình của người Mỹ đã xuất hiện vào cuối năm 2009, trong đó, phong trào "Chiếm phố Wall" là biểu hiện điển hình cho những bất bình của người Mỹ. Vì thế, ngay sau khi kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ buộc phải tiết giảm chương trình TARP, hướng ưu tiên sang chương trình ARRA nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

** Sự hồi phục của thị trường bất động sản:*

Trên thực tế, ngay khi cuộc khủng hoảng bất động sản xuất hiện, Chính phủ Mỹ đã đưa ra những chính sách hỗ trợ thông qua *Đạo luật Thúc đẩy kinh tế*, tuy nhiên, do tình trạng nợ quá nhiều, nên người dân đã dùng tiền để trả nợ chứ không dành để mua nhà. Vì vậy, chính sách này không mang lại hiệu quả, giá nhà vẫn tiếp tục giảm. Chỉ đến khi Chính phủ Mỹ ban hành các chương trình kích cầu lớn, thị trường bất động sản mới có sự chuyển biến.

Với chương trình MHA và HHF đã trực tiếp cung cấp tài chính hỗ trợ cho người mua nhà. Mặc dù MHA kéo dài đến tháng 12 năm 2016 và HHF đã được gia hạn đến hết năm 2020, nhưng trong quá trình giải quyết khủng hoảng, giá nhà trên thị trường đã tăng trở lại, đến cuối năm 2014 giá nhà đã đạt mức trước trước khủng hoảng [156], từ năm 2009 đến 2014 số lượng nhà được bán đã tăng lên gấp đôi.

Có thể thấy, khi bong bóng bất động sản vỡ giá nhà đột ngột giảm mạnh đã làm giá trị của nhiều tài sản ảo tan vỡ. Việc gia tăng giá trị nhà đất sau khủng hoảng không phải là sự xuất hiện một bong bóng mới mà sau cú sốc kinh tế, giá căn nhà trở về với giá trị vốn có. Bên cạnh đó, do nhu cầu bị dồn nén do khủng hoảng, khi việc làm và thu nhập được cải thiện, nhu cầu thực sự tăng sẽ thúc đẩy giá nhà và doanh số tiêu thụ. Như vậy, mục tiêu khôi phục thị trường nhà đất cơ bản đã đạt được.

** Tăng trưởng kinh tế gắn với giải quyết các vấn đề xã hội*

Chương trình kích cầu trong Đạo luật Phục hồi (ARRA) đã đề ra mục đích: *"bảo vệ và tạo việc làm, hỗ trợ những người chịu ảnh hưởng bởi khủng hoảng, thúc đẩy nghiên cứu khoa học kỹ thuật, chăm sóc sức khoẻ; đầu tư giao thông vận tải, bảo vệ môi trường; đảm bảo các dịch vụ thiết yếu, tránh tăng thuế"* [144]. Như vậy, mục đích chính của ARRA là tạo việc làm, giải quyết các nhu cầu thiết yếu.

Để đạt được mục tiêu cơ bản, biện pháp mà Chính phủ tiến hành là tăng cường đầu tư và cắt giảm thuế. Trên thực tế, cuối năm 2009, tỷ lệ thất nghiệp nước Mỹ đã tăng lên 10%, tuy nhiên, do tác động của việc tăng cường chương trình ARRA, từ năm 2010, tỷ lệ thất nghiệp đã liên tục giảm xuống và đến cuối năm 2014 tỷ lệ thất nghiệp

đã về mức trước khủng hoảng[73]. Theo báo cáo kinh tế của Chính phủ Mỹ năm 2017, tỷ lệ thất nghiệp thực tế luôn thấp hơn tỷ lệ thất nghiệp dự kiến của Chính phủ[74]. Như vậy, mục tiêu về giải quyết vấn đề thất nghiệp cũng là một thành công lớn trong quá trình giải quyết khủng hoảng của Chính phủ Mỹ.

∗ *Vấn đề ổn định ngân sách*

Mặc dù, các chương trình TARP và ARRA đều đưa ra mục tiêu hồi phục kinh tế, giải quyết nạn thất nghiệp cùng với yêu cầu đảm bảo ngân sách. Nhưng trên thực tế, quá trình triển khai các chính sách và biện pháp cho thấy, thâm hụt ngân sách ngày càng gia tăng. Chính điều này đã đặt nước Mỹ bên bờ vực của "vách đá tài khoá", thậm chí buộc phải đóng cửa trong 16 ngày.

Để giải quyết khó khăn về ngân sách, Chính phủ Mỹ lại "đá quả bóng" chi tiêu sang việc vay nợ. Vì vậy, vấn đề giảm thâm hụt ngân sách lại tỷ lệ nghịch với việc gia tăng nợ công, năm 2008 tổng số nợ công của Mỹ là 14 nghìn tỷ USD thì đến năm 2014 đã lên đến trên 17 nghìn tỷ USD. Những khoản chi tiêu từ vay nợ, thực chất là việc Chính phủ vay mượn từ thế hệ tương lai. Để giải quyết được thách thức này, Chính phủ buộc phải lựa chọn một trong các giải pháp: tăng thuế (nhưng sẽ không được người dân ủng hộ); cắt giảm chi tiêu (giải pháp này sẽ dẫn đến những người có quyền lợi chống đối trong các kỳ bầu cử hoặc ngay trên đường phố); tuyên bố vỡ nợ; in thêm tiền chấp nhận lạm phát (điều này sẽ làm giảm giá trị đồng tiền). Tất cả các phương án trên đều là những điều mà nước Mỹ khó có thể chấp nhận.

4.2.2. So sánh về mức độ hiệu quả giữa hai giai đoạn giải quyết khủng hoảng

Quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính kinh tế được triển khai qua hai giai đoạn: giai đoạn kiểm soát khủng hoảng (2008-2009); giai đoạn giải quyết những hậu quả và phục hồi kinh tế (2009-2014). Mặc dù, cả hai giai đoạn đều hướng đến mục tiêu là giải quyết cuộc khủng hoảng, phục hồi kinh tế và đều thành công. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, quy mô và mức độ thiệt hại của cuộc khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã hết sức linh hoạt trong việc đề ra mục tiêu giữa hai giai đoạn. Do đó, mức độ hiệu quả trên các lĩnh vực kinh tế và xã hội cũng có sự khác biệt.

Trong giai đoạn kiểm soát cuộc khủng hoảng (2008-2009), đứng trước sự sự thua lỗ, phá sản của các tập đoàn tài chính hàng đầu của nước Mỹ cùng với quy mô và mức độ ảnh hưởng của các tập đoàn đối với nền kinh tế Mỹ, Chính phủ đã "ưu tiên" hỗ trợ các tập đoàn lớn thông qua TARP. Vì vậy, những thành tựu đạt được trong giai đoạn này chủ yếu trên thị

---

[73] Cuối năm 2014 tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống còn 5,6% (gần với mức trước khủng hoảng là 5,3%) [85, tr.103]

[74] Xem phục lục 8

trường tài chính. Cuối năm 2009, nguy cơ phá sản các tập đoàn lớn đã không còn, hiệu ứng "đôminô" trên toàn nền kinh tế đã chấm dứt. Chỉ số chứng khoán tăng trưởng mạnh mẽ, cuối năm 2009 chỉ số S&P đã tăng 65% [81, tr.58].

Mặc dù thị trường tài chính được "giải cứu", nhưng nền kinh tế Mỹ vẫn còn rất nhiều thách thức. Trong đó, thách thức lớn nhất chính là tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao (10%). Chương trình ARRA bổ sung cho TARP khi hướng các chính sách hỗ trợ của Chính phủ đến việc cắt giảm thuế và đầu tư công nhưng dường như ban đầu cũng chưa thực sự mang lại hiệu quả khi người dân và doanh nghiệp lại dùng tiền hỗ trợ của Chính phủ để thanh toán các khoản nợ. Tỷ lệ thất nghiệp cao, thu nhập giảm, cùng với tâm lý bi quan về nền kinh tế đã gia tăng xu hướng tiết kiệm. Đây chính là thách thức lớn đối với một nền kinh tế tiêu dùng như nước Mỹ. Khi người dân hạn chế chi tiêu, hàng hoá tiêu thụ chậm, doanh nghiệp thu hẹp hoạt động, đẩy nền kinh tế sang nguy cơ suy thoái.

Trên cơ sở những thành tựu và hạn chế của giai đoạn 2008-2009, Chính phủ Mỹ trong giai đoạn giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế đã có sự bổ sung điều chỉnh các chính sách và biện pháp. Trong đó, mục tiêu chính của giai đoạn này là giải quyết vấn đề thất nghiệp. Chính phủ Mỹ đã tăng cường các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và người lao động.

Tuy nhiên, việc giải quyết vấn đề thất nghiệp lại phụ thuộc vào sự phục hồi của nền kinh tế. Trong suốt giai đoạn 2010-2014 nền kinh tế Mỹ đã đạt được tốc độ tăng trưởng trung bình 2%, giá nhà đã hồi phục lại mức trước khủng hoảng, chỉ số chứng khoán đã tăng trưởng mạnh mẽ. trên cơ sở sự phục hồi kinh tế cùng với các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, tỷ lệ thất nghiệp đã giảm dần. Cuối năm 2014, tỷ lệ thất nghiệp đã giảm xuống còn 5,6% [85, tr.103], tương đương với tỷ lệ trước khủng hoảng.

Đồng thời với việc giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống mức thấp, Chính phủ đã tạo cơ hội cho nhiều người Mỹ được tiếp cận bảo hiểm y tế thông qua chương trình cải cách hệ thống bảo hiểm y tế được gọi là *"Obama care"*. Bên cạnh đó, với những chính sách hỗ trợ và cải cách trên lĩnh vực giáo dục đã giúp cho nhiều người Mỹ có cơ hội được tiếp cận nền giáo dục cao hơn.

Như vậy, kết quả giữa hai giai đoạn đã có sự khác biệt về mức độ và nội dung. Song đều có ý nghĩa quan trọng đối với việc đưa nước Mỹ từng bước kiểm soát, giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế.

4.3. So sánh quá trình giải quyết và Khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) và Đại Suy thoái (1929-1933)

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) đã khiến nhiều người liên

tưởng đến cuộc Đại Suy thoái (1929-1933) bởi những điểm tương đồng nguồn gốc, điểm xuất phát và hậu quả nghiêm trọng mà cả hai cuộc khủng hoảng mang lại cho nước Mỹ và thế giới. Vì thế, những bài học kinh nghiệm trong việc ứng phó với Đại suy thoái chính là một trong những cơ sở thực tiễn từ lịch sử để Chính phủ Mỹ đưa ra những chính sách và biện pháp giải quyết khủng hoảng tài chính kinh tế. Tuy nhiên, quy mô của nền kinh tế Mỹ đầu thế kỷ XXI đã lớn hơn rất nhiều so với những năm 30 của thế kỷ XX, sự đa dạng, phức tạp, tính liên kết của các chủ thể kinh tế cùng mức độ hội nhập và liên kết khu vực của nền kinh tế Mỹ cũng khác so với trước rất nhiều. Do đó, mặc dù có thể học hỏi từ quá khứ, nhưng trong quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính kinh tế cũng có nhiều điểm khác biệt so với quá trình giải quyết cuộc Đại suy thoái.

4.3.1. Những điểm tương đồng

** Chính sách và biện pháp giải quyết khủng hoảng*

Một là, ưu tiên giải quyết các vấn đề của lĩnh vực ngân hàng:

Lĩnh vực ngân hàng được xem là "trái tim" của nền kinh tế, cũng là điểm khởi đầu và trung tâm của cả hai cuộc khủng hoảng. Do đó, trong chính sách và biện pháp giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế và Đại suy thoái, Chính phủ đều ưu tiên lĩnh vực này.

Ngay sau lễ nhậm chức, Tổng thống Roosevelt đã liên tục hành các chính sách hướng đến các ngân hàng như: sắc lệnh số 2039 (ra lệnh đình chỉ tất cả các giao dịch ngân hàng bắt đầu từ 1 giờ sáng ngày thứ 6 ngày 6 tháng 3 năm 1933), tiếp đó là luật *Ngân hàng khẩn cấp* (the Emergency Banking Act). Mặc dù nhiều ngân hàng vẫn sẽ phải đóng cửa, nhưng các ngân hàng được phép hoạt động là những ngân hàng đảm bảo về tài chính.

Bên cạnh đó, để tăng cường hoạt động giám sát hệ thống ngân hàng, tháng 6 năm 1933, Chính phủ Mỹ đã thông qua luật *Ngân hàng* (Banking Act of 1933) hay còn được gọi là đạo luật Glass - Steagall[75]. Đạo luật đã tách biệt giữa ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư, cấm pha trộn hoạt động ngân hàng với kinh doanh bảo hiểm và chứng khoán, thành lập FDIC nhằm bảo đảm cho các khoản tiền gửi trong ngân hàng. Từ đó Chính phủ Mỹ đã bước đầu ổn định hoạt động hệ thống ngân hàng tạo tiền đề giải quyết các vấn đề khác của cuộc Đại suy thoái.

---

[75] Lý do được gọi là Đạo luật Glass - Steagall bởi vì Dự luật được tài trợ bởi Thượng nghị sĩ Carter Glass và Hạ Nghị sĩ Henry Steagall. Glass là cựu Bộ trưởng Tài chính, là lực lượng chính đứng đằng sau dự luật này. Steagall, Chủ tịch Ngân hàng Nhà ở và Ủy ban Tiền tệ, đồng ý hỗ trợ với Glass sau khi sửa đổi bổ sung để cho phép thành lập cơ quan bảo hiểm tiền gửi.

Sự đổ vỡ của hàng loạt ngân hàng và tập đoàn tài chính hàng đầu nước Mỹ đã châm ngòi cho cuộc khủng hoảng kinh tế 2008-2009. Khi đó, Chính phủ Mỹ đã lựa chọn giải pháp là phải giải cứu ngay hệ thống ngân hàng, thông qua việc: dàn xếp cho các vụ mua bán sáp nhập giữa Bear Stearns và JP Morgan Chase; đặt hai công ty Freddie Mac và Fannie Mae dưới sự bảo trợ của Chính phủ; cho AIG vay tiền; đặc biệt là TARP đã dành phần lớn tiền để "giải cứu" các ngân hàng và các tập đoàn tài chính.

Bên cạnh đó, để tăng cường việc kiểm soát hệ thống tài chính, Chính phủ Mỹ đã thông qua hai đạo luật: đạo luật FERA vào tháng 5 năm 2009 và đạo luật Dodd - Frank vào tháng 7 năm 2010 nhằm tăng cường các quy định giám sát hệ thống tài chính, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đồng thời tăng cường các biện pháp ngăn chặn và xử lý vi phạm những gian lận. Do vậy, thị trường tài chính đã sớm ổn định hoạt động, tạo nền tảng cho kiểm soát và giải quyết hậu quả khủng hoảng.

Như vậy, nhằm ứng phó với hai cuộc khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đều đưa ra các chính sách ban đầu hướng về các ngân hàng. Đồng thời với việc hỗ trợ Chính phủ cũng đưa ra các chính sách nhằm tăng cường giám sát. Từ đó, ổn định "trái tim" của nền kinh tế, đủ sức mạnh để lưu thông tài chính đến các doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Hai là, Chính phủ đều sử dụng các chính sách và biện pháp nhằm kích cầu kinh tế

Nhà kinh tế học J.M. Keynes đã nhấn mạnh đến chi ngân sách cho các chương trình công cộng. Những chương trình này giúp tạo việc làm, tăng nhu cầu về tư liệu sản xuất, đồng thời nhu cầu của tiêu dùng của cá nhân cũng tăng thêm, kích thích khu vực tư nhân phát triển.

Trong hai cuộc khủng hoảng kinh tế lớn nhất của nước Mỹ, các chính phủ đều sử dụng công cụ chính sách tài khoá để kích cầu kinh tế, khôi phục sản xuất, giải quyết nạn thất nghiệp. Trong đó, việc tăng cường đầu tư công đã được sử dụng một cách hữu hiệu.

Trong khuôn khổ của Chính sách Mới (New Deal), năm 1933, Tổng thống Roosevelt đã thành lập đoàn *Bảo tồn dân sự*. Chương trình này tập hợp những người đàn ông thất nghiệp, chưa lập gia đình tuổi từ 18 đến 28 tuổi đi trồng cây, xây cầu đường, dập tắt các đám cháy rừng nhằm mục đích cải thiện cơ sở hạ tầng bảo tồn đất đai và tài nguyên qua đó giải quyết nạn thất nghiệp.

Một trong những chương trình được các nhà nghiên cứu đánh giá cao trong Chính sách mới đó là chương trình *Cải tạo và khai thác thung lũng sông Tennessee*. Trước khi có các chương trình đầu tư cải tạo, thung lũng Tennessee là khu vực có mức sống thấp. Từ năm 1933, Chính phủ Roosevelt đã hình thành nên một chương trình cải

tạo khu vực này với quy mô rộng lớn, với mục đích quản lý tài nguyên tổng hợp bao gồm: sản xuất điện, điều hướng, kiểm soát lũ lụt, phòng chống sốt rét, tái trồng rừng, kiểm soát xói mòn. Chương trình không những đã thay đổi hoàn toàn cuộc sống ở Tennessee, mà còn tạo ra một lượng điện lớn cung cấp cho cả những khu vực lân cận.

Để tăng cường việc phục hồi và giải quyết nạn thất nghiệp, dựa trên Đạo luật *Giải quyết tình trạng khẩn cấp* (Emergency Relief Appropriation Act), năm 1935 Chính phủ đã thành lập WPA. Cơ quan này đã triển khai những dự án thuê người lao động trên khắp cả nước đi xây dựng nhà cửa, đường sá, sân bay, trường học, cầu cống, cải tạo bệnh viện,…

Cuộc khủng hoảng kinh tế 2008-2009 đã khiến nền kinh tế Mỹ rơi vào tình trạng suy thoái, tỷ lệ thất nghiệp lên cao. Do vậy, Chính phủ Mỹ dưới thời Tổng thống Bush và Obama đã đưa ra các chương trình đầu tư quy mô lớn nhằm kích cầu nền kinh tế. Trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ dành phần lớn ngân sách để đầu tư cho các tập đoàn tài chính và các tập đoàn sản xuất ô tô. Trong giai đoạn giải quyết khủng hoảng và phục hồi kinh tế, chương trình kích cầu Chính phủ Mỹ lại hướng đến việc giảm thuế, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, giáo dục, năng lượng, nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin y tế.

Thông qua các chính sách và biện pháp kích cầu kinh tế, một mặt hỗ trợ cho các doanh nghiệp, ngân hàng có thêm nguồn vốn để tái mở rộng sản xuất, "phá băng" thị trường tài chính mặt khác góp phần giải quyết vấn đề lao động và việc làm qua đó gia tăng nhu cầu tiêu dùng qua đó giải quyết khủng hoảng kinh tế.

Ba là, cứu trợ kinh tế đồng thời giải quyết các vấn đề xã hội

Một trong những hậu quả nghiêm trọng nhất của cuộc Đại suy thoái (1929-1933) là đẩy tỷ lệ thất nghiệp lên cao, những "Làng Hoover" ngày càng nhiều và "Đường bánh mỳ" ngày càng dài hơn đã khiến cuộc Đại suy thoái trở thành một cuộc khủng hoảng toàn diện. Do vậy, trong Chính sách mới, ngoài nội dung "phục hồi" thì "cứu trợ" cũng được Chính phủ Mỹ đặc biệt chú ý. Bên cạnh các chính sách tạo việc làm, giải quyết nạn thất nghiệp, một trong những vấn đề căng thẳng trong xã hội Mỹ lúc đó là điều tiết mối quan hệ giữa giới chủ và người công nhân. Vì thế, năm 1935, Chính phủ Mỹ đã thông qua đạo luật *An sinh xã hội* (Social Security Act), lập ra quỹ *Bảo hiểm thất nghiệp*, trong đó, người công nhân và giới chủ mỗi người sẽ phải nộp 1% thu nhập, còn lại sẽ được tài trợ bởi Chính phủ. Đạo luật cũng quy định về mức lương tối thiểu, chế độ nghỉ hưu. Mặc dù ban đầu vẫn còn nhiều thiết sót, nhưng đạo luật này đã tạo nền tảng cho chế độ bảo hiểm xã hội dành cho người lao động ở nước Mỹ.

Để thúc đẩy sự nghiệp cho người lao động, năm 1935, Tổng thống Roosevelt đã

thông qua đạo luật *Quan hệ lao động quốc gia* (The National Labor Relations Act) hay còn được gọi là Đạo luật Wagner, cho công nhân quyền gia nhập nghiệp đoàn và thương lượng tập thể thông qua đại diện nghiệp đoàn. Đạo luật này đã lập ra uỷ ban *Quan hệ lao động quốc gia* (NLRB) để trừng phạt các hoạt động thuê lao động bất công và tổ chức bầu cử khi người lao động muốn lập nghiệp đoàn.

Đầu thế kỷ XXI, cơ cấu kinh tế cũng như các mối quan hệ xã hội đã thay đổi rất nhiều so với những năm 1930, do vậy, xung đột xã hội không còn gay gắt như trước, người công nhân đã trở thành cổ đông trong các doanh nghiệp, lợi ích của họ thống nhất với hiệu quả kinh tế của hoạt động doanh nghiệp. Khi cuộc khủng hoảng kinh tế xảy ra, vấn đề xã hội lớn nhất là thất nghiệp và mức sống của người dân. Để giải quyết hai vấn đề này, một mặt Chính phủ Mỹ đã tăng cường đầu tư, cắt giảm thuế, qua đó khôi phục sản xuất, tạo thêm việc làm. Bên cạnh đó, Chính phủ Mỹ cũng tiến hành những cải cách về y tế và giáo dục. Một trong những bộ luật mặc dù gây tranh cãi đồng thời cũng là "dấu ấn" của Tổng thống Obama đó là Đạo luật *Chăm sóc sức khoẻ giá cả phải chăng* (ACA) hay còn được gọi là "ObamaCare". Đạo luật này cùng với đạo luật bảo hiểm y tế cho trẻ em (CHIP) đã giúp cho phần lớn người dân Mỹ có cơ hội tiếp cận bảo hiểm y tế, mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

∗ *Quá trình giải quyết khủng hoảng*

Về bản chất, Chính phủ Mỹ đều sử dụng chính sách kích cầu nhằm ứng phó với Đại suy thoái và khủng hoảng tài chính kinh tế. Với những cuộc khủng hoảng kinh tế có quy mô lớn, gây nhiều thiệt hại nghiêm trọng, quá trình giải quyết khủng hoảng đòi hỏi phải có thời gian lâu dài với các giai đoạn và những trọng tâm khác nhau.

Chính phủ Mỹ đã giải quyết cuộc Đại suy thoái qua hai giai đoạn: giai đoạn 1 được thực hiện từ tháng 3/1933 đến tháng 6/1935 và giai đoạn 2 từ tháng 6/1935. Trong giai đoạn 1, Chính phủ tập trung giải quyết các vấn đề cấp bách nhất của cuộc khủng hoảng như cứu trợ hệ thống tài chính ngân hàng, giải quyết nạn thất nghiệp và hỗ trợ ngành công nghiệp, nông nghiệp. Trong đó trọng tâm của chính sách là giải cứu hệ thống tài chính ngân hàng. Chính phủ yêu cầu đóng hệ thống ngân hàng nhằm ngăn chặn tình trạng các ngân hàng tiếp tục phá sản. Đồng thời, Chính phủ đã thông qua đạo luật *Phục hồi ngân hàng khẩn cấp*, đạo luật chỉ cho phép các ngân hàng đảm bảo về tài chính mới được phép hoạt động. Với giai đoạn 1, Chính phủ Mỹ đã cơ bản kiểm soát được Đại suy thoái.

Giai đoạn 2, Chính phủ Mỹ tập trung giải quyết vấn đề tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội. Chính phủ Mỹ đã thành lập cơ quan WPA nhằm triển khai các dự án

tạo việc làm. Đồng thời, Chính phủ Mỹ cũng ban hành đạo luật *An sinh xã hội* tạo nên một hệ thống phúc lợi xã hội do Chính phủ quản lý. Với giai đoạn này, Chính phủ Mỹ đã giải quyết được khủng hoảng và tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế.

Đầu thế kỷ XXI, nước Mỹ tiếp tục phải đối mặt với cuộc khủng hoảng kinh tế lớn. Trong quá trình giải quyết khủng hoảng, trên cơ sở kế thừa những bài học kinh nghiệm trong quá trình ứng phó với Đại suy thoái, Chính phủ Mỹ cũng triển khai trên hai giai đoạn: giai đoạn 1 (2008-2009) và giai đoạn 2 (2009-2014). Trong giai đoạn 1, Chính phủ Mỹ tập trung hỗ trợ hệ thống tài chính ngân hàng, thực hiện chương trình *Giải cứu tài sản xấu*, đầu tư vào những định chế tài chính hàng đầu nước Mỹ. Trong giai đoạn 2, Chính phủ Mỹ ưu tiên tập trung giải quyết các vấn đề xã hội, bao gồm: vấn đề việc làm, bảo hiểm y tế, hỗ trợ giáo dục, cùng với đó là tiếp tục duy trì và bổ sung các chương trình nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế. Với quá trình triển khai qua hai giai đoạn, nước Mỹ đã từng bước kiểm soát, giải quyết khủng hoảng và phục hồi kinh tế.

Bên cạnh điểm giống nhau cơ bản về quá trình triển khai, giữa Tổng thống Roosevelt và Tổng thống Obama đều sử dụng phương tiền truyền thông để truyền đi thông điệp của mình. Tổng thống Roosevelt đã sử dụng các buổi "nói chuyện bên lò sưởi" trên sóng phát thanh, Tổng thống Obama đã sử dụng các buổi nói chuyện hàng tuần trên webside của Chính phủ qua đó giải trình và củng cố niềm tin của quần chúng vào các chính sách và biện pháp của Chính phủ.

Tuy nhiên, tính chất và quy mô nền kinh tế Mỹ trong đầu thế kỷ XXI đã khác nhiều so với những năm 1930, sự liên kết, hội nhập giữa khu vực và quốc tế cũng đa dạng hơn trước rất nhiều. Do đó, trong những chính sách và biện pháp cụ thể của Chính phủ Mỹ cũng có những điểm khác biệt.

4.3.2. Những điểm khác biệt

Sự khác biệt về quy mô nền kinh tế, sự phức tạp trong mối liên kết giữa các chủ thể kinh tế và mức độ hội nhập của nền kinh tế Mỹ trong hai giai đoạn lịch sử có sự khác biệt rất lớn. Do đó, trong các giải pháp khắc phục hai cuộc khủng hoảng tồn tại không ít khác biệt. Trong đó, có hai điểm khác nhau cơ bản:

* *Vai trò của FED đối với việc giải quyết khủng hoảng kinh tế*

FED là cơ quan trực tiếp điều hành chính sách tiền tệ của Mỹ, thông qua việc điều tiết lượng cung tiền và lãi suất nhằm duy trì ổn định của nền kinh tế.

Có thể nói, những chính sách tiền tệ của FED đã góp phần dẫn tới cuộc Đại suy thoái, nhưng khi khủng hoảng xảy ra vai trò của FED lại khá mờ nhạt. Theo nội dung cuốn sách của hai nhà kinh tế học theo trường phái "trọng tiền" M. Friedman và A.J.

Schwartz xuất bản năm 1963 mang tên *"Lịch sử tiền tệ Mỹ 1867-1960"* đã nhấn mạnh đến sai lầm nghiêm trọng của FED, do lo ngại tình trạng đầu cơ trên thị trường chứng khoán đã dẫn đến việc thắt chặt chính sách tiền tệ bắt đầu vào cuối năm 1928, tiếp đó, hệ thống tài chính lâm vào khủng hoảng vào tháng 10 năm 1929, đã đẩy thị trường chứng khoán Mỹ lao dốc.

Khi cuộc Đại suy thoái diễn ra, vai trò của FED lại thể hiện khá mờ nhạt. Trong bài thuyết trình tại Đại học Washington&Lee, Lexington, bang Virginia, ngày 2 tháng 3 năm 2004, ông Ben Bernanke trình bày về việc các quan chức của FED vẫn không đồng nhất về chính sách mở rộng tiền tệ*: "Một số người cho rằng cuộc Đại suy thoái là sự cần thiết phải tẩy rửa những sự dư thừa tài chính được xây dựng trong những năm 1920. Các quan chức khác, đã lưu ý trong số các chỉ số khác, cho rằng mức lãi suất danh nghĩa rất thấp, kết luận rằng chính sách tiền tệ thực tế đã quá nới lỏng và không nên làm gì nữa"* [124]. Trên thực tế, sau "kỳ nghỉ ngân hàng" có khoảng 10.000 ngân hàng Mỹ đóng cửa hoặc bị mua lại, tài sản trong hệ thống ngân hàng giảm giá 30%, lượng cung tiền thiếu hụt đến mức nhiều người Mỹ phải dùng phương thức "hàng đổi hàng", điều này chứng tỏ FED đã thất bại với vai trò "người cho vay cuối cùng" [47, tr.208]. Do vậy, sau này ông Ben Bernanke đã thẳng thắn thừa nhận: *"Về Đại Suy thoái, ... chúng tôi đã tạo ra nó. Chúng tôi rất xin lỗi. ... Chúng tôi sẽ không làm lại lần nữa"* [174].

Khi cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế xảy ra, Chủ tịch của FED là ông Ben Bernanke, là một nhà lịch sử - kinh tế học, chuyên gia về Đại suy thoái, đã nhận thức sâu sắc được các bài học từ lịch sử. Do vậy, vai trò của FED đã thể hiện khá đậm nét trong việc phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ nhằm kích cầu kinh tế. Điều này không chỉ thể hiện ở việc liên tục hạ lãi suất cơ bản đến mức 0-0,25% vào cuối năm 2008 (liên tục duy trì mức lãi suất thấp đến cuối năm 2015) mà còn liên tục đưa ra các gói nới lỏng định lượng (QE) nhằm tăng lượng cung tiền, qua đó hỗ trợ kinh tế, tạo thêm việc làm.

∗ *Sự phối hợp quốc tế trong việc giải quyết khủng hoảng kinh tế*

Mặc dù, cả hai cuộc khủng hoảng kinh tế đều xuất phát từ Mỹ và lan rộng ra phạm vi thế giới. Tuy nhiên, các chính sách giải quyết cuộc Đại suy thoái 1929-1930 hầu như chỉ tập trung vào các chính sách đối nội.

Chính quyền của Tổng thống Bush và Obama đã có sự phối hợp với chính phủ các nước khác trong việc giải quyết khủng hoảng. Ngay khi khủng hoảng xảy ra tại Mỹ, tháng 11 năm 2003, Tổng thống Bush đã triệu tập Hội nghị Thượng đỉnh các nước

G20 để bàn bạc các phương án để phối hợp giải quyết khủng hoảng kinh tế thế giới.

Như vậy, với những điểm tương đồng trên chứng tỏ, Chính phủ Mỹ có kế thừa những bài học kinh nghiệm từ Chính sách mới. Tuy nhiên, do sự khác biệt về hoàn cảnh, sự đa dạng và phát triển trong chính nền kinh tế, quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế cũng có nhiều nét khác biệt so với quá trình giải quyết Đại suy thoái. Việc tìm hiểu kỹ lưỡng về Đại suy thoái đã giúp người Mỹ có thêm những bài học hữu dụng từ đó sớm thoát khỏi khủng hoảng. Đặc biệt là với cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế, nước Mỹ cũng không cần thiết phải bước vào một cuộc chiến tranh mới chính thức thoát khỏi khủng hoảng, sau 6 năm, những hậu quả của khủng hoảng cơ bản đã được giải quyết và nước Mỹ bước vào chu kỳ tăng trưởng mới.

4.4. Tác động của quá trình giải quyết khủng hoảng

Sau mỗi cuộc khủng hoảng kinh tế lớn, Chính phủ Mỹ đều có sự điều chỉnh trong việc điều tiết vĩ mô để thích nghi với những biến đổi của nền kinh tế. Quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) trước hết đã tác động đến vai trò của Chính phủ, đồng thời cũng dẫn đến những biến đổi của nước Mỹ.

4.4.1. Tác động tới vai trò của chính phủ trong nền kinh tế

Trong lịch sử, nền kinh tế Mỹ luôn có sự thay đổi và điều chỉnh gần như liên tục nhằm thích ứng với những biến động bên trong cũng như bên ngoài nước Mỹ, *"chủ nghĩa tư bản đã tiếp thêm sinh lực cho chính nó thông qua sự huỷ diệt sáng tạo, thông qua những cải cách và điều chỉnh"* [72, tr.271]. Lịch sử tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là trong nền kinh tế thị trường phát triển Mỹ đã chứng minh tính linh hoạt, mềm dẻo và sáng tạo trong mô hình tổ chức và thể chế của nó.

Nền kinh tế Mỹ từ thời Tổng thống R.Reagan đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các quan điểm về "thị trường tự do". Triết lý về nền kinh tế tự do được phản ánh trong câu nói của Reagan: *"Mười ba từ đáng sợ nhất trong tiếng Anh chính là: Tôi làm việc cho Chính phủ và tôi đến đây để giúp bạn"*[76] [20, tr.31]. Nền kinh tế thị trường tự do tiếp tục được duy trì và củng cố trong các đời tổng thống kế nhiệm.

Trên thực tế, khi nước Mỹ xảy ra cuộc khủng hoảng bong bóng dot-com, Chính phủ Mỹ đã từng sử dụng chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ để giải quyết cuộc khủng hoảng. Tuy nhiên, sự can thiệp chỉ ở mức thấp, quy mô nhỏ với việc hạ lãi suất và cắt giảm thuế. Nên sự điều chỉnh về vai trò Chính phủ không đáng kể.

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) xuất phát từ những sai lầm,

---

[76] Nguyên văn: *The most terrifying words in the English language are: I'm from the government and i'm here to help*

hạn chế của thị trường tự do và chính sự thiếu kiểm soát của Chính phủ đã thúc đẩy cuộc khủng hoảng. Các chính sách và biện pháp giải quyết khủng hoảng dưới thời Tổng thống Bush và Obama bao gồm việc đứng ra dàn xếp cho việc mua bán sáp nhập các ngân hàng, công ty tài chính, đầu tư cho các công ty "quá lớn để sụp đổ" (AIG, Citi Group, Bank of America), hỗ trợ cho các công ty sản xuất ô tô, các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, Chính phủ đã tăng cường các công cụ giám sát của các cơ quan chính phủ đối với hệ thống tài chính (FDIC, FED) đặc biệt là việc thành lập hội đồng *Giám sát ổn định tài chính* (FSOS). Bên cạnh đó, Chính phủ cũng mở rộng hệ thống phúc lợi nhằm: giải quyết thất nghiệp, cải thiện mức sống cho người dân. Như vậy, các chính sách và biện pháp mà Chính phủ Mỹ triển khai đã thể hiện sự gia tăng đáng kể vai trò của Chính phủ trong điều tiết nền kinh tế.

Thực chất, những chính sách và biện pháp mà Chính phủ Mỹ thực hiện đã chịu ảnh hưởng mạnh từ tư tưởng của Keynes. Keynes cho rằng, khủng hoảng xảy ra là do các doanh nghiệp đã không đầu tư đúng mức vào việc xây dựng công xưởng và mua sắm máy móc. Chính phủ cần tăng đầu tư nhằm khoả lấp khoảng trống trong việc đầu tư của tư nhân, thông qua việc vay vốn. Ngược lại. thị trường cần sự điều phối của chính phủ để vận hành tốt hơn.

Từ việc tăng cường vai trò của Chính phủ đã mang lại hiệu quả khi nền kinh tế từng bước thoát khỏi khủng hoảng, phục hồi và tăng trưởng. Nhưng khi nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng, Chính phủ Mỹ lại từng bước rút khỏi các tập đoàn lớn thông qua quá trình thu hồi vốn, lãi, bán cổ phần. Qua đó, Chính phủ đã trả lại tính độc lập cho các doanh nghiệp. Chính phủ chỉ giữa vai trò nhất định trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và giám sát nền kinh tế nhằm tránh lặp lại những sai lầm trong quá khứ.

Như vậy, trong nền kinh tế thị trường hiện đại, đặc biệt là ở nước Mỹ, Chính phủ vẫn luôn giữ vai trò quan trọng, việc tăng cường can thiệp chỉ diễn ra trong những thời điểm nền kinh tế gặp phải khủng khoảng, khi nền kinh tế đã ổn định, Chính phủ sẽ giảm dần các chính sách điều tiết, trả lại tính "tự do" cho thị trường.

4.4.2. Tác động tới nền kinh tế và xã hội Mỹ

Quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế không chỉ tác động đến vai trò của Chính phủ mà còn tác động đến một số lĩnh vực kinh tế và xã hội nước Mỹ.

∗ *Sự mở rộng các chương trình an sinh xã hội*

Một trong những khía cạnh đánh giá sự thịnh vượng của kinh tế và xã hội chính là vấn đề an sinh. An sinh xã hội còn ảnh hưởng gián tiếp đến việc thúc đẩy tăng trưởng: nó cho phép các cá nhân chấp nhận rủi ro lớn hơn, khi biết rằng nếu mọi

chuyện không diễn ra như mong đợi, thì vẫn có sự bảo trợ mang tính xã hội ở mức độ nhất định. Tất nhiên, có thể có sự bảo trợ việc làm thái quá sẽ làm giảm đi động cơ để đạt được hoạt động hiệu quả.

Những chính sách và biện pháp trên lĩnh vực xã hội không chỉ duy trì an sinh xã hội mà còn tạo nền tảng cho sự gia tăng vai trò của Chính phủ trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. Biểu hiện sinh động cho vấn đề này chính là những cải cách trên lĩnh vực y tế, giáo dục và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Lĩnh vực bảo hiểm y tế từ lâu đã là một trong những vấn đề mà các chính phủ đều nhận thức được sự cần thiết phải có sự điều chỉnh. Chỉ đến khi cuộc khủng hoảng kinh tế 2008-2009 xảy ra, đã tạo cơ sở cho Chính phủ Mỹ ban hành những chương trình cải cách lớn về y tế. Chương trình bảo hiểm y tế "Obama Care" đã tạo cơ hội cho nhiều người Mỹ được tham gia chương trình bảo hiểm y tế.

Bên cạnh đó, chính sách tăng cường giám sát hệ thống tài chính một mặt góp phần bảo đảm sự "an toàn" cho các quỹ hưu trí và cục *Bảo vệ người tiêu dùng* (the Consumer Financial Protection Bureau - CFPB) có chức năng bảo vệ người tiêu dùng khỏi các sản phẩm tài chính không công bằng hoặc mang tính lừa đảo. Chính sách giáo dục tạo cơ hội cho người học được tiếp cận nền giáo dục cao hơn và chất lượng tốt hơn.

Nếu như trên lĩnh vực kinh tế, sau khi cuộc khủng hoảng được giải quyết Chính phủ Mỹ từng bước giảm dần sự can thiệp thì với những chính sách gia tăng hỗ trợ phúc lợi xã hội đã duy trì vai trò của Chính phủ trong việc giải quyết các vấn đề xã hội.

∗ *Sự kiểm soát chặt chẽ hơn đối với hệ thống tài chính ngân hàng*

Quá trình giải cứu hệ thống tài chính ngân hàng Mỹ đã thể hiện tính hai mặt. Một mặt Chính phủ Mỹ tăng cường đầu tư, hỗ trợ trực tiếp về tài chính giúp các ngân hàng và tập đoàn tài chính ổn định và phát triển. Mặt khác, Chính phủ Mỹ tăng cường các chính sách và biện pháp nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn các ngân hàng và tập đoàn tài chính.

Trên thực tế, việc Chính phủ Bill Clinton thay thế đạo luật Glass - Steagall đã gỡ bỏ đi các rào cản kiểm soát ngành ngân hàng, các ngân hàng vì mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận đã khiến hệ thống tài chính Mỹ ngày càng bộc lộ những hạn chế, dẫn đến khủng hoảng kinh tế. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khủng hoảng, Chính quyền của hai đời tổng thống đã tiến hành một loạt các chính sách, biện pháp để hỗ trợ các tập đoàn tài chính và ngân hàng lớn. Điều này được thể hiện rõ nét trong TARP với 70% ngân sách hướng đến các tập đoàn tài chính và ngân hàng lớn nhất nước Mỹ.

Khi các chính sách này được thực hiện, đã tạo nên dư luận phản đối việc dùng tiền thuế của người dân để cứu trợ hệ thống tài chính. Các nhà kinh tế học ủng hộ quan

điểm "thị trường tự do" đã cho rằng "phá sản" là một trong những nét đặc trưng quan trọng của chủ nghĩa tư bản. Các doanh nghiệp đôi khi không thể hoàn trả lại những gì họ nợ bên cho vay, việc tái tổ chức công tác tài chính là một điều không thể tránh khỏi trong nhiều lĩnh vực và nhiều ngành nghề. Khi cuộc khủng hoảng kinh tế xảy ra, chính phủ Mỹ lẽ ra phải *"chơi theo quy luật của chủ nghĩa tư bản và bắt buộc tổ chức lại lĩnh vực tài chính"* [56, tr.157], thị trường tự do sẽ tự cân bằng và tự sửa chữa.

Mặt khác, Chính phủ Mỹ cũng tăng cường giám sát hệ thống tài chính thông qua việc ban hành hai đạo luật: Đạo luật FERA và Đạo luật Dodd – Frank. Qua đó, Chính phủ đã tăng cường quyền lực cho các cơ quan giám sát: Bộ Tư pháp, Dịch vụ Kiểm tra Bưu chính, văn phòng Thanh tra HUD, cơ quan Mật vụ, uỷ ban Chứng khoán, FDIC, FED. Để giám sát những tập đoàn "quá lớn để thất bại" Chính phủ thành lập hội đồng *Giám sát ổn định tài chính* (FSOC). Chính phủ cũng cấm các ngân hàng đầu tư sở hữu hoặc tài trợ cho các quỹ phòng hộ hoặc thị trường chứng khoán. Nhằm bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng Chính phủ thành lập cục Bảo vệ người tiêu dùng.

Như vậy, việc tăng cường giám sát hệ thống tài chính thực chất nhằm tránh gặp phải những sai lầm quá khứ có thể dẫn đến sự đổ vỡ trong tương lai. Đồng thời, hướng đến việc giảm bớt những bất bình trong xã hội về việc Chính phủ đã dành của nhiều tiền ngân sách (trong khi nguồn ngân sách chủ yếu đến từ tiền thuế của người dân) để giải cứu các tập đoàn tài chính.

∗ *Sự gia tăng nợ công của nước Mỹ*

Tổng thống Bush lên nhậm chức trong bối cảnh nền kinh tế Mỹ tăng trưởng ổn định, với một ngân sách thặng dư lớn. Ông đã cố gắng thực hiện lời hứa mà ông đã đưa ra lúc tranh cử: giảm thuế, tăng sức mạnh quốc phòng, tăng trợ cấp sức khoẻ. Những mục tiêu đó không phải là ảo tưởng trong bối cảnh dự báo thặng dư ở mức cao. Nhưng thặng dư biến mất chỉ trong khoảng từ 6 đến 9 tháng sau khi ông lên cầm quyền. Kể từ đó, ngân sách Liên bang Mỹ liên tục thâm hụt. Đặc biệt khi cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra, việc mở rộng chi tiêu công đã đẩy mức thâm hụt ngân sách lên mức cao kỷ lục vào năm 2011.

Tổng thống Obama đã ứng phó với thâm hụt ngân sách bằng việc tăng cường vay nợ. Nguồn vay nợ của Mỹ phần lớn là nợ chính phủ nước ngoài, chuyện gì sẽ xảy ra khi các quốc gia này không mua trái phiếu Chính phủ Mỹ nữa, nguồn tiết kiệm trong nước quá nhỏ nên chỉ riêng dân Mỹ sẽ không thể gánh nổi.

Mặt khác, chi phí phúc lợi xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm hưu trí (một phần do sự dịch chuyển nhân khẩu của những người thuộc thế hệ ra đời sau Chiến tranh thế giới II nay đến tuổi nghỉ hưu) trong tương lai sẽ là một vấn đề lớn đối với Chính phủ

Mỹ. Đến ngày đó, nước Mỹ chỉ có hai lựa chọn: tuyên bố mất khả năng trả nợ hay chấp nhận lạm phát. Cả hai đều làm ảnh hưởng đến mức sống của người dân qua việc mất sức mua và lãi suất tăng cao. Như vậy, nợ công chính là một thách thức lớn trong tương lai của nước Mỹ.

Như vậy, quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính kinh tế đã tác động lớn đến nền kinh tế Mỹ nói riêng và nước Mỹ nói chung. Quá trình này không đơn thuần đưa nước Mỹ thoát khỏi khủng hoảng, phục hồi kinh tế mà đã dẫn đến sự điều chỉnh đáng kể về vai trò của Chính phủ đối với các vấn đề kinh tế và xã hội. Đồng thời, các tập đoàn tài chính và ngân hàng lớn mặc dù đã được "giải cứu" nhưng lại chịu sự giám sát chặt chẽ hơn từ các cơ quan chuyên trách của Chính phủ. Tất cả những điều chỉnh này đều hướng tới sự phát triển bền vững của nước Mỹ trong tương lai.

Tiểu kết

Đến cuối năm 2014, các chính sách và biện pháp khắc phục khủng hoảng tài chính - kinh tế dưới hai thời Tổng thống G.H. Bush và B.Obama cơ bản đã hoàn thành và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nền kinh tế Mỹ đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, tốc độ tăng trưởng đã ổn định. Trong đó, việc khôi phục thị trường tài chính, thị trường nhà đất và giải quyết vấn đề là ba thành tựu lớn nhất.

Trong quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế, Chính phủ Mỹ đã sử dụng chính sách chủ đạo là kích cầu kinh tế. Các chính sách này đã tăng cường đầu tư, kết hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ, giữa chính sách và biện pháp trên lĩnh vực kinh tế với lĩnh vực xã hội.

Mặc dù, mục tiêu cơ bản là giải quyết khủng hoảng và phục hồi kinh tế, song trong từng giai đoạn cụ thể Chính phủ Mỹ đã hết sức linh hoạt trong việc đề ra quan điểm, điều chỉnh chính sách. Giai đoạn 2008-2009, Chính phủ Mỹ kiểm soát khủng hoảng bằng cách đặt trọng tâm vào việc giải cứu các tập đoàn tài chính và ngân hàng lớn. Giai đoạn 2009-2014, Chính phủ Mỹ ưu tiên giải quyết vấn đề việc làm, gia tăng thu nhập.

Từ việc điều chỉnh về mục tiêu, quan điểm, chính sách và biện pháp dẫn đến kết quả cũng có sự khác biệt. Trong khi giai đoạn 2008-2009, Chính phủ Mỹ đã kiểm soát được cuộc khủng hoảng bằng việc ngăn chặn nguy cơ sụp đổ của hệ thống tài chính, các tập đoàn tài chính và ngân hàng lớn, nhưng tỷ lệ thất nghiệp vẫn còn rất cao. Tuy nhiên, trong suốt giai đoạn 2009-2014, Chính phủ Mỹ đã giải quyết được vấn đề thất nghiệp, cải thiện thu nhập, ổn định tăng trưởng kinh tế.

Trong suốt quá trình giải quyết khủng hoảng, Chính phủ Mỹ không đề cập trực tiếp đến việc sẽ vận dụng cơ sở lý thuyết của trường phái kinh tế nào. Tuy nhiên, việc tăng cường đầu tư, cắt giảm thuế (chính sách tài khoá), chính sách tiền tệ mở rộng và việc ưu tiên giải quyết vấn đề việc làm đã gián tiếp khẳng định Chính phủ đã vận dụng cơ sở lý thuyết về vai trò nhà nước của Keynes trong quá trình giải quyết khủng hoảng.

Quá trình giải quyết khủng hoảng không chỉ tác động đến vai trò của Chính phủ mà còn tác động đến nền kinh tế và xã hội nước Mỹ. Đó là sự tăng cường vai trò của Chính phủ. Tuy nhiên, với một quốc gia đề cao chủ nghĩa tự do và người Mỹ luôn lo ngại việc điều tiết quá mức sẽ hạn chế tính năng động của nền kinh tế thị trường, do đó, khi nền kinh tế đã ổn định, Chính phủ lại giảm dần vai trò điều tiết. Bên cạnh đó, quá trình giải quyết khủng hoảng với các chính sách cải cách hệ thống tài chính đã tạo ra một cơ chế giám sát chặt chẽ hơn đối với các tập đoàn, ngân hàng và tổ chức tài

chính. Cùng với việc tăng cường đầu tư, can thiệp vào nền kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội, việc chi quá nhiều trong khi nguồn thu có hạn đã dẫn đến một thách thưc lớn đối với sự phát triển trong tương lai của nước Mỹ chính là nợ công ngày càng tăng cao.

Với nhiều điểm tương đồng, Chính phủ Mỹ đã sử dụng những bài học kinh nghiệm trong việc ứng phó với Đại suy thoái làm cơ sở thực tiễn của quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính kinh tế. Do đó, giữa quá trình giải quyết Đại suy thoái và khủng hoảng tài chính kinh tế có khá nhiều điểm tương đồng về chính sách, biện pháp và quá trình triển khai. Tuy nhiên, tính chất, quy mô cũng như mức độ hội nhập của nền kinh tế Mỹ trong giai đoạn 2008-2014 đã cao hơn những năm 30 của thế kỷ XX rất nhiều. Do đó, giữa quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính kinh tế và Đại suy thoái có nhiều điểm khác biệt.

KẾT LUẬN

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế (2008-2009) bắt nguồn từ những hạn chế yếu kém trong nền kinh tế cùng những sai lầm trong chính sách của FED và Chính phủ Mỹ. Với việc "bong bóng" bất động sản bị vỡ đã châm ngòi cho cuộc khủng hoảng được coi là lớn nhất từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Cuộc khủng hoảng được biểu hiện bằng việc hàng loạt các tập đoàn tài chính và ngân hàng lớn liên tục thua lỗ và đứng trước nguy cơ sụp đổ. Từ khủng hoảng trên thị trường tài chính, cuộc khủng hoảng đã tác động đến các lĩnh vực khác và trở thành khủng hoảng kinh tế. Cuộc khủng hoảng cũng tác động nghiêm trọng đến xã hội Mỹ.

Mặc dù cuộc khủng hoảng xảy ra chủ yếu trong giai đoạn 2008-2009 nhưng giải quyết những hậu quả và phục hồi kinh tế đòi hỏi Chính phủ Mỹ phải tiến hành trong một quá trình lâu dài. Quá trình giải quyết khủng hoảng được chia làm hai giai đoạn: giai đoạn kiểm soát khủng hoảng (2008-2009); giai đoạn giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế (2009-2014).

Để đạt được mục tiêu hỗ trợ các tập đoàn kinh tế lớn, khôi phục tăng trưởng, tạo việc làm và giải quyết vấn đề thất nghiệp, trong suốt quá trình giải quyết khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ, giữa chính sách kích cầu và chính sách tăng cường giám sát hệ thống tài chính, giữa các chính sách và biện pháp trên lĩnh vực kinh tế và lĩnh vực xã hội. Tuy nhiên, Chính phủ Mỹ đã luôn có sự điều chỉnh linh hoạt trong việc thực hiện các chính sách và biện pháp giải quyết khủng hoảng.

Trong giai đoạn kiểm soát khủng hoảng, Chính phủ Mỹ đã thực hiện chương trình Giải cứu tài sản xấu (TARP), tiếp đó là chương trình kích cầu lớn nhất trong lịch sử thông qua Đạo luật Phục hồi (ARRA). Chính phủ Mỹ đã tăng cường hỗ trợ các tập đoàn tài chính và ngân hàng lớn nhất, đồng thời, cắt giảm thuế và hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp. Qua đó, nguy cơ đổ vỡ các tập đoàn lớn nhất nước Mỹ đã không còn, hệ thống tài chính đã ổn định hoạt động. Tuy nhiên, nền kinh tế phải đối mặt với thách thức lớn là tỷ lệ thất nghiệp cao.

Giai đoạn giải quyết hậu quả khủng hoảng và phục hồi kinh tế (2009-2014), với mục tiêu giải quyết suy thoái, lấy lại tốc độ tăng trưởng, tạo thêm việc làm, Chính phủ

Mỹ tiếp tục bổ sung và điều chỉnh các chính sách kích cầu, đồng thời tăng cường thực hiện các chính sách xã hội. Qua đó, tỷ lệ thất nghiệp đã giảm xuống mức thấp, kinh tế tăng trưởng ổn định, sản xuất phục hồi, hệ thống an sinh xã hội được cải thiện. Mặc dù Chính phủ Mỹ đã cố gắng cân đối ngân sách, song chi quá nhiều trong khi nguồn thu có hạn đã khiến gánh nặng nợ công ngày càng gia tăng, đây chính là một hạn chế lớn trong quá trình giải quyết khủng hoảng.

Quá trình giải quyết khủng hoảng cho thấy, Chính phủ Mỹ đã sử dụng công cụ chủ đạo là chính sách và biện pháp kích cầu kinh tế thông qua việc cắt giảm thuế và tăng cường đầu tư từ Chính phủ. Từ đó dẫn đến sự điều chỉnh đáng kể vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế cũng như giải quyết các vấn đề xã hội. Đồng thời, để ứng phó với một cuộc khủng hoảng quy mô lớn mà nguồn gốc sâu xa bắt nguồn từ những yếu kém của thị trường, Chính phủ đã tăng cường các chính sách và biện pháp nhằm tăng cường giám sát nền kinh tế.

Nước Mỹ có một nền kinh tế thị trường phát triển cao, trong đó các yếu tố của thể chế kinh tế luôn vận hành linh hoạt và một nền tảng tư tưởng đề cao chủ nghĩa tự do. Vì thế, việc tăng cường điều tiết của chính phủ chỉ là sự thay đổi nhất thời do yêu cầu lịch sử, khi cuộc khủng hoảng đã được giải quyết, Chính phủ Mỹ lại từng bước trả lại tính "tự do" cho thị trường thông qua việc bán cổ phần, rút vốn khỏi các ngân hàng và tập đoàn tài chính. Mặc dù vậy, Chính phủ vẫn giữ vị trí quan trọng trong giải quyết các vấn đề xã hội và giải quyết những bất ổn của nền kinh tế.

Khi cuộc khủng hoảng tài chính tài chính - kinh tế (2008-2009) xảy ra đã có sự so sánh với Đại suy thoái (1929-1933) bởi những điểm tương đồng về quy mô, mức độ thiệt hại và nguyên nhân. Trong suốt quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính kinh tế, Chính phủ Mỹ đã biết kế thừa và phát huy những bài học kinh nghiệm trong quá khứ. Vì vậy, quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế có nhiều điểm tương đồng với quá trình giải quyết Đại suy thoái về chính sách và biện pháp cũng như tiến trình giải quyết. Tuy nhiên, do sự khác biệt về hoàn cảnh lịch sử cũng như tính chất, quy mô cũng như mức độ hội nhập của nền kinh tế Mỹ trong giai đoạn 2008-2014 đã khá nhiều so với những năm 30 của thế kỷ XX, vì vậy, quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế cũng có rất nhiều khác biệt so với quá trình giải quyết Đại suy

thoái.

Mặc dù, Chính phủ Mỹ không đề cập trực tiếp đến việc vận dụng lý thuyết của Keynes trong việc hoạch định chính sách cũng như trong quá trình giải quyết khủng hoang, tuy nhiên, các chính sách và biện pháp mà Chính phủ triển khai đều thể hiện việc đề cao vai trò của nhà nước và tầm quan trọng của vấn đề việc làm đối với tăng trưởng kinh tế. Qua đó thể hiện sự ảnh hưởng mạnh mẽ từ học thuyết Keynes đối với Chính phủ Mỹ.

Quá trình giải quyết khủng hoảng cho thấy khủng hoảng vừa là thách thức nhưng cũng là cơ hội để nước Mỹ nhìn nhận ra những yếu kém, khuyết điểm trong nền kinh tế. Lịch sử nước Mỹ đã cho thấy, mỗi khi đương đầu với khủng hoảng, Chính phủ Mỹ luôn hết sức linh hoạt trong việc triển khai các giải ứng phó. Sau khi thoát khỏi khủng hoảng, nền kinh tế Mỹ lại có sự điều chỉnh linh hoạt và thích nghi với những biến đổi của hoàn cảnh lịch sử. Chính điều này đã thể hiện sức sống mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường.

Ý nghĩa quan trọng nhất của những chính sách và biện pháp giải quyết khủng hoảng kinh tế của Chính phủ Mỹ đó là đã "cứu" nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng, duy trì sự ổn định, tạo nền tảng cho chiến lược phát triển kinh tế lâu dài trong tương lai. Tuy nhiên, quá trình ứng phó với khủng hoảng cũng tồn tại hạn chế lớn đó là vấn đề nợ công, thâm hụt ngân sách đang ngày càng gia tăng. Mặc dù, chế độ bản vị vàng đã bị xoá bỏ từ cuộc Đại suy thoái, đồng đô la trở thành bản vị quốc tế, đó là một yếu tố "bảo hộ" quan trọng cho nền kinh tế Mỹ trong giai đoan đoạn hiện nay. Tuy nhiên, nếu không có những chính sách và biện pháp để giảm bớt nợ công và thâm hụt ngân sách, nền kinh tế Mỹ trong tương lai sẽ phải đối mặt với thách thức lớn.

Lịch sử hoạt động của nền kinh tế thị trường là một dòng chảy liên tục. Việc tham khảo từ quá khứ để tìm ra những nhân tố bất biến, từ đó đưa ra những bài học cho tương lai. Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, khủng hoảng kinh tế là một sự kiện hiện hữu, chính phủ sẽ là nhân tố chủ đạo giải quyết khủng hoảng kinh tế, tuy nhiên luôn phải dựa trên những quy luật kinh tế khách quan. Tuy nhiên nhưng sự điều tiết đó chỉ nên xác lập trong khoảng thời gian nhất định. Sau đó phải trả lai sự điều tiết cho chính thị trường để trả lại động lực và tính linh hoạt cho nền kinh tế, chính quá trình thoái vốn

của Chính phủ Mỹ khỏi các tập đoàn và ngân hàng đã thể hiện điều này.

Thông qua việc nghiên cứu về quá trình giải quyết khủng hoảng tài chính - kinh tế của Chính phủ Mỹ đã cho thấy Chính phủ Mỹ đã linh hoạt trong việc vận dụng những bài học lịch sử, kết hợp với cơ sở lý thuyết về vai trò nhà nước trong suốt quá trình giải quyết khủng hoảng. Từ góc nhìn lịch sử, luận án đã dựng lại tiến trình giải quyết khủng hoảng của Chính phủ Mỹ, những chính sách và biện pháp và sự điều chỉnh linh hoạt phù hợp với đòi hỏi của hoàn cảnh lịch sử. Đặc biệt là việc giải quyết không chỉ đơn thuần trên lĩnh vực kinh tế mà còn có cả những chính sách và biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề. Đồng thời là sự phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ; giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Việc đánh giá hiệu quả của quá trình giải quyết khủng hoảng không chỉ mang tính tổng thể mà còn có những đánh giá riêng biệt cho từng giai đoạn cùng với những so sánh hiệu quả so với kế hoạch mà Chính phủ đề ra. Từ đó, luận án đã chỉ ra những tác động của quá trình giải quyết khủng hoảng không chỉ với Chính phủ mà còn với cả nền kinh tế và xã hội nước Mỹ.

Nghiên cứu tìm hiểu kỹ lưỡng về lịch sử khủng hoảng kinh tế không có tác dụng trong việc dự báo tương lai nền kinh tế và khủng hoảng vẫn là một hiện tượng tất yếu trong nền kinh tế thị trường. Việc nghiên cứu một cuộc khủng hoảng kinh tế từ góc nhìn lịch sử đã mang lại những hiểu biết đầy đủ và đánh giá đúng đắn về nguyên nhân, diễn biến của cuộc khủng hoảng; cơ sở hình thành, nội dung và quá trình triển khai các chính sách và biện pháp; những hạn chế cũng như thành công trong việc thực hiện các giải pháp. Từ đó, có thể giúp việc kế thừa các quyết sách thông minh và tránh các sai lầm trong quá khứ.

Đồng thời, việc mở ra những chân trời hiểu biết cũng có ý nghĩa vô cùng quan trọng, giúp nhân loại giải phóng khỏi một nỗi ám ảnh, sợ hãi từ quá khứ mang tên "khủng hoảng". Bởi thực tế, sự đổ vỡ của thị trường chứng khoán, việc rút tiền ồ ạt đều xuất phát từ một trong những nguyên nhân cơ bản chính là tâm lý lo ngại từ các nhà đầu tư, khiến cho khủng hoảng lại càng chìm sâu trong vòng xoáy khủng hoảng. Do đó, việc tìm hiểu về quá trình giải quyết các cuộc khủng hoảng, trong đó có khủng tài chính - kinh tế có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo niềm tin vào việc Chính phủ sẽ

đưa ra những quyết sách đúng đắn và khủng hoảng sẽ chấm dứt.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thanh Quý (2017), *"Nhìn lại chương trình giải cứu tài sản xấu của Chính phủ Mỹ trong cuộc khủng hoảng 2008-2009"*, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 08 (233), tr. 48-57.
2. Nguyễn Thanh Quý (2018), *"Sự phục hồi của ngành công nghiệp ô tô Mỹ sau khủng hoảng kinh tế 2008-2009"*, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 01 (238), tr.54-61.
3. Nguyễn Thanh Quý (2018), "*Sự điều chỉnh vai trò của Chính phủ Mỹ trong cuộc khủng hoảng kinh tế 2008-2009"*, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Số 516, tr.39-41.
4. Nguyễn Thanh Quý (2018*), "Sự phục hồi và phát triển kinh tế Mỹ sau khủng hoảng tài chính 2008 - 2009"*, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 06 (2433), tr. 41-50.
5. Nguyễn Thanh Quý (2018), "*Sự tăng cường Chương trình Quản trị doanh nghiệp nhỏ (SBA) nhằm thúc đẩy khởi nghiệp của Chính phủ Mỹ từ khủng hoảng tài chính",* Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *"Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia",* Học viện Tài chính, tr.1149-1156.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. R.Atman, M.Bulard, N.Ferguson,…(2009), *Đại khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 dưới con mắt của các nhà bào và các chuyên gia kinh tế quốc tế,* NXB Tri Thức, Hà Nội
2. Phạm Hoàng Anh, Lê Hà Thu (2013), *Tác động của các gói nới lỏng định lượng (Quantitative Easing) đến nền kinh tế Mỹ, Kỷ yếu hội thảo khoa học: "kinh tế Mỹ: Khủng hoảng và Phục hồi",* Viện Nghiên cứu Châu Mỹ.
3. Michel Beaud và Gilles Dostaler (2008), *Tư tưởng kinh tế từ Keynes*, Nxb Trí Thức, Hà Nội.
4. David Begg (2007), *Kinh tế học*, NXB Thống Kê, Hà Nội.
5. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (2008), *Phác thảo nền kinh tế Mỹ*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
6. Nguyễn Hải Bình (2008), *Cắt giảm lãi suất của FED và xu thế lãi suất toàn cầu*, Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ, số 6, tr35-38
7. George W.Bush (2015), *Những thời khắc quyết định*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
8. Hillary Rodham Clinton (2014), *Hồi ký Hillary Clinton và chính trường nước Mỹ*, Nxb Tổng hợp TP.HCM.
9. Georger Cooper (2008), *nguồn gốc khủng hoảng tài chính*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
10. Mai Ngọc Cường (2005), *Lịch sử các học thuyết kinh tế,* Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
11. Cơ quan nghiên cứu của Ngân hàng ANZ (2008), *điểm lại tình hình kinh tế thế giới*.
12. Ngô Thế Chi (2010), *Khủng hoảng kinh tế thế giới và ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam,* Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia "các lý thuyết kinh tế mới của thế giới và những vấn đề rút ra cho Việt Nam", Tập II
13. Hoàng Chí Cương, Bùi Thị Thanh Nhàn (2013), *Tác động của khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu 2008 tới ngoại thương Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và Phát triển, tập 11, số 05, tr 751 - 766.
14. Nguyễn Văn Dần (2010), *Kinh tế học vĩ mô*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
15. William A.Degregirio (2015), *44 đời Tổng thống Hoa Kỳ,* Nxb Thế giới, Hà Nội.
16. Vũ Ngọc Duy (2010), *Khủng hoảng tài chính – một số vấn đề lý luận và thực tiễn đối với sự phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, Viện Chiến lược Ngân hàng Nhà nước.
17. Chu Đức Dũng, Nguyễn Mạnh Hùng (2014), *Kinh tế và chính trị thế giới năm 2013 và triển vọng năm 2014*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

18. Nguyễn Khắc Đức (2012), *Kinh tế thế giới thời khủng hoảng – một góc nhìn*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
19. Naill Ferguson (2015), *Đồng tiền lên ngôi*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
20. Roger E.A. Farmer (2017), *Cách nền kinh tế vận hành – niềm tin, sự sụp đổ và những lời tiên tri tự đúng*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
21. William A. Fleckenstein (2009), *Những Bong Bóng Tài Chính Của Greenspan*, Nxb Tổng hợp TP.HCM.
22. Alan Greenspan (2008), *Kỷ nguyên hỗn loạn,* Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
23. Vũ Đăng Hinh (2008), *Khủng hoảng nhà đất, tín dụng ở Mỹ và ảnh hưởng của nó*, Viện nghiên cứu Châu Mỹ.
24. Phương Ái Hoa (2009), *Kinh tế Mỹ đang trên đã suy giảm*, Tạp chí Thương mại, số 03, tr46-49.
25. Nguyễn Thị Thu Hoài (2014), *Khủng hoảng tài chính toàn cầu ứng phó của thế giới và của Việt Nam,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
26. Song Hongbing (2007), *Chiến tranh tiền tệ*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
27. Peter Jennings, Todd Brewster (2009), *Nghiên cứu về nước Mỹ*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
28. Charles P.Kindleberger, Robert Z.Aliber (2009), *Hoảng loạn, hỗn loạn và cuồng loạn - 400 năm lịch sử các cuộc khủng hoảng tài chính*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
29. Henry Kissingger (2016), *Trật tự thế giới*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
30. Lý Thắng Khải (2004), *Nội tình 200 năm Nhà Trắng,* Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
31. Paul Krugman (2009), *Sự trở lại của kinh tế học suy thoái và cuộc khủng hoảng năm 2008*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
32. Đàm Kiến Lập (2008), *Góp phần nhận diện, nhận định khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay và đề xuất đối sách của Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, tháng 12
33. TS. Stephen Leeb, Glen Strathy (2011), *Sự sụp đổ các nền kinh tế trong tương lai*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
34. Lê nin (1974), *Toàn tập (tập 2)*, NXB Tiến Bộ, Matxcova.
35. Phan Ngọc Liên (2000), *Từ điển thuật ngữ lịch sử phổ thông,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
36. Nguyễn Văn Lịch - Nguyễn Minh Trang (2011), *Kinh tế Mỹ năm 2011 và triển vọng năm 2012*, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 12 (165), tr13.

37. Lê Bộ Lĩnh, Võ Đại Lược, Nguyễn Hồng Sơn (2002), *Chủ nghĩa tư bản hiện đại khủng hoảng và tự điều chỉnh*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
38. Cù Chí Lợi (2012), *Những vấn đề của kinh tế Mỹ hiện nay*, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 9(162), tr20.
39. Cù Chí Lợi (2016), *Donald Trump sự lựa chọn lịch sử của nước Mỹ*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
40. Võ Đại Lược (2009), *Dự báo khủng hoảng kinh tế thế giới 2009 – 2010 và tác động tới Việt Nam,* Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương, tháng 01.
41. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 25.
42. Nguyễn Ngọc Mạnh, Nguyễn Lệ Hương (2014), *Kinh tế Mỹ sau 5 năm khủng hoảng*, Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay, Số 12 (201), tr15.
43. Hoàng Thị Thanh Nhàn (2012), *kinh tế và chính trị thế giới năm 2011 và triển vọng năm 2012*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội..
44. Nguyễn Thị Ngát, *Khủng hoảng tài chính – kinh tế ở Mỹ (2008-2009) và tác động của nó*, Luận văn thạc sỹ khoa học Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
45. John Perkins (2008), *Lịch sử bí mật đế chế Hoa Kỳ*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Jean Paul Piriou (2004), *Từ điển thuật ngữ khoa học kinh tế và xã hội,* NXB Thế giới, Hà Nội.
47. James Rickards (2014), *Các cuộc chiến tranh tiền tệ*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
48. Tô Huy Rứa (2010), *Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và những vấn đề đặt ra với Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản số 808.
49. Lê Kim Sa (2013), *Kinh tế thế giới sau khủng hoảng hệ lụy và triển vọng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
50. Lê Văn Sang, Mai Ngọc Cường (1993), *Các lý thuyết kinh tế học phương Tây hiện đại,* Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
51. Peter D.Schiff và Andrew J.Schiff (2011), *Nền kinh tế tăng trưởng và sụp đổ như thế nào*, Nxb Thời Đại, TP Hồ Chí Minh.
52. Mark Skousen (2012), *Ba người khổng lồ trong kinh tế học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

53. George Soros (2008), *Mô thức mới cho thị trường tài chính - cuộc khủng hoảng tín dụng năm 2008 và ý nghĩa của nó*, Nxb Tri Thức, Hà Nội.
54. Bùi Ngọc Sơn (2008), *Nỗ lực giải cứu cuộc khủng hoảng tài chính và triển vọng kinh tế Mỹ*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
55. Nguyễn Sơn (2009), *Vượt qua khủng hoảng kinh tế*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
56. Joseph E.Stiglitz (2010), *Rơi tự do*, Nxb Thời Đại, TP Hồ Chí Minh.
57. Nguyễn Thị Kim Thanh (2009), *Các giải pháp về tiền tệ nhằm ứng phó với khủng hoảng tài chính toàn cầu*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, Viện Chiến lược Ngân hàng Nhà nước.
58. Nguyễn Ngọc Thạch (2011), *Chu kỳ kinh tế và khủng hoảng kinh tế*, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
59. Nguyễn Ngọc Thạch, Lý Hoàng Ánh (2014), *Phối hợp chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa trong khủng hoảng kinh tế*, Nxb Kinh tế, TP Hồ Chí Minh.
60. Nguyễn Xuân Thắng, Chu Đức Dũng, Đặng Xuân Thanh (2008), *Kinh tế và chính trị thế giới 2007, triển vọng năm 2008,* Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
61. Phạm Toàn Thiện (2009), *Khủng hoảng cho vay thế chấp dưới chuẩn Mỹ: bài học và một số kiến nghị*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, kinh tế và kinh doanh, số 25 (2009) tr 39 – 53.
62. Nguyễn Mạnh Thiều (2010), *Khủng hoảng tài chính toàn cầu: đối sách của một số quốc gia*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp học viện, Học viện Tài chính.
63. Hoài Thu (2009), *Ảo ảnh tiền kiểu Mỹ*, Nxb Thanh Hóa.
64. Hà Quý Tình, Trần Hậu Hùng (2008), *Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế,* Nxb Tài chính, HN.
65. Donald . J. Trump (2016), *Nước Mỹ nhìn từ bên trong,* Nxb Thế giới, HN.
66. Phạm Quốc Trung, Phạm Thị Túy (2010), *Khủng hoảng kinh tế thế giới những vấn đề lý luận và kinh nghiệm*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
67. Phạm Thị Túy (2011), *Sự phối hợp điều tiết kinh tế giữa các nhà nước trong khủng hoảng kinh tế thế giới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
68. Trần Bá Tước (1993), *Từ điển kinh tế thị trường,* Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
69. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2013), Viện Thông tin Khoa học Xã hội, *Niên giám thông tin khoa học xã hội nước ngoài, Số 5,* Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
70. Viện nghiên cứu Châu Mỹ (2013), *Kỷ yếu hội thảo: "Kinh tế Mỹ: Khủng hoảng và Phục hồi",* Hà Nội.

71. Trung Việt (2008), *Khủng hoảng tín dụng gõ cửa phố Wall*, Thời báo kinh tế, số 68, tr14

72. Trần Thị Vinh (2011), *Chủ nghĩa tư bản thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XXI một cách tiếp cận từ lịch sử*, Nxb Đại học Sư phạm.

73. Trần Thị Vinh (2012), *Cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế 2008-2009 luận giải từ lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản*, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 05.

74. Trần Thị Vinh (2008), *Lịch sử thế giới hiện đại,* Quyển 2, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

75. Daniel Yergin và Joseph Stanislaw (2014), *Những đỉnh cao chỉ huy cuộc chiến vì nền kinh tế thế giới*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

TÀI LIỆU TIẾNG ANH

76. George Akerlof, Olivier Blanchard, David Romer, Joseph Stiglitz (2014), *What Have We Learned?: Macroeconomic Policy after the Crisis,* The MIT Press.

77. Barry Aichengreen (2015), *Hall of Mirrors: The Great Depression, The Great Recession, and the Uses-and Misuses-of History,* Oxford University Press, New York.

78. Ben S.Bernanke (2013), *The Federal Reserve and the Financial Crisis,* Princeton University, New Jersey.

79. Alan S. Blinder (2013), *After the Music Stopped: The Financial Crisis, the Response, and the Work Ahead,* Penguin Books; New York.

80. Congressional Budget Office (2015), *Report on the Troubled Asset Relief Program – March 2015*, Washington DC.

81. Council of Economic Advisers (2009), *Economic Report of the President,* Washington DC.

82. Council of Economic Advisers (2010), *Economic Report of the President*, Washington DC.

83. Council of Economic Advisers (2011), *Economic Report of the President*, Washington DC.

84. Council of Economic Advisers (2012), *Economic Report of the President,* Washington DC.

85. Council of Economic Advisers (2013), *Economic Report of the President*, Washington DC.

86. Council of Economic Advisers (2014), *Economic Report of the President*, Washington DC.
87. Council of Economic Advisers (2014), *The Economic Impact of the American Recovery and Reinvestment Act Five Years Later*, Washington DC
88. Council of Economic Advisers (2015), *Economic Report of the President*, Washington DC.
89. Council of Economic Advisers (2016), *Economic Report of the President*, Washington DC.
90. Council of Economic Advisers (2017), *Economic Report of the President*, Washington DC.
91. Council of Economic Advisers (January 13, 2010), *The Economic impact of the American Recovery and Reinvestment act of 2009 (Second Quarterly Report)*, Washington DC.
92. Micheal I. Day (2016), *Obama's Legacy: What he accomplished as President,* Centers street, New York.
93. Micheal Eric Dyson (2016), *The black Presidency: Barack Obama and the politics of race in America,* Houghton Mifflin Harcourt, New York.
94. Garry B. Goanton (2012), *Misunderstanding Financial Crises: Why We Don't See Them Coming,* Oxford University Press.
95. Mark Greenberg (2017), *Obama: The historic Presidency of Barack Obama*, Sterling, New York.
96. Jonathan Kirshner (2014), *American Power after the Financial Crisis,* Cornell University Press, New York.
97. Matt Margolis, Mark Noonan (2016), *The worst president in history: The legency of Barack Obama,* Victory Books, United States.
98. Atif Mian and Ami Sufir (2014), *House of Debt: How They (and You) Caused the Great Recession, and How We Can Prevent It from Happening Again,* Chicago University.
99. Scott Myers-Lipton (2009), *America: Solving the Economic Crisis Through Civic Works,* Paradigm, New York.

100. Office of Financial Stability - Department of The Treasury (2010), *The Troubled Asset Relief Program: Two years anniversary Report*, Washington DC.
101. Office of Financial Stability - Department of The Treasury (2011), *The Troubled Asset Relief Program: Three years anniversary Report*, Washington DC.
102. Office of Financial Stability - Department of The Treasury (2013), *The Troubled Asset Relief Program: Four years anniversary Report*, Washington.
103. The Financial Crisis Inquiry Commission (2011), *The Financial crisis inquiry report,* Official Government edition, Washington DC.
104. Jack Rasmus (2012), *Obama's Economy: Recovery for the Few,* Pluto Press, New York.
105. U.S Department of Transportation (2016), *The lasting impact of the American Recovery and Reinvestment Act on America's transportation infrastructure,* Washington DC.
106. U.S Department of Treasury (2013), *The Financial Crisis five years later*, Washington DC.
107. U.S Department of Treasury (2014), *Agency Financial Report*, Washington DC.
108. U.S Department of Treasury (2015), *Agency Financial Report*, Washington DC.
109. U.S Department of Treasury (2016), *Agency Financial Report*, Washington DC.
110. Martin Wolf (2010), *Fixing global finance,* John Hopkins University Press, Mary Land.
111. Martin Wolf (2014), *The Shifts and the Shocks: What We've Learned-and Have Still to Learn-from the Financial Crisis,* Penguin Press, New York.

CÁC TRANG WEB

112. *Actual ARRA Spennding Over the 2009-2011 period Quite Close to CBO's Original Estimate*, https://www.cbo.gov/publication/42682 truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
113. Michael Albada, *The other Economic Crisis: The Failure of Education and Its Consequences*, https://web.stanford.edu/group/progressive/cgi-bin/?p=191, truy cập ngày 3 tháng 7 năm 2017.
114. Syed D.Ali, Mark A.Rush, Robert J.Sherry, *Fraud Enforcement and Recovery Act of 2009 (FERA)*, http://www.klgates.com/fraud-enforcement-and-recovery-act-of-2009-fera-05-26-2009/, truy cập ngày 1 tháng 7 năm 2017.
115. Hồng Anh, *Bài diễn văn của Tổng thống Mỹ khiến hàng nghìn người bật khóc*, http://soha.vn/ , truy cập ngày 2 tháng 9 năm 2017.

116. Kimberly Amadeo, *What was Obama's Stimulus package?*, https://www.thebalance.com/what-was-obama-s-stimulus-package-3305625, truy cập ngày 30 tháng 6 năm 2017.
117. Kimberly Amadeo, *ARRA Details: Pro and Cons – What did ARRA Really Do?* https://www.thebalance.com/arra-details-3306299, truy cập ngày 3 tháng 7 năm 2017.
118. Kimberly Amadeo, *ObamaCare Explained*, https://www.thebalance.com/obamacare-explained-3306058, truy cập ngày 9 tháng 8 năm 2017.
119. Kimberly Amadeo, *Auto Industry Bailout (GM, Chryler, Ford),* https://www.thebalance.com/auto-industry-bailout-gm-ford-chrysler-3305670, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
120. Jeannine Aversa, *Government unveils bold plan to rescue Citigroup*, http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2008/11/23/AR2008112301864_pf.html, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
121. Archived Information, *Ducan Hails Passage of President's Stimulus Package, Cites "Historic Opportunity to Create Jobs and Advance Reform"*, https://www2.ed.gov/news/pressreleases/2009/02/02182009.html, truy cập ngày 2 tháng 7 năm 2017.
122. Ben S. Bernanker, *The Crisis and the Policy Response*, https://www.federalreserve.gov/newsevents/speech/bernanke20090113a.htm, truy cập ngày 2 tháng 7 năm 2017.
123. Ben S. Bernanke, *Dodd – Frank act,* https://www.federalreserve.gov/newsevents/testimony/bernanke20110721a.htm, truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2017.
124. Ben Bernanke, *Money, Gold and Great Depression*, http://www.bis.org/review/r040305e.pdf, truy cập ngày 17 tháng 8 năm 2017.
125. An Bình, *Thông điệp Liên bang của Tổng thống Obama: "Tôi sẽ không từ bỏ",* http://dantri.com.vn/the-gioi/thong-diep-lien-bang-cua-tong-thong-obama-toi-se-khong-tu-bo-1264899725.htm, truy cập ngày 18 tháng 7 năm 2017.
126. *Bush signs stimulus bill; rebate checks expected*, http://edition.cnn.com/2008/POLITICS/02/13/bush.stimulus/, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.

127. Erin Carlyle, *2014 Foreclosure Filings Hit Lowest level since 2006, RealtyTrac says,* https://www.forbes.com/sites/erincarlyle/2015/01/15/foreclosure-filings-drop-by-18-in-2014-hit-lowest-level-since-2006-realtytrac-says/3/#53f7092871b7, truy cập ngày 21 tháng 7 năm 2017.
128. Center on Budget and Policy Priorities, *Stimilus Keeping 6 milion Americans out of Poverty in 2009*, http://www.cbpp.org/sites/default/files/atoms/files/9-9-09pov2.pdf, truy cập ngày 3 tháng 7 năm 2017.
129. *CHIPRA*, https://www.medicaid.gov/chip/chipra/index.html, truy cập ngày 4 tháng 7 năm 2017.
130. Committee on Finance of United States Senate, *Summary of The Middle Class Tax Relief and Job Creation Act of 2012*, https://www.finance.senate.gov/news/press-releases/summary-of-the-middle-class-tax-relief-and-job-creation-act-of-2012, truy cập ngày 7 tháng 8 năm 2017.
131. Matt Compton, *President Obama Signs the Payroll Tax Cut*, https://obamawhitehouse.archives.gov/blog/2012/02/22/president-obama-signs-payroll-tax-cut, truy cập ngày 7 tháng 8 năm 2017.
132. *Concise Guide to Assistance for jobless Worker in the American Recovery and Reinvestment Act*, http://www.nelp.org/content/uploads/2015/03/ARRAConcise.pdf, truy cập ngày 3 tháng 7 năm 2017. *Economic Recovery Package Marks 2,1$ Bilion for Head Start*, http://eagleforum.org/educate/2009/feb09/headstart.html, truy cập ngày 4 tháng 7 năm 2017.
133. *Eron – kẻ dối trá vĩ đại,* https://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/quoc-te/enron-ke-doi-tra-vi-dai-2732320.html, truy cập ngày 4 tháng 7 năm 2017.
134. Economic crisis, http://www.businessdictionary.com/definition/economic-crisis.html, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
135. *Economic Recovery Package Marks $2,1 Billion for head Start,* http://eagleforum.org/educate/2009/feb09/headstart.html, truy cập ngày 2 tháng 7 năm 2017.
136. *Effects of the Great Depression,* http://thegreatdepressioncauses.com/effects/,

truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.

137. David Ellis and Jeanne Sahadi, *JPMorgan buys WaMu*, http://money.cnn.com/2008/09/25/news/companies/JPM_WaMu/, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.

138. David Ellis, *Citi dodges bullet*, http://money.cnn.com/2008/11/23/news/companies/citigroup/index.htm, truy cập ngày 21 tháng 7 năm 2017.

139. Douglas D. Evanoff and William F. Moeller*, Dod – Frank: Content, purpose, implementation status, and issues,* https://www.chicagofed.org/~/media/.../3q2012-part1-evanoff-moeller-pdf.pd, truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2017.

140. George W. Bush, https://www.whitehouse.gov/1600/presidents/georgewbush, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.

141. Jon Greenberg, *Did President Obama save the Auto Industry*?, http://www.politifact.com/truth-o-meter/article/2012/sep/06/did-obama-save-us-automobile-industry/, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.

142. Keith Goodwin, *Dodd – Frank Wall Street Reform and Cosumer Protection Act of 201*0, https://www.federalreservehistory.org/essays/dodd_frank_act, truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2017.

143. Randall D. Guynn, Davis Polk & Wardwell LLP, *The Financial panic of 2008 and Financial Regulatory Reform*, https://corpgov.law.harvard.edu/2010/11/20/the-financial-panic-of-2008-and-financial-regulatory-reform/, truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2017.

144. *Health Information Technology for Economic and Clinical Health Act of 2009 (HITECH)*, https://www.fpc.gov/health-information-technology-for-economic-and-clinical-health-act-of-2009-hitech/, truy cập ngày 2 tháng 7 năm 2017.

145. Herbert Hoover, http://www.presidency.ucsb.edu/ws/?pid=22473, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.

146. *HUD Economic Stimulus funding and the Creation of Jobs, Training, and contracting Opportunities,,* https://www.hud.gov/offices/fheo/section3/Econ-Stimulus-sec3-final.pdf, truy cập ngày 29 tháng 6 năm 2017.

147. *HUD Implementation of the Recovery Act*, https://archives.hud.gov/recovery/about/index.cfm, truy cập ngày 30 tháng 6 năm 2017.
148. *Inaugural Address of Franklin D. Roosevelt*, http://www.presidency.ucsb.edu/ws/?pid=14473, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
149. *Industry, Effects of the Great Depression*, http://www.encyclopedia.com/economics/encyclopedias-almanacs-transcripts-and-maps/industry-effects-great-depression, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
150. Investopedia Staff, *Case Study: The Collapse of Lehman Brother*, http://www.investopedia.com/articles/economics/09/lehman-brothers-collapse.asp, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
151. Chris Isidore, *Bank of America to buy Merrill,* http://money.cnn.com/2008/09/15/news/companies/merrill_bofa_deal/, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
152. Robert Jabaily (Federal Reserve Bank of Boston), *Bank holiday of 1933*, https://www.federalreservehistory.org/essays/bank_holiday_of_1933, truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2017.
153. Donald L.Kohn, *The Federal Resevere's Policy Actions during the Financial Crisis and Lessons for the Future*, https://www.federalreserve.gov/newsevents/speech/kohn20100513a.htm, truy cập ngày 2 tháng 7 năm 2017.
154. Jesse Lee, *President Obama Signs Small Bussiness Jobs Act – Learn What's In It*, https://obamawhitehouse.archives.gov/blog/2010/09/27/president-obama-signs-small-business-jobs-act-learn-whats-it, truy cập ngày 7 tháng 8 năm 2017.
155. *Lilly Ledbetter Fair Pay Act*, https://nwlc.org/resources/lilly-ledbetter-fair-pay-act/, truy cập ngày 4 tháng 7 năm 2017.
156. Heather Long, *Obama's economy in 10 chart*, http://money.cnn.com/gallery/news/economy/2015/10/28/obama-economy-10-charts/3.html, truy cập ngày 9 tháng 8 năm 2017.
157. Tami Luhby, *FED in AIG rescue - $85b loan*, http://money.cnn.com/2008/09/16/news/companies/AIG/index.htm?postversion=2008091710, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.

158. Gregory Mankiw, *Crisis Economics,* http://scholar.harvard.edu/files/mankiw/files/crisis_economics.pdf, truy cập ngày 2 tháng 7 năm 2017.

159. *Middle Class Tax Relief and job Creation Act of 2010,* https://www.congress.gov/bill/112th-congress/house-bill/3630/text, truy cập ngày 20 tháng 10 năm 2017.

160. *ObamaCare Facts: Facts on the Affordable*, https://obamacarefacts.com/obamacare-facts/, truy cập ngày 9 tháng 8 năm 2017.

161. *ObamaCare*, http://www.usis.us/tin-tuc/obamacare.html, truy cập ngày 9 tháng 8 năm 2017.

162. Office of the Press Secretary (The White House), *Fact Sheet: The American Jobs Act*, https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2011/09/08/fact-sheet-american-jobs-act, truy cập ngày 7 tháng 8 năm 2017.

163. Kevin O'Leary, *Waiting for Reform: The Unemployed Get a Heath Care Gift*, http://content.time.com/time/nation/article/0,8599,1950013,00.html, truy cập ngày 4 tháng 7 năm 2017.

164. *Open Market Operations*, https://www.federalreserve.gov/monetarypolicy/openmarket.htm, truy cập ngày 2 tháng 7 năm 2017.

165. Christopher Palmeri, *JPMorgan Chase to Buy Washington Mutual*, https://www.bloomberg.com/news/articles/2008-09-26/jpmorgan-chase-to-buy-washington-mutualbusinessweek-business-news-stock-market-and-financial-advice, truy cập ngày 20 tháng 7 năm 2017.

166. *Patching up America's aging inftastructure*, http://www.waterworld.com/articles/2010/11/patching-up-america-s-aging-infrastructure.html, truy cập ngày 30 tháng 6 năm 2017.

167. Kelly Phillips, *Payroll Tax cuts, Unemployment Benefits Extended* (Finally), https://www.forbes.com/sites/kellyphillipserb/2012/02/17/payroll-tax-cuts-unemployment-benefits-extended-finally/#6771b2f9c40b, truy cập ngày 7 tháng 8 năm 2017.

168. Nguyễn Minh Phong, *Đạo luật Dodd Frank và những cải cách hệ thống tài chính ở*

Mỹ, http://phaply.net.vn/dien-dan-luat-gia/dao-luat-dodd-frank-va-nhung-cai-cach-he-thong-tai-chinh-o-my.html, truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2017.

169. *Real estate cools down*, http://money.cnn.com/2006/05/15/real_estate/NAR_firstQ2005_home_prices/, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
170. *Recovery Act*, https://www.ed.gov/recovery, truy cập ngày 8 tháng 8 năm 2017.
171. Matthew Reddish, Eric Wooten, Chris Dunn, *The 2009 Amerrican Recovery and Reinvestment Act,* http://geovelo.org/wp-content/uploads/2013/09/The-ARRA-Did-it-work.pdf , truy cập ngày 9 tháng 6 năm 2017.
172. *Response in the United States in Detail*, http://www.social-protection.org/gimi/gess/ShowTheme.do?tid=1628, truy cập ngày 4 tháng 7 năm 2017.
173. Robert Rich, *The Great Recessi*on, https://www.federalreservehistory.org/essays/great_recession_of_200709, truy cập ngày 17 tháng 7 năm 2017.
174. Gary Richarson (Federal Reserve Bank of Richmond), *The Great Depression,* https://www.federalreservehistory.org/essays/great_depression, truy cập ngày 17 tháng 8 năm 2017.
175. Gary Richardson, Alejandro Komai, Michael Gou and Daniel Park, *Stock Market Crash of 1929*, https://www.federalreservehistory.org/essays/stock_market_crash_of_1929, truy cập ngày 21 tháng 7 năm 2017.
176. Mark E.Rush, *Fraud Enforcement and Recovery Act of 2009 (FERA),* http://www.klgates.com/fraud-enforcement-and-recovery-act-of-2009-fera-05-26-2009/, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
177. *Safety net, Low- Income Services And Job Training*, http://www.accountablerecovery.org/safety-net-low-income-services-and-job-training, truy cập ngày 4 tháng 7 năm 2017.
178. Rihard M.Salsman, *TARP after three years: it made things worse, not bettes,* https://www.forbes.com/sites/richardsalsman/2011/10/09/tarp-after-three-years-it-made-things-worse-not-better/#637bfd8f1435, truy cập ngày 21 tháng 7 năm 2017.

179. Liz Schoott & Ladonna Pavety, *Extending the TANF Emergency Found Would Create and Preserve Jobs Quickly and Afficiently*, http://www.cbpp.org/research/extending-the-tanf-emergency-fund-would-create-and-preserve-jobs-quickly-and-efficiently, truy cập ngày 3 tháng 7 năm 2017.
180. John R.Singleton, *Thingking of Contracting in the United States?*, http://www.singleton.com/en/Publications/Thinking_of_Contracting_in_the_the_United_States.aspx, truy cập ngày 29 tháng 6 năm 2017.
181. Manoj Sigh, *The 2007-08 Financial Crisis in Review*, http://www.investopedia.com/articles/economics/09/financial-crisis-review.asp, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
182. Reed Smith LLP, *President Obama signs Fraud Enforcement and Recovery Act of 2009 into law*, http://www.lexology.com/library/detail.aspx?g=59adbb21-2922-4eba-9f88-71be5b7e303d, truy cập ngày 1 tháng 7 năm 2017.
183. *State Fiscal Stabilization Fund*, https://www2.ed.gov/policy/gen/leg/recovery/factsheet/stabilization-fund.html, truy cập ngày 2 tháng 7 năm 2017.
184. Reuters Staff, *Wells Fargo completes Wachovia purchase*, http://uk.reuters.com/article/wellsfargo-wachovia-idUKN0133136720090101, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
185. Ben Steverman, *Citi, Wells Fargo:Why the Wachovia Fight?,* https://www.bloomberg.com/news/articles/2008-10-03/citi-wells-fargo-why-the-wachovia-fight-businessweek-business-news-stock-market-and-financial-advice, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
186. Trefis Team, *Quantitative Easing in Foucus: The U.S Experience*, https://www.forbes.com/sites/greatspeculations/2015/11/16/quantitative-easing-in-focus-the-u-s-experience/#3e4f6e58528d, truy cập ngày 2 tháng 7 năm 2017.
187. *The American Recovery and Reinvestment Act of 2009: Education Jobs and Reform,* https://www2.ed.gov/policy/gen/leg/recovery/factsheet/overview.html, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
188. The Office of the Press Secretary – The White House*, The fact Sheet: The*

American Jobs Act, https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2011/09/08/fact-sheet-american-jobs-act, truy cập ngày 2 tháng 8 năm 2017.

189. *To big not to fail*, http://www.economist.com/node/21547784, truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2017.
190. Halah Touryalai, *Brutal Recession Destroyed American's Wealth, net Worth Down 40% in 3 years*, https://www.forbes.com/sites/halahtouryalai/2012/06/11/brutal-recession-destroyed-americans-wealth-net-worth-down-40-in-3-years/#75840df03247, truy cập ngày 21 tháng 7 năm 2017.
191. *Unemployment Compensation Extension Act of 2010,* https://www.congress.gov/bill/111th-congress/house-bill/4213, truy cập ngày 22 tháng 9 năm 2017.
192. U.S. Department of The Treasury, *TARP program*, https://www.treasury.gov/initiatives/financial-stability/TARP-Programs/Pages/default.aspx, truy cập ngày 20 tháng 8 năm 2017.
193. Nathan Vardi, *"Inside The Obama Stock market's 235% return*", https://www.forbes.com/sites/nathanvardi/2017/01/17/inside-the-obama-stock-markets-235-rise/#1fe7c79416d1, truy cập ngày 10 tháng 8 năm 2017.
194. *Wall Street crisis: Bank of America buys Merril Lynch*, https://www.theguardian.com/business/2008/sep/15/merrilllynch.wallstreet, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.
195. *What is the Lilly Ledbetter Fair Pay Act?,* http://www.humanresourcesmba.net/faq/what-is-the-lilly-ledbetter-fair-pay-act/, truy cập ngày 4 tháng 7 năm 2017.
196. *What is the Dodd Frank act*, http://consumer.findlaw.com/securities-law/what-is-the-dodd-frank-act.html, truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2017.
197. *Where was the Dow Jones when Obama took office?,* http://www.investopedia.com/ask/answers/101314/where-was-dow-jones-when-obama-took-office.asp, truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2017.

198. Lilla Zuill and Jonathan Stempel, *US government steps in with $85bn AIG rescue*, http://www.independent.co.uk/news/business/news/us-government-steps-in-with-85bn-aig-rescue-933257.html, truy cập ngày 21 thngs 8 năm 2017.
199. Todd J Zywicki, Jeffrey Frank, *The Second "Helping Families Save Their Homes Act"*, http://www.fed-soc.org/publications/detail/the-second-helping-families-save-their-homes-act#_edn12, truy cập ngày 5 tháng 7 năm 2017.
200. Eric S. Rosengren - President & CEO Federal Reserve Bank of Boston (February 5, 2015), *"Lessons from the U.S. Experience with QE"- Joint Event on* Sovereign Risk and Macroeconomics Moody's Investors Service and Peterson Institute for International Economics Frankfurt, Germany.
201. *2010 HIRE act: Tax Breaks for Small Business*, http://hireact.org, truy cập ngày 20 tháng 9 năm 2017.

PHỤ LỤC 1
CONCLUSIONS OF THE FINANCIAL CRISIS INQUIRY COMMISSION
(Các kết luận của Uỷ ban điều tra về khủng hoảng)

The Financial Crisis Inquiry Commission has been called upon to examine the financial and economic crisis that has gripped our country and explain its causes to the American people. We are keenly aware of the signi cance of our charge, given the economic damage that America has suffered in the wake of the greatest nancial crisis since the Great Depression.

Our task was rst to determine what happened and how it happened so that we could understand why it happened. Here we present our conclusions. We encourage the American people to join us in making their own assessments based on the evidence gathered in our inquiry. If we do not learn from history, we are unlikely to fully recover from it. Some on Wall Street and in Washington with a stake in the status quo may be tempted to wipe from memory the events of this crisis, or to suggest that no one could have foreseen or prevented them. This report endeavors to expose the facts, identify responsibility, unravel myths, and help us understand how the crisis could have been avoided. It is an attempt to record history, not to rewrite it, nor allow it to be rewritten.

The subject of this report is of no small consequence to this nation. The profound events of 2007 and 2008 were neither bumps in the road nor an accentuated dip in the nancial and business cycles we have come to expect in a free market economic system. This was a fundamental disruption a nancial upheaval, if you will that wreaked havoc in communities and neighborhoods across this country.

As this report goes to print, there are more than 26 million Americans who are out of work, cannot nd full-time work, or have given up looking for work. About four million families have lost their homes to foreclosure and another four and a half million have slipped into the foreclosure process or are seriously behind on their mortgage payments. Nearly $11trillion in household wealth has vanished, with re- tirement accounts and life savings swept away. Businesses, large and small, have felt the sting of a deep recession. There is much anger about what has transpired, and jus- ti ably so. Many people who abided by all the rules now nd themselves out of work and uncertain about their future prospects. The collateral damage of this crisis has been real people and real communities. The impacts of this

crisis are likely to be felt for a generation. And the nation faces no easy path to renewed economic strength.

Like so many Americans, we began our exploration with our own views and some preliminary knowledge about how the world's strongest nancial system came to the brink of collapse. Even at the time of our appointment to this independent panel, much had already been written and said about the crisis. Yet all of us have been deeply affected by what we have learned in the course of our inquiry. We have been at various times fascinated, surprised, and even shocked by what we saw, heard, and read. Ours has been a journey of revelation.

Much attention over the past two years has been focused on the decisions by the federal government to provide massive nancial assistance to stabilize the nancial system and rescue large nancial institutions that were deemed too systemically important to fail. Those decisions and the deep emotions surrounding them will be debated long into the future. But our mission was to ask and answer this central ques- tion: how did it come to pass that in 2008 our nation was forced to choose between two stark and painful alternatives either risk the total collapse of our nancial system and economy or inject trillions of taxpayer dollars into the nancial system and an array of companies, as millions of Americans still lost their jobs, their savings, and their homes?

In this report, we detail the events of the crisis. But a simple summary, as we see it, is useful at the outset. While the vulnerabilities that created the potential for cri- sis were years in the making, it was the collapse of the housing bubble fueled by low interest rates, easy and available credit, scant regulation, and toxic mortgage - that was the spark that ignited a string of events, which led to a full-blown crisis in the fall of 2008. Trillions of dollars in risky mortgages had become embedded throughout the financial system, as mortgage-related securities were packaged, repackaged, and sold to investors around the world. When the bubble burst, hun- dreds of billions of dollars in losses in mortgages and mortgage-related securities shook markets as well as financial institutions that had significant exposures to those mortgages and had borrowed heavily against them. This happened not just in the United States but around the world. The losses were magnified by derivatives such as synthetic securities.

The crisis reached seismic proportions in September 2008 with the failure of Lehman Brothers and the impending collapse of the insurance giant American

Interna- tional Group (AIG). Panic fanned by a lack of transparency of the balance sheets of ma- jor nancial institutions, coupled with a tangle of interconnections among institutions perceived to be "too big to fail," caused the credit markets to seize up. Trading ground to a halt. The stock market plummeted. The economy plunged into a deep recession.

The financial system we examined bears little resemblance to that of our parents' generation. The changes in the past three decades alone have been remarkable. The nancial markets have become increasingly globalized. Technology has transformed the e ciency, speed, and complexity of nancial instruments and transactions. There is broader access to and lower costs of nancing than ever before. And the nancial sector itself has become a much more dominant force in our economy.

From 1987 to 2007, the amount of debt held by the nancial sector soared from $3 trillion to $36 trillion, more than doubling as a share of gross domestic product. The very nature of many Wall Street rms changed from relatively staid private partnerships to publicly traded corporations taking greater and more diverse kinds of risks. By 2005, the 10 largest U.S. commercial banks held 55% of the industry's assets, more than double the level held in 1990. On the eve of the crisis in 2006, nancial sector pro ts constituted 27% of all corporate pro ts in the United States, up from 15% in 1980. Understanding this transformation has been critical to the Commis- sion's analysis.

Now to our major ndings and conclusions, which are based on the facts contained in this report: they are offered with the hope that lessons may be learned to help avoid future catastrophe.

• We conclude this Financial crisis was avoidable.

The crisis was the result of human action and inaction, not of Mother Nature or computer models gone haywire. The captains of nance and the public stewards of our nancial system ignored warnings and failed to question, understand, and manage evolving risks within a system essential to the well-being of the American public. Theirs was a big miss, not a stumble. While the business cycle cannot be repealed, a crisis of this magnitude need not have occurred. To paraphrase Shakespeare, the fault lies not in the stars, but in us.

Despite the expressed view of many on Wall Street and in Washington that the crisis could not have been foreseen or avoided, there were warning signs. The tragedy was that they were ignored or discounted. There was an explosion in risky

subprime lending and securitization, an unsustainable rise in housing prices, widespread re- ports of egregious and predatory lending practices, dramatic increases in household mortgage debt, and exponential growth in nancial rms' trading activities, unregu- lated derivatives, and short-term "repo" lending markets, among many other red ags. Yet there was pervasive permissiveness; little meaningful action was taken to quell the threats in a timely manner.

The prime example is the Federal Reserve's pivotal failure to stem the ow of toxic mortgages, which it could have done by setting prudent mortgage-lending standards. The Federal Reserve was the one entity empowered to do so and it did not. The record of our examination is replete with evidence of other failures: financial institutions made, bought, and sold mortgage securities they never examined, did not care to examine, or knew to be defective; firms depended on tens of billions of dollars of borrowing that had to be renewed each and every night, secured by subprime mortgage securities; and major firms and investors blindly relied on credit rating agencies as their arbiters of risk. What else could one expect on a highway where there were neither speed limits nor neatly painted lines?

• **We conclude widespread failures in financial regulation and supervision proved devastating to the stability of the nation's financial markets.** The sentries were not at their posts, in no small part due to the widely accepted faith in the self-correcting nature of the markets and the ability of nancial institutions to effectively police themselves. More than 30 years of deregulation and reliance on self-regulation by nancial institutions, championed by former Federal Reserve chairman Alan Greenspan and others, supported by successive administrations and Congresses, and actively pushed by the powerful nancial industry at every turn, had stripped away key safeguards, which could have helped avoid catastrophe. This approach had opened up gaps in oversight of critical areas with trillions of dollars at risk, such as the shadow banking system and over-the-counter derivatives markets. In addition, the government permitted nancial rms to pick their preferred regulators in what became a race to the weakest supervisor.

Yet we do not accept the view that regulators lacked the power to protect the financial system. They had ample power in many arenas and they chose not to use it. To give just three examples: the Securities and Exchange Commission could have required more capital and halted risky practices at the big investment banks. It did not. The Federal Reserve Bank of New York and other regulators could have clamped

down on Citigroup's excesses in the run-up to the crisis. They did not. Policy makers and regulators could have stopped the runaway mortgage securitization train. They did not. In case after case after case, regulators continued to rate the institutions they oversaw as safe and sound even in the face of mounting troubles, often downgrading them just before their collapse. And where regulators lacked authority, they could have sought it. Too often, they lacked the political will in a political and ideological environment that constrained it as well as the fortitude to critically challenge the institutions and the entire system they were entrusted to oversee.

Changes in the regulatory system occurred in many instances as financial markets evolved. But as the report will show, the nancial industry itself played a key role in weakening regulatory constraints on institutions, markets, and products. It did not surprise the Commission that an industry of such wealth and power would exert pressure on policy makers and regulators. From 1999 to 2008, the financial sector expended $2,7 billion in reported federal lobbying expenses; individuals and political action committees in the sector made more than $1 billion in campaign contributions. What troubled us was the extent to which the nation was deprived of the necessary strength and independence of the oversight necessary to safeguard nancial stability.

• **We conclude dramatic failures of corporate governance and risk management at many systemically important financial institutions were a key cause of this crisis.** There was a view that instincts for self-preservation inside major nancial rms would shield them from fatal risk-taking without the need for a steady regulatory hand, which, the firms argued, would sti e innovation. Too many of these institu- tions acted recklessly, taking on too much risk, with too little capital, and with too much dependence on short-term funding. In many respects, this re ected a funda- mental change in these institutions, particularly the large investment banks and bank holding companies, which focused their activities increasingly on risky trading activ- ities that produced hefty profits. They took on enormous exposures in acquiring and supporting subprime lenders and creating, packaging, repackaging, and selling tril- lions of dollars in mortgage-related securities, including synthetic nancial products. Like Icarus, they never feared flying ever closer to the sun.

Many of these institutions grew aggressively through poorly executed acquisition and integration strategies that made effective management more

challenging. The CEO of Citigroup told the Commission that a $40 billion position in highly rated mortgage securities would "not in any way have excited my attention," and the co- head of Citigroup's investment bank said he spent "a small fraction of 1%" of his time on those securities. In this instance, too big to fail meant too big to manage.

Financial institutions and credit rating agencies embraced mathematical models as reliable predictors of risks, replacing judgment in too many instances. Too often, risk management became risk justi cation.

Compensation systems designed in an environment of cheap money, intense competition, and light regulation - too often rewarded the quick deal, the short-term gain - without proper consideration of long-term consequences. Often, those systems encouraged the big bet - where the payoff on the upside could be huge and the down- side limited. This was the case up and down the line - from the corporate boardroom to the mortgage broker on the street.

Our examination revealed stunning instances of governance breakdowns and irre- sponsibility. You will read, among other things, about AIG senior management's igno- rance of the terms and risks of the company's $79 billion derivatives exposure to mortgage-related securities; Fannie Mae's quest for bigger market share, pro ts, and bonuses, which led it to ramp up its exposure to risky loans and securities as the hous- ing market was peaking; and the costly surprise when Merrill Lynch's top manage- ment realized that the company held $55 billion in "super-senior" and supposedly "super-safe" mortgage-related securities that resulted in billions of dollars in losses.

• We conclude the government was ill prepared for the crisis, and its in consistent response added to the uncertainty and panic in the nancial markets. As part of our charge, it was appropriate to review government actions taken in response to the developing crisis, not just those policies or actions that preceded it, to determine if any of those responses contributed to or exacerbated the crisis.

As our report shows, key policy makers - the Treasury Department, the Federal Reserve Board, and the Federal Reserve Bank of New York - who were best posi- tioned to watch over our markets were ill prepared for the events of 2007 and 2008. Other agencies were also behind the curve. They were hampered because they did not have a clear grasp of the financial system they were charged with overseeing, particularly as it had evolved in the years leading up to the crisis. This was in no small measure due to the lack of transparency in key markets. They thought risk had been diversied when, in fact, it had been concentrated. Time and

again, from the spring of 2007 on, policy makers and regulators were caught off guard as the contagion spread, responding on an ad hoc basis with specific programs to put ngers in the dike. There was no comprehensive and strategic plan for containment, because they lacked a full understanding of the risks and interconnections in the financial markets. Some regulators have conceded this error. We had allowed the system to race ahead of our ability to protect it.

While there was some awareness of, or at least a debate about, the housing bubble, the record reflects that senior public officials did not recognize that a bursting of the bubble could threaten the entire nancial system. Throughout the summer of 2007, both Federal Reserve Chairman Ben Bernanke and Treasury Secretary Henry Paulson offered public assurances that the turmoil in the subprime mortgage markets would be contained. When Bear Stearns's hedge funds, which were heavily invested in mortgage-related securities, imploded in June 2007, the Federal Reserve discussed the implications of the collapse. Despite the fact that so many other funds were exposed to the same risks as those hedge funds, the Bear Stearns funds were thought to be "relatively unique." Days before the collapse of Bear Stearns in March 2008, SEC Chairman Christopher Cox expressed "comfort about the capital cushions" at the big investment banks. It was not until August 2008, just weeks before the government takeover of Fannie Mae and Freddie Mac, that the Treasury Department understood the full measure of the dire nancial conditions of those two institutions. And just a month before Lehman's collapse, the Federal Reserve Bank of New York was still seeking information on the exposures created by Lehman's more than 900,000 derivatives contracts.

In addition, the government's inconsistent handling of major nancial institutions during the crisis - the decision to rescue Bear Stearns and then to place Fannie Mae and Freddie Mac into conservatorship, followed by its decision not to save Lehman Brothers and then to save AIG - increased uncertainty and panic in the market.

In making these observations, we deeply respect and appreciate the efforts made by Secretary Paulson, Chairman Bernanke, and Timothy Geithner, formerly presi- dent of the Federal Reserve Bank of New York and now treasury secretary, and so many others who labored to stabilize our nancial system and our economy in the most chaotic and challenging of circumstances.

Nguồn: *The Financial Crisis Inquiry Commission (2011), The Financial crisis inquiry report, Official Government edition, Washington DC, tr.xv - tr.xxviii*

PHỤ LỤC 2

ECONOMIC REPORT OF PRESIDENT 2017

(Báo cáo kinh tế của Tổng thống 2017)

Eight years ago when I took office, our economy was in crisis. We were just months into the worst recession since the Great Depression, with unemployment rising rapidly toward a peak of 10 percent. Nearly 800,000 Americans were losing their jobs each month, and home prices and the stock market had plummeted. The auto industry was on the verge of collapse. Many American families struggled to pay their bills, and millions had lost their homes.

Faced with this crisis, my Administration acted quickly, taking steps to shore up the financial system; cut taxes for working families; invest in infrastructure, clean energy, and teacher jobs; help families refinance their homes; and rescue the auto industry. These actions stemmed the tide of the crisis and laid the foundation for a stronger economy over the long term.

Today, thanks to the resilience of the American people, our economy has emerged as the strongest and most durable in the world. By nearly every economic measure, America is better off than when I took office. We are in the midst of the longest streak of job growth on record. U.S. businesses have added 15.6 million jobs since early 2010. The unemployment rate has been cut by more than half from its peak, falling much faster than economists expected. Rising home prices have brought millions of homeowners back above water, we are less reliant on foreign oil than we have been in nearly three decades, and we have cut our budget deficit by two-thirds as a share of the economy.

Most importantly, wages have begun to rise again for working families. In 2015, median household income rose at the fastest rate on record, with the typical family earning an additional $2,800. The poverty rate fell by more than any year since 1968. And data indicate that these gains have continued in 2016, with wages rising over 2.7 percent at an annual rate so far this year, much faster than inflation.

While American families have made remarkable progress during the recovery, my Administration has also strengthened the long-term foundation of our economy and worked to ensure that every American has a fair chance to succeed if they work hard. We enacted the Affordable Care Act (ACA) and reshaped our healthcare system, expanded opportunity by making education more affordable and our tax code fairer, and increased our economy's resilience by strengthening the

financial system and addressing climate change. These efforts have yielded undeniable results.

Today, 20 million more American adults have health insurance. On top of that, more than 3 million additional children have health insurance today than in 2008, thanks in large part to the ACA and other actions under my Administration. Our uninsured rate has hit its lowest level ever, and insurance companies can no longer discriminate against those with pre-existing conditions. At the same time, we have slowed the growth of health costs dramatically. The average premium for a family who gets coverage on the job is $3,600 lower today than it would be if premium growth had matched the decade before the ACA. All of these changes pay dividends for our economy.

We have also worked to ensure that all American families can share in the benefits of the economy, not just those at the top, and we have succeeded in rolling back some of the rise in inequality since the 1970s. Tax changes since 2009 have increased the share of income going to the bottom 99 percent of families by more than any Administration since at least 1960. These tax changes and the ACA will boost incomes for our lowest-income families by 18 percent, or $2,200.

Over the long term, education provides the surest path to increasing economic opportunity. During my Administration, we have increased access to early childhood education, lifted high school graduation rates to record highs, and encouraged States to adopt higher standards and provide better training for teachers. And to help make college more affordable, we have doubled investments in Pell Grants and college tax credits; simplified the application for Federal student aid; and helped more than 5 million borrowers cap their monthly student loan payments.

Finally, we have made our economy more resilient against future challenges. After the financial crisis, we passed the toughest Wall Street reforms in history. Banks have sharply increased the size of their capital buffers, there are new tough limits on risky behavior by banks, and we have brought dark corners of the shadow banking industry under the regulatory umbrella, all of which make another crisis less likely. We have new tools to guard against another “too big to fail” scenario and a new consumer watchdog to hold financial institutions accountable.

Sustainable economic growth also requires addressing climate change, and since 2008, we have seen U.S. emissions fall even as our economy has grown. America’s economy is becoming more energy efficient and less carbon intensive.

Our policies helped to catalyze this change: In 2009, the Recovery Act made a historic investment in clean energy, and we have since increased incentives for renewable energy like wind and solar, improved energy efficiency, and implemented the first- ever greenhouse gas standards for power plants, cars, and trucks. And America's leadership on climate issues helped pave the way for the Paris Agreement, in which almost 200 countries committed to take concrete steps to reduce emissions.

Our economic progress over the past eight years has been nothing short of remarkable, and I am proud of everything my Administration has accomplished. But I have always acknowledged that the work of perfecting our union, and making our economy work for every American, would take far longer than my time in office.

As I pass the baton to my successor, much work remains to continue strengthening our economy and, most importantly, lifting wages for working families. It is no secret that our openness to new ideas and inclusivity are part of what make the United States the most resilient economy in the world. Continuing our technological progress and innovation, engaging with the world economy through trade, and welcoming immigrants and new American families will create shared growth and help define our economy for the coming decades.

The first step is to make smart, long-term investments that raise productivity, like boosting funding for infrastructure and research and development. We must also promote competition and innovation in the economy and open new markets for American businesses through high- standards trade agreements.

But strengthening economic growth is only half of the equation. We must also make sure that workers can share in that prosperity by creating new, well-paid jobs and preparing workers for them. That means investing in education from Pre-K all the way through college and increasing access to apprenticeships and other career pathways. It means giving workers a bigger voice and setting fair rules of the road by strengthening collective bargaining, raising the Federal minimum wage, expanding access to paid leave, and supporting retirement savings. And it means making our tax system fairer so that those at the top pay their fair share.

Finally, we must ensure that growth is sustainable by continuing to address the global risk of climate change, by increasing the safety and accountability of our financial system, and by making responsible fiscal decisions.

Over the past eight years, our country has come back from a once- in-a-

lifetime economic crisis and emerged even stronger. For all the work that remains, a new foundation has been laid. A new future is ours to write. I have never been more optimistic about America's future, and I am confident that this incredible journey that we are on as Americans will continue.

The White House December 2016

Nguồn: Council of Economic Advisers (2017), *Economic Report of the President*, Washington DC, tr.3-tr.6.

PHỤ LỤC 3

PUBLIC LAW 111–5—FEB. 17, 2009 123 STAT. 115

(Trích Đạo luật Phục hồi - ARRA)

An Act

Making supplemental appropriations for job preservation and creation, infrastructure investment, energy efficiency and science, assistance to the unemployed, and State and local fiscal stabilization, for the fiscal year ending September 30, 2009, and for other purposes.

Be it enacted by the Senate and House of Representatives of the United States of America in Congress assembled,

SECTION 1. SHORT TITLE.

This Act may be cited as the ''American Recovery and Reinvest- ment Act of 2009''.

SEC. 2. TABLE OF CONTENTS.

The table of contents for this Act is as follows:

DIVISION A—APPROPRIATIONS PROVISIONS

TITLE I—AGRICULTURE, RURAL DEVELOPMENT, FOOD AND DRUG ADMIN- ISTRATION, AND RELATED AGENCIES

TITLE II—COMMERCE, JUSTICE, SCIENCE, AND RELATED AGENCIES TITLE III—DEPARTMENT OF DEFENSE TITLE IV—ENERGY AND WATER DEVELOPMENT TITLE V—FINANCIAL SERVICES AND GENERAL GOVERNMENT TITLE VI—DEPARTMENT OF HOMELAND SECURITY

TITLE VII—INTERIOR, ENVIRONMENT, AND RELATED AGENCIES TITLE VIII—DEPARTMENTS OF LABOR, HEALTH AND HUMAN SERVICES,

AND EDUCATION, AND RELATED AGENCIES TITLE IX—LEGISLATIVE BRANCH

TITLE X—MILITARY CONSTRUCTION AND VETERANS AFFAIRS AND RE- LATED AGENCIES

TITLE XI—STATE, FOREIGN OPERATIONS, AND RELATED PROGRAMS TITLE XII—TRANSPORTATION, HOUSING AND URBAN DEVELOPMENT, AND

RELATED AGENCIES TITLE XIII—HEALTH INFORMATION TECHNOLOGY TITLE XIV—STATE FISCAL STABILIZATION FUND TITLE XV—ACCOUNTABILITY AND TRANSPARENCY TITLE XVI—GENERAL PROVISIONS—THIS ACT

DIVISION B—TAX, UNEMPLOYMENT, HEALTH, STATE FISCAL RELIEF, AND OTHER PROVISIONS

TITLE I—TAX PROVISIONS TITLE II—ASSISTANCE FOR UNEMPLOYED WORKERS AND STRUGGLING

FAMILIES TITLE III—PREMIUM ASSISTANCE FOR COBRA BENEFITS TITLE IV—MEDICARE AND MEDICAID HEALTH INFORMATION TECH-

NOLOGY; MISCELLANEOUS MEDICARE PROVISIONS TITLE V—STATE FISCAL RELIEF

TITLE VI—BROADBAND TECHNOLOGY OPPORTUNITIES PROGRAM TITLE VII—LIMITS

ON EXECUTIVE COMPENSATION

SEC. 3. PURPOSES AND PRINCIPLES.

(a) STATEMENT OF PURPOSES.—The purposes of this Act include the following:

(1) To preserve and create jobs and promote economic recovery.

(2) To assist those most impacted by the recession.

(3) To provide investments needed to increase economic efficiency by spurring technological advances in science and health.

(4) To invest in transportation, environmental protection, and other infrastructure that will provide long-term economic benefits.

(5) To stabilize State and local government budgets, in order to minimize and avoid reductions in essential services and counterproductive state and local tax increases. (b) GENERAL PRINCIPLES CONCERNING USE OF FUNDS.—The

President and the heads of Federal departments and agencies shall manage and expend the funds made available in this Act so as to achieve the purposes specified in subsection (a), including com- mencing expenditures and activities as quickly as possible con- sistent with prudent management.

SEC. 4. REFERENCES.

Except as expressly provided otherwise, any reference to ''this Act'' contained in any division of this Act shall be treated as referring only to the provisions of that division.

SEC. 5. EMERGENCY DESIGNATIONS.

(a) IN GENERAL.—Each amount in this Act is designated as an emergency requirement and necessary to meet emergency needs pursuant to section 204(a) of S. Con. Res. 21 (110th Congress) and section 301(b)(2) of S. Con. Res. 70 (110th Congress), the concurrent resolutions on the budget for fiscal years 2008 and 2009.

(b) PAY-AS-YOU-GO.—All applicable provisions in this Act are designated as an emergency for purposes of pay-as-you-go principles.

Nguồn: https://www.congress.gov/bill/111th-congress/house-bill/1/text)

PHỤ LỤC 4

LESSONS FROM THE U.S. EXPERIENCE WITH QE

(Những bài học kinh nghiệm của nước Mỹ với QE)

Figure 1: Monetary Policy: Large-Scale Asset Purchase Programs – QE1, QE2, QE3, and Operation Twist

Program	Announcement Date	Targeted End Date	Targeted Total Purchase	Composition of Purchases	Program Details as Announced
Quantitative Easing 1 (QE1)	November 25, 2008	Over Several Quarters	Agency Debt: Up to $100 bil Agency MBS: Up to $500 bil	Agency Debt and Agency MBS	Purchase up to $100 bil of agency debt and up to $500 bil of agency MBS. Purchases expected to take place over several quarters.
	March 18, 2009	Treasury Securities: September 30, 2009 Agency Debt and MBS: December 31, 2009	Agency Debt: Additional $100 bil Agency MBS: Additional $750 bil Longer-Term Treasuries: $300 bil	Agency Debt, Agency MBS, and Longer-Term Treasury Securities	Total purchases of agency MBS will now be to up to $1.25 trillion, and agency debt up to $200 bil. Purchase up to $300 bil of longer-term Treasury securities over next 6 months.
Quantitative Easing 2 (QE2)	November 3, 2010	June 30, 2011	$600 bil	Longer-Term Treasury Securities	Purchase $600 bil of longer-term Treasury securities by the end of the second quarter of 2011, a pace of about $75 bil per month.
Maturity Extension Program (Operation Twist)	September 21, 2011	June 30, 2012	$400 bil	Longer-Term Treasury Securities[1]	Purchase, by the end of June 2012, $400 bil of Treasury securities with remaining maturities of 6-30 years and sell an equal amount of Treasury securities with remaining maturities of 3 years or less.
	June 20, 2012	December 31, 2012	Amount Limited by Remaining Shorter-Term Treasury Securities[1]	Longer-Term Treasury Securities[1]	Purchase Treasury securities with remaining maturities of 6-30 years at the current pace and sell or redeem an equal amount of Treasury securities with remaining maturities of approximately 3 years or less.
Quantitative Easing 3 (QE3)	September 13, 2012	None Given	None Given	Agency MBS and Longer-Term Treasury Securities	Purchase agency MBS at pace of $40 bil per month and continue Twist through yearend, increasing holdings of longer-term securities in aggregate by $85 bil.
	December 12, 2012	None Given	None Given	Agency MBS and Longer-Term Treasury Securities	Purchase agency MBS at a pace of $40 bil per month and longer-term Treasury securities initially at a pace of $45 bil per month after Twist ends at yearend.

[1]Shorter-term Treasury securities are sold or redeemed while an equal amount of longer-term Treasury securities are purchased, resulting in no net increase in balance-sheet size.

Nguồn: Eric S. Rosengren - President & CEO Federal Reserve Bank of Boston (February 5, 2015), *"Lessons from the U.S. Experience with QE"- Joint Event on* Sovereign Risk and Macroeconomics Moody's Investors Service and Peterson Institute for International Economics Frankfurt, Germany.

PHỤ LỤC 5

TARP AFTER FOUR YEARS

(TARP sau 4 năm)

Executive Summary: TARP After Four Years

When TARP was created, some questioned whether it would succeed in stabilizing the financial system. Many others thought that taxpayers would incur hundreds of billions of dollars in losses on the program. However, by any reasonable standard, TARP worked: it helped stop widespread financial panic, it helped prevent what could have been a devastating collapse of our financial system, and it helped many struggling homeowners keep their homes. Moreover, TARP's cost will be much lower than most people expected when it was created.

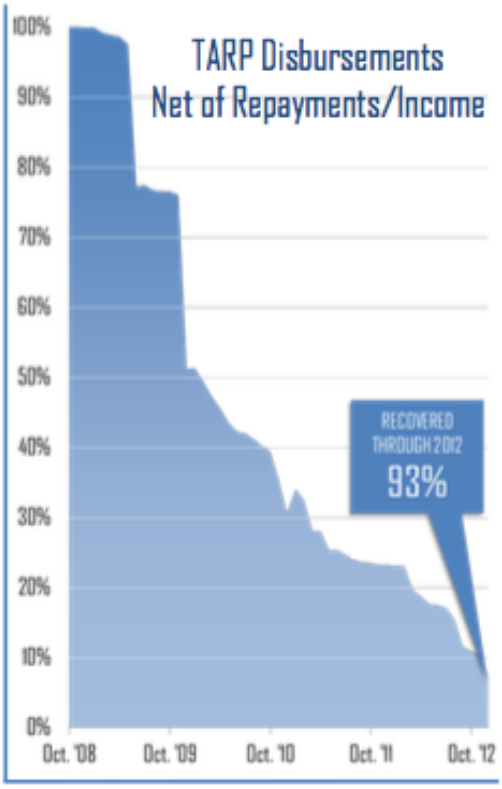

During 2012, OFS continued to focus on winding down TARP. By the end of 2012, Treasury had collected nearly 93 percent of the total funds disbursed ($418 billion) under TARP, and many of the taxpayers' investments under the program had yielded positive returns. As a result, the net cost of TARP is now projected to be $55.5 billion – significantly lower than the $700 billion originally authorized by Congress under EESA or the more than $350 billion originally estimated by the Congressional Budget Office. And when Treasury's other interests in AIG[1] are factored in, Treasury estimates that the combined net cost will be approximately $38 billion.

The investment programs under TARP collectively, together with Treasury's overall AIG holdings, are expected to break even or yield a small gain when they are fully wound down. Therefore, the total program cost of TARP is expected to be roughly equal to the amount that is ultimately disbursed to help homeowners avoid foreclosure—money that was never intended to be returned. Moreover, the latest estimates available indicate that the overall financial stability programs that Treasury, the Federal Reserve, and the Federal Deposit Insurance Corporation (FDIC) put in place during the crisis are likely to result in an overall positive financial return for taxpayers in terms of direct fiscal cost.

While Treasury is moving to wind down TARP's investment programs, OFS is also continuing to implement TARP's housing programs. To date, there have been more than 1.5 million homeowner assistance actions taken through the Making Home Affordable (MHA) program. In 2012, more than 350,000 homeowner assistance actions were taken under Treasury's housing programs to help families avoid foreclosure. MHA has also set new standards across the mortgage servicing industry, thereby helping millions more.

This is the third retrospective report on TARP that OFS has published. In October 2010, OFS published the TARP Two Year Retrospective,[2] which contains a comprehensive history of each TARP program. The following year, OFS published a Three Year Anniversary Report,[3] which serves as a supplement to the Two Year Retrospective. This report is intended to serve as an update on OFS's efforts to wind down TARP's investment programs and a status update on TARP's housing programs.

TARP'S BANKING INVESTMENT PROGRAMS	
Capital Purchase Program (CPP)	Treasury is winding down the CPP through a combination of (1) repayments; (2) restructurings; and (3) sales. Overall, the remaining principal amount invested has been reduced to approximately $7 billion from $205 billion and the program has already generated a positive return to date of more than $15 billion, with additional collections expected moving forward.
Asset Guarantee Program (AGP)	All guarantees were terminated in 2009. No losses were incurred. To date, the positive return on the AGP for taxpayers is more than $4 billion.
Targeted Investment Program (TIP)	All funds disbursed under the TIP were repaid in full in 2009 – plus an additional lifetime positive return of more than $3 billion.
Community Development Capital Initiative (CDCI)	Treasury has a remaining investment of approximately $533 million through the CDCI – less than one percent of its overall bank investments. Treasury will make decisions regarding the CDCI at a later date.
Capital Assistance Program (CAP)	No funding was ever disbursed under the CAP, which was part of the successful stress test process that federal banking regulators conducted in 2009.
CREDIT MARKET PROGRAMS	
Term Asset-Backed Securities Loan Facility (TALF)	TARP's remaining credit support agreement was terminated in January 2013 and TALF has earned a positive return for taxpayers. To date, Treasury has realized a positive return of $173 million – with additional income expected moving forward.
Legacy Securities Public-Private Investment Program (PPIP)	As of December 2012, no new investments were permitted. As of January 2013, Treasury had fully recovered its original investment of $18.6 billion in the PPIP, plus a positive return of $331 million through equity and debt repayments, interest, and proceeds in excess of original equity capital, including warrant proceeds. Five of the nine PPIP funds have already been wound down with a net positive return for taxpayers. The total outstanding investments for the remaining four PPIP funds also continue to decline. Consistent with the terms of the program, individual fund managers will make independent determinations about how quickly those remaining four funds are wound down.
SBA 7(a) Securities Purchase Program	The wind down was completed in January 2012. All securities have been sold. Treasury fully recovered the funds invested plus an additional gain of $9 million.

AUTOMOTIVE INDUSTRY FINANCING PROGRAM	
Chrysler	Treasury fully exited its investment in Chrysler Group LLC in July 2011. Treasury has recovered more than 90 percent ($11.1 billion) of the funds committed to stabilize Chrysler ($12.4 billion). Treasury is unlikely to fully recover the difference of $1.3 billion. Treasury has the right to recover proceeds from the disposition of the liquidation trust associated with the bankruptcy of Old Chrysler, but does not expect a material recovery from those assets.
GM	By the end of 2012, Treasury had sold more than two-thirds (612 million shares) of the shares of General Motors common stock it originally held (912 million shares). In December 2012, Treasury announced its intention to fully exit its remaining investment (300 million shares) in GM within 12-15 months, subject to market conditions. In January 2013, it entered into a prearranged written trading plan to proceed with that December 2012 announcement. The total funds Treasury recovers from its GM investment will depend upon future market conditions.
Ally Financial	In May 2012, Treasury outlined its exit strategy for its investment in Ally Financial. Treasury has already recovered about one-third of the total $17 billion invested, and it expects to begin to monetize its remaining investment as the company completes two critical strategic initiatives: the Chapter 11 proceeding for its mortgage subsidiary, Residential Capital, LLC, and the sale of its international auto finance operations. In November 2012, Ally announced that it had reached an agreement to sell its remaining international operations and that it expected total proceeds from those transactions of $9.2 billion.
INVESTMENT IN AIG	
AIG	Treasury sold its final shares of AIG common stock in December 2012. Treasury and the Federal Reserve fully recovered the combined $182 billion committed to stabilize the company during the financial crisis plus an additional positive return of $22.7 billion.
TARP'S HOUSING PROGRAMS	
MHA	Through December 31, 2012, there were nearly 1.5 million homeowner assistance actions granted through MHA to help struggling homeowners avoid foreclosure. By changing the industry's practices and setting standards for modifications, the program has helped millions more.
HHF	Programs are fully operational in all 18 states and the District of Columbia and saw substantial growth during 2012, both in terms of homeowners served and dollars spent. As a result of recent program and operational changes made by state housing finance agencies working closely with Treasury, OFS expects the pace of assistance to continue to accelerate throughout 2013.

Nguồn: Office of Financial Stability - Department of The Treasury (2013), *The Troubled Asset Relief Program: Four years anniversary Report*, Washington, tr1-3.

PHỤ LỤC 6

FISCAL SUPPORT FOR THE ECONOMY ENACTED AFTER THE RECOVERY ACT

(Các chương trình tài chính hỗ trợ sau ARRA)

Fiscal Support for the Economy Enacted After the Recovery Act

	Billions of Dollars	
	2009-12	2009-19
Enacted 2009		
Worker, Homeownership, and Business Assistance Act (HR 3548)	35	24
Supplemental Appropriations Act of 2009 (HR 2346) (Cash for Clunkers)	3	3
Defense Appropriations Act of 2010 (HR 3326) (Unemployment Insurance and COBRA)	18	18
Enacted 2010		
Temporary Extension Act of 2010 (HR 4691)	9	9
Hiring Incentives to Restore Employment Act (HR 2847)	13	15
Continuing Extension Act of 2010 (HR 4851)	16	16
Unemployment Compensation Act of 2010 (HR 4213)	33	34
FAA Safety Improvement Act (HR 1586) (Education Jobs/ FMAP Extension)	26	12
Small Business Jobs Act (HR 5297)	68	10
Tax Relief, Unemployment Insurance Reauthorization, and Job Creation Act (HR 4853)	309	237
Enacted 2011		
Temporary Payroll Tax Cut Continuation Act (HR 3765)	28	29
VOW to Hire Heroes Act (HR 674)	0	0
Enacted 2012		
Middle Class Tax Relief and Job Creation Act of 2012 (HR 3630)	98	123
American Taxpayer Relief Act of 2012 (HR 8)	17	178
Total	674	709

Nguồn: U.S Department of Treasury (2013), *The Financial Crisis five years later*, Washington DC, tr18.

PHỤ LỤC 7

THE FINANCIAL CRISIS FIVE YEARS LATER - RESPONSE, REFORM, AND PROGRESS

(5 năm sau khủng hoảng - trách nhiệm, cải cách và các chương trình)

The Financial Crisis Five Years Later

RESPONSE, REFORM, AND PROGRESS

U.S. Department of the Treasury

SEPTEMBER 2013

Introduction

In the fall of 2008, our economy faced challenges on a scale not seen since the Great Depression. The crisis was caused by many factors. Among them were an unsustainable housing boom fueled in part by the easy availability of mortgages, financial institutions taking on too much risk, and the rapid growth of the nation's financial system with regulations that were designed for a different era. Forces built up over many years until the crisis reached its apex in September of 2008.

In the span of a few weeks, many of our nation's largest financial institutions failed or were forced to merge to avoid insolvency. Capital markets—essential for helping families and businesses meet their everyday financing needs—were freezing up, dramatically reducing the availability of credit, such as student, auto, and small business loans. Market participants, consumers, and investors were rapidly losing trust in the stability of America's financial system. Faced with this reality, the federal government moved with overwhelming speed and force to stem the panic.

The first series of actions, including broad-based guarantees of bank accounts, money market funds and liquidity by the Federal Reserve, were not enough. Realizing that additional tools were needed to address a rapidly deteriorating situation, the Bush Administration proposed the law creating the Troubled Asset Relief Program (TARP). That measure, which was passed by Congress with bipartisan support, was signed into law by President Bush on October 3, 2008. Some of the programs under TARP were implemented by the Bush Administration. The Obama Administration continued these and added others, utilizing its authority under TARP to keep credit flowing to consumers and businesses, help struggling homeowners avoid foreclosure, and prevent the collapse of the American automotive industry, which alone is estimated to have saved one million jobs.

But putting out the fires of the crisis was not enough. To address the underlying causes of the crisis, we had to modernize our regulatory framework and put powerful consumer financial protections in place. That is why President Obama took up the mantle of financial reform by championing and enacting the Dodd-Frank Wall Street Reform and Consumer Protection Act. Americans now have a dedicated consumer financial protection watchdog, financial markets are more transparent, and the government has more tools to monitor risk, and resolve firms whose failure could threaten the entire financial system.

As we approach the five-year anniversary of the height of the crisis, the financial system is safer, stronger, and more resilient than it was beforehand. We are still living with the broader economic consequences, and we still have more work to do to repair the damage. But without the government's forceful response, that damage would have been far worse and the ultimate cost to repair the damage would have been far higher.

The financial crisis reminds us that we must remain vigilant to emerging risks in the system. The financial system is dynamic and firms are innovative. And as sources of risk change, regulation and oversight must keep pace.

History of the Financial Crisis: **The Economy Before, During, and After the Crisis**

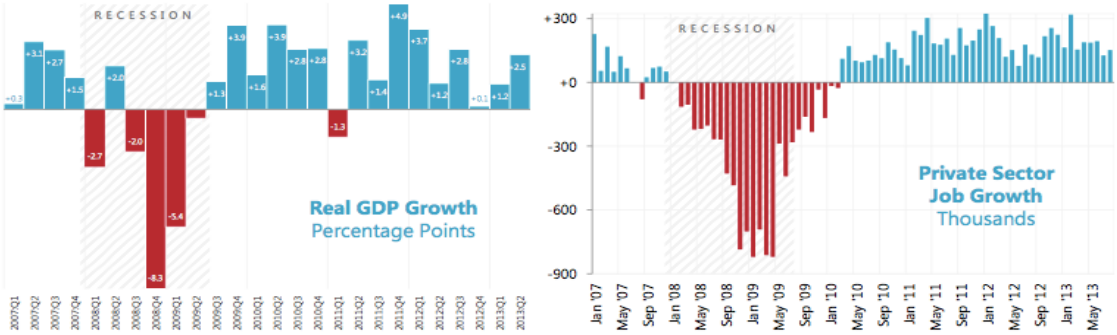

The financial crisis triggered the worst recession since the Great Depression, which ultimately destroyed almost 9 million jobs and shrank the economy by hundreds of billions of dollars. The crisis was caused by, among other things, an unsustainable **housing boom** as shown below. The severity of the crisis is also illustrated by the rapid increase in **corporate bond spreads** in the fall of 2008 as well as the dramatic fall in **household net worth**.

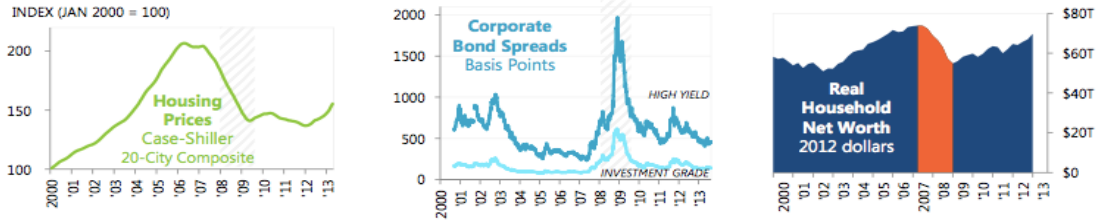

SOURCE: S&P, FEDERAL RESERVE, BLS, BEA, U. MICH, BARCLAYS.

3

History of the Financial Crisis: **Mid-2007 to 2010**

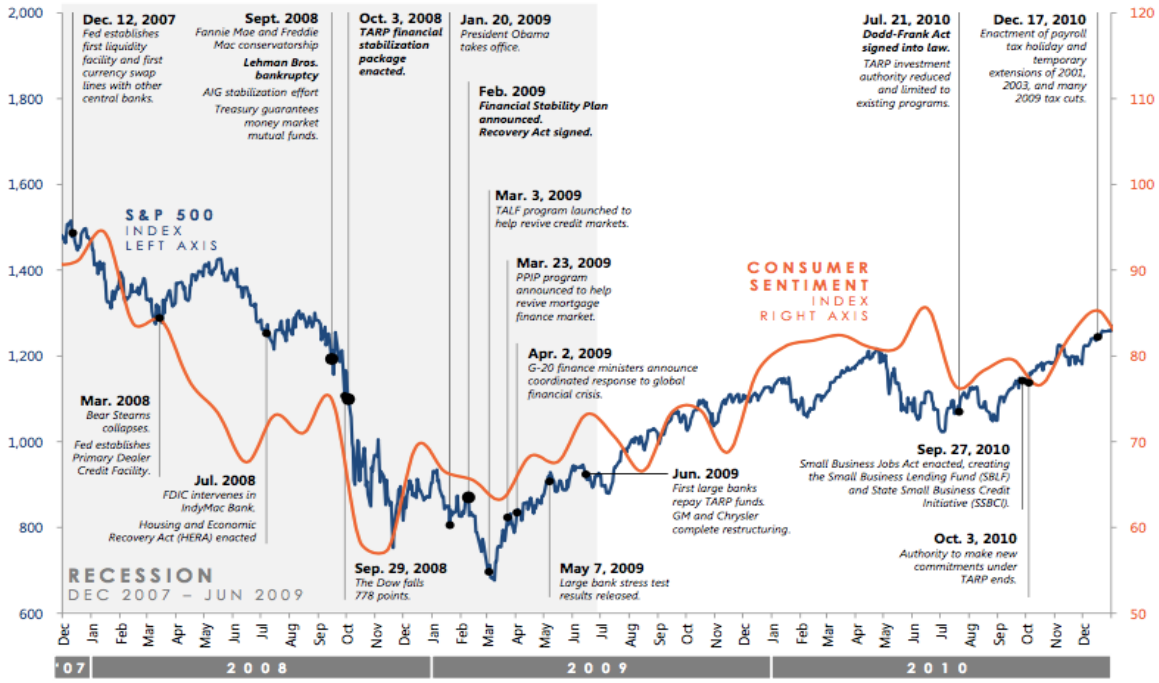

SOURCE: BLS, BEA, U. MICH.

4

The Crisis Response: **Overview of the Government Response**

Federal Reserve financing programs
- *Asset-backed commercial paper money-market mutual fund liquidity facility*
- *Commercial paper funding facility*
- *Currency swap lines with international central banks*
- *Money-market investor funding facility*
- *Primary dealer credit facility*
- *Term auction facility*
- *Term securities lending facility*

Large bank stress tests

TARP bank investment programs
- *Capital Assistance Program (CAP)*
- *Capital Purchase Program (CPP)*
- *Community Development Capital Initiative (CDCI)*
- *Asset Guarantee Program (AGP)*
- *Targeted Investment Program (TIP)*

Recovery Act

TALF credit market program

FDIC bank debt insurance program (TLGP)

TARP auto industry programs
- *GM/Chrysler restructurings*
- *Auto supplier support program*
- *Auto warranty commitment program*

FDIC deposit insurance limit increase to $250,000

Treasury money market fund guarantee program

AIG stabilization effort

We tackled the financial crisis on several different fronts, supporting many facets of the economy so as to prevent further declines and restart growth.

WHAT DID IT SUPPORT?

- **Small Business** — *Helped support companies that need credit to hire and grow.*
- **Autos** — *Helped support a crucial manufacturing industry and save American jobs.*
- **Financial Markets** — *Helped restart markets that provide credit to consumers and businesses.*
- **Consumers** — *Helped support families that need auto, credit card, and student loans.*
- **Retirement** — *Helped protect savers with 401(k) plans, money market funds, and other investments.*
- **Housing** — *Helped support Americans seeking to obtain or refinance a mortgage, or avoid foreclosure.*

Fannie Mae/ Freddie Mac stabilization effort

Foreclosure-prevention and refinancing initiatives
- *Making Home Affordable (MHA)*
- *Home Affordable Modification Program (HAMP)*
- *Home Affordable Refinance Program (HARP)*
- *Other federal loan modification programs*
- *Hardest Hit Fund*
- *Neighborhood Stabilization Program*

Legacy Securities Public-Private Investment Program (PPIP)

Small Business Administration 7(a) lending program, Small Business Lending Fund (SBLF), State Small Business Credit Initiative (SSBCI)

Treasury mortgage-backed securities purchase program

The Crisis Response: **TARP Bank Investment Programs**

TARP bank investment programs helped stabilize the financial system by providing capital to more than 700 banks throughout the country so they would continue supporting local economies with credit and investment. Today, banks have paid back 99 percent of the funds Treasury invested, and Treasury has already realized a gain from dividends, warrants, and other income. And whereas banks participating in TARP once held more than 98 percent of all U.S. banking assets, now that number is less than one percent.

At the peak of the crisis, banks participating in TARP held more than **98 percent** of the assets of all banks in the country. Today, that number **is less than one percent.**

2009: **98.6%**

2013: **0.8%**

BILLIONS

$250
$200
$150
$100
$50
$0

$238B outstanding
March 2009

TARP ENACTED IN OCTOBER 2008

$3B outstanding
August 2013

TARP Bank Programs Funds Outstanding*

Aug '08, Oct '08, Dec '08, Feb '09, Apr '09, Jun '09, Aug '09, Oct '09, Dec '09, Feb '10, Apr '10, Jun '10, Aug '10, Oct '10, Dec '10, Feb '11, Apr '11, Jun '11, Aug '11, Oct '11, Dec '11, Feb '12, Apr '12, Jun '12, Aug '12, Oct '12, Dec '12, Feb '13, Apr '13

* TARP COLLECTIONS INCLUDE $2 BILLION FROM LOANS REFINANCED UNDER SBLF. SEE NOTES.
SOURCE: TREASURY.

The Crisis Response: **TARP Auto Rescue**

The crisis response saved the auto industry and more than one million American jobs. According to independent estimates, the rescue of the auto industry saved more than one million jobs in the United States. And since the rescue, the auto industry has *added* more than 300,000 jobs. While the auto industry rescue is currently estimated to cost about $15 billion*, the cost of a disorderly liquidation to families and businesses across the country that rely on the auto industry would have been far higher.

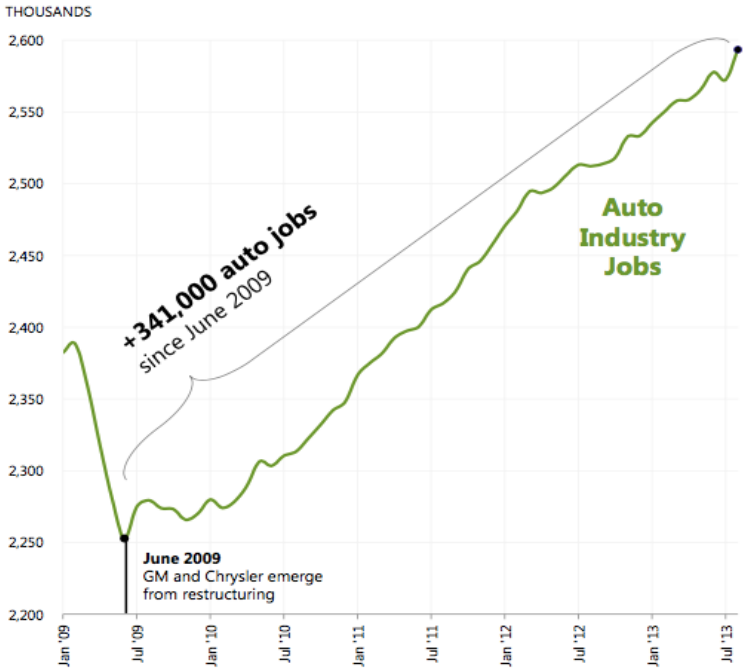

* SEE NOTES FOR SLIDE 22.

SOURCE: BUREAU OF ECONOMIC ANALYSIS, BUREAU OF LABOR STATISTICS.

The Crisis Response: **Housing**

The crisis response helped stabilize the housing market. Beginning in February 2009, the Obama Administration took several steps to strengthen the housing market and help struggling homeowners avoid foreclosure. Additional assistance was provided to the hardest hit areas of the country, allowing those states to implement programs that meet their needs.

While there is still more work to do, these initiatives have directly and indirectly helped millions of homeowners avoid foreclosure. Moreover, considering that the mortgage industry was ill-equipped to respond adequately to the crisis, the Administration's housing initiatives have also set new industry standards and introduced important consumer protections for homeowners.

Since April 2009, there have been almost 7 million permanent loan modifications and other homeowner assistance actions between private and public sources, twice the number of foreclosure completions.

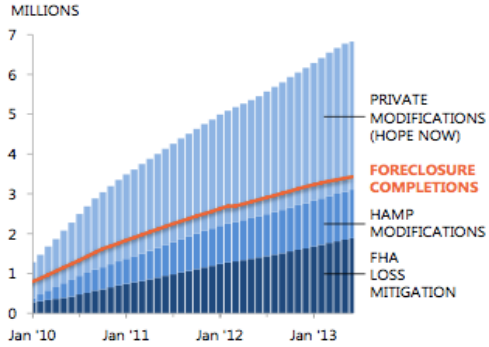

The Home Affordable Refinance Program (HARP) has to date helped more than 2.7 million families refinance underwater mortgages and lower their monthly payments.

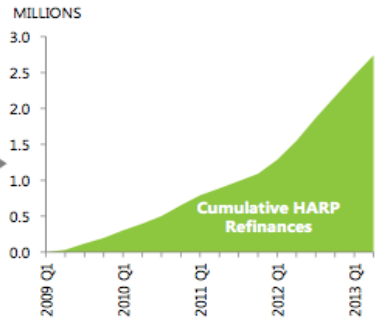

SOURCE: TREASURY.

The Crisis Response: **Small Business Programs**

Actual costs unless otherwise indicated.

The crisis response included numerous measures intended to keep credit flowing so small businesses could hire workers and make new investments necessary to grow. While there is still more work to do, borrowing costs for businesses have declined and the volume of small business lending has increased.

$4B
Small Business Lending Fund
To provide capital and incentivize small banks and community development loan funds to increase lending to small businesses.

$370M
SBA 7(a) Securities Purchase Program
To facilitate the recovery of the market for small business loans, which finance a wide range of needs, including working capital, machinery, equipment, furniture, and fixtures.

$1.5B (allocated)
Increased Support for SBA 7(a) Lending
And other Small Business Administration programs to help small businesses access capital.

n/a
Small Business Tax Cuts and Incentives
Since 2009, 18 small business tax cuts have been signed into law, including expanded capital investment expensing, accelerated depreciation, and an increased deduction for start-up costs.

$12B*
TARP Bank Investments
To provide capital to more than 700 banks, including community development financial institutions, in order to support lending to small businesses and underserved communities.

$1.4B (allocated)
State Small Business Credit Initiative
To fund state programs that provide credit support to private sector lending and investment in small business.

n/a
Expanded FDIC Deposit Insurance
To stabilize banks and help maintain confidence in the financial system, the Federal Deposit Insurance Corporation temporarily eliminated coverage limits on noninterest-bearing transaction accounts.

$4.3B (allocated)
Term Asset-Backed Securities Loan Facility (TALF)
To restart credit markets, including for small business loans.

$413M
Auto Supplier Support Program and Auto Warranty Commitment Program
To support small auto parts makers and other vendors with TARP funds, saving thousands of jobs.

n/a
Temporary Liquidity Guarantee Program (TLGP)
To decrease the cost of bank funding, including small banks, and to encourage liquidity in the banking system.

* DOES NOT INCLUDE FUNDS TO BANKS REFINANCED INTO CDCI OR SBLF.
SOURCE: TREASURY.

Wall Street Reform: **Overview**

The financial crisis laid bare the vulnerability of our financial system on a scale not seen in generations. It exposed fragmented and antiquated regulations that allowed large parts of our economy to operate with little or no oversight, including some irresponsible lenders, who used hidden fees and fine print to take advantage of consumers.

Wall Street Reform has changed that. In July 2010, President Obama signed into law the **Dodd-Frank Wall Street Reform and Consumer Protection Act**, establishing new rules of the road that make our financial system safer for consumers, investors, and other market participants. Since then, we have completed or made significant progress implementing reforms that address each of the tenets of the law outlined in its preamble.

We are...

- *Improving accountability and transparency* ✓
- *Ending "too big to fail"* ✓
- *Ending taxpayer bailouts* ✓
- *Protecting consumers* ✓

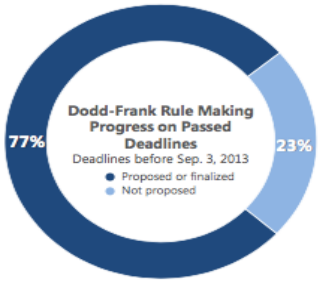

SEE NOTES.

Wall Street Reform: **Improved Accountability and Transparency**

Wall Street Reform puts large financial firms and markets that once operated outside of federal oversight under **greater scrutiny**, establishes new ways to **identify potential threats** to the financial system, and creates new tools to wind down large financial firms so that **taxpayers do not bear the burden** of the firms' mistakes.

Before the passage of Wall Street Reform, there was federal oversight primarily of traditional banks. Other types of nonbank financial institutions, even if very large, received little or no consolidated federal supervision. Wall Street Reform created the means to make sure that other large financial firms do not threaten the safety of our entire financial system, as they did in 2008.

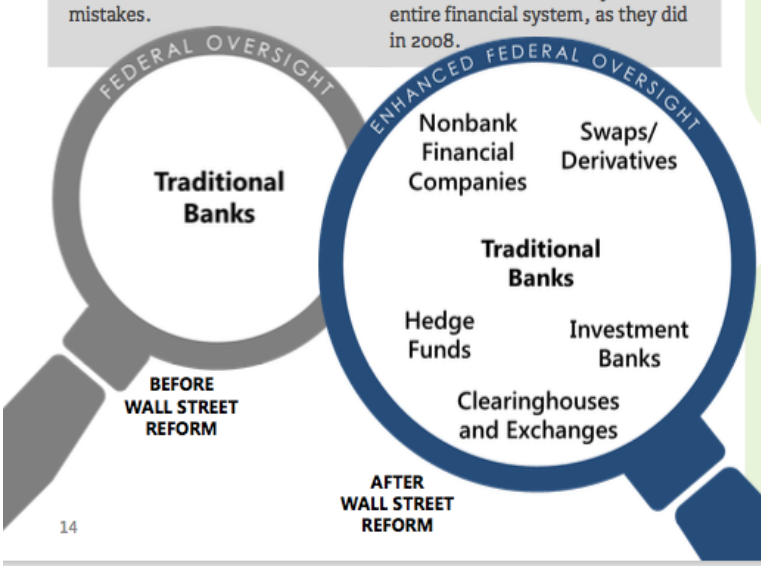

Financial Stability Oversight Council (FSOC)

- Established as a central forum for senior government officials to identify risks and monitor developments in the financial markets.
- Although the FSOC is required to convene only four times per year, the FSOC has met more than 30 times since its creation in July 2010.
- Designated financial market utilities and nonbank financial companies for heightened federal oversight.

Office of Financial Research (OFR)

- Supports the work of the FSOC, and its director serves as one of its members.
- Identifies and monitors emerging risks in the financial system.
- Fills gaps in financial data and addresses deficiencies in our understanding of the financial system that were revealed by the financial crisis.

Wall Street Reform: **Ending "Too Big to Fail" and Taxpayer Bailouts**

Wall Street Reform is ending the notion that any firm is too big to fail. Large financial firms must now have plans in place for how they could be resolved in an orderly manner in the event of their failure. In addition, regulators now have new tools to better monitor the system and to wind down firms whose failure could threaten the larger economy.

Stress Tests and Higher Capital

- Requires the Federal Reserve to conduct annual reviews of the nation's largest banks to assess their ability to weather a severe financial storm.
- Helps maintain investor confidence and encourages the flow of private capital into the banking system.
- Higher capital levels for financial institutions required.

Living Wills

- Provide a blueprint for the bankruptcy of large financial institutions so that these firms and their regulators can make informed decisions in the event of serious financial distress or failure.
- As of today, fifteen of the largest U.S. and foreign financial firms have submitted living wills to the Federal Reserve and FDIC.
- More than 100 additional firms are expected to submit plans by the end of this year.

Resolution

- Orderly liquidation authority gives regulators legal tools for winding down large financial firms that are similar to the ones they have long used to wind down traditional banks in order to:
  - Prevent serious adverse effects on financial stability in the United States.
  - Prevent taxpayers from ultimately bearing the losses.

Wall Street Reform: **Ending "Too Big to Fail" and Taxpayer Bailouts, cont.**

In the wake of the financial crisis, senior unsecured borrowing costs for large bank holding companies have risen more than for smaller, regional bank holding companies. If investors perceive large bank holding companies as "too big to fail," we would expect these borrowing costs to be low and vary little by the size of the institution or its activities, as was the case before the crisis. But today, senior unsecured borrowing costs have increased significantly for the largest, most complex institutions, especially relative to smaller institutions.

Large and Regional U.S. Bank Holding Company Five-Year Funding Spreads

Spreads over Treasury Yields

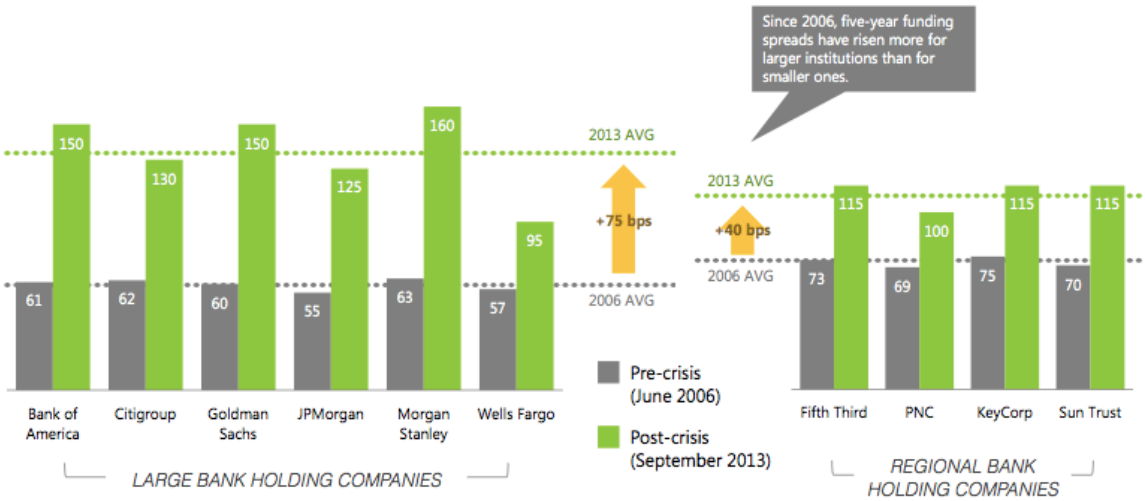

SOURCE: TREASURY ANALYSIS..

Wall Street Reform: **Protecting Consumers**

Consumers are empowered to make more informed financial choices because of Wall Street Reform. The new Consumer Financial Protection Bureau (CFPB): 1) helps make consumer financial products clearer and more understandable, 2) makes it easier for homebuyers to choose a mortgage that is right for them, and 3) will now supervise consumer financial products and services that once operated outside of federal oversight.

Protecting Consumers from Irresponsible Mortgage Lending

The CFPB finalized rules requiring lenders to ensure prospective buyers have the ability to repay their mortgage...

- Financial information has to be supplied and verified.
- A borrower has to have sufficient assets or income to pay back the loan.
- Teaser rates can no longer mask the true cost of a mortgage.

...and protects borrowers from risky lending practices (Qualified Mortgages).

- No excess upfront points and fees.
- No toxic loan features.
- Cap on how much income can go toward debt.

New student loan assessment tools

- A "Financial Aid Shopping Sheet" that helps students and their families evaluate the cost of college.
- Already adopted by 750 colleges representing millions of students and families.

Holding Mortgage Servicers Accountable

The CFPB put in place rules that will require servicers to:

- Provide borrowers with clear monthly statements.
- Give borrowers earlier warnings about adjustments in interest rates.
- Inform struggling borrowers about mortgage modifications and other foreclosure alternatives.

CFPB By the Numbers
As of August 7, 2013

$432 Million: *Amount of money refunded as a result of CFPB enforcement actions to consumers who had been subjected to deceptive practices.*

200 Million: *Number of consumers who have files at the major consumer reporting agencies, which are now subject to federal supervision for the first time.*

30 Million: *Number of consumers currently subject to debt collection agencies, which are now subject to federal supervision for the first time.*

12 Million: *Number of consumers who use loans from payday lenders, which are now subject to federal supervision for the first time.*

2 Million: *Number of households for which nonbanks originated mortgage loans in 2011 and which are now subject to federal supervision for the first time.*

Progress AND Cost

Progress and Cost: **A Safer and Stronger Financial System**

Our financial system is safer and stronger since the crisis, and business conditions are rapidly improving, although we need faster economic growth.

Our banks have added nearly **$450 billion*** of capital over the last four years to:

- Cushion against unexpected losses.
- Support lending to consumers and businesses.
- Reduce overall leverage in the banking system.

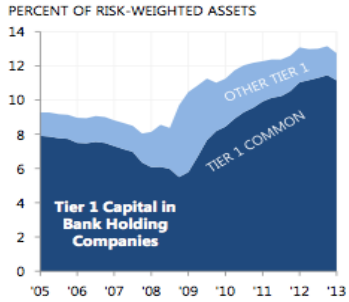

The **Tier 1 capital ratio**, a measure of the amount of safe, high-quality capital in the financial system, is up significantly from its pre-crisis lows. Tier 1 capital serves as a basic measure of a financial institution's strength and ability to absorb losses.

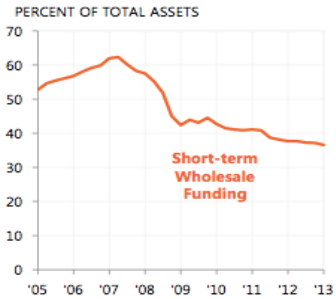

Short-term wholesale funding, a less stable source of funding, is down. Short-term wholesale funding is funding with a maturity of less than one year that financial institutions, including banks, rely upon to finance their operations and assets. The source of this funding is typically other institutions and its form varies, including interbank lending, brokered deposits, repurchase agreements, and commercial paper.

* SEE NOTES

SOURCE: FDIC, FEDERAL RESERVE, BUREAU OF ECONOMIC ANALYSIS

Progress and Cost: **AIG**

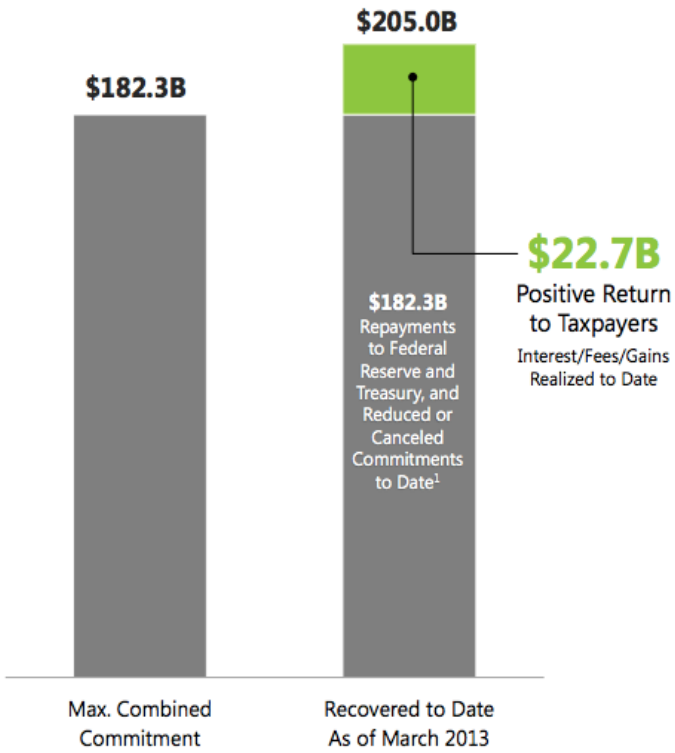

The crisis response helped prevent the collapse of the financial system and stabilized AIG. In the fall of 2008, one of the most difficult decisions faced by the government was whether to provide assistance to AIG. The government concluded that the consequences of a company of AIG's size and scope failing at that time, in those circumstances would have been catastrophic for American families and businesses. Therefore, Treasury and the Federal Reserve provided assistance. Today, the government no longer holds any residual interest in AIG and taxpayers have earned nearly $23 billion in positive returns from the assistance provided to the company. The government also now has powers it did not have before to prevent a similar financial firm from posing such catastrophic risks to our economy.

SEE AIG NOTES TO SLIDE 22 FOR FURTHER DETAILS.

Progress and Cost: **The Financial Crisis Response**

The government will likely earn a significant profit on the financial crisis response.

The federal government's crisis response was designed to stop the panic and stabilize the financial system with a series of measures, including government guarantees, emergency financial programs, and capital investments. It succeeded in doing so.

Estimates of the potential losses at the time exceeded $1 trillion dollars. By mid-2013, with most of the emergency programs wound down and most of the funds disbursed under the Troubled Asset Relief Program (TARP) recovered, we can more realistically measure the potential losses and gains on the overall effort.

This chart shows current budget estimates for most of the financial stability programs. The methodology and source of the various estimates is described in the attached notes. Any estimate of potential loss or gain carries significant uncertainty. This is particularly true for the auto program because we have not completed the wind down of these investments, and it is true for the housing programs because they will continue to provide assistance to homeowners for the next few years. The other programs are closed or have few assets remaining.

This chart does not include excess earnings from the Federal Reserve or any cost or gain related to the conservatorship of Fannie Mae and Freddie Mac. It also does not include figures related to the Recovery Act or tax revenues lost from the crisis.

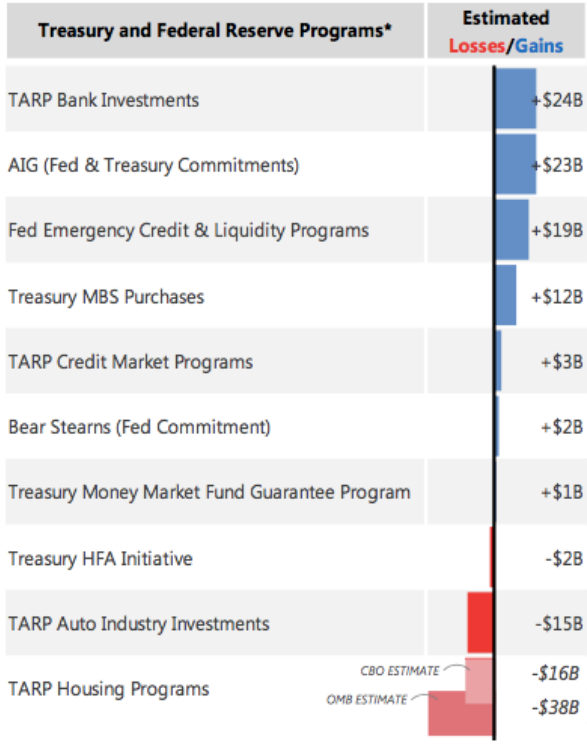

Nguồn:https://www.treasury.gov/connect/blog/Documents/FinancialCrisis5Yr_vFINAL.pdf)

PHỤ LỤC 8
BIỂU ĐỒ TỶ LỆ THẤT NGHIỆP DỰ ĐOÁN VÀ THỰC TẾ

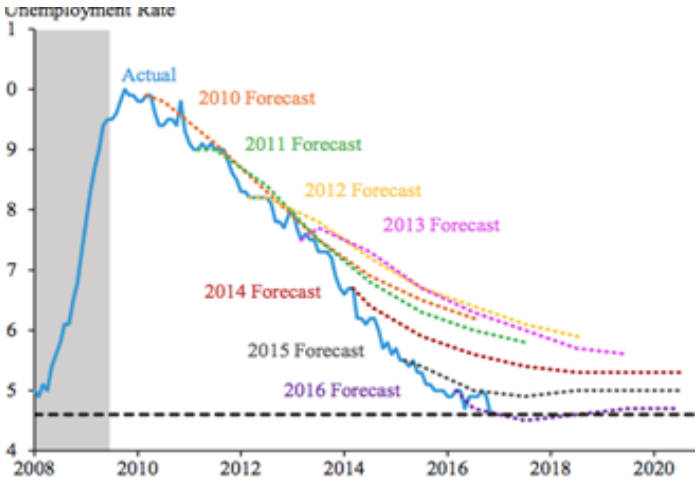

Nguồn: Council of Economic Advisers (2017), *Economic Report of the President*, Washington DC, tr.23.

PHỤ LỤC 9

100 RECOVERY ACT PROJECTS THAT ARE CHANGING AMERICA

(100 dự án trong chương trình Phục hồi làm thay đổi nước Mỹ)

1. Support for Injured Veterans at the Warriors In Transition Complex – Fort Bliss, Texas – $51 million

The Department of Defense is committed to providing high quality support to wounded, ill and injured Soldiers, Sailors, Airmen and Marines. To this end, the Department is using $100 million of Recovery Act funds to construct two Warrior in Transition (WT) complexes, one of which is located at Fort Bliss, TX. This project, which has created approximately 230 jobs so far, was awarded under two contracts. The first contract was awarded to Sundt Construction on May 1, 2009 and the second was awarded to FPM Remediations, a small business, on June 25, 2009. This 185,000 square feet complex consisting of a 232 person barracks, a Battalion and Company Administrative building, and a Soldier and Family Assistance Center (SFAC) is designed to provide housing, social, legal, counseling, and financial services to injured soldiers as they transition within and out of active duty service. This project is scheduled to be complete in February 2011.

2. Advancing the Fight Against Cancer – $153.5 million

The Recovery Act is supporting The Cancer Genome Atlas project (TCGA), a large-scale collaborative effort involving 15 premier research institutions across the United States to characterize the genetic and genomic changes that occur in human adult cancers. The project involves more than 150 researchers to comprehensively characterize the genomic alterations and molecular pathways involved in the development of human adult cancers. The increase in number of cancers being studied, combined with the emergence of powerful new technologies to sequence and analyze cancer genomes, could fundamentally change cancer research and, ultimately, cancer treatment. For example, TCGA data and insights gained from other Recovery Act-funded research could substantially shorten the time and reduce the costs involved in drug development. The information on genomes generated as a result of this study could eventually allow doctors to identify the genetic subtype of cancer affecting a patient. This means that specific, targeted treatments could be chosen for their efficacy and tailored to the patient in ways never possible before. In addition, this study could help develop preventative measures and ways to target and intervene with cancer long before any tumor develops or symptoms first appear.

3. Manufacturing Electric Car Components – Charlotte, North Carolina – $49 million

Celgard, a company that manufactures battery separator materials which are a key component of lithium-ion batteries for electric drive vehicles, won a $49 million Recovery Act grant to expand capacity at its manufacturing operations in Charlotte

and build a new manufacturing facility in Concord, North Carolina. According to Celgard, their Recovery Act-funded project has supported more than 100 jobs already, and will support more than 250 jobs when the project is complete. Building off of the initial Recovery Act investment, Celgard and its project partners are investing private funding to cover more than half the total project cost.

4. Bringing Energy Efficient Appliance Production Back to America – Louisville, Kentucky - $24 million

Supported by $24.8 million in Recovery Act funds through a 48C Advanced Energy Manufacturing Tax Credit from the Department of Treasury, General Electric is investing $600 million into its Louisville, Kentucky Appliance Park facility to expand manufacturing of energy efficient home appliances. With these funds, GE will bring the production of one of its lines back from China, as well as plan to add 800 new jobs through 2013. Already, according to GE, more than 135 new employees have been hired – a literal example of "in-sourcing" production.

5. Expanding the Caldecott Tunnel – Oakland, California – $198 million

The California Department of Transportation is using $198 million in Recovery Act funds to expand the Caldecott Tunnel, which connects the Contra Costa suburbs to the city of Oakland through the Berkeley Hills. With about 250 workers on the job currently, workers continue to be hired for the project, while tunnel boring is underway on both sides of the mountain. The additional two-lane bore, which will bring the total number of lanes to eight, is expected to alleviate congestion on Highway 24 for approximately 160,000 daily commuters.

6. Bringing Large Wind-Turbine Testing to America for the First Time – Boston, Massachusetts - $24.7 million

The Massachusetts Clean Energy Center received a $24.7 million award from the Department of Energy to construct a wind blade testing facility. This facility will be the largest of its kind in the world – capable of testing 3 large wind-turbine blades, up to 90 meters in length. The project is expected to be completed by February 2011, and a number of private blade manufacturers have already agreed to send their blades to Boston for testing. Currently, blades of this size are rarely produced in the United States because the cost of testing them overseas is too high. In addition to employing 60 construction workers, this facility could change the wind turbine manufacturing industry in America.

7. Welcoming Development in a Cleaned Up Industrial Park – South Plainfield, New Jersey – $30 million

The Cornell Dubilier Electronics site in South Plainfield, New Jersey received $30 million in Recovery Act funding to accelerate the cleanup of contaminated soil and debris. During its years of operation at the site, Cornell Dubilier Electronics, Inc. manufactured electronic parts and components, including capaci- tors. The soil is

contaminated with semi-volatile organic compounds, metals, and PCBs and is being treated on-site using low temperature thermal desorption or transported off-site for disposal. Addressing the contaminated soils will allow redevelopment to begin at the industrial park, which is part of a Borough of South Plainfield approved redevelopment plan. Approximately 68 jobs have been created and so far, more than 41,000 tons of soil has been treated. Projected completion is expected in Spring 2011.

8. Small Business Success With The Help of the Recovery Act – Albany, Georgia – $3.2 million

Equinox Chemicals designs, manufactures and distributes chemical products; primarily organic molecules used in various specialty chemical compounds. In 2009 Equinox Chemicals' export sales doubled, having grown to represent over 40 percent of their total business. To meet the demand for its products, the company obtained a $3.2 million SBA 504 loan through Southern Georgia Area Develop- ment Corporation and Flint Community Bank to finance a major plant expansion. Over $27,000 in fees were waived since the 20-year loan was made under the Recovery Act. The loan, approved on May 19, 2010, will fund the purchase of additional land and an adjoining building, along with new equipment and other improvements. It will also help create over 20 new jobs over the next 18 months. The 504 loan combined a 50 percent loan from the bank with another 40 percent funded by CDC debentures and guaranteed by SBA. About 10 percent of the expansion costs are being covered by Equinox.

9. Lighting Up Manufacturing Growth – Durham, North Carolina – $39 million

Cree Inc., the leading U.S. manufacturer of solid state lighting, was selected to receive a $39 million 48C Advanced Energy Manufacturing Tax Credit. With this financial flexibility, Cree has purchased new equipment to add capacity and capability to lower production costs of LED chips and fixtures. As of May 2010, Cree reported having added nearly 375 jobs since the beginning of 2009. Cree has used existing cash to purchase the equipment, and the tax credit will offset Cree's next round of equipment purchases, which will help the company stay ahead of competitors in Korea, China and Japan.

10. Improvements to One of Wisconsin's Busiest Roads – Wisconsin – $94 million

As one of the busiest north-south freeway corridors in Wisconsin, I-94 extends from Milwaukee County south through Racine and Kenosha counties to the Illinois state line and traffic on certain sections is expected to increase by 38 percent in the next 25 years. Thanks to $94 million in Recovery Act funding, the Wisconsin Department of Transportation is widening – from six to eight lanes – a portion of a 35-mile section of I-94 that runs south of the Mitchell Interchange in Milwaukee to the Illinois state line. The additional lanes also will improve inter-modal access, including access to General Mitchell Interna- tional Airport in Milwaukee and the Port of

Milwaukee. The port represents a regional transportation and distribution center with markets that include Wisconsin, northern and western Illinois, and Minnesota. Currently, 70-100 employees per day are working on the project at one of the two separate work sites in Kenosha and Racine. This project also includes a unique Pre-Apprenticeship Training program which provides local workers in Racine and Kenosha with job training and introductions to prospective employers.

11. A New Highway Improves Commercial Access to Appalachia – Nelsonville, Ohio - $138 million

The Ohio Department of Transportation is using $138 million in Recovery Act funding for the Nelsonville Bypass project, the largest infusion of Recovery Act funds Ohio has received for a single project. The project has created nearly 300 jobs in Ohio since breaking ground in the fall of 2009. The new 8.5 mile, four-lane highway will divert freight traffic away from local Nelsonville roads and allow the 620,000 trucks that travel this route every year to do so more quickly and efficiently. The new bypass, which is the final upgrade of the U.S. 33 corridor in southeast Ohio, will also provide much-needed transportation infrastructure to support current and future commerce to Appalachia.

12. Intersection Completed, Benefitting an Entire Region – Loveland, Colorado - $3 million

On August 12, 2010 the new interchange at Crossroads Boulevard and Interstate 25 in Loveland, Colorado opened, addressing a significant regional transportation problem and providing benefits to the region's residents – benefits that would likely have taken another 10-20 years to materialize without this additional funding. The $5.5 million project, which combined $3 million in Recovery Act funds with funds from a metro district maintained by developer McWhinney and funding from local tax funds, features a large roundabout on either side of I-25 and pedestrian walkways below the bridge, and is expected to handle about 24,000 vehicles per day. In the final quarter before completion, this project supported 22 employees.

13. Increasing Wind Turbine Production – Muncie, Indiana – $12.8 million

Brevini Wind is a wind gear box manufacturer which, by combining over $12 million in Recovery Act tax credits with over $60 million in investments of private capital, is building a new plant in the small manufacturing town of Muncie in Central Indiana. The company recently signed a $100 million agreement with WinWind, a Finnish manufacturer of wind power plants to supply main drives for Win Wind's 3 MW Turbines. The main drive units are one of the most important, complex, and expensive components in wind turbines – and have largely been produced outside the United States at this point. The plant, scheduled to be up and running by late 2010, is expected to employ 450 people building planetary gearboxes, which convert kinetic energy from wind turbines into electricity.

14. Connecting Downtown Tampa with the Port of Tampa – Tampa, Florida - $105 million

The Recovery Act is contributing $105 million through a Highway Infrastructure Investment Grant towards a $653 million project that will link Interstate 4 and the Lee Roy Selmon Crosstown Expressway in Tampa, Florida. The new elevated roadway will include a series of separate ramps that merge into a 12 lane roadway, and provides improved regional movement of traffic near Tampa Bay. More than 12,000 commercial trucks that travel through downtown to and from the Port of Tampa every day will receive a direct access route to the Port of Tampa. Already, the city of Tampa has reported more than 150 jobs created due to the Recovery Act funds.

15. Manufacturing Smart Meters for the Smart Grid – West Union, South Carolina – $5.2 million

Headquartered in Washington State, Itron, Inc. is a manufacturing and information integration company, as well as a leading technology provider to energy and water industries throughout the world. Itron received a $5.2 million 48C Advanced Energy Manufacturing Tax Credit under the Recovery Act that will help them re-equip their West Union, South Carolina facility to produce an increased number of OpenWay CENTRON smart meters for smart grid projects around the country. The company has reported significant growth recently with more than 200 new jobs coming as a direct result of the Recovery Act funding as well as the expanded demand created by the Recovery Act's smart grid investments. Itron estimates that one year's production of the meters will be able to reduce electricity use by approximately 1.7 million megawatt hours per year.

16. Expanding to Manufacture Solar Energy Materials – Circleville, Ohio - $50 million

A $50 million Recovery Act 48c Advanced Energy Manufacturing Credit, along with $6 million in state incentives, is helping DuPont fund a $175 million expansion of its Circleville, Ohio plant as part of a multi -phase capacity expansion to manufacture Tedlar, a thin-film solar application. DuPont applied for the 48C tax credit in parallel with the work with the Ohio Department of Development. The prospect of combined federal and state incentives supported a decision for domestic U.S. manufacturing and the selection of the Circleville site. DuPont employs 1,300 people across Ohio with operations at 15 sites.

17. Pushing Innovation in Photovoltaic Solar Panels – Longmont, Colorado and Tipton, Indiana – $400 million

The Department of Energy has conditionally committed to provide a $400 million loan guarantee to Abound Solar Manufacturing, LLC to manufacture state-of-the-art cadmium telluride thin-film solar panels. The project includes two facilities: the capacity expansion of an extant facility in Longmont, Colorado and the construction of

a new facility in Tipton, Indiana. When fully operational, the company will produce millions of solar panels annually at a lower cost than some competing technologies due to the use of cutting-edge solar manufacturing technologies. The company anticipates that the project will create approximately 2,000 jobs during construction and 1,500 permanent jobs.

18. Spurring Investment in Wind Power - DeKalb County, Missouri -$107 million

The 150 megawatt Lost Creek Wind Farm, developed by St Louis based Wind Capital Group (WCG), received a $107 million 1603 grant-in-lieu-of-tax credit for renewable energy generation award in July of 2010. The project created over 300 jobs on-site while under construction. General Electric supplied 100 of its 1.5 megawatt turbines for the project and the transformers were manufactured by ABB in Jefferson City, Missouri.

19. Rehabilitation of the Staten Island Ferry Terminal – Staten Island, New York – $175 million

The NYC Department of Transportation (NYCDOT) is using $175 million in Recovery Act funds to rehabilitate eight vehicular bridges, one pedestrian bridge and one parking field which provide com- muter access to the Staten Island Ferry Terminal. With over 120 workers currently on site, the project has provided a significant boost to the local economy. The bridges support pedestrian traffic, MTA bus routes and stations, drop off and pick up taxi service, and other passenger vehicle traffic. The rehabilita- tion of the St. George Ferry Ramps will restore and preserve the structural integrity of these bridges for another 25 years while completing the makeover of this vital transportation hub. This hub provides a direct connection for 60,000 riders on a daily basis to and from Manhattan.

20. Battery Manufacturing and Electric Drive Component Grants – Livonia, Michigan – $249 million

A123 is using its $249 million Recovery Act award to build battery factories in Livonia, Romulus, and Brownstown, Michigan. The factories will help America become a leader in battery manufacturing technology while also providing a critical link in the supply chain for other clean energy technologies and products. The company, which received its award on December 3, 2009, has already reported the creation of 90 new jobs, and expects to hire over 3,000 people by 2012. A123 has signed contracts with Navistar and Fisker, and is actively working with several well-known carmakers. The company plans to ship the first battery from its high-volume production line in Livonia this September.

21. Financing an Entrepreneurial Veteran in Florida – Jacksonville, Florida - $1.1 million

Virginia native Andy Harold served 10 years as a Navy helicopter pilot, then started working for a company that did helicopter training for the Department of

Defense using multimedia. As he drew to the end of his contract with that company, Mr. Harold decided to fulfill an entrepreneurial dream and start A. Harold + Associates. To support this dream, Mr. Harold applied for and received two SBA Recovery loans from Regions Bank over the past year. First, in September 2009, he received a Patriot Express loan for $350,000 to help with general operations. Then, in February 2010, he received a 7(a) loan for $750,000. Because of the waived fees, he saved over $33,000 on these two Recovery loans, and he is hiring 10 new people.

22. Supporting Businesses that Support Our Troops – Wilmington, Delaware – $1.6 million

Masley Enterprises manufactures high-tech gloves that provide protection for American soldiers without restricting their flexibility or movement. In 2009, Masley won a major contract to supply gloves for soldiers in Iraq and Afghanistan. Masley turned to the Small Business Administration for a $1.6 million Recovery Act 7(a) loan, which, thanks to the Recovery Act, carried a 90 percent government guarantee and saved Masley Enterprises $55,000 in fees - crucial to the bank's decision to approve the loan. Between the Recovery Act loan and the Army contract, Masley was to rehire some employees who had been laid off during the economic downturn. Today, Masley Enterprises has annual sales of $2.9 million and manufactures its own products with 44 employees.

23. Connecting Communities with Rail Transportation – Dallas, Texas – $61 million

Approximately $61 million in Recovery Act funds helped fund the 14-mile Orange Line rail construction project that will connect Dallas, the thriving Las Colinas Urban Center (LCUC) in the nearby city of Irving, and ultimately Dallas Fort Worth International Airport. This large project has produced over 600 construction jobs with more than 80 contractors based in 14 states. The Orange Line has also generated more than $4 billion dollars in transit- oriented development within the corridor, including more than 10,000 new housing units, 18,000 new employees added more than 200 area businesses, and a $135 million Irving Convention Center set to open in 2011.

24. Keeping Clean Energy Jobs of the Future in America – Holland, Michigan - $299 million

Johnson Controls won a $299 million grant to build a battery manufacturing facility in Holland, Michigan. Johnson Controls is matching the investment dollar-for-dollar, and will be creating new hightech jobs in the automotive industry. The project is already bringing jobs to Holland - Johnson Controls has created or saved at least 100 jobs so far, and expects to create 500 permanent positions when the project is complete. Before the Recovery Act grant, Johnson Controls had considered Asian locations for its first high-volume advanced lithium-ion battery factory. The Recovery Act allowed the company to build in Holland, hire local construction and manufacturing workers, and help create a domestic advanced battery industry. Johnson

Controls has already signed contracts with Ford and Azure dynamics, and plans to ship its first battery in September of 2010, only ten months after receiving their grant.

25. Transforming the Future of Electric Distribution and Energy Consumption – Houston, Texas – $200 million

CenterPoint Energy will accelerate the completion of its current smart meter system by the end of 2012 and install the first phase of its grid hardening and automation called the Intelligent Grid "IG". The project in Houston, Texas includes two distinct but interdependent parts, including accelerating and completing the installation of 2.2 million smart meters and associated equipment that make up CenterPoint Energy's advanced metering system. These smart meters will enable residential and commercial customers to more effectively manage and control their electricity usage. The project will also install distribution grid automation equipment and technology, allowing CenterPoint Energy to operate the distribution grid more efficiently, improve system reliability, and create the capability for the grid to "self-heal." Once completed, CenterPoint Energy's smart grid will serve as an example of an integrated, cyber-secure, scalable, and replicable smart grid. CenterPoint reported supporting nearly 300 jobs last quarter. CenterPoint estimates nearly 2,500 total direct and indirect jobs will be created as part of their smart grid project.

26. Highway Repairs Creating 500 Jobs– Cape May County, NJ -- $70 million

State Department of Transportation Commissioner Stephen Dilts said the $251 million project, $70 million of which is supported by Recovery Act funds, on the Route 52 causeway would bring 500 high-paying jobs to Cape May County over the next three years. 'This $251 million phase is an investment in southern New Jersey,' Dilts said. George Harms Construction completed the first stage of construction six months early. About 40,000 motorists per day cross the causeway in the summer.

27. Rehabilitating the Atlantic Avenue Viaduct – Brooklyn, New York – $77 million

The massive rehabilitation of the 107-year-old Atlantic Avenue Viaduct will restore this much-traveled and critical stretch of railroad infrastructure to a state of good repair. This $77 million project is one part of a larger $400 million Recovery Act transit grant which has supported about 110 direct jobs per quarter in 2010. Rehabilitation includes replacing 86 steel spans as well as installing new employee walk- ways to improve safety. The Recovery Act funds are being used to make critical structural replacements along the 1.5 mile elevated structure which carries Long Island Railroad (LIRR) customers between Jamaica and Downtown Brooklyn. With more than 25,000 customers each week, and an additional 16,000 on the weekend, the route is a high-traffic segment along the LIRR.

28. Keeping Police Officers on the Streets – Toledo, Ohio – $8.3 million

The Department of Justice provided approximately $8.3 million in grants to the Toledo Police force, saving jobs and increasing public safety in the area. The COPS

grant funding was used to keep police officers in their job, helping the city re-hire 31 officers. In addition, a Justice Assistance Grant put 36 laid -off officers back on the street.

29. A Bridge to the Future – Baltimore, Maryland – $21.9 million

The eight-lane I-695 bridge is one of Maryland's top bridge-replacement priorities, and the Department of Transportation provided over $20 million in Recovery Act funds to replace the bridge. The project broke ground in May 2010, and will create an estimated 200 jobs during the peak of construction. Built in 1961 and widened twice since then, the bridge carries an estimated 210,600 vehicles each day over Liberty Road. With no expected winter construction shutdowns, the new bridge will be completed in late summer 2012, and will accommodate the over 282,000 daily drivers estimated to use the route by 2030 (a 34 percent increase over current traffic).

30. Creating Jobs and Growth for Small Businesses – Sonoma, California – $8.7 million

Abide International, a small business construction firm based in California, had a significant increase in business through the Recovery Act. Abide received 6 Recovery Act contracts from the Department of Transportation and the Department of the Interior. Their requests range from housing improvements to roadway construction, including a $4 million contract to repave six miles of Washington Road in California's Nevada County. Abide has hired nine new employees due in part to the Recovery Act funded work, and plans to hire additional employees this year.

31. American Batteries for America's New Electric Vehicles —Holland, Michigan — $151 million

Compact Power, Inc. received a grant of over $150 million from the Department of Energy to build a battery cell manufacturing factory in Holland, Michigan. The factory will produce battery cells for the Chevy Volt, amongst other vehicles. According to Compact, approximately 70 construction jobs have been created or saved and they are on-track to hire 300 workers at the peak of construction. In addition, by 2013, Compact estimates 300 workers will be permanently employed at the facility.

32. Health Centers Serve More Rural Patients – Faison, North Carolina – $2.5 million

Goshen Medical Center (GMC) received Recovery Act funding to increase its health center staffing. As a result of ARRA funding, GMC has provided care to 468 new patients and maintained care for recently uninsured current patients in Duplin County, a rural, economically depressed area. Additionally, 12 new jobs have been created to support these activities. Also, GMC has conducted renovation and construction on four sites, resulting in expanded physical space to serve patients and has created additional construction jobs. GMC has also implemented an electronic

health record system that will be used at all delivery sites.

33. Charging Up America's Clean Energy Industry at ECOtality – Phoenix, Arizona – $114 million

ECOtality in Phoenix, Arizona is helping bring the first electric-drive vehicles and charging stations to cities around the country. The company received a $114 million dollar grant through the Recovery Act Transportation Electrification program. ECOtality and its project partners are matching the federal investment dollar-for-dollar. The award is putting 8,500 electric-drive vehicles on the road, both Nissan Leafs and Chevy Volts, and more than 14,000 chargers in 16 cities around the country. ECOtality reported supporting 50 jobs last quarter, and because of the Recovery Act, the company expects to hire 75 more workers. ECOtality also estimates an additional 750 indirect jobs will be created over the course of the project.

34. Lead and Arsenic Cleanup – Evansville, Indiana – $6.6 million

The Recovery Act provided $6.6 million to an ongoing lead and arsenic cleanup project covering more than 300 residential yards in the Jacobsville Neighborhood of Evansville, Indiana and creating over 25 jobs. Due to the Recovery Act funding, the proposed cleanup is now on an accelerated schedule. The site in this neighborhood is about 250 acres or 45 city blocks. Formerly used by several lead manufac- turing companies, this site now houses both residential and commercial properties.

35. Solar Lab on Bean Federal Center - Indianapolis, IN - $35.5 million

The Emmet J. Bean Solar Lab is one of more than 50 Federal building rooftops across the country upon which GSA is installing solar arrays using Recovery Act funds. In addition to generating clean, renewable energy, GSA's Recovery Act projects are putting people to work in construction and emerging green industries. Indianapolis construction company Shiel Sexton has put more than 60 people to work with GSA's Recovery Act funds to convert the roof of the Emmet J. Bean Federal Center into a proving ground for solar power technology. Workers are installing approximately 6,000 solar panels on the roof that will generate 1.8 mega- watts of renewable energy. A portion of the panels will serve as a "Solar Lab," where the performance of four different types of solar technology will be researched by GSA and the Department of Energy's Sandia National Lab to determine which solar panels work best in the Midwestern climate.

36. Transforming Denver Union Station – Denver, Colorado – $28 million

Thanks in part to a $28 million Recovery Act grant, the Denver Regional Transportation District and the Denver Union Station Project Authority are redeveloping the Denver Union Station site as a multimodal transportation center that will accommodate significant additional passenger rail service (FasTracks) now under construction. The nearly half billion dollar project will transform Union Station into the hub of a seamless, interconnected transportation system which provides access to

Amtrak, light rail, bus transit, parking and bicycle/pedestrian routes. When completed, the new station will reinvigorate downtown Denver and provide better access to housing, jobs, and commerce, and improve connections for business, education, recreation, tourism, and services. Recovery Act funding has already created more than 110 jobs on the project, which will be completed in 2014.

37. Financing Key Infrastructure Project to Seismically Retrofit the San Francisco-Oakland Bay Bridge – California – $2.8 billion

The Bay Area Toll Authority (BATA) issued Recovery Act Build America Bonds (BABs) to help finance the San Francisco-Oakland Bay Bridge Seismic Retrofit project. This innovative financing tool gave the Toll Authority access to capital at a time when the traditional tax-exempt market was severely impaired. By issuing BABs, BATA estimates that it saved $351 million in present value terms over comparable tax- exempt debt. The savings have allowed the Authority to increase project capacity, improve infrastructure and create additional jobs. Currently, the Bay Bridge Project directly employs roughly 1,000 people on-site and another 500 in support roles.

38. Broadband Expansion to Rural Communities – Kansas – $49.5 million

With the $51.6 million loan and a $49.5 million grant provided by the Recovery Act, the Rural Telephone Service Co., Inc. will provide broadband service in an area of western Kansas that is 99.5 percent unserved or underserved, and covers 26 communities and rural areas spanning over 4,600 square miles. Such service will provide the infrastructure required for economic stability, education and healthcare. The company has hired eight of the projected 17 new employees and the three engineering firms and five contractors associated with the project have created a number of jobs.

39. Road Construction Jobs Now; Greater Economic Development to Follow – Ocala, Florida – $3.2 million

The Economic Development Administration granted approximately $3.2 million through the Recovery Act for the construction of critical road, water, and wastewater line improvements to facilitate develop- ment of a new road segment of NW 44th Avenue in the city of Ocala, Florida. In the short term, the recipient estimates 24 construction jobs will be created, but in the long run these industrial tracts will serve the Ocala community for decades. According to recipient estimates, three companies will create a total of 77 new jobs and invest $25 million in capital improvements within three years of the initial estimate and several industrial tracts will become more marketable for future development and employment growth.

40. Patriot Express Loans for a Family-Owned Company – Cumberland, Rhode Island – $500,000

Gorman Roofing, Inc. is a 30-year old family-owned and operated commercial roofing company. The company president, Raymond Gorman, is a service-disabled

veteran. Today, Gorman Roofing has 43 employees who are experienced roofing mechanics. SBA introduced Mr. Gorman to Bank Rhode Island and the end result was that the company was able to obtain two SBA 90 percent-guaranteed Patriot Express loans totaling $500,000. The company saved $10,425 in guarantee fees but more importantly the SBA assistance prevented the layoff of 25 employees. Loan proceeds were used to restructure existing debt and secure working capital to keep the company operating during the economic downturn. Mr. Gorman said that the SBA assistance saved his company.

41. Energy Efficient Federal Center – Denver, Colorado – $39.4 million

A team of Colorado small businesses has put nearly 40 people to work so far installing 35 acres of solar panels on the roofs and grounds of the Denver Federal Center. The seven megawatt solar Recovery Act project will provide clean, renewable energy to help power the offices of the nearly 6,000 people who work on the campus, saving thousands of dollars in energy costs and preventing thousands of tons of greenhouse gases from entering the atmosphere every year. The Denver solar project is the largest single part of GSA's effort to add 12 megawatts of solar power generation capacity at federal buildings nationwide – increasing solar power capacity by nearly 600% while generating enough renewable electricity to power 1,600 homes the equivalent of removing 2,500 cars from the road.

42. Illinois Wind Drives Economic Growth with Treasury's Help – Livingston County, Illinois – $170 million

The Streator Cayuga Ridge wind park in Livingston County, Illinois, received $170 million through the 1603 grants-in-lieu-of-tax-credits program for renewable energy generation. This 150-turbine project will generate 300 megawatts of clean, renewable energy, enough to power the approximate equivalent of over 86,000 typical American homes. In addition, the project is creating jobs and helping to drive local growth. During construction, the wind park created over 300 jobs, while the increased tax revenue has allowed the local government to disburse economic development grants to local businesses. The project has also helped preserve jobs at component factories in Pennsylvania, Wisconsin and North Dakota. When completed in March 2010, it was the largest wind project in Illinois.

43. A Solution to the "Mercer Mess" – Seattle, Washington – $30 million

The City of Seattle is using a $30 million Recovery Act TIGER grant to solve the "Mercer Mess." The Mercer Corridor Redevelopment project will alleviate congestion around the "Mercer Mess," which has long been a major bottleneck hindering access to Seattle's fastest growing neighborhood, South Lake Union. The $160.7 million project, supported by $30 million in Recovery Act funds, will transform Mercer Street into a two-way boulevard that links South Lake Union and the Seattle Center to the rest of the Puget Sound region. The project also provides signifi-

cant bicycle, pedestrian and freight improvements, including 30 blocks of sidewalks, and will relieve severe traffic congestion for the 80,000 vehicles that use it every day. The city of Seattle estimates 1,200 direct construction jobs will be created by the project, which broke ground in September 2010 and will be completed in Summer 2012.

44. Improving Safety and Saving Jobs in Atlanta – Atlanta, Georgia – $3.4 million

Under the Recovery Act Edward Byrne Memorial Grant Program, the City of Atlanta was able to address their near reality of having twenty-three officer positions frozen as a result of its deficit. The Byrne grants provided funds to ensure that the positions were kept, which keeps officers employed while making the city of Atlanta a safer place.

45. Manufacturing Batteries to Power 60,000 vehicles – Midland, Michigan - $161 million

In June, Dow Kokam broke ground on a brand new advanced, large-format battery production facility in Midland, Michigan. According to Dow Kokam, they have already supported more than 100 construction jobs, a figure which is expected to rise to 1,000 at the peak of construction. Dow Kokam estimates that the 800,000 square-foot facility will permanently employ nearly 800 workers when complete, and will be able to produce enough affordable lithium-ion batteries to power 60,000 vehicles per year. Dow Kokam and its project partners are matching the grant dollar for dollar.

46. New Instruments Aid Creation of Materials for Energy Efficiency – New Brunswick, New Jersey – $2 million

NSF has awarded Rutgers University approximately $2 million to develop a new kind of scanning transmission electron microscope. Rutgers is collaborating with Nion, a small U.S. business, to develop an electron microscope that is optimized for investigation of materials that are important to energy related applications: more efficient batteries, conversion of light to electricity or to chemical reactions that produce hydrogen, and nanostructured materials that have new properties. The research has supported four jobs for technical personnel at Rutgers and Nion Co. Commercialization of this technology will lead to many important new nano-materials research applications, and produce valuable, high- technology jobs. It will also serve as a tool for educating the public about science and associated issues and help prepare the next generation of advanced materials scientists and engineers to make additional discoveries.

47. Expansion to McCook's Community Hospital – Nebraska – $17 million

The Community Hospital Association secured $17 million in Recovery Act funding to expand McCook's Community Hospital to better serve the community needs. This expansion has already created 50 jobs and is expected to create another 200 throughout

the course of the construction. McCook's Community Hospital is a Critical Access Hospital that provides acute inpatient and outpatient care, skilled nursing, emergency medicine, surgery, obstetrics and delivery, diagnostic facilities, pharmacy and rehabilitation services to eight counties in two states with approximately 30,000 residents. These improvements to McCook's Community Hospital are intended to improve patient care and safety. The Hospital offers two rural health clinics, an outpatient services center, home health and hospice programs, visiting specialists, sleep study and orthopedic clinics. With this project expansion, the hospital has recruited an additional General Surgeon who will join the facility in the summer of 2011. The hospital is also actively recruiting an Orthopedic Surgeon at this time - currently all local orthopedic trauma patients have to be transferred or diverted, at least 70 miles, for treatment. An additional $15 million Rural Development community facility guaranteed loan was financed through Thayer County Bank of Hebron, Nebraska.

48. Extending Amtrak "Downeaster" Service – Brunswick, ME – $35 million

Thanks to a 30 mile service extension made possible by $35 million Recovery Act grant, the Amtrak Downeaster passenger rail service which currently operates between Boston, MA and Portland, ME will soon add service to two new cities, Freeport and Brunswick, ME. The project will rehabilitate 30 miles of track, construct two new station platforms, upgrade and install new signals along the rail line, as well as improve the roadway-rail grade crossings. The expanded passenger rail service will increase rail rider- ship, improve connectivity to the region, encourage tourism, and support economic development initiatives in the region. The "Downeaster" extension project broke ground on August 2, and is expected to employ 174 workers during construction. The new line has also spurred private investment in the region, including a new hotel under construction next to the Brunswick station, estimated to provide 150 construction jobs and 30 permanent jobs when completed.

49. Health Centers for the Underserved –Palmetto/Decatur, Georgia – $8.2 million

Palmetto Health Council (PHC) received funding to both increase and expand delivery of primary health care services and to make capital improvements. These efforts are occurring in an economically depressed rural region in central Georgia and 19 jobs have been created to support the activities. To date, creation and expansion of three delivery sites has resulted in 2,065 total new patients being served, of which 1,687 were uninsured. These efforts included dental facility expansion and creation of pharmacy services where none previously existed. In addition, a groundbreaking was held Aug. 31 to begin construction of a 21,300 square foot primary care facility in Palmetto, GA. A local construction company has been secured and will utilize locally supplied building materials and local labor. PHC plans to hire an additional three medical employees to serve 3,800 patients in this new facility.

50. Training Young People for Energy Efficient Building – Bridgeport, Connecticut – $606,850

In Bridgeport, Connecticut, Youthbuild participants will have the opportunity to earn the Pre-Apprenticeship Certificate Training (PACT) of the Home Builder's Institute (HBI). Participants who earn a PACT certificate have the skills necessary to secure entry-level employment in their chosen trade (carpentry, electrical, plumbing, landscaping, masonry, and facilities maintenance). Completion of the YouthBuild program will qualify participants to enter an apprenticeship in the Carpenter's Union Local 210 as a second year apprentice. This project, in addition to training more than 50 participants, will create five new project staff positions (Project Manager, Union Liaison, Adult Basic Education Instructor, and two Instructors).

51. Dynamic Energy Pricing Through Smart Meter Deployment – Chattanooga, Tennessee – $111 million

The Electric Power Board of Chattanooga is upgrading the current electric system with smart grid technology, which will enable more efficient energy use and better service for customers, including reducing the length of outages. The project will put a smart meter in all 170,000 households in the Tennessee network, in addition to completing fiber extension construction throughout the service area, automating sub-transmission and distribution systems, and enabling customer systems that will provide consumers additional information about their energy use. The Electric Power Board has supported more than 80 jobs with Recovery Act funds.

52. Providing Housing Options for Abused Women and Children – Larimer County, Colorado – $500,000

This Recovery Act grant partnership at Crossroads Safehouse has provided a bilingual, invigorated coordinated community response of job skill and educational services and life-saving transitional housing for families who have suffered from domestic violence. The funding expanded the program – the only domestic violence shelter in Larimer County – from 15 units to 25 units. Without this funding, many of the battered women and their children who turn to Crossroads in this largely rural county would have had little option but to become homeless or go back to their abusers. Recovery Act funding has been used to provide additional consulting and staff support at over 20 network institutions.

53. Improving How We Identify Children with Autism – Ann Arbor, Michigan – $1.3 million

The prevalence of autism spectrum disorder (ASD) is increasing at an alarming pace; the most recent reports estimate that an average of 1 in 110 children in the United States have an ASD. To address this serious public health challenge, the National Institutes of Health has awarded approximately $65 million in Recovery Act funds for innovative research that will lead to better ways to identify, treat and even

prevent the disabling symptoms of ASD and to help improve the quality of life for people with an ASD and their families. One exemplary study, led by Catherine Lord, Ph.D., of the University of Michigan, will improve methods for identifying children with an ASD. The goal of the project is to develop a screening interview that will be easier for health care professionals to use and can be administered in less time. As a result, a wider range of healthcare professionals could identify children much more quickly and at a significantly reduced cost to families. Ultimately, the hope would be that children with an ASD would be diagnosed at an earlier age, and therefore, would benefit from earlier interventions to improve their long-term outcomes.

54. A Fire Station that Increases Firefighter Safety and Enhances Service -- Navassa, NC – $1.6 million

The Navassa Volunteer Fire Department in Brunswick County, North Carolina, received a $1.6 million grant in Recovery funds to replace its undersized 20-year-old prefab metal building with a larger fire station facility which meets all current codes and standards. The 23-member volunteer fire department provides emergency fire and medical services to a rural community of 1,870. The new station will improve everyday service delivery in addition to providing adequate and secure space for their existing apparatus and equipment; the addition of sleeping quarters; a decontamination area; an isolated area for the breathing air system and turnout gear; a vehicle exhaust removal system and fire alarm and supression systems; and will also have enough room to serve as an emergency operations center and hurricane shelter during hurricanes. The construction on the facility will create an estimated 40 construction jobs for North Carolinians.

55. Healthy Homes and Lead Hazard Control – Malden, Massachusetts – $3 million

This Recovery Act project in Malden has protected children and families living in older homes from lead paint and other health and safety hazards. With Recovery Act funding, the Malden Redevelopment Authority was able to retain 5 public service employees who otherwise would have been laid off, added 2 new full-time Rehabilitation Specialist positions and provided additional job opportunities working on lead-based paint hazard control projects for 35 contractor, labor, and trades positions. Due to the increased volume of construction work, an additional 6 full-time labor positions have been added to the payrolls of local contractors.

56. Improvements to Inpatient Wards in Veterans' Facilities – Dublin, Georgia – $2 million

This Recovery Act project will provide for the renovation of approximately 8,184 square feet on the second floor of the Dublin VA Medical Center. The improvements will allow the function of the floor to change from an information technology administration space to an Inpatient Medical Ward. Upon project completion, thirteen beds of the present inpatient ward on 13B will be relocated across

the corridor to 15B, a new thirteen bed inpatient ward.

57. Housing Construction for Seniors and the Disabled – Denver, Colorado – $10 million

The Housing Authority of the City and County of Denver (DHA) received a 2009 Recovery Act grant award of $10 million for the construction of a $21 million tower for the Senior & Disabled to be known as 1099 Osage. This 100-unit public housing/ Low Income Housing Tax Credit Transit Oriented Develop- ment ten-story building will utilize scarce, vacant in-fill land located adjacent to an existing light rail station, achieving a density of 108 units per acre. The building will maximize energy efficiency with a possible 50 percent reduction in energy consumption. A Photovoltaic system will offset 10 percent of electrical demand and a geothermal system will provide energy efficient heating and cooling. The building will be oriented to use passive solar/heating and cooling. The housing authority estimates that at least 50 construction/sub-contracting construction jobs will be created.

58. Critical Safety Rehabilitation to a St. Louis Bridge – St. Louis, Missouri – $25 million

A $25 million Recovery Act grant will support the rehabilitation of the Historic Eads Bridge that spans the Mississippi River between Missouri and Illinois. With final engineering scheduled to be completed in the next few months and full construction beginning in spring 2011, this project is anticipated to create approximately 875 construction-related jobs over the expected two-year project life. The Eads Bridge is a combined roadway and light rail bridge that was originally constructed in 1874 and is listed as a National Historic Landmark. This project provides much needed safety rehabilitation to the bridge superstructure and piers, extending the life of the bridge for several decades and bringing the bridge back to a state of good repair. The bridge serves as the backbone of the MetroLink Light Rail System, and this project would not be possible without Recovery Act funding.

59. Public Housing for Senior Citizens – Chicago, Illinois – $18.3 million

The Pomeroy, an 87-year old 9-story brick building on the north side of Chicago, was closed in June 2006 because the aging mechanical systems were failing and the cost of on-going repairs had become prohibitive. Recovery Act funding will enable the Chicago Housing Authority (CHA) to substantially rehabilitate the property and reconfigure the interior floor plans to create 104 new one-bedroom apart- ments for senior citizen public housing. The building will undergo a complete renovation including new mechanical, electrical and plumbing systems, new elevators, new kitchen and bathroom cabinets, fixtures, and appliances. The Pomeroy Apartments project is part of CHA's ambitious plan to facilitate transformational energy efficiency and "green" retrofits in order to substantively increase building efficiency and environmental performance of public housing properties and thereby reduce energy

costs, generate resident and CHA energy savings, and reduce green house gas emissions attributable to energy consumption. The project will have a green (vegetated) roof which provides insulation for the building, reducing heat loss in winter and cooling costs in the summer. 73 workers will help with interior demolition, and 32 workers will help with various predevelopment activities.

60. Cleaning an Urban Tidal Estuary – New Bedford, Massachusetts – $30 million

The New Bedford Harbor Superfund site encompasses 18,000 acres of urban estuary stretching from the upper Acushnet River into Buzzards Bay. In 2009, EPA announced that $25-35 million in new Recovery Act funding would be used to accelerate the hazardous waste clean-up already underway at the site. The swift allocation of Recovery Act funds has helped spur new jobs and economic opportunities in Massachusetts and is accelerating the pace of the harbor cleanup that was scheduled to take almost four decades. The Recovery Act funding could more than triple the amount of PCB- contaminated sediment removed compared to recent years. The progress anticipated this year will significantly expedite the timetable to return a clean harbor back to the community. More than 100,000 people, individuals and families, live in the area and will directly benefit from the project acceleration. This project has created more than 80 jobs.

61. Improvements to Wastewater Treatment Plant – Batesville, Arkansas – $10 million

The city of Batesville is using $10 million of Recovery Act funds to replace the existing wastewater mains to their treatment facility with a 3,100 linear foot gravity sewer. The project will provide effective waste- water treatment and will save 62 percent of energy, or about 700,000 kW hours/year, over the minimum 40 year life of the tunnel. Meanwhile, the project has also created over 40 jobs. This two phase project which began in February 2010 continues on schedule.

62. Acceleration of Hazardous Waste Cleanup – Waukegan, Illinois – $18.5 million

More than $18.5 million in Recovery Act funding is accelerating hazardous waste clean-up actions already underway at the Outboard Marine Corp (OMC) site that may have otherwise taken a decade to complete. Funding also allowed for the demolition of an abandoned 625,000 square foot PCB- contaminated facility as well as removal of PCB-contaminated soil and sediment. The cleanup efforts have put more than 40 people to work, and will leave a 60-acre lakefront parcel pristine enough to be targeted for residential redevelopment.

63. Grand Canyon Park Upgrades – Arizona – $13.7 million

Grand Canyon National Park has received nearly $14 million in Recovery funds to make a myriad of repairs to their park facilities. This includes $550,000 to reconstruct the popular South Kaibab Trail. Reconstruction will include trail resurfacing; rebuilding steps; stabilizing and preventative maintenance treatments to

retaining walls including replacing those that have been lost to floods, slides, or erosion; and repairing and aligning damaged water features. The reconstruction project will significantly improve conditions for the over 200,000 annual visitors that use the trail.

Also included in this funding are two other projects which is improving housing for the Havasupai tribe at Supai Camp, the tribe's ancestral home at the Grand Canyon. One project will improve housing and living conditions for tribal members by rehabilitating six communal buildings. This includes replacing roofing and windows, repainting, improving interior walls, and installing fire sprinkler systems. In addition, the National Park Service will build six new housing units for use by the tribe. The Park Service has a long-standing legal agreement with the tribe for recognition and occupancy at Supai Camp, and upgrades to their housing were long overdue.

64. A Fire Station that Increases Responsiveness – Meridianville, Alabama – $700,000

The Meridianville Volunteer Fire Department in Madison County, Alabama, received a $700,000 loan backed by Recovery funds to replace its small 20-year-old fire station with a larger and more centrally located facility. The 25-member volunteer fire department provides emergency fire and medical services to a rural community of 5,000. The new facility will provide adequate and secure storage for their existing fire trucks and equipment and provide a community room for first-responder training and public education services for community residents. The new location will have room for expansion as the community's need for emergency services increase.

65. Research to Avert Disaster: Understanding Earthquakes in the Pacific Northwest - Oregon, Washington, Northern California - $10 million

NSF awarded $10 million to Columbia University, IRIS, Scripps Institution of Oceanography, UNAVCO, and Woods Hole Oceanographic Institution to improve earthquake monitoring and advance our under-standing of earthquakes, volcanoes, and other geological processes operating in a geologically active region off the coasts of northern California, Oregon, and Washington. Research activities include upgrading GPS instruments on land, installing more on-shore earthquake monitoring instruments, and deployment and recovery of 60 ocean-bottom sensors for an integrated land and sea experiment to understand the threats posed in this important region.

66. Electric Vehicles Made in the U.S.A – Kansas City, Missouri – $32 million

As part of the Recovery Act's commitment to helping American companies develop the best vehicle technologies in the world, Smith Electric in Kansas City, Missouri received a $32 million grant to build and deploy up to 510 all-electric trucks. Smith is selling trucks to Coca Cola Enterprises, AT&T, FritoLay and Staples, plus utilities Pacific Gas & Electric and Kansas City Power & Light. Smith and its cus- tomers will test vehicle performance in California, Georgia, Maryland,

Michigan, Missouri, New York, North Carolina, and Texas. According to Smith, they recently hired their 50th worker at the Kansas City facility, with plans to expand to 70 workers. At the project's peak, Smith estimates it will support more than 220 direct and indirect jobs.

67. Fueling America's Exports: Lithium-Ion Battery Manufacturing – Indiana – $118 million

EnerDel makes advanced lithium-ion batteries for electric vehicles in Indiana. A $118 million Recovery Act grant is helping the company expand production at its current facilities in Noblesville and Indianapolis –as well as build a new facility in Mt. Comfort. The grant has helped EnerDel support nearly 80 jobs through July 2010, and the company expects to grow from roughly 150 workers in the state today to over 1,400 by 2014. The company forecasts that exports will represent as much as 75 percent of near-term sales. EnerDel has signed a contract with Norwegian carmaker Think and will be shipping batteries produced in Indiana to Europe within the month.

68. Smart Meters Aid Residents in Adjusting Energy Usage – Naperville, Illinois – $11 million

The City of Naperville, Illinois was awarded an $11 million Smart Grid Investment Grant from the Department of Energy to deploy more than 57,000 smart meters and install the infrastructure and software necessary to support and integrate various smart grid functions and the two-way flow of information between the utility and its customers. The project will complete the automation of the city's electric grid, providing automatic, computerized meter readings in real-time, enabling streamlined customer billing and increased billing accuracy. The smart meters will provide residents and businesses more information about their energy use, allowing them to analyze and adjust their energy use patterns, save energy and manage their electric bills. The city estimates it will create over 70 jobs over the life of the project.

69. Electric Vehicle Component Supplier Gets Boost from Recovery Act – Longmont, Colorado – $45 million

UQM Technologies, a developer of electric vehicle propulsion systems, is building a new electric vehicle propulsion plantthat will be four times the size of their original facility. UQM used a portion of its $45 million Recovery Act grant through the Department of Energy's Vehicle Technologies Program to pay for the $7.5 million facility in Longmont, Colorado. When the new facility is fully operational, it is expected to produce 80 propulsion systems a day. UQM will also be using Recovery Act funding to advance research and produc- tion of electric and hybrid-electric vehicle propulsion systems. The company expects to add 230 jobs by next year, growing its workforce from 70 to 300. Recently un- derway, the project reported supporting 9 jobs last quarter.

70. Public Housing for Senior Citizens – Toledo, Ohio – $3.4 million

Toledo Community Development Corporation (TCDC), in partnership with PIRHL Developers, LLC (PIRHL), is developing Englewood Senior Housing, a newly constructed senior mid-rise community on Monroe Street in Toledo's central city neighborhood. Three unsightly, vacant commercial and residential structures, as well as a decaying parking lot, have been demolished to make room for a new 38 unit 3-story apartment building on an intimate 1.15-acre site off this main neighborhood thoroughfare. The development proposal is an overdue solution to project co-sponsor TCDC's long-held concerns about the increasing need for high-quality, safe senior housing for the central city neighborhoods. The project is expected to be completed and turned over for lease up by the end of October.

71. Construction and Rehabilitation on Ellis Island – New York/New Jersey – $29 million

During the summer of 2010, three major construction projects funded by the Recovery Act and totaling $29.1 million are underway at Ellis Island in New York Harbor. A $20.9 million project will complete the stabilization of over 6,700 feet of seawall that surrounds and protects Ellis Island. Built in various phases from 1913 to 1934, recent surface and marine surveys verified that portions of the walls are seriously deteriorated. A $1.5 million project will provide enhanced power and communications infrastructure for both Liberty and Ellis Islands. These enhancements will in turn enable the installation of improved perimeter protection systems to help ensure that these globally significant cultural resources and the 3.7 million annual visitors are safe. A third project for $6.7 million will begin in mid-June on the north side of Ellis Island to stabilize and remove hazardous materials from the 120,000 square foot Baggage and Dormitory Building built in 1908. The work will ensure the structure is stabilized from the elements and made safe enough for future exterior and interior rehabilitation and is estimated to create over 70 jobs.

72. Oregon Community Health Information Network, o-HITEC Regional Extension Center – Oregon – $13.2 million

Oregon Community Health Information Network, one of the nation's cutting edge health information technology and service organizations, has established the o-Health Information Technology Extension Center (o-HITEC) to improve use of electronic health records (EHR) by medical providers across the state. In Oregon, over 65 percent of providers already use an EHR system, and the Oregon Community Health Information Network currently supports an advanced level of health information exchange. O-HITEC will leverage this experience to help providers across the state supplement their current technology, implement new technology and focus on advanced tools to improve patient outcomes. Oregon will serve as a model of how advanced use of health information technology can be leveraged to reduce costs and improve patient satisfaction and clinical outcomes. This Recovery Act grant will

employ Oregonians in highly skilled jobs to create a more effective and efficient health care system.

73. Bringing Broadband Access to More Americans – New York – $39.7 million

ION HoldCo, LLC was awarded $39.7 million in Recovery Act Funds to implement a rural broadband infrastructure project. ION will build 10 new segments of fiber optic middle mile broadband infrastruc- ture serving more than 70 rural communities in upstate New York and parts of Pennsylvania and Vermont. The project will enable wired and wireless last mile service providers to make broadband more readily available to 250,000 households and 38,000 businesses, and extend middle mile infrastruc- ture to low-income rural areas with higher than average unemployment. This project will go a long way toward making American businesses more competitive, and connecting Americans to the opportunities and resources available with broadband.

74. Deploying Electric Vehicle Stations in Eight States – San Jose, California - $15 million

Coulomb Technologies is a California-based company that manufactures electric vehicle charging stations. Based in the Bay Area in Campbell, California, the company manufactures the charging stations at CTS in San José, California. Coulomb is launching ChargePoint America, a $37 million investment in the deployment of electric vehicle charging stations. This nationwide program covers nine cities in six states and the District of Columbia and will install 4,600 stations in total.

75. Boat Manufacturer Expands Into Wind Energy – Holland, Michigan - $ 1.9 million

Tiara Yachts makes fiber composite structures for boats. Now the Holland, Michigan-based company is transforming part of its factory and using its 30 years of expertise in composites to establish a new company - Energetx Composites - that will produce commercial-sized wind turbine blades. The Recovery Act provided Ener- getx with a $1.9 million 48C Advanced Energy Manufacturing Tax Credit as well as $3.5 million through the Department of Energy's State Energy Program. The $7 million project will retool portions of Tiara's existing plant to manufacture utility-scale wind turbine blades. Energetx has already begun hiring more employees and training them for wind blade manufacturing. The company currently has 23 employees but expects to grow and add more than 140 additional jobs by the summer of 2011.

76. Dormitory Built for Service Members – Keesler Air Force Base, Mississippi – $14.9 million

The Department of Defense is using Recovery Act funds to build new housing facilities for single service members. A dormitory is being constructed at Keesler AFB, Mississippi that will contain approximately 144 room and two older existing dormitories will be demolished. As of June 30, 2010, 24 jobs had been reported as

supported by Recovery Act funds, and construction continues.

77. Creating Jobs, Saving Money, and Reducing Greenhouse Gas Emissions in Kansas – Johnson County, Kansas – $18 million

Local, state and federal officials broke ground May 18, 2009 at the largest green infrastructure project in the State of Kansas to be funded by Recovery Act – an $18 million series of improvements to Johnson County's Douglas L. Smith Middle Basin Treatment Plant. The Recovery Act is expected to lead to 270 jobs, result in almost $600,000 in annual costs savings for utility rate payers and reduce annual green- house gas emissions by more than 9,700 metric tons. Improvements include construction of a new anaerobic digester, a fats, oils and grease station to more efficiently treat greases and oils from restaurants and industries, and a cogeneration system to produce virtually all of the plant's annual operating energy from captured biogases. The project is expected to be completed by March 2011.

78. Joint Forces Headquarters/Armed Forces Reserve Center – Raleigh, North Carolina – $24.9 million

The Department of Defense is using $24.9 million of Recovery Act funds to construct a new 236,234 square foot Joint Forces Headquarters building to relieve space shortfalls for National Guard command sections. This facility will also consolidate the Army National Guard, the Air National Guard, the State Emergency Operations Center, the North Carolina Department of Transportation Emergency Operations Center, and the State Highway Patrol Command. In addition, 122 jobs have been supported through the construction of this new facility. The estimated completion date for this project is June 2011.

79. Watershed and Flood Prevention Operations – San Jose, California – $19 million

The Lower Silver Creek Recovery Act project will support an estimated 400 jobs in San Jose, California. Flood control work has already been completed on the first stretch of the project, an area that extends from Lake Cunningham west to downtown San Jose. Through support of Recovery Act funding, the project will grow to include an additional two-and-a-half mile stretch of the creek. When complete, this project will protect from flooding nearly 16,000 people, as well as businesses, schools, major highways, bridges and other infrastructure used by 250,000 people. The project will also improve wetlands and wildlife habitat.

80. Renovating Eighty-Year-Old Subway Stations – Philadelphia, Pennsylvania - $25 million

SEPTA is renovating two eighty-year-old subway stations, Girard and Spring Garden, using $25 million in Recovery Act funds – their largest Recovery Act project. Together, these projects represent the first modernization for the stations since original construction in the late 1920's. The work includes new elevators, stairs, cashier lines,

and concrete restoration, and will also include lighting, signage and fire alarm systems. The two stations are the busiest stations on the Broad Street Subway, and combined, serve more than 10,000 riders each day. The revitalized stations will help fuel development on North Broad Street. More than 200 jobs are being created by the project, including nearly 100 in construction, and more than 100 support positions with contractors and suppliers.

81. Large-Scale Clean Up of Radiologically Contaminated Soil – Camden, New Jersey - $28 million

The Welsbach/General Gas Mantle Contamination site received Recovery Act funding during 2009 for both Remedial Design and Remedial Action activities, totaling $28 million. Of the $28 million, $22 million was allotted to fund a remedial action at this site used to clean up the radiologically contaminated soils around the former General Gas Mantle facility in Camden. Nearly 20,000 cubic yards of contaminated soil have been excavated from the General Gas Mantle area as of June 2010, putting more than 50 people to work. Demolition of that facility occurred in July, with large-scale excavation beginning in August. The area also received $6 million in Recovery Act funds to be used for remedial design activities associated with the remainder of construction work necessary at the overall Welsbach & General Gas Mantle site. These funds will be spent by December 2010.

82. Automotive Supplier Diversifies into Renewable Energy – Saginaw, Michigan - $22 million

Merrill Technologies Group will invest $73 million in advanced manufacturing equipment to support the production of nacelles (housing for generating components) for Northern Power's new 2.2 megawatt utility-scale wind turbine in Saginaw, Michigan. The company received a $22 million 48C Advanced Energy Manufacturing Tax Credit from the Recovery Act to expand production facilities. Merrill is also using $3 million awarded through the U.S. Department of Energy's State Energy Program under the Recovery to purchase equipment for manufacturing commercial-sized wind turbine systems. According to Merrill, they have already been able to recall laid-off employees and hire some new employees — about 40 in total. The company estimates about 125 employees will need to be brought on when production ramps up in 2011.

83. Wind Project Allows Hawaii to Reduce Reliance on Imported Oil – Kahuku, Hawaii – $117 million loan guarantee

The Department of Energy has closed a $117 million loan guarantee for First Wind's Kahuku Wind Power project in Hawaii. The project includes the development of an innovative 30 megawatt wind power plant that incorporates a 10 megawatt battery energy storage system that will modulate and smooth fluctuations in power output caused by changes in wind levels. The project will supply electricity to approximately 7,700 households per year and reduce Hawaii's reliance on imported

oil. Having recently broken ground, it is estimated that the project will create over 200 jobs on the island of Oahu.

84. Enabling Customers to Manage their Energy Use – Las Vegas, Nevada – $137.9 million

The Department of Energy awarded a Smart Grid Investment Grant to NV Energy for a comprehensive smart grid project that will integrate multiple smart grid technologies, including 1.3 million smart meters, dynamic pricing, customer communications and in-home networks, grid monitoring, distribution automation, distributed renewables, and electric vehicles. This will help NV Energy manage its electric system more efficiently and enable customers to more actively manage their energy use. Headquartered in Las Vegas, Nevada, NV Energy serves 2.4 million Nevadans -- as well as a state tourist population of approximately 40 million annually. Additionally, the company serves more than 46,000 electric customers in the Lake Tahoe-area of California. 15 Nevadans have been employed by this grant and NV Energy estimates that the project will create 400-500 temporary and 45 permanent jobs.

85. Flywheel Project Will Improve the Stability and Reliability of New York Electric Grid – Stephentown, NY and Tyngsboro, Massachusetts – $43 million loan guarantee

The Department of Energy has finalized a $43 million loan guarantee for Beacon Power Corporation's 20 megawatt innovative flywheel energy storage plant in Stephentown, New York. The plant will help improve the stability and reliability of the state's electric grid and Beacon estimates it will create 20 construction jobs in NewYork and 40 permanent jobs in Massachusetts. Beacon Power is an energy storage company headquar- tered in Tyngsboro, Massachusetts. Having already broken ground on the project, Beacon estimates that a 20 megawatt flywheel-based frequency regulation plant will reduce carbon dioxide emissions up to 82 percent over its 20-year life compared to a coal, gas or pumped hydro plant. The flywheel plant also does not emit air pollutants such as nitrogen dioxide or sulfur dioxide.

86. Repairing Passenger Rail Cars – Beech Grove, Indiana - $32 million

With $32 million in Recovery Act funding, Amtrak is rehabilitating and returning to service 21 passenger cars and 15 diesel locomo- tives that have long been in storage due to damage and lack of funding for necessary repairs. Once returned to service, many of the cars and locomotives will be used to alleviate capacity constraints on heavily-traveled trains, while others may be made available for new State-supported Amtrak services. The cars and locomotives are being repaired at Amtrak's maintenance of equip- ment facility in Beech Grove, Indiana. Work is underway at the facility, and an estimated 108 new jobs were created at the facility because of the Recovery Act funds.

87. Increasing Safety at Baltimore-Washington Thurgood Marshall International Airport (BWI) – Maryland - $15 million

At $15 million, this grant is one of the largest grants awarded by the Federal Aviation Administration under Recovery Act funding. The Recovery Act grant is a portion of a larger $36.7 million apron rehabilitation project. The rehabilitation of the 30-year-old, 66,000 square yard terminal apron will provide increased safety and more efficient movement of larger aircrafts and service vehicles. In addition, the project will improve power and IT communications and environmental controls to contain and recycle deicing fluids. The project currently supports about 50 workers on site each day, jobs that would have been lost without Recovery Act funding.

88. Cleaning Up Contaminated Soil – Cherokee County, Kansas- $14.6 million

The Recovery Act funding for the Cherokee County site will aid in the remediation of non-residential mining wastes. The work will address approximately 2.4 million cubic yards of wastes located on 400 acres. With these funds, EPA has been able to initiate and fund two years of a three year cleanup at the two Badger and Lawton subsites and provide the final two years of funding for an ongoing cleanup at the Baxter Springs and Treece subsites. Four Cherokee County subsites have benefited from the receipt of Recovery Act funds. Approximately 690,000 cubic yards of wastes have been remediated as of June 2010. With approximately 60 people working on the four subsites, the cleanups continue.

89. Affordable Housing Conversion – Kansas City, Missouri - $3 million

$3 million in Recovery Act funds are being utilized to assist in the conversion of the old federal court- house in downtown Kansas City, Missouri, into 176 units of affordable housing. The building is a major historic landmark downtown, and its renovation and re-use will be monumental. The overall project will create 68 construction jobs in addition to 4 non-construction jobs.

90. Keeping Air Travel Safer with Imaging Technologies – Bedford, Massachusetts - $78 million

Reveal Imaging Technologies, based in Bedford, Massachusetts has received almost $80 million in awards to produce new explosive detection systems that are used in airports as security screening devices. This technology, which quickly scans checked through bags (as opposed to carry-on) and analyzes the contents for explosives, will be distributed nationwide to 87 airports, making air travel safer. With these funds, Reveal has supported over 200 jobs in the Supply Chain Management and Manufacturing Departments in both their own company, as well as their downstream suppliers, and is also able to support additional Customer Service employees as well.

91. Revitalizing a Cleveland Neighborhood with Improved Transportation - Cleveland, Ohio - $4.4 million

The City of Cleveland will leverage $4.4 million of Recovery Act funds from

the Department of Transportation to create a transit center connected to the "Euclid Corridor" in Cleveland. The Stephanie Tubbs Jones Transit Center—named in honor of former Congresswoman Stephanie Tubbs Jones—will be positioned at East 22nd and Prospect Street, right next to the campus of Cleveland State University. Groundbreaking took place on September 10, 2009 and the project is scheduled for completion in October 2010. The facility will include a staging area and 16 bus bays that are expected to serve more than 500 buses and thousands of customers daily. The new transportation services are intended to provide efficient transportation access to jobs in downtown Cleveland for residents in the Euclid neighborhood. The construction of the transit center is part of a $32.7 million Recovery Act grant to the Greater Cleveland Regional Transit Authority. The transit center project has reported more than 200 construction jobs over the past 10 months.

92. Leveraging Capital to Open a Factory – Genoa, Nebraska -- $22 million

Preferred Sands of Genoa, Nebraska received a $22 million loan guaranteed by the USDA Rural Development Business and Industry Loan Program. The loan is leveraging $10.1 million from Preferred Sands and $7 million from a General Electric loan. The sand mined at the facility is used in the natural gas and oil industry to keep wells working efficiently. Preferred Sands bought the plant while it was having financial difficulties, hoping to turn it around. Then, the oil and gas industry collapsed, making their job harder. Then, due to the recession, they were unable to find any financing to help them grow. They then found the USDA Rural Development Business and Industry Loan Program. USDA used Recovery Act funds to provide financing for Preferred Sands. In the few years since Preferred Sands bought the Genoa plant, production has increased by 30 times, going from 2,000 tons of sand per month to last month's production of 55,000 tons and 60,000 tons this month. The loan support will help the company preserve 50 jobs at Preferred Sands. An additional 50 new jobs for local residents are expected to be created in the next two years.

93. Saving Taxpayer Dollars while Constructing a New Hospital – Dallas, Texas - $680 million

The Dallas County Hospital District issued $680 million in Build America Bonds to support the construction of the new Parkland Hospital campus. Because of the lowered interest rate, using BABs saved taxpayers an esti- mated $120 million over the course of the project. The new campus will have 862 beds, a 380,000 square-foot outpatient center, and costs $1.27 billion in total. The new 1.9 million-square-foot Parkland hospital will replace the existing 55-year old facility, and when complete, will be the largest public hospital building in the nation built in one phase.

94. New Facilities for High Concentrating Solar Panels – Las Vegas, Nevada and Phoenix, Arizona - $9 million

Amonix makes large high-concentrating solar panels the size of tractors. Their

systems use less water, utilize land better, and produce more energy per acre than other solar technologies. The company is commercializing solar technologies first developed for space. Amonix is receiving more than $9.5 million under the 48C Advanced Energy Manufacturing Tax Credit program. Amonix high-efficiency panels have the potential to achieve 30 percent system efficiency, compared to 20 percent or less for most of today's solar panels. Amonix has a small manufacturing facility at their headquarters in Seal Beach, California. The Recovery Act is supporting two new Amonix factories in Las Vegas, Nevada and Phoenix, Arizona. When completed in the first half of 2011, the Nevada facility is expected to create about 270 new jobs.

95. Downstream Impact: Transportation Upgrades Inspire Factory – Youngs- town, Ohio – $17 million

DOT's commitment of $17 million toward the transportation infrastructure in Youngstown, Ohio encouraged V&M Star, a steel manufac- turer, to green-light a $650 million expansion. V&M plans to invest $650 million to build a new mill next to its existing plant in Youngs- town, Ohio. The plant will be in the heart of the old steel corridor where a lot of people never thought they would see this kind of investment again. The new mill, totaling more than one million square feet of space, will initially produce 350,000 tons of steel tubing per year for the drilling of shale gas in the U.S. The investment could make the Youngstown-area even more attractive for the burgeoning shale-derived natural gas industry and spur the company and organizations to transform the old industrial area along U.S. Route 422 to a green industrial zone that will be a model for industrial developments. The project will create 400 construc- tion jobs during the building phase and 350 manufacturing jobs thereafter. Construction will take around 18 months, with production slated to begin in the fourth quarter of 2011. The mill should be fully running by the end of 2012.

96. Putting Law Enforcement to Work – Kansas - $4.7 million

The Kansas Highway Patrol used Recovery Act Assistance to Rural Law Enforcement to Combat Crime and Drugs funding to hire a class of 22 new recruit troopers that began basic training at the training academy on March 24, 2010. Recruit graduation was held on August 19, 2010 at the Kansas Highway Patrol Training Academy in Salina, KS. In addition, the Recovery Act funds the twenty-member Domestic Highway Enforcement Team (DHET). In December 2009, and less than a month into the Recovery Act DHET program, a trooper seized the single largest roadside seizure of ecstasy (270 lbs) in U.S. history. Information from the suspect resulted in an additional 26 lbs of ecstasy seized in Texas and 110 lbs of marijuana in Washington State. In January and February 2010, these teams were involved in drug/ currency seizures resulting in 251 felony drug arrests; recorded 2200 public contacts; made 6 DUI arrests; and seized 2460 lbs of marijuana, 18 lbs of meth, 84.6 lbs of cocaine, $1,232,950 in currency, and seven vehicles.

97. Supplies from Indiana and Texas Support a Pennsylvania Project – Philadelphia, Pennsylvania - $20 million

The Recovery Act is funding $20 million of a $24 million transportation project that will be replacing four deficient bridges, and removing one, in the Philadelphia area. Eighty-nine construction jobs were created in the Gustine Lake Interchange Project, and supplies were ordered from all over the country. In addition to over $1.4 million in concrete beams, concrete, and reinforced steel being ordered from various Pennsylvania suppliers, Interstate Structures in Jeffersonville, Indiana filled an order for half a million dollars worth of fabricated steel sign structures; and Star Pipe Products in Houston, Texas made $650,000 on an order for ductile iron pipes and valves.

98. Upgrades to an Old Wharf Create Jobs Today and Global Commerce Tomorrow – Albany, New York - $5 million

Updating the nation's infrastructure is a key pur- pose of the Recovery Act, and the dollars devoted to these improvements not only create jobs today, but create a more competitive country for tomorrow. Sixty construction jobs are supported and made possible by this project, funded entirely by the Recovery Act, to upgrade the old wharf at the Port of Albany. Once the project is complete, 50 permanent, new, private-sector jobs will be created, handling the new business that the upgrades will generate. The port itself already supporting more than 4,500 jobs across the state, from operators and maintenance people, to railroad and trucking workers and merchandise vendors. Once the project is done, the port will be able to handle "heavy-lift" cargo that's important for increasing the long term business the port can support. For in- stance, the port will be able to handle the huge windmill parts coming from a GE plant in Schenectady, New York. While the construction workers are put to work immediately, the finished product will be a key link in the entire economy of the region.

99. An Iconic Market Gets Much Needed Renovations – Seattle, Washington - $40 million

After years of planning, public meetings, assessing the needs of Pike Place Market's aging buildings, and receiving a decisive voice of support by Seattle voters in 2008, the Pike Place Market Renovation project began in April 2009. The project includes three phases, one of which was officially completed with the opening of the recently renovated Market Hillclimb on the Market's August 17th anniversary. Phase I was financed with the help of a non- Recovery Act New Market Tax Credit (NMTC) and Phase II is being funded with the help of both Recovery Act and non-Recovery Act NMTCs. Phase I of construction created 50 new jobs, 30 direct construction jobs and 20 new market jobs – and Recovery Act funding for Phase II will not only help keep those construction workers on the job, but also help the 250 small businesses at the Market continue to stay open during construction, protecting the jobs of the 2,500

people the Market employs. This is just one example of how Recovery Act tax credits are creating jobs and building public/private partnerships to finance improvements to aging infrastructure and spur new economic development.

100.Restoring a Critical Dam to Provide Water in Eastern Oklahoma – Adair County, Oklahoma - $4 million

Earth Buildings, Inc. of Decatur, Texas won the contract to restore the Sallisaw Creek dam, located in Adair County in eastern Oklahoma. The Sallisaw Creek dam is one of the largest flood control structures in the region and is currently in dangerous condition, due to aging. Flooding is acutely dangerous in this area, due to the close proximity of residences to the creek, and the sloped and narrow nature of the watershed. With Recovery Act support, the dam will be brought up to current safety standards. Once restored, the dam will protect homes, agricultural land, and public works from flooding and prevent dam failure. The area protected by the project is characterized by high poverty rates and includes a significant Cherokee Tribal population. The project also protects Interstate 40, a major economic catalyst for the region. The project reservoir behind the dam will provide water for 20,000 people, including the community of Stilwell, Oklahoma.

Nguồn: https://obamawhitehouse.archives.gov/, truy cập ngày 10/10/2017